Tác Giả và Tác Phẩm

Trần Vũ (II)

Tiểu sử
Hiện sinh sống tại Paris.

Tác phẩm
Ngôi nhà sau lưng Văn miếu
Di vật, Sài Gòn ngày lạ mặt.

Mục Lục

Ngôi nhà sau lưng Văn Miếu – 2
Gặp gỡ giữa hai thế hệ - Thụy Khuê – 10
Mỗi con người mang trong mình một tín ngưỡng văn chương - Da Màu - 16
Di vật - 25
Trần Vũ và giáo sĩ Đắc Lộ trong thế giới huyền ảo – Ban Mai - 30
Phỏng vấn Trần Vũ – Lê Quỳnh Mai - 45
Quan niệm truyện ngắn trước 75 – 56

Phụ đính I

Mùa mưa gai sắc – 60
Cái chết sau quá khứ - 71
Gia phả - 82

Phụ đính II

Lịch sử trong tiểu thuyết - 89
Mưa trong truyện ngắn của Trần Vũ – Nguyễn Hạnh Nguyên – 104
Sài Gòn ngày lạ mặt - 112
Phỏng vấn Phạm Thị Hòai - 114

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

Ngôi nhà sau lưng Văn Miếu

Tôi trở về ngôi nhà của gia đình sau hơn hai mươi năm xa cách. Ngôi nhà chừng như không thay đổi mấy ở mặt tiền. Vẫn ba gian tường quét vôi trắng, điểm một vài khung cửa khép hờ, một chái bếp ở hiên sau và mảnh sân con vuông vức nơi lối ra vào. Dấu tích của thời gian chỉ ẩn hiện lờ mờ từng đốm ố trên vách tường cũ, đã ngả màu cháo lòng và loang lổ đây đó như những vệt mụt nhọt thâm sâu. Ngôi nhà vẫn giữ được màu ngói đỏ mà Thầy tôi thuê người lợp trước ngày Nhật chiếm Đông Dương. Vẫn còn nguyên một mảnh ngói mẻ nằm ở hàng ngói thứ mười từ máng xối đếm lên. Cả lớp rêu xanh rì bám vào bờ tường chạy viền theo bên hông nhà ra đến chân hàng giậu hoa dâm bụt nơi Thầy tôi đang đứng.

- Kìa cái Nụ về đấy à? Đi đâu mãi thế? Đến gần Thầy xem, mắt Thầy lòa rồi không nom rõ...

Lòng tôi vụt xốn xang, bồi hồi. Cái thời khắc hồi hộp chờ đợi gặp lại người thân sau bao năm chia cách. Tôi lóng cóng đặt xắc hành lý, hấp tấp bước như chạy vào trong sân. Tôi muốn ơm choàng lấy thân thể mảnh dẻ của Thầy, nói cho người hiểu rằng tôi luôn luôn thương kính người. Nhưng ở lúc tôi xúc động nhất, Thầy tôi bình thản tự nhiên ngồi xuống tấm phản gỗ kê ở gần bên. Hai cánh tay vốn yếu của người chậm chạp lần tìm mẩu vải nhung nâu, mà từ ngày khôn lớn tôi chưa bao giờ thấy người rời ra. Người cong cánh tay xanh mướt, khẽ đỡ cặp kính thuốc xuống lau chùi. Cặp mắt Thầy tôi bỗng dại hẳn đi khi người tháo được đôi kính. Người ngồi yên như thế ở tấm phản trước mặt tôi, tia nhìn ngây thơ như đứa trẻ, ngây dại như là người không còn trông thấy gì, kể cả tôi. Như thể cái con người vừa vồn vã chào mừng tôi trở về nhà tức thời, không phải là thầy. Thầy tôi ngồi ngơ ngác trong sân, chìm đắm vào một thế giới mà chỉ mình người biết. Người không thấy cả hòn non bộ quý mà người đặt mua tận bên Tàu, bây giờ vẫn còn đây, đã cạn nước nằm trơ trẽn phơi xác nơi cuối vườn.

Thầy tôi im lặng, lâu lâu cúi xuống mải miết với mẩu vải nhung sờn cũ. những đường chỉ sợi viền vàng thêu tên họ chữ lót của người đã tả tơi, như mảnh di vật của một thời phú túc. Người mân mê lau chùi hai tròng kiếng dầy trầy trụa, không còn nghe thấy bất cứ một âm thanh hay thứ tiếng động nào khác.

Tôi không rõ Thầy tôi lòa và yếu thần kinh đến múc độ nào, song cái hình ảnh thực tế đầy đủ từng đường nét, chi tiết cảnh Thầy ngồi thẩn thờ hàng giờ tẩn mẩn sờ mó mày mò gọng kính thuốc cong queo, tỉ mỉ xếp gấp cái khăn nhung cáu bẩn và nâng niu cây gậy chống kiểu Tây thuở xưa, cái hình ảnh bệ rạc suy nhược đó rằng cái Nụ – như người thường gọi tôi bằng cái tên tấm bé – đã ra khỏi cuộc đời người từ lâu lắm rồi.

Lúc tôi theo Mợ tôi bước vào nhà, Cố đang nằm trên sập gụ. Vẫn tủ chè Tàu kê nơi góc, vẫn bàn thờ gia tiên với một nén hương sắp tàn, và mùi hương trầm phảng phất trong không khí tịch mịch yên lặng vây lấy sập gụ. Cố vẫn nằm đó, thiêm thiếp, khò khè, như chưa hề đòi đi đâu hai mươi năm nay. Mợ tôi mở hé một tấm phên liếp cho ánh sáng rọi chiếu thêm vào gian buồng. Nghe tiếng động, thân hình Cố bỗng lúc lắc, cái đầu hình sọ rung rung muốn xoay lại. Cố cũng bị yếu thần kinh, nhưng khác với Thầy là Cố không lòa. Bàn chân tôi đột ngột chôn xuống nền đất đã gỡ mất phần gạch lát nơi ngạch cửa, vì trời ơi – đôi mắt Cố mới tóe lửa dữ dội làm sao khi Cố xoay được đầu đăm đăm nhìn trừng về hướng tôi. Cố giương cặp mắt lớn qua khổ trên khuôn mặt xọm khô nhão nhoẹt. Đôi con ngươi muốn vỡ ra ở hai hố mắt đầy tròng trắng, lăn tăn lia tia nhiều gân máu. Ánh mắt nhìn trắng dã mà hai mươi năm nay tôi trốn tránh, lúc này hiển hiện phừng phừng lửa giận trong gian nhà. Cố bị bán thân bất toại nên hai chân và nửa người dưới bất động, song nửa người trên với mười lóng tay co giật cào cấu, chụp bắt liên hồi vào chiếu giường như muốn dựng dậy cái xác thân đã tàn phế. Một chuỗi âm

thanh không rõ tiếng, líu ríu thoát ra từ lỗ miệng móm méo. Mợ tôi đè mạnh Cố nằm xuống. Đắp thêm chăn cho người. Bà vuốt vầng trán nhăn nheo của cái thân xác còn đang co giật như bị động kinh, thì thầm à ơi như ru con. Đứng ở bậc cửa, tôi thu tiếp trọn vẹn vùng ánh sáng của nắng vàng hoe, loe từ phên cửa, lờ mờ lớp bụi giăng giăng theo từng chập. Mợ tôi phe phẩy quạt mây. Bà dấp dấp khăn ướt đắp lên mặt Cố, chăm sóc cho cụ bằng những động tác nhẫn nại đến điên người. Không gian đặc quánh quanh cái sập gụ của Cố bằng gỗ cẩm lai. Thời gian ngừng hẳn ở bát nước vối Mợ tôi đút từng thìa nhỏ vào giữa cặp môi nhăn nhúm. Phải lâu lắm Cố mới húp hết bát nước vối. Chờ đến khi Cố nằm yên thiu thiu ngủ, bà mới đứng lên.

- Chị đừng có chọc Cố, để yên cho cụ ngủ. Cụ bị liệt không đi đứng được nên thường hay lên cơn uất. Thôi chị vào buồng trong thay áo, để tôi làm việc. Tỵ nữa họ hàng có ghé, tôi sẽ bảo chị ra chào.

Mợ chỉ chuyện trò với tôi ngần ấy. Không có đến một lời thăm hỏi. Hai mươi năm mà bà không hề thay đổi. Vẫn ngần ấy dáng vẻ, từng ấy cử chỉ cứng rắn cùng lời nói không khi nào biểu lộ tình thương. Giống Thầy tôi, bà không mấy vồn vã khi hay tin tôi về thăm nhà. Tôi rỡ hành lý, lẳng lặng đem cất vào buồng trong, và cẩn thận tránh đi ngang giường cụ Cố. Buổi chiều, con đường Quan Thánh lặng lẽ như tờ. Một vài phiến lá bay rơi lao xao, xào xạc, vô hồn...

***

Đêm đầu tiên ở trong ngôi nhà mình đã sống qua thời hoa niên cách đây hai mươi năm tôi không sao chợp mắt được. Tôi thao thức hết nhìn gian buồng nhỏ đơn sơ, một kệ tủ đóng bụi mờ, một cánh riềm cửa phập phồng tung bay lên xuống ở đầu nằm, rồi lại nhìn ngắm hàng cây trầu bà giồng ngoài ô cửa sổ trông ra phía Văn Miếu. Tâm thần tôi cũng phập phồng kỳ lạ, nửa tỉnh táo nghe tiếng ngáy khò khè của Cố ở buồng bên, nửa đuối vào vùng tâm thức của cảnh trí cũ. Tiếng gió đưa những chiếc lá bàng khua rời rạc trên mặt đường như tiếng cánh cửa tâm linh ở trong tôi chợt mở, chợt khép kẽo kẹt lần lữa dằng co với thực tại và quá khứ. Gian buồng tôi ở giữa, hai bên là buồng của Thầy Mợ tôi và cụ Cố. Tôi như bị vây lấy bởi tiếng thở đều đều của những người thân thuộc. Nửa đêm có tiếng mớ của Thầy tôi mê sảng từng chập rồi tắt lịm vào bóng trăng đong đưa chơi vơi giữa hai tàu lá. Không gian lại chìm vào trong cái khuya khoắt của đêm Hà Nội u trầm tịch lặng. Không phải cái yên lặng thanh bình của Hà Nội thời tiền chiến, mà là cái không khí trừ tịch, cô quạnh vắng vẻ, đìu hiu của vũ trụ đã có từ ngàn năm trước. Có một thoáng tôi lờ mờ tưởng mình trông thấy những bóng người đi khuya về ngang Văn Miến, tưởng nghe được tiếng chuyện trò của họ lúc rõ lúc câm, tôi rùng mình đến mấy lần vì vẻ lạnh lẽo, toát ra từ ánh trăng tròn mọc cao vút. Đúng lúc đó tôi nghe được rõ ràng những tiếng động sệt sệt sau gian bếp.

Tôi gặp Nhài lần đầu tiên buổi tối ấy. Lúc tôi xuống bếp, Nhài đang vần những bao than lớn mở trút vào bồ. Thứ tiếng động nặng sền sệt mà tôi nghe khi nãy, là tiếng động của mấy bao tải than mà Nhài kéo lê từ sân sau vào bếp. Nhài còn trẻ lắm, chỉ vào độ đôi tám. Trông thấy tôi, Nhài nở nụ cười cầu thân, tươi cười như thể tôi và Nhài đã quen biết nhau từ trước. Song, ở dáng vẻ tự nhiên không kiểu cọ, vừa rỡ than vừa mời tôi bát nước vối, vừa kể chuyện của Nhài làm tôi có cảm tình với Nhài ngay. Chái bếp khuya, tù mù khói bay tỏa bốc tự đám than hồng Nhài vừa nhóm để nấu xôi. Hai cánh tay Nhài thoăn thoắt, khều tro lửa, giở nắp nồi xem xôi, tước củi nhỏ, sàng gạo ăn cho vào lu, vừa sửa lại búi tóc mỗi khi trễ xuống gáy. Nhài không đẹp lắm, không có nét thanh lịch của thiếu nữ Hà Nội, đôi bàn tay hơi thô vì làm việc nặng, ngực vú đầy căng so với lứa tuổi dậy thì. Nhưng bù lại Nhài có khuôn mặt duyên dáng, nụ cười tươi hàm tiếu, ánh mắt sắc lẻm đưa tình và thân hình đầy đặn. Nhài còn có giọng nói truyền cảm, dù có hơi sắc ở những thanh cao.

- Có chị làm bạn, em mừng quá. Cả ngày giời đụt mưa nắng, tối về quần quật sau chái bếp, em đến mà chết mất!

- Nhài đi đâu cả ngày, mình về nhà từ buổi trưa mà không gặp?

- Ra chợ Đồng Xuân chứ đi đâu! Đáng nhẽ đã về sớm kia, tại cái nhà anh Đoàn dớ dẩn!

- Chắc Nhài thích đi chơi lắm nhỉ? Có hay dạo phố ở hàng Đào không?

- Ấy, đi gánh than ấy chứ! Chơi gì!

Nhài bĩu môi trả lời, hai bắp tay vẫn thoăn thoắt xúc than cho vào bồ. Búi tóc con gái đong đưa từng chặp mỗi lúc Nhài xoay mình với cái này, lấy cái nọ. Nhìn những bao tải than trong lúc ở Hà Nội "gạo châu, củi quế", tôi mừng cho Thầy Mợ tôi hãy còn phong lưu khá giả, chưa đến nỗi phải đun củi như nhiều gia đình khác.

- Sao mua được than nhiều thế? Mình tưởng ngoài này hiếm lắm chứ?

Nghe tôi hỏi, Nhài quay lại ngó chăm chăm vào mặt tôi rất ngạc nhiên.

- Than đá ấy à?

- Ừ, chứ không phải mua theo phiếu ở cửa hàng cung cấp chất đốt à?

- Tem phiếu gì, ngoài chợ ấy ra mua mà vác về! Tháng nào mà em chẳng đi gánh về cho Mợ.

Nói rồi Nhài vui vẻ đi ngâm nếp, bảo để thổi cơm rượu ngày mai cho Cố. Nhài về ở với Thầy Mợ tôi mười mấy năm rồi. Giọng kể của Nhài đều đều gần như độc thoại.

- Bố đẻ em mất sớm. Bu em lấy chồng khác. Thầy Mợ nhận em về làm con nuôi vì khi ấy chị vào Nam rồi nhà cửa cô quạnh quá.

Ngồi sau lưng Nhài, tôi trông rõ những giọt mồ hôi ẩm lấm tấm bám vào ngấn cổ trắng ngần của Nhài, rồi chảy lăn xuống lưng áo. Hơi nóng tỏa ở ngọn lửa than làm cho chái bếp nóng rực. Làn vải nội hóa mỏng dán sát vào da thịt Nhài phô bày tấm lưng chắc khỏe. Lâu lâu Nhài lơi tay việc, quay nhìn tôi cười khoe hàm răng hột bắp nhỏ đều. Thỉnh thoảng Nhài vuốt lại lọn tóc kẹp không kỹ, buông lẳng lơ trước trán. Đêm trong ngôi nhà sau lưng Văn Miếu khuya vắng, tịch mịch, chỉ có tiếng lửa than tịch tạch từng lúc, và tiếng kể chuyện của Nhài thì thầm đôi lúc lanh lảnh lên giọng. Nhài kể về ngôi nhà nhiều khí âm của Thầy Mợ tôi, về những cơn điên loạn bất chợt của cụ Cố, về bệnh đãng trí mất hồn của Thầy, và về tánh tình mỗi ngày một lãnh đạm của Mợ. Nhài cũng nhắc về Đoàn, gã thanh niên theo đuổi Nhài, thường hay tìm cớ đụng chạm vào tay chân, ngực Nhài.

- Mà lạ lắm chị Nụ, em cũng thích để cho cái nhà anh Đoàn rờ rẫm...

Khi nói câu ấy Nhài tránh nhìn mắt tôi, mặt hơi nghiêng về bếp lửa. Những ngọn lửa than hồng cháy rạo rực trong mắt Nhài lúc đó. Mười ngón tay Nhài mân mê đôi đũa bếp, di di trên mặt đất phẳng phiu vẽ những hình vật vô hình. Hai chúng tôi chuyện trò khuya lắm, đến khi Nhài làm xong hết việc, cả hai mới trở lên nhà. Căn buồng của tôi cũng là căn buồng của Nhài. Lúc thổi tắt ngọn đèn dầu tờ mờ, Nhài cười khúc khích tỏ ý muốn ngủ chung với tôi. Gian buồng chỉ có một chiếc giường tre mỏng manh, tôi lại không nở để Nhài nằm đất, dầu sao đây cũng

là buồng của Nhài từ sau khi tôi bỏ nhà đi. Trong giấc ngủ dầy đặc bóng mây đen của quá khứ, tôi mường tượng một bàn tay Nhài luồn vào trong áo mình, từng làn hơi thở của Nhài phà vào cổ tôi. Những cơn trăn trở khiến thân thể của Nhài chạm vào mặt, vào ngực, vào bụng tôi, và tiếng phên cửa kẽo kẹt cùng ánh bạch lạp thắp suốt đêm bên buồng cụ Cố.

***

Khi tôi tỉnh giấc, phên cửa đã thôi kẽo kẹt. Ánh bạch lạp cũng đã tắt. Chỉ có tiếng một vòng bánh xe đạp mệt nhọc, đang rướn mình trên con dốc trước nhà. Tiếng động phọc phạch của một túi đồ nào đó buộc không kỹ trên yên xe, len lỏi được vào nhà, không đủ phá tàn bầu không khí vây trùm yên lặng. Khung cửa sổ hâm hấp nắng trưa, rọi vào chỗ nằm làm tôi nặng đầu váng vất. Nhài đã ra khỏi buồng từ khi nào. Bộ áo cánh khi đêm Nhài mặc, treo ở cánh cửa tủ đong đưa, phất phơ... Tôi nằm bất động trên giường, thân thể nặng nề như vừa qua cơn bóng đè. Mãi tôi mới ngồi dậy được và bước xuống nhà dưới rửa mặt.

Lúc tôi chải đầu xong trở lên nhà trên, Cố vẫn còn nằm thiêm thiếp nơi sập gụ. Tiếng thở khò khè vang lên từng chập, gần như rên rỉ. Thầy tôi đã ra ngồi ngoài sân, nơi tấm phản kê gần dậu hoa dâm bụt. Hai cánh tay người yếu ớt lau chùi tròng kính, như cố gắng tuyệt vọng sau cùng muốn tìm lại sư tinh anh cho đôi mắt. Thầy không hề trông thấy tôi. Dưới màu nắng lấp lánh, cảnh tượng của ngày hôm qua hiện ra trở lại, với ngần ấy cử chỉ, động tác của người. Tia mắt người còn nguyên sự ngây dại, ở đôi môi run rẩy lâu lâu lắp bắp một câu nói tỉnh táo... của cách đây mấy mươi năm về trước.

- Anh Phu đâu rồi? Đánh xe đi rước cụ Phan sang chơi tổ tôm xem nào!

- Không có nhà à? Thôi được rồi cất xe đi...

Cứ như thế, từng lúc bất chợt người to tiếng hầu chuyện một mình, rồi bỗng nhiên ngừng bặt rơi vào một vùng yên lặng sâu thẳm. Tôi đứng chôn chân trên bậc tam cấp, chứng kiến hình ảnh tiều tụy của người cho đến lúc Mợ tôi từ phiên chợ sớm về. Bà ném cho tôi cái nhìn không mấy yêu thương, lẳng lặng đến bên Thầy lùa mười ngón tay gầy guộc vào trong mái tóc đã bạc trắng của người, săm soi nhổ từng sợi tóc ngứa. Bà âu yếm vuốt vai Thầy, phủi dăm hạt bụi dính vu vơ trước khi rời ra để vào hẳn nhà trong chăm sóc cho cụ Cố. Tôi vẫn đứng đó, thấy mình thừa thãi, muốn phụ giúp bà nhưng không dám. Có một phiến chắn vô hình, kinh khủng giữa tôi và bà, khiến tôi không thể mở lời làm bất cứ điều gì trước khi bà lên tiếng. Cũng như hôm qua, tôi đứng nhìn bà bồng Cố xuống sập gụ, cho đi tiêu đi tiểu, lau mình mẫy Cố rồi cho ăn uống. Ngần ấy công việc làm xong thì trời đã quá trưa. Mợ tôi xuống bếp hâm thức ăn, những món mà Nhài đã làm sẵn hồi tối.

- Thầy Mợ xơi cơm...

- Không dám, mời chị.

Mợ tôi lạnh lùng cầm đôi đũa, gắp bỏ từng cọng rau muống vào bát của Thầy, chan thêm ít canh cua. Thầy lặng lẽ ăn, ngơ ngác vô hồn như một con đười ươi được tập luyện thuần thục.

Buổi chiều, tôi đi làm giấy cư trú tạm thời trở về thì gặp cô chú tôi đến thăm. Đi cùng với cô chú còn có một vài người quen của Thầy Mợ tôi, nghe tin tôi về Bắc, đến chào hỏi.

***

Tối ấy, tôi lại mất ngủ. Bao nhiêu tiếng động, hình ảnh của đêm qua trở về trên cái nếp màn cửa rung hờ, thả ánh trăng soi chập chờn lên trần nhà mờ đục. Tôi nằm im thao thức nghe

tiếng mớ của Thầy tôi mê sảng, hòa điệu vào tiếng thở khò khè của cụ Cố chỉ còn là một thân xác gần kề miệng lỗ. Đến khi nghe tiếng lục đục quen thuộc ở gian bếp, tôi trở dậy bước xuống nhà dưới thì gặp Nhài.

- Đi đâu cả ngày nay không về?

- Ra chợ, buôn cau cho Mộ, rồi lên ga hàng Cỏ đón người quen.

- Ai thế?

- Nhà anh Phú chứ ai vào! Gớm cái nhà anh này mới từ miền cao về đã táy máy...!

- Này quen ai mà ở tận miền cao?

- Không, trước anh Phú ở Hà Nội, phồ hàng Bưồm ấy chứ! Nhưng từ hồi anh ấy vào khu, họ bắt đi công tác ở miền cao.

- Mấy chục năm rồi mà vẫn vậy cơ à?

Tôi ngạc nhiên hỏi Nhài, không ngờ từ ngày kháng chiến đánh Tây đến bây giờ ở ngoài này vẫn không thay đổi mấy. Nhưng điều lạ lùng là Nhài ngạc nhiên còn hơn cả tôi. Nhài tròn xoe mắt nhìn tôi không hiểu.

- Làm gì mà mười mấy năm, chỉ mới gần đây thôi mà.

Nhài trả lời rồi không chú ý đến câu chuyện nữa, trút cau từ trong thúng ra đất, lựa năm trái một buộc túm vào nhau. Tôi phụ Nhài xếp những lá trầu và rỡ vôi tán mỏng gói lại từng túm nhỏ. Nhài bảo để mai gánh ra chợ bán.

- Này gặp Phú nói chuyện gì mà lắm thế, mãi giờ này mới về. Kể mình nghe xem nào.

Vừa nghe tôi hỏi, Nhài đỏ mặt, cả hai đôi má ửng hồng và vụt lính quýnh. Nhài như muốn lảng chuyện bằng cách cho thêm than vào bếp lửa nước sôi. Tối nay Nhài thắt bím, hai bím tóc lẳng lo đùa giỡn trước ngọn lửa bếp. Nhài quỳ gối làm việc, nhưng rồi không giữ được tâm tình mình, Nhài tâm sự bằng giọng Bắc quê hơi đỏng đảnh pha tiếng cười khúc khích.

- Chị Nụ! Chị đừng khai với Thầy Mợ nhé, em có người yêu rồi!

Nhài ngừng một chút, dôi mắt long lanh rồi tiếp.

- Không phải cái anh nhà Đoàn đâu, ấm ớ dớ dẩn lắm. Phú đấy! Hồi chiều chúng em gửi gánh rau ở nhà ga, đi dạo phố. Phú thuê xe kéo đưa em đi dạo hồ Tây thích quá chị Nụ ạ. Mà này chị Nụ, sao đàn ông con giai họ hay thích nắm tay, vuốt lưng mình thế chị Nụ nhỉ?

- Chỉ nắm tay thôi mà mãi tối mịt mới về cơ à?

Tôi hỏi lại Nhài, chỉ để đùa chơi. Nào ngờ vẻ mặt Nhài thay đổi, nghiêm trọng hẳn. Đôi má Nhài thêm đỏ hây hẩy ngọn lửa than.

- Chị Nụ! Chị đã hôn ai chưa?

Nhài nhìn sững mặt tôi không chớp mắt. Lúc đó tôi mới biết cuộc tình đối với Nhài trầm trọng hơn tôi tưởng vì là mối tình đầu. Nhài ngó tôi bằng cặp mắt dễ sợ của một thiếu nữ sẵn sàng chết sống vì tình. Cái cõi sống cũng như chết mà Nhài dám tiến đến vì đã trao thân cho Phú.

Cánh cửa gian bếp bỗng xịch mở. Một bóng người đàn ông lao vào, giọng khản đục hét quá to trở thành chuỗi âm thanh võ rìn rịt.

- Mày đi đâu cả ngày giời hôm nay, con khốn nạn?! Mày theo giai đấy phỏng?!

Thầy tôi bất ngờ xuất hiện, tát trái vào giữa mặt Nhài. Cây gậy chống kiểu Tây mà người nâng niu thường khi quất vùn vụt xuống người Nhài vừa ngã chúi xuống nền đất. Diễn biến nhanh đến nỗi tôi không kịp có phản ứng, và Nhài thì nằm co quắp giữa gian bếp chịu trận. Hai cánh tay, Thầy toi mới ban sáng còn yếu ớt, bây giờ mạnh mẽ khác thường, lên xuống vùn vụt quất tới tấp vào người Nhài.

- Ối, con lạy Thầy!

- Con khốn nạn, con đĩ rạc! Mày muốn làm nhục tao hay sao mà còn gọi tao bằng Thầy.

- Ối, Thầy ơi! Con van Thầy, trăm lạy Thầy.

Thầy tôi như không nghe thấy tiếng kêu van của Nhài, người lồng lên vun vút cây gậy không ngừng tay vào người Nhài. Tôi thu rút người trong góc bếp, tê cứng rũ liệt vì sợ hãi. Tôi muốn lăn vào chịu đòn thay cho Nhài, muốn can Thầy tôi ra, nhưng chân tay dính chặt vào mặt đất. Trong đầu tôi có cái ý nghĩ kỳ lạ là Thầy tôi mạnh kinh khủng, khác thường ngày nhiều lắm và Thầy dường như không để ý nhận thấy sự có mặt của tôi nơi xó bếp. Phải, đêm đó Thầy tôi mạnh lắm, dẫu tôi có xông vào cũng không ngăn nổi người. Hai cánh tay người tiếp tục quất xối xả xuống tấm thân bầm dập tóe máu của Nhài, và tôi như một kẻ vô hình co rút trong góc bếp chứng kiến một cảnh tượng ghê gớm mà không thể can thiệp. Thầy tôi đêm ấy không đeo kính, nhưng đôi mắt người không có vẻ điên dại, chỉ đỏ ngầu vì tức giận. Đến khi người bỏ lên nhà trên rồi thì Nhài hãy còn nằm co quắp, run lẩy bẩy. Tôi ôm cứng lấy Nhài và cùng khóc thút thít theo từng tiếng khóc uất nghẹn của Nhài.

Sau đó tôi đỡ Nhài dậy, dìu lên buồng, thay quần áo cho Nhài. Hai chúng tôi ôm nhau ngủ trên chiếc giường nan tre của Nhài, mà cũng là chiếc giường của tôi ngày xưa. Nhài khóc tấm tức suốt đêm, tiếng khóc ứa ra từ những vết thương bật máu. “Em chết mất chị Nụ ơi... đừng bỏ em, Phú ơi, anh ơi...”. Tiếng khóc tấm tức của Nhài nhỏ dần, nhưng thân thể lằn roi vẫn oằn oại, dẫy dụa. Tôi thiếp vào giấc ngủ rã rời, bải hoải cùng với tấm thân thương tích đó. Hình như tôi đã mê đi với những vệt roi lằn đỏ, bầm tím, ăn sâu vào lưng Nhài. Ti ôm cứng lấy thân thể Nhài để tưởng là thân mình biết đau đớn. Đôi tay tôi hay đôi tay Nhài lần xoa nắn làm dịu vết đau của cả hai. Tôi chỉ nhớ trong trạng thái nửa thức nửa mê, đã ôm vòng lấy trọn vẹn và chạm vào từng vết roi trên da thịt Nhài hâm hấp nóng.

***

Tôi thức dậy, tấm chăn đay hất trễ dưới đùi, phô bày một thân thể Nhài say ngủ mê man gần nhu chết rồi. Trong giây phút thức giấc đầu tiên, ý nghĩ đến với tôi trước tiên là Nhài chỉ là một hình ảnh bất động, được ghi nhận ăn sâu vào tiềm thức và còn ở lại trên mặt giường. Nhưng Nhài vẫn nằm ở đó, cạnh tôi, say ngủ bằn bặt. Đôi mắt Nhài khép hờ, bộ ngực rướn lên theo làn hơi thở và đầu gói khẽ co về trước bụng. Phải mất nhiều phút tôi mới bình tâm và nhớ lại tất cả những gì đã xảy ra. Tôi bước ra gian buồng khách, đang chìm mờ trong thứ ánh sáng ngày xao xác. Ngôi nhà vẫn chìm trong cái không gian thênh vắng, tẻ lặng, không một tiếng

động mạnh và không có lấy một chút sinh khí. Tôi muốn nói chuyện với Mợ tôi về Nhài, muốn nói với bàrằng Nhài đã lớn và tình trạng này không thể kéo dài. Tôi cũng muốn hỏi Mợ tôi về thái độ kỳ quặc khác thường của Thầy đêm qua, nhưng ngôi nhà hoàn toàn im vắng. Mợ tôi đã đi đau mất biệt từ sớm, chỉ còn Cố nằm chờ chết nơi sập gụ. Thầy tôi thì vẫn ngồi ở ngoài sân mân mê gọng kính thuốc, như thể cái người đàn ông hung dữ đánh đập Nhài đêm qua không phải là người. Cố vẫn thở khò khè và Thầy tôi chốc chốc lại ném vào nhà tia nhìn ngây dại vô hồ của người. Tôi tự hỏi làm sao Mợ tôi có thể sống trong ngôi nhà này với hai người đàn ông điên loạn bất bình thường. Một nặng một nhẹ, một tàn phế thể xác, một tàn phế trí tuệ. Tôi đến thắp nén nhang đầu tiên từ khi về Hà Nội, trên bàn thờ tổ. Những bức hình của Nội, của Cố bà, của tất cả những người đã chết trong gia tộc nhìn tôi chằm chằm. Tôi chỉ giật mình thoát ra khỏi những tia nhìn rờn rợn ấy khi nghe tiếng gọi của Nhài.

- Chị Nụ ơi, em quyết định thoát ly thôi...

Nhài thập thò ở cửa gian buồng khách, cầm nơi tay một bọc gói nhỏ. Bước chân Nhài chần chừ chưa dám bước qua chỗ cụ Cố. Nhài nhìn tôi bằng ánh mắt van lơn sầu héo.

- Em đi chị Nụ ạ, ở đây Thầy đánh em chết mất. Chị lạy Thầy Mợ hộ em, chị Nụ... Em đội ơn Nụ...

Nhài vùng vằng gỡ tay tôi, sau tiếng nấc xăm xăm tiến ra cửa. Ánh sáng ngày đón Nhài ở bàn thờ tổ, men dần trên nền lát đá hoa và dừng lại ở chỗ cụ Cố. Vì khi ấy... trời ơi khi ấy, Cố bật dậy từ sập gụ hai tay bấu vào người Nhài. Đôi tròng mắt trắng dã trong hai hố mắt đỏ lăn tăn tia máu hôm nào tôi về nhà phóng thẳng giữ rịt lấy người Nhài. Chuỗi âm thanh líu ríu, gãy vụn từng mảnh the thé vây lấy Nhài. Cả nửa thân hình trên của Cố ngồi dựng dậy như muốn đứng thẳng người, trong lúc mười móng tay dài cào cấu vào mặt Nhài. Cái cảnh tượng khủng khiếp đó đóng dính tôi tại chỗ. Tôi cảm giác rõ ràng như đêm qua rằng mình ở ngoài cảnh tượng ấy, không thể can thiệp, không thể đến gần dằng lấy Nhài trong tay Cố. Rõ ràng là Nhài và Cố ở gần tôi nhưng rất xa, diễn biến trước mắt nhưng tôi bất lực không thể ngăn cản. Thầy tôi bước vào đúng lúc ấy. Tôi nghe mình gọi tên người, van xin người giúp đỡ. Nhưng như tối hôm qua Thầy tôi hoàn toàn không trông thấy tôi, hươi cây gậy chống quất tới tấp, xối xảvào mặt mũi lưng mình Nhài. Họ chỉ ngưng tay khi Nhài đã ngất lịm trên mặt đất. Vẫn tôi là người bồng ẳm Nhài vào buồng trong. Vẫn tôi là người lấy khăn ướt lau mặt cho Nhài và dỗ dành an ủi, khóc với Nhài.

***

Những ngày sau đó Nhài bị nhốt trong buồng không được phép ra ngoài. Giữa những cơn khóc lóc vật vã, Nhài tỉnh táo nói bằng cặp mắt đầy căm phẫn, oán hận.

- Nụ ơi, em không thể sống xa Phú. Rồi em sẽ trả thù! Cướp chính quyền rồi chúng nó sẽ biết! Phú sẽ không tha đứa nào!

Những lúc ấy tôi cảm tưởng rằng Nhài đã điên loạn. Bị đánh nhiều quá, Nhài đã mất đi sự sáng suốt của một người bình thường.

- Nhài ngủ đi, đừng nói nhả. Cá không ăn muối cá ươn. Thầy Cố thương mới đánh.

- Thương gì! Chúng xem em như con ở nhà này. Để rồi Nụ xem, cướp chính quyền nay mai thôi!

- Cướp gì? Chính quyền nào? Nhài lại lảm nhảm nữa rồi. Con gái lớn phải lo việc nhà, có ai

xem Nhài là tôi tớ đâu.

- Trời ơi! Cả nước sôi sục dành độc lập mà Nụ không hay! Trời ơi, sao em khổ thế này, cả Nụ cũng không hiểu. Để rồi Nụ xem, em thề với Nụ là em sẽ đấu tố bọn họ đến dở sống dở chết...!

Mắt Nhài long lên, nhìn tôi dễ sợ lúc ấy. Sự hận thù của đứa con gái mới biết đến yêu lần đầu bị tước đoạt tình yêu và nhục dục sinh lý. Nhưng Nhài cũng không gào la, phẫn nỗ được lâu. Thầy tôi thường xuất hiện ở ngưỡng cửa với cây gậy chống vụt xối xả vào người Nhài. Nhiều lúc Cố cũng bước vào phòng tiếp tay Thầy đánh phạt Nhài. Những khi đó, Cố không có vẻ gì là bán thân bất toại, lẩm bẩm chửi rủa bằng thứ ngôn ngữ của cách đây ba mươi năm về trước. Cả Thầy và Cố đều tảng lờ không công nhận sự hiện diện của tôi bên Nhài. Cả hai tỉnh táo và bình thường đến độ tôi có cảm tưởng là họ giả điên, giả liệt để lừa dối Mợ tôi. Vì mỗi khi bà có mặt ở nhà, cả hai lại trở về cái tình trạng mất trí, ngây dại va tàn phế thường nhật. Mợ tôi làm như không hay biết chuyện của Nhài, ra vào làm công chuyện nhà như không có gì xảy ra. Mỗi lần Mợ tôi có ở nhà là Thầy lại trở ra ngồi ở tấm phản con kê ngoài sân, im lìm mải mê lau chùi gọng kính. Người thẫn thờ với nụ cười trẻ thơ vô tội. Và Cố cũng trở thành tấm thân tàn phế, nhão nhoẹt đang tan vữa vì bị thời gian ăn nhấm đến tủy.

Khoảng thời gian trở về sống trong ngôi nhà của gia đình sau lưng Văn Miếu, tôi cũng trở thành gần như yếu thần kinh, mang bệnh tâm thần, vì phải chứng kiến cuộc đời ẩn ức của Nhài. Nhiều lần tôi muốn bảo Mợ tôi rằng bà đang bị Thầy và Cố lừa dối, song cái ý chí muốn nói lên sự thật của tôi luôn bị ánh mắt lạnh như băng của bà chặn lại. Tôi chạm mặt bà luôn với mặc cảm trốn tránh, không làm tròn bổn phận, chưa trả hết nợ cho Nhài. Tuy thế, tôi biết rõ chỉ có mỗi mình bà, người tỉnh duy nhất trong ngôi nhà này là có thể cứu vớt được Nhài. Một buổi sáng, thu hết can đảm, lợi dụng lúc Thầy và Cố chưa thức, tôi kể chuyện Nhài cho Mợ nghe. Bà ngó tôi đăm đăm khi tôi yêu cầu bà phải thương yêu Nhài, đừng lãnh đạm lạnh nhạt với Nhài nữa. Đôi mắt Mợ tôi lạnh sắt, chằm bẳm đến lạ lùng.

- Chị vào thăm gia đình này như thế là đủ rồi. Liệu thu xếp mà trở ra ngoài ấy, đừng về đây làm gì nữa.

Bà xua đuổi tôi bất ngờ, không đả động gì đến chuyện của Nhài. Tôi chợt thấy mình run rẩy bám víu vào sợi dây máu mủ tình mẫu tử đang muốn đứt lìa.

- Con lạy Mợ, cho con về sống với Thầy Mợ. Anh ấy đã bỏ con rồi, con không biết đi đâu bây giờ. Mợ cho phép con ở nhà này hầu Thầy Cố. Trăm lạy Mợ thương con gái Mợ!

- Tôi không có con gai, nên nhận lầm đứa con nuôi phản phúc! Bộ chị tưởng tôi quên những bất hạnh chị đem đến cho gia đình này à? Tôi làm sao quên chị đã tố khổ gia đình này, đã xui người tra tấn cụ Cố đến tê liệt nửa thân người, đã tra điện chồng tôi đến mất trí?!

Cũng như lần thoái ly đầu tiên, tôi rời Hà Nội có một thân một mình. Phải tôi chính là con Nhài bỏ nhà trốn theo trai rồi gia nhập Việt Minh trở về cướp chính quyền, đấu tố Thầy và Cố nuôi tôi đến dở sống dở chết, như lời thề độc sau lần phải đòn vì ngủ với Phú. Nhưng Phú cũng đã bỏ rơi tôi sau khi giải phóng miền Nam.

Chỉ còn ngôi nhà nằm sau lưng Văn Miếu luôn ở đó, đời đời như một vết nhơ.

Gặp gỡ giữa hai thế hệ
Thụy Khuê phỏng vấn Trần Vũ:

LTS: Vào tháng 5 năm 2008, nhà phê bình Thụy Khuê phỏng vấn Trần Vũ về ảnh hưởng văn chương Mai Thảo với những nhà văn nối gót ông. Có lẽ "ảnh hưởng Mai Thảo" cũng tương tự như nỗi băn khoăn mà Harold Bloom - nhà phê bình văn chương Hoa Kỳ - gọi là "The Anxieties of Influence." Nỗi băn khoăn này đã được Harold Bloom so sánh với chuyện "giết cha và lấy mẹ góa làm vợ" của Oedipe trong thảm kịch Sophocles--là một dằn vặt của những nhà văn đi sau Mai Thảo, vì họ phải chọn lựa giữa đoạn tuyệt và kế thừa.

Mai Thảo, không những có công khám phá những tài năng mới, nhưng ông còn đặc biệt âu yếm tha thiết với các nhà văn trẻ có tài. Việc ông nhặt truyện ngắn đầu tiên "Rượu chưa đủ" của Dương Nghiễm Mậu từ thùng rác của toà soạn một tờ báo, về đăng trên Sáng Tạo, đã thành một giai thoại đẹp trong sinh hoạt văn học. Đối với Trần Vũ, Mai Thảo rất yêu. Nhớ có lần chúng tôi sang MỸ cùng dịp với Trần Vũ. Lại thăm ông, tôi hỏi: Vũ cũng sang đây rồi, Vũ chưa lại thăm anh à? Mai Thảo bảo: Thì cũng phải để cho nó có tự do của nó chứ!
"Tự do" ấy hôm nay sẽ thuật lại cùng chúng ta Mai Thảo.
Thụy Khuê

***

Thụy Khuê: Trước hết xin cảm ơn Trần Vũ đã nhận lời nói về Mai Thảo. Nhưng trước khi hỏi anh về Mai Thảo, tôi muốn được nghe anh nhắc lại thời kỳ đầu, khi anh mới bước vào nghiệp văn. Nếu tôi nhớ không lầm thì Trần Vũ bắt đầu viết văn rất sớm, vào khoảng năm 1987-88 và anh nối tiếng ngay từ những truyện ngắn đầu. Chắc anh còn giữ một vài kỷ niệm về thời kỳ này?

Trần Vũ: Thưa chị Thuỵ Khuê, quả tình tôi gửi đăng truyện khá sớm trên các tập san Làng Văn, Văn, Văn Học vào những năm 87-88.

Dường như chị đã viết những bài phê bình đầu tiên trên báo Văn học, cùng lúc với Nguyễn Hưng Quốc khởi nghiệp phê bình, cùng lúc khi tôi viết truyện Pháo đài, Ngôi nhà sau lưng văn miếu… Chúng ta đến với Văn học, dường như vì tư cách của chủ bút Nguyễn Mộng Giác. "Thế giá của người cầm bút", như ông thường viết, là tiêu chí, đặt lên trên, điều kiện của nhà văn đặt ra với xã hội, với trách nhiệm và vị trí của nhà văn. Thời ấy, Nguyễn Mộng Giác vô cùng ưu tư và xem trọng vấn đề này, nhưng ngược lại, ông không ép buộc thế hệ viết trẻ phải giữ "Thế giá" theo cách của ông. Nguyễn Mộng Giác gần với thế hệ đi sau bằng chính sự giản dị hoà đồng của mình. Bên cạnh đó, Mùa biển động là một trường thiên mà thế hệ cầm bút đi sau chưa vượt qua được. Thế hệ đi trước ghi lại được tâm tình, thao thức của thế hệ mình trong một giai đoạn đầy biến động của đất nước, thế hệ đi sau chỉ có truyện chớp, chuyện thình lình, truyện cực ngắn, hay ký sự, "chuyện", mà tầm vóc quá khiêm tốn. Nguyễn Mộng Giác không cùng thế hệ với Mai Thảo, nhưng cùng thời với Mai Thảo, một thời đại di vật mà tôi giữ trong lòng.

Thụy Khuê: Mai Thảo là một trong những khuôn mặt nổi trội của Văn học miền Nam, nhưng ngoài Mai Thảo, anh còn được gặp khá nhiều bộ mặt khác của Văn học miền Nam qua những chuyến đi Mỹ, về Việt nam một dạo khá thường xuyên của anh, anh nghĩ gì về họ?

Trần Vũ: Định mệnh đã khiến tôi gặp nhiều nhà văn miền Nam trước 75. Tất cả đều đã để lại trong tôi hình ảnh của những nhà văn đích thực, thâm trầm, miệt mài và am hiểu cõi người.

Tất cả giống như tôi mường tượng qua tác phẩm của họ. Tôi vẫn nhớ ngày đến thăm Dương Nghiễm Mậu, ông thật im lặng, nỗi im lặng tinh tế, đầy phán xét, vừa cảm thông, trong trầm lặng, thông hiểu người đối diện. Thế giới của Dương Nghiễm Mậu hiện diện như tiểu thuyết của ông, sáng lạnh, không tiếng động, ngay cả khi tiếng động của nhân vật vang lên, cũng im lìm. Không có gì miễn phí, hiểu trong nghĩa phải suy nghĩ.

Tôi cũng nhớ lần gặp Cung Tích Biền đầu tiên. Chúng tôi đánh cờ tướng, uống rượu, Cung Tích Biền cực ảo, ngôn ngữ như chiếc nỏ thần của An Dương Vương bắn nghìn phát trúng đích. Ngồi đánh cờ với ông, trong quán rượu của thi sĩ Triệu Từ Truyền, tôi ngắm ông như ngắm một nhân vật, trong tranh, vì tôi ở ngoài bức tranh. Trong bức tranh, Cung Tích Biền là một Thục Phán, đã mất thành Cổ Loa, đã mất Ngoại ô Dĩ An, tác phẩm giống những Mỵ Châu đã nuôi nấng bị Trọng Thuỷ lường gạt. Tuy vậy ông đầy biến ảo, suy nghĩ của ông tinh vi như nước Xe dàn dưới chân Sĩ. Tôi tin ông vẫn cất giữ nỏ thần.

Năm 92, đặt chân đến Cali, tôi gặp Nhật Tiến. Hoạ sĩ Khánh Trường đưa tôi đến nhà ông. Không có gì tương phản bằng Khánh Trường và Nhật Tiến, một bên du đãng văn nghệ và một bên thầy giáo văn nghệ, một bên tải đạo và một bên phá đạo. Bẩm sinh tôi mang tâm tính nổi loạn nên đi theo hoạ sĩ Khánh Trường không do dự. Nhưng tôi đến thăm Nhật Tiến, như đến chào thầy, người thầy học cũ. Chị có thể nghĩ vì kính nhi viễn chi, không sai, mà còn hơn vậy nữa, tôi đến gặp Nhật Tiến vì ông đã dấn thân trong suốt đời văn nghiệp, trong lễ đưa ma Nhất Linh đọc lời ai điếu đối nghịch với nền đệ nhất Cộng hoà, sau vượt biên tham gia hết mình Uỷ ban Cứu nguy Người vượt biển, rồi viết Mồ hôi của đá trước sự tức giận của các hội đoàn quá khích. Mai Thảo dùng chữ thật hay lúc ấy: "Nhật Tiến vẫn đứng ngoài nắng."

Thế Uyên khác hẳn Nguyễn Mộng Giác, khác hẳn Nhất Linh, tuy dùng một giọng văn cổ điển, ông chủ trương Tự lực ân ái văn đoàn. Thế Uyên hỗ trợ tuổi trẻ ra nằm ngoài Tiền đồn, thử nghiệm thân xác với nhân vật của mình. Thế Uyên giống Lê Uyên Phương, cổ võ hãy ngồi xuống trang tiểu thuyết, yêu nhau trần truồng, ngó thấy thương đau. Làm sao không thích ông?

Năm 2002, tôi tìm ra cô giáo Hoàng. Nguyễn Thị Hoàng vẫn giữ chiếc eo nhỏ nhắn của thời dạy học. Cách tiếp cận văn chương của bà đầy cá biệt. Tình yêu của Nguyễn Thị Hoàng dành cho văn chương là tình yêu của một người đàn bà dành cho một vật thể, có thể ngang bằng với một người đàn ông, thấp hơn, hoặc vượt trội, vẫn là tình yêu dành cho một vật thể. Nguyễn Thị Hoàng dễ dàng vất bỏ sự nghiệp trước tác, không luyến tiếc, hoặc viết say mê cùng cực rồi cất kỹ trong rương không bao giờ mở ra. Tình yêu quan trọng ở khoảnh khắc chọn lựa, chứ không ở những gì xảy ra sau đó. Tiểu thuyết với Nguyễn Thị Hoàng là một sự chọn lựa khoảnh khắc, của tác giả, của cả người đọc. Nhà văn, độc giả, gặp nhau trong khoảnh khắc này, những gì xảy ra trước, xảy ra sau, xảy ra chung quanh, thuộc về xã hội. Ra khỏi tiểu thuyết, nhà văn không khoác áo nhà văn, rời trang giấy, người đọc trở thành kẻ khác. Nguyễn Thị Hoàng tin, và giữ dáng dấp bí ẩn, của một miền Nam chưa biến mất, còn dấu kín.

Có thể những người khác không nhìn thấy như vậy, nhưng cá nhân tôi thấy các nhà văn miền Nam này như vậy.

Thụy Khuê: Thế hệ anh, lúc 75, vào khoảng 12-13 tuổi. Ở tuổi ấy anh đọc những gì?

Trần Vũ: Miền Nam vào đầu thập niên 70 vô cùng phồn thịnh. Một sự trù phú tinh thần. Cho đến bây giờ tôi không thấy ở đâu người ta đọc sách nhiều như trong các đô thị miền Nam thời này, đặc biệt ở lớp học sinh. Sách báo tràn lan. Mà không đắt như bây giờ. Chúng tôi đi thuê truyện mỗi chiều, mua ngoài hiệu sách, mua ngoài sạp báo. Bố mẹ mua riêng, con cái mua

riêng, mỗi người thuê theo sở thích. Lên mười hai tôi đã "xong" Về Miền Đất Hứa của Léon Uris, bản dịch của Thế Uyên, Giải khăn sô cho Huế đổ nát của Nhã Ca, Xóm cầu mới của Nhất Linh, Tù binh và hòa bình của Phan Nhật Nam, Ngàn cánh hạc của Kawabata, Đêm ở Lisbonne của Remarque, Kim Các Tự của Mishima… Tôi ngủ gật khi đọc Ngàn cánh hạc, và không hiểu hết Kim Các Tự, nhưng không khí nặng trĩu mái chùa vàng và âm vang độc thoại của nhân vật ám ảnh tôi rất lâu. Ngàn cánh hạc để lại điều gì đó thật êm ả. Sau 75 tôi khám phá "chui" Nguyễn Nghiệp Nhượng, Thái Lãng, Thảo Trường, Nguyễn Thụy Long, Nguyễn Đình Toàn, Tuý Hồng. Đây là thời kỳ phá sản của Văn học Thống nhất, tuổi trẻ miền Nam tẩy chay nền Văn học Giải phóng tuyên truyền này, vì không bắt gặp mình và gia đình mình trong tác phẩm của Hội Nhà văn Chiến thắng.

Thụy Khuê: Anh Mai Thảo là người rất nhạy cảm với các tài năng trẻ, cho nên anh ấy quý mến anh ngay. Theo anh thì Mai Thảo khác ra sao so với các nhà văn anh đã gặp?

Trần Vũ: Vâng. Mai Thảo khác những nhà văn miền Nam tôi đã gặp. Có thể vì mỗi nhà văn trong cuộc đời này duy nhất, vì ADN của mỗi con người duy nhất. Tôi không rõ. Nhưng tôi thấy Mai Thảo rất khác. Khác trong thái độ sống: Ông không thoả hiệp với bất cứ điều gì không ưa thích. Có thể định mệnh may mắn đã cho phép Mai Thảo sống như vậy. Vì Dương Nghiễm Mậu cũng không thoả hiệp, nhưng phải im lặng, Nguyễn Thị Hoàng cũng chỉ có thể xuất bản Nhật ký của im lặng, tuồng chữ chép tay phạm thánh, như bà đã viết Tình yêu của đấng trời, phải cất trong rương. Trong xã hội tràn ngập khẩu hiệu vinh quang, Cung Tích Biền phải biến ảo, huyền ảo, cực ảo, Trần thị Ngh phải ẩn vào thể loại loufoque tang bồng để sống sót… Mai Thảo may mắn sống giữa Hiệp chủng quốc để tự cho mình quyền không thoả hiệp, nhưng cũng có thể trả lời Mai Thảo đã không thoả hiệp ngay từ khi ở Sàigòn. Sau 75, tất cả các nhà văn của phía bại trận bị tập trung cải tạo, Mai Thảo nhất quyết không ra trình diện, nhất quyết không thoả hiệp với nỗi sợ hãi của mình, trốn tránh cho đến cùng, trèo lên mái ngói khi công an khám xét, để quên đôi dép đàn ông dưới gầm giường trong nhà Nhã Ca, khi Trần Dạ Từ đang bị bắt, như Nhã Ca kể lại. Mai Thảo, thủ lĩnh của văn nghệ miền Nam đã làm được điều này: Gìn giữ Tự do ở ta cho đến cùng, như chữ ông thường dùng.

Không thoả hiệp, không mang ý nghĩa duy nhất không cộng tác với chế độ. Mai Thảo không thoả hiệp với những điều bất lương, với những kẻ phi văn chương, và thói xiểm nịnh. Những ai đã từng chứng kiến Mai Thảo quát mắng ở bàn rượu những con người ông cho vô đạo, đều biết Mai Thảo không cho phép những kẻ bất xứng ngồi chung bàn với mình. Và ông mắng thẳng thừng. Ở tính cách này, Mai Thảo rất khác. Ông đại diện một tập thể, trong lúc Dương Nghiễm Mậu, Cung Tích Biền, Võ Phiến đại diện một cá nhân, chính họ. Với tôi, Mai Thảo còn đặc biệt ở một điểm khác. Tôi biết đến các nhà văn miền Nam qua Mai Thảo, qua các tùy bút, bút ký, sổ tay, hay kỷ niệm của riêng ông. Tôi ‘‘thấm đẫm’’ những trang viết này, mà Mai Thảo viết hay vô cùng, thể tuỳ bút là sở trường của ông. Lần ông đến thăm Thanh Nam cuối cùng, Thanh Nam ung thư cuống họng không nói được nữa, nhưng hai người bạn vẫn trao đổi bằng bút đàm, chữ viết rào rào, giấy xé soàn soạt, giống họ vẫn hãy còn ngồi cùng toà soạn, cùng viết báo. Kỷ niệm với Dương Nghiễm Mậu, lần cuối gặp nhau, đi ngược chiều, một Dương Nghiễm Mậu cầm dù đen lầm lũi dưới mưa Sàigòn, một Mai Thảo đang bị truy nã, cố dấu tung tích, cả hai nhận ra nhau, có biết bao điều để nói với nhau sau đổi đời, nhưng phải lẳng lặng bước đi, tránh phiền phức cho nhau. Cả hai tiếp tục bước trên hè phố của mình, cho đến lúc Mai Thảo quay lại, chỉ còn trông thấy ô dù đen của Mậu và giữ mãi hình ảnh của ô dù này cho đến khi ông mất. Cho đến 96, ông hãy còn nhắc cái ô dù màu đen này. Kỳ diệu siết bao, khi tôi trở về Sàigòn, buổi tối hẹn anh Mậu ở quán Thanh Niên, trời mưa tầm tã, tiếng mưa át tiếng nhạc, dưới thác nước Dương Nghiễm Mậu hiện ra, ông hạ dù, những giọt nước chảy lăn trên lớp vải đen cũ mà bền bỉ. Tôi đã nhớ Mai Thảo thật nhiều tối ấy, buổi tối tháng ba năm 2002, trong quán Thanh Niên tôi muốn khấn thầm: Bác ơi cháu đã gặp lại anh Mậu.

Tôi chưa bao giờ gặp Dương Nghiễm Mậu trước đây. Nhưng vẫn cảm giác gặp lại Dương Nghiễm Mậu. Gặp thay Mai Thảo, vì Mai Thảo.

Tháng 3 năm đó, tôi cũng gặp lại Nguyễn Thị Hoàng. Cô giáo Trâm của Đà Lạt, mà tôi si mê đem theo trong trí nhớ, chép lại truyện Vòng tay học trò bằng trí nhớ, trong những ngày nội trú ở cô nhi viện. Cô giáo Trâm đã hiện ra, bằng xương thịt, ngồi đó, trước mặt tôi, hút thuốc, pha rượu, đầy bí ẩn, quyến rũ. Cô giáo Hoàng làm tôi nhớ đến một nhận xét của Mai Thảo: ‘‘Nguyễn Thị Hoàng là một người đàn bà’’. Còn bao nhiêu mẩu chuyện khác, ông kể với tôi trong những quán rượu ám khói, trong nghĩa trang Père La Chaise, về nhiều nhà văn khác: Bình Nguyên Lộc vắt vẻo trên xích lô, Bùi Giáng làm thơ dán lên cửa sắt toà soạn báo Văn, dán la liệt, dán cùng khắp, hay Sơn Nam "mắt toét"… mỗi người một dáng vẻ, một phong cách, một chi tiết. Mai Thảo không biết ông khắc họa nhân dáng, thần thái của cả một giai đoạn văn học, giúp tôi đi tìm lại từng di vật qua những phác họa này. Những trang tuỳ bút của Mai Thảo giống một sơ đồ giúp kẻ đi sau lần theo dấu vết đến kho tàng. Kho tàng văn học miền Nam.

Thụy Khuê: Cảm tưởng đầu tiên khi đối diện với Mai Thảo, anh xưng hô thế nào? Anh thấy xa cách hay là gần gụi ngay từ đầu? Mai Thảo có phân biệt chiếu trên chiếu dưới không? Nếu vẽ chân dung Mai Thảo thì anh thấy những nét gì hiện ra?

Trần Vũ: Mai Thảo hay sắm vai trưởng thượng và nhập vai y như thật, y như khi ông nhập vai nhân vật bước chân vào các vũ trường Arc en Ciel, Majestic, Đêm Mầu Hồng… lắc ly rượu, trầm ngâm, nhìn quanh những mặt người, tìm một nét của A Sầu trong *Để tưởng nhớ mùi hương*, tìm một nét ở Châu của *Sống chỉ một lần*, tìm *Hạnh phúc đến về đêm*. Không nhất thiết để ân ái với phụ nữ, nhưng phải là phụ nữ, sinh vật tiểu thuyết mà Mai Thảo quý trọng vô cùng. Tôi vẫn muốn hỏi: "Bác còn nghĩ đến Cẩm Nhung?" Nhưng không bao giờ tôi dám hỏi. Ông im lặng hàng giờ và tôi ngồi đó, thừa thãi. Đôi khi tôi hiểu, vì *Nửa đường hương gãy trên nghìn biển*. Tôi chưa thấy ai dùng chữ "Nghìn biển" hay như vậy. "Nghìn" làm câu thơ rộng ra, "hương" không bay hết khiến không gian bất tận.

Mai Thảo hay ngâm thơ Tô Thuỳ Yên: Ba trăm hải lý nhớ không tới/ Ta nhớ người xa ngoài nỗi nhớ… và sau câu thơ, ông lắc ly rượu: "Tôi cho câu thơ này tuyệt diệu". Tôi nghĩ khác, chữ "Nghìn biển" và "hương gãy" mới thật sự tuyệt diệu. Những khi đi uống rượu với Mai Thảo, tôi cảm giác đi uống rượu với phu huyệt, sau xẻng đất, sau cốc rượu, bảo những hồn ma cũ Huyệt đã chôn rồi lấp đã xong. Mai Thảo sống với Vũ Khắc Khoan, Vũ Hoàng Chương, những tửu đồ, đã khuất. Ông thuộc thơ nhiều vô cùng, ngâm liên tục, những tài thơ lớn. Còn thơ của ông? Thơ Mai Thảo rờn rợn, những giấc ngủ đen, những hồn ma thức giấc gây thành giông bão, của thần chết đã trở thành bạn, ngồi trên giường. Của lưu đày. Nhiều lần tôi tự hỏi: Mai Thảo có vô thần không? Nhiều lần tôi tìm thấy câu trả lời: Không, Mai Thảo xem Phật là bạn. Trong bài thơ in trên Văn, Mai Thảo tả mình trở về phòng một đêm khuya, ở giấc nửa khuya về sáng, giấc của ma quỷ, và thấy Phật nằm ngủ trong giường mình. Đỗ Ngọc Yến đã làm hư câu thơ này khi trách: Cho Phật ngủ trong giường thành gay. Mai Thảo chữa lại thành Phật ngủ trong vườn. Ý nghĩa *intime* biến mất. Mà chính sự thân mật với thượng đế mới làm câu thơ sáng giá.
Một lần khác, Mai Thảo lên lớp Tô Thuỳ Yên điều gì đó, Tô Thuỳ Yên phản ứng, đập bàn ghế. Tôi thấy ông buồn vô cùng. Tất cả chúng tôi ngồi ở bàn rượu đều buồn bã. Thau tiết vịt ở quán Cổ Vịt chảy máu. Tôi ngắm ly rượu trong tay Mai Thảo, màu hổ phách, màu đồng thau, màu buồn bã. Nhưng cũng là màu vĩnh cữu. Rượu là sông Hằng của Mai Thảo. Rượu chứa tất cả. Một thứ nước sông Hằng pha đá. Viên đá cục chứa cuộc đời ông, như hạt cát của sông Hằng chứa đại dương. Tôi ít đọc thơ, tôi thuộc thơ qua giọng ngâm của ông. Ngày trước, Mai Thảo

nhập vai nhân vật bước chân vào vũ trường. Trong feuilletons, ông hóa thành nhân vật ăn chơi. Sang đến Mỹ, chính nhân vật nhập vai Mai Thảo, bước chân vào tiểu thuyết. Trong *Một đêm thứ bảy*, Nhuận ngồi ở vũ trường nhìn một vũ nữ bị hành hung, thay vì can thiệp, như đã cứu A Sầu, Nhuận đứng lên lặng lẽ ra khỏi phòng trà, vứt tàn thuốc xuống bãi cỏ và đứng nhìn cho đến khi đốm lửa tắt ngấm. Truyện kết thúc trong bóng tối. Không phải nhân vật cũ, hay chính nhân vật cũ đã nhập vai Mai Thảo ở Hoa Kỳ, bất lực, nhoà bóng.
Còn lại vai diễn nào nữa ngoài trưởng thượng?

Mai Thảo vào vai trưởng thượng, mặc dù ông không hề muốn làm trưởng thượng. Một phần nào đó, chính lớp viết trẻ đã ủng hộ ông làm trưởng thượng. Võ Phiến quá xa cách, quá nghiêm trang, quá đạo mạo, Nguyễn Mộng Giác quá lành, cả hai, văn tài cùng công sức vun bồi văn học đều dầy, nhưng cả hai không uống rượu. Và điều này "không chấp nhận được," như Hemingway, trong quán rượu, cứa cổ một chai whisky dốc ngược vào cuống họng, rồi cuống họng phán xét William Faulkner "giống Virginia Woolf." Faulkner, kẻ chay tịnh, bị Ngư ông từ chối. Lớp viết trẻ chọn Mai Thảo, như Hemingway chọn rượu cay. Như một cách hoài niệm một giai đoạn văn học quá cố, của Nhất Linh, của Phan Khôi. Không phải vì ưa thích chiếu trên, chiếu dưới, mà vì thương kính ông, yêu mến ông. Vì hãnh diện có một trưởng thượng không thoả hiệp, đề cao Tự do ở ta, biết phất cờ, đã ra khơi, lên đường. Không phải tất cả, nhưng một số đông ngấm ngầm chấp nhận sự hiện diện của Mai Thảo ở vị trí trưởng thượng. Không nói ra, mà là một mặc nhiên. Nhiều thi sĩ đã than phiền Mai Thảo trịch thượng, bẳn gắt, hay quát mắng, nhiều văn gia đã giận dữ thái độ của Mai Thảo trên bàn rượu. Với cá nhân tôi, ông có quyền này.

Thụy Khuê: Trong những buổi đi chơi, hoặc uống rượu với Mai Thảo, điều gì ở ông làm anh nhớ nhất?

Trần Vũ: Điều gì khiến tôi nhớ nhất? Nét buồn bã là điều tôi nhớ nhất. Gương mặt ông buồn đắm. Chỉ cần Mai Thảo xuất hiện, sự cô đơn vây lấy mọi người, lấn tràn sang mọi người. Ông ngồi đó, im lặng, rồi ra về. Ông mang nỗi cô đơn của Nhị trong *Ngọn hải đăng mù*.

Một đêm đi uống rượu chia tay với Nguyễn Hưng Quốc. Bữa rượu trở nên cuộc tiễn đưa. Mai Thảo không ưa phê bình, không cho phép phê bình đứng ngang hàng. Với ông, phê bình là bọn mọt sách. Nhưng Mai Thảo quý mến Nguyễn Hưng Quốc, và cả chị nữa, chị Thụy Khuê. Dường như chị và Nguyễn Hưng Quốc làm thay đổi hình ảnh phê bình trong mắt Mai Thảo. Không có nghĩa ông cho sánh vai ngang hàng. Sáng tác không bao giờ chấp nhận điều này, như Mai Thảo khẳng quyết. Nhưng với chị và Nguyễn Hưng Quốc, ông dung thứ. Buổi tối đó, chúng tôi tiễn Nguyễn Hưng Quốc đi Úc, trong cái quán nhỏ gần bờ sông Seine. Mai Thảo ăn ít. Chúng tôi uống với ông. Bình thường anh Quốc không uống rượu. Nhà phê bình, giống hầu hết giới phê bình, muốn tỉnh táo, mà điều này sáng tác ghét thậm tệ. Tuy nhiên, tối đó, Nguyễn Hưng Quốc cố gắng theo chúng tôi. Anh không gìn giữ, không chiếu lệ, mà uống thật tình, vì anh cũng thương Mai Thảo. Nếu lý trí Nguyễn Hưng Quốc gần với Võ Phiến, tình cảm anh dành cho Mai Thảo. Uống chia tay, như một vĩnh quyết. Đến một lúc, anh ngã bật ra bàn và nôn thốc tháo, rồi bất tỉnh. Chúng tôi kêu hầu bàn thay khăn, kêu thêm rượu. Khuya lắm, đến khi quán đóng cửa, phải ra về, tôi khiêng vai Nguyễn Hưng Quốc, trong lúc Mai Thảo khiêng hai chân, chúng tôi khiêng dọc bờ sông phủ hơi ẩm của đêm hè. Chúng tôi khiêng trong im lặng. Không ai nói với ai lời nào. Cho đến khi ra xe, tôi muốn chở Mai Thảo về trước, nhưng ông lắc đầu: "Đưa Quốc về nhà." Gương mặt ông nhăn nhúm vì buồn.

Một lần khác nữa, đi dạo trong nghĩa trang Père La Chaise, tôi với ông bách bộ giữa những dẫy thập tự, giữa hàng bia. Mai Thảo bảo tôi dẫn ông đến mộ của Simone de Beauvoir. Tôi không biết ở đâu. Một lát, ông nói tựa truyện *Cái chết sau quá khứ* của tôi hay. Tôi hiểu ông tự

biết ông đã trở thành di vật.

Thụy Khuê: Anh gặp Mai Thảo lần chót, năm nào, anh có nhớ?

Trần Vũ: Mùa thu 96, tôi gặp ông lần chót. Ông nằm im trong căn phòng không bật đèn. Đôi mắt nhìn trừng trừng lên trần. Ông không động đậy. Ông giống một xác chết. Tôi nhận ra tức khắc, tôi đang nhìn một di vật. Thời ông đã đi qua. Thời đại ông biến mất. Sách ông bị thiêu huỷ. Bạn bè ông quá vãng. Ông tồn tại di vật. Phải mất mấy phút tôi mới cất được tiếng chào ông: "Cháu đến thăm bác." Ông gật đầu. Căn phòng trống, chỉ còn mỗi cái tủ lạnh còn sự sống, còn nước đá, còn tiếng máy chạy rù rì. Còn ánh sáng bên trong. Tôi đi rửa ly, đập nước đá, rót đầy hai ly, đặt lên bàn đêm. Lúc xưa tôi hay uống nhanh, rót, uống, rót, có lần ông đùa: "Em phải để cái ly nó nghỉ."

Cuối năm 96, ông bất động, nhìn trừng trừng lên trần vào một chỗ duy nhất. Ngõ hẻm Song Long xế chiều tắt nắng, chúng tôi trò chuyện trong bóng âm. Tôi hỏi ông về Nhất Linh, Mai Thảo nói "Tôi xem cái chết ấy là uổng phí. Vì sao phải chết như vậy. Ông ta có cả một sự nghiệp và còn cả một sự nghiệp chưa hoàn thành."

Tôi không rõ Mai Thảo đang nhắc đến tiểu thuyết *Xóm Cầu Mới* dang dở hay sự nghiệp chính trị của Nhất Linh. Nhưng Mai Thảo không giải thích. "Tôi cho cái chết ấy là uổng." Ông lập lại. Bàn về một cái chết, mà Mai Thảo xem lãng phí, trong lúc chính ông, đang tự huỷ, bằng cách không ăn uống, ngoài rượu. Mai Thảo đợi chết. Đợi chấm dứt kiếp người. Ông muốn chết và bực dọc vì thần chết không làm công việc của mình. Mai Thảo đành chọn cái chết chậm, từ từ. Ông không còn đủ sức đi đứng, không còn sức để lấy rượu dưới gầm giường, đập nước đá, chọn chai nào ngon, căn phòng trống rỗng, tất cả sách báo đã cho hết, văn chương ra khỏi cuộc đời, mà đã nhiều năm ông không còn muốn đọc nữa, chỉ còn những con người, những người bạn, những nhà văn, đã chết, vẫn ở lại. Ông nhắc lạng trà Kỳ Chưởng của Vũ Hoàng Chương trên Gác bút. Vũ Hoàng Chương pha trước khi đi tù. Chảo rau xào sau bếp đãi bạn của Thanh Nam, trên bếp lửa phừng phừng. Chai Jack Daniel's không bao giờ vơi của Vũ Khắc Khoan. Chiếc mũ phớt sờn cũ của Cao Lĩnh, ô dù của Dương Nghiễm Mậu, rồi quay về Nhất Linh: "Ông ấy là một nhà văn. Tôi cho cái điều ông ấy muốn luận đề là cũ, nhưng cái ông ấy tả thực, là hay. Em phải học cách tả cái bật lửa, cái cục tẩy…"

Lần nào Mai Thảo cũng dạy tôi từng ấy. Học cách tả cái bật lửa, cái cục tẩy. Những lần trước tôi cãi: "Cháu biết tả nhiều thứ kinh hơn nữa." Những lần trước, Mai Thảo gắt: "Im để tôi nói." Lần này, tôi không đủ can đảm để chọc ông, tôi thấy ông sắp chết, ông nằm thẳng chân như đã nằm trong hòm. Tôi hỏi chuyện, để ông có người trò chuyện. "Bác có nói chuyện với Nhất Linh không?" Tôi từng hỏi ông như vậy. "Sao bác không trò chuyện với Nhất Linh?" Cách đây nhiều năm, ông gắt: "Sợ chết khiếp, không phải như chúng mày bây giờ." Lúc xưa, câu trả lời này làm tôi tức cười. Bây giờ ông im lặng, không gắt, không cáu, nhìn lên trần. Một lúc Mai Thảo trả lời: "Ông ta không nói chuyện với tôi. Chúng tôi cùng viết báo. Cùng viết trên một mặt bàn. Ngồi cạnh. Tôi đọc báo của ông ta làm, tôi biết thất bại. Ông ta không nói chuyện. Tôi cho cái chết ấy là uổng."

Hóa ra Nhất Linh cũng giữ vị trí trưởng thượng đối với Mai Thảo. Nhất Linh chết, Mai Thảo kế tục. Mai Thảo mất, văn học Việt Nam ở góa trưởng thượng.

Thụy Khuê: Khi anh viết: phải chặt đứt quá khứ để lên đường là anh có ý muốn chặt đứt với thế hệ Mai Thảo phải không?

Trần Vũ: Không. Khi tôi viết Tàu đã tách bến, đã ra khơi, chất nổ đã ném vào, cờ đã phất lên,

tôi lập lại những khẩu hiệu của Mai Thảo. Càng sao chép, tôi càng không thể chặt đứt. Tôi đã dùng suy nghĩ của Mai Thảo, văn của Mai Thảo để hô hoán đoạn tuyệt, hô hoán lên đường. Những điều này Mai Thảo đã viết để thủ tiêu Nhất Linh. Nhưng Mai Thảo không thủ tiêu Nhất Linh, ông kế thừa. Đoạn tuyệt là chữ của Nhất Linh. Mà Nhất Linh cũng đã muốn thủ tiêu Phạm Quỳnh, thủ tiêu Hán-Việt, rồi Nhất Linh cũng phải kế thừa. Mai Thảo làm Sáng Tạo lập lại Phong Hoá của Nhất Linh đã muốn chôn Nam Phong. Đến cuối đời Mai thảo khẳng quyết: "Văn chương là sự kế thừa." Tôi sớm tin như vậy.

Thụy Khuê: Anh không chặt đứt nữa mà anh thay chặt đứt bằng đoạn tuyệt?

Trần Vũ: Tôi muốn Đoạn tuyệt vì hai chữ Đoạn tuyệt đẹp bất ngờ. Thập niên 80, văn học Việt Nam chết đuối trong hiện thực. Hiện thực Xã hội chủ nghĩa và hiện thực bị Giải phóng. Trong nước Khẩu đội 12 ly 8 của Lê Quốc Chí, Con mắt người trinh sát của Khuất Quang Thụy, Hai ông già ở Đồng Tháp Mười của Nguyễn Khải, Chuyện tổ trinh sát của Bùi Bình Thi… Ngoài nước Cùm đỏ của Phạm Quốc Bảo, Màu cỏ uá của Nguyễn Ngọc Ngạn, Thượng uyển bỏ hoang của tôi… Đoạn tuyệt trở nên cần thiết.

Thụy Khuê: Trước khi kết thúc, anh muốn nói điều gì nữa về Mai Thảo?

Trần Vũ: Lúc sinh tiền, Mai Thảo thường nhắc: "Em không dụng chữ cho mục đích phi văn chương. Không chửi ai cả. Văn chương không phải là chỗ cho em bựa. Em không được quyền." Những khi cáu, ông gắt um. Không phải một lần, mà nhiều lần, lời khuyên, mệnh lệnh. Bây giờ Mai Thảo mất rồi, tôi cũng không còn trẻ nữa, nhưng những khi nghĩ đến ông, tôi lại nhớ đến lời dặn này. Hôm qua, bây giờ, tôi vẫn giữ tròn lời hứa với trưởng thượng của mình.

Thụy Khuê: Xin cảm ơn Trần Vũ.

Mỗi con người trưởng thành mang trong mình một tín ngưỡng văn chương

Da Màu phỏng vấn

Trong giới văn học và xuất bản ở Mỹ hiện nay, tuy trong thời đại internet và social media, truyện ngắn không được đánh giá trị cao như truyện dài. Những nhà văn trẻ thường bắt đầu với truyện ngắn như một cách "học nghề," nhưng sau đó bước chân vào truyện dài như một lẽ dĩ nhiên. Alice Munro, Raymond Carver, Lydia Davis và Lorrie Moore được coi là ngoại lệ, vì đây là những nhà văn nổi tiếng với những cải cách trong thể truyện ngắn. Hiện số mệnh truyện ngắn trong giới văn học Việt trong và ngoài nước như sao? Truyện ngắn có được giới độc giả Việt đánh giá cao hơn truyện dài không? Tại sao?

Trần Vũ: Câu hỏi của Da Màu đem tôi về lại thập niên 90 trong những quán hầm đêm với Nina McPherson, dịch giả của Dương Thu Hương. Một lần Nina cho biết đã hoàn tất bản dịch Anh ngữ "Xứ Sấm Sét" của Võ Đình, "Chỗ Trọ trong Rừng Chuối" của Ngọc Khôi, "Giấc Ngủ nơi Trần Thế" của Nguyễn Thị Ấm, "Gió Dại" của Bảo Ninh… nhưng bước chân vào nhà xuất bản nào chào mời, cô cũng đều nhận cùng một câu hỏi: "Nhà văn Việt có truyện dài không?" Cuối cùng Nina đành đăng các bản dịch của mình trên tạp chí Granta, thời Bill Buford làm tổng biên tập. Buford từng phụ trách trang truyện ngắn của The New Yorker và trên Granta khám phá ra nhiều tên tuổi lẫy lừng về sau, nên việc Buford chọn đăng những tác giả vô danh đối với công chúng Anglo-Saxon nói lên phẩm chất bản dịch của Nina McPherson. Tuy nhiên, Granta hay

Le Serpent à Plume với vài chuyên đề về truyện ngắn Á châu cũng như vài tập truyện ngắn Việt Nam qua bản dịch Pháp ngữ của các nhà xuất bản Philippe Picquier, L'Aube không che khuất xu hướng ưa chuộng truyện dài ở độc giả Tây phương. Bước chân vào hiệu sách Tây, là bước chân vào thế giới của truyện dài, hồi ký và tiểu luận. Ba thể loại này độc chiếm các quầy sách. Thành công trên trường sách quốc tế của*Bên kia bờ ảo vọng, Những thiên đường mù, Tiểu thuyết vô đề* của Dương Thu Hương hay *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh, trước nhất, là thành công của thể truyện dài. Tập truyện *Trái tim hổ* của Nguyễn Huy Thiệp qua bản dịch Kim Lefèvre không gây nhiều chú ý bằng.
"*Truyện ngắn có được giới độc giả Việt đánh giá cao hơn truyện dài?"*
Nếu là câu hỏi dành cho độc giả Pháp, chúng ta tìm thấy câu trả lời dưới hầm métro. Trong các toa tàu thậm thượt thường xuyên là hình ảnh những hành khách đang chú mục vào những quyển tiểu thuyết dầy cộp nhiều trăm trang, hiếm khi họ cầm trên tay một tập truyện ngắn. Trước 75, tiểu thuyết dịch, tiểu thuyết feuilletons, tiểu thuyết Quỳnh Dao và các pho tiểu thuyết kiếm hiệp thống lĩnh thị trường miền Nam mà không phải truyện ngắn. Ngành xuất bản giấy in trong Nam phồn thịnh với hiện tượng sách dịch: *Kẻ xa lạ* của Albert Camus, *Buồn nôn* của Jean Paul Sartre,*Chiến hữu* của Remarque, *Kiều giang* của Charlotte Bronte, *Kim Các tự* của Yukio Mishima, *Về Miền đất Hứa* của Léon Uris, *Đỉnh Gió hú* của Emily Bronte, *Bố già* của Mario Puzo, *Chuông gọi Hồn ai* của Ernest Hemingway, *Chùm nho phẫn nộ* của John Steinbeck, *Quần đảo ngục tù* của Alexandre Soljenitsyne, *Papillon Giang hồ tung cánh* của Henri Charrière, v.v.. là mặt nổi của hiện tượng này và cũng là những tiểu thuyết dịch đã ăn sâu vào trong tâm khảm người miền Nam. Có thể viết: Tây, Ta, đều chuộng truyện dài, không nhất thiết đánh giá cao hơn nhưng là thị hiếu của thời đại.
Còn bây giờ? Xã hội Việt Nam thời Cộng sản là một xã hội trống vắng thống kê, từ chi tiêu của chính phủ đến số liệu in ấn. Lấy gì căn cứ? Nhìn sang Pháp, thị hiếu của độc giả Tây được chứng thực bằng những số liệu sau:

Rentrée littéraire tháng 9-2013 xuất bản 555 tiểu thuyết/roman.

Rentrée littéraire tháng 9-2012 xuất bản 646 tiểu thuyết/roman.

Rentrée littéraire tháng 9-2011 xuất bản 700 tiểu thuyết/roman.

Rentrée littéraire tháng 9-2010 xuất bản 750 tiểu thuyết/roman.

Rentrée littéraire tháng 9-2009 xuất bản 659 tiểu thuyết/roman.

Rentrée littéraire tháng 9-2008 xuất bản 676 tiểu thuyết/roman.

Rentrée littéraire tháng 9-2007 xuất bản 727 tiểu thuyết/roman.

Rentrée littéraire tháng 9-2006 xuất bản 683 tiểu thuyết/roman.

Rentrée littéraire tháng 9-2005 xuất bản 660 tiểu thuyết/roman.

Rentrée littéraire tháng 9-2004 xuất bản 661 tiểu thuyết/roman.

Rentrée littéraire tháng 9-1965 xuất bản 700 tiểu thuyết/roman.

…

Thống kê trên không bao gộp tiểu luận, biên khảo, hồi ký. Cũng chưa tính đến số đầu sách xuất bản trong năm. Như từ tháng 1 đến tháng 2-2014, xuất hiện thêm 547 tiểu thuyết (392

tiểu thuyết Pháp và 195 tiểu thuyết dịch), tăng 4,5% đầu sách, đặc biệt 60 tiểu thuyết đầu tay của 60 tác giả vừa cầm bút. Vụ sách mùa Đông (Rentrée d'hiver) rộ hoa, bất chấp internet. (Chữ *roman* trong tiếng Pháp ám chỉ truyện dài.)
Câu hỏi đặt ra: Vì sao công chúng ngày một lãnh đạm với truyện ngắn? Vì quá kỹ thuật, quá cô đọng, quá ít nhân vật, không nhiều tâm tình tràng giang với muôn sắc màu hay vì không đủ không gian chuyên chở cả một thời đại lịch sử như thể trường thiên cho phép? Vì sao đời sống càng gấp gáp, càng tất bật, người ta càng say mê truyện dài? Vì cần chìm đắm LÂU trong một thế giới khác? Cần sống LÂU một đời sống khác? Cần thoát ra khỏi thực tại máy móc vây quanh? Thực tại càng thường trực triền miên, nhu cầu vượt thoát LÂU càng mạnh? Vì đọc truyện ngắn giống xem một cuốn phim trình chiếu trong một tiếng rưỡi đồng hồ, còn truyện dài giúp người đọc si mê sinh sống với nhân vật suốt nhiều tuần lễ? Chừng như nhu cầu "sinh sống lâu" trong đời sống nhân vật này, quan trọng đối với cả người đọc Việt Nam và Tây phương.

Trước đây, tôi từng ngạc nhiên khi đọc hồi ký của các sĩ quan Pháp tham chiến Đông Dương. Trung tá Pierre Langlais, chỉ huy Nhảy dù Điện Biên Phủ, kể lại ông đọc tiểu thuyết hằng đêm dưới ánh đèn cày và hỏa châu sau mỗi trận phản kích. Trung tá Hubert de Séguins-Pazzi, tham mưu trưởng của de Castries, cũng đọc tiểu thuyết trong hầm mỗi đêm vài trang giữa hai trận mưa pháo… Họ tìm gì? Vì sao giữa chập chùng hiểm nguy vẫn đủ bình tĩnh đọc truyện? Vì Điện Biên Phủ bị vây hãm, cầu không vận bị cắt, lối thoát duy nhất ra khỏi thung lũng Mường Thanh là con đường tiểu thuyết? Langlais, de Séguins-Pazzi muốn thoát khỏi kẽm gai, lựu đạn, bom mìn cùng những trận xung phong biển người của Việt Minh và truyện dài giúp họ hóa thân vào nhân vật lâu hơn, chi tiết hơn.

Thu hút của truyện dài đến từ "dung lượng" nhưng không có nghĩa truyện ngắn kém tinh vi. Sức mạnh của truyện ngắn nằm ở độ nén, cách tinh lọc, cách tuyển chọn những góc cạnh biểu trưng, với chi tiết thật sát sao trong khung sườn chặt chẽ với đối thoại âm vang, không thừa. Sức mạnh này không cần thời gian thưởng ngoạn lâu, nhưng phải mang hiệu ứng của một quả đấm bất ngờ và direct. Nói như Cortázar, người viết phải biết làm võ sĩ quyền Anh, đấm vào mặt độc giả nhưng đừng đấm dứ. Gây mê man, qua cách nhập trực tiếp với không khí tức khắc.

Thể truyện ngắn còn đặc biệt thích hợp cho các thử nghiệm, những cách tân kỹ thuật, những khai phá luôn thách thức sáng tác. Nên tuy ít trang, truyện ngắn kết thành chuỗi hạt trai lấp lánh của văn xuôi.

Đây là thể loại khó. Trước 75, các nhà văn miền Nam khi trả lời phỏng vấn đăng trong tuyển tập *Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta,* đều đồng ý như vậy. Nhưng vì sao, tuy khó viết mà nhà văn Việt nào cũng có ít nhất nhiều mươi truyện ngắn? Vì sao truyện ngắn Việt Nam hôm nay tràn lan đến mức Da Màu phải đặt những câu hỏi gần như đám tang? Nhiều cách nhìn.

Trước nhất, vì sao lạm phát? Vì trong nước ngành xuất bản giấy in còn thịnh đạt? Không phải. Chính chức năng trung gian khác biệt giữa hai ngành xuất bản Tây, Ta làm nên hiện tượng này.

Tại Pháp, trừ La Nouvelle Revue Française đăng trung thiên truyện của những văn hào đã có vị trí quốc tế, hầu hết tất cả các tập san văn chương như Lire, Magazine Littéraire, L'Esprit, L'Atelier du Roman, L'Infini, hay Critique đều không đăng sáng tác. Nội dung chính trên các tạp chí văn chương Pháp là khảo luận, tiểu luận, phê bình, điểm sách nhưng không đăng

truyện ngắn. Người viết trẻ, do vậy, ít có diễn đàn để thử bút nếu viết truyện ngắn. Muốn trở thành nhà văn, được công chúng biết đến, người viết không còn cách nào khác là âm thầm viết tiểu thuyết rồi gửi đến các nhà xuất bản chờ duyệt. Do các nhà xuất bản Tây phương luôn ngần ngại in truyện ngắn, vì khó bán, truyện dài nghiễm nhiên trở thành một chọn lựa mặc nhiên.

Đến đây xuất hiện vai trò quan trọng của các nhà xuất bản. Không phải các tạp chí văn chương, với lượng in thấp và ít phổ biến, làm nên tên tuổi các nhà văn mà chính các nhà xuất bản phát hiện ra người viết rồi đem người viết đến với công chúng. Chính các nhà xuất bản làm nên văn học Tây phương. Chính họ làm công việc thanh lọc, thẩm định, tuyển chọn, rồi quảng cáo tiếp thị, hướng dẫn bạn đọc, đánh động trào lưu, khuyến khích xu hướng hoặc định hướng dư luận. Chính nhà xuất bản làm cầu nối giữa bạn đọc với tác giả. Các nhà văn Âu-Mỹ không cần viết truyện ngắn để đến với bạn đọc của mình xuyên qua các tạp chí văn chương; ngược lại, với các nhà văn Việt, phương tiện tiếp cận duy nhất là thể truyện ngắn trên tập san định kỳ. Sau nữa, các nhà xuất bản Việt Nam thường chỉ in sách cho những ngòi bút đã thành danh, được văn giới công nhận, tức là đã viết nhiều truyện ngắn đăng báo. Chính khác biệt trên khiến Tây phương nhiều truyện dài trong lúc văn xuôi Việt Nam xây cất trên truyện ngắn.

Với câu hỏi "số mệnh?" Truyện ngắn Việt Nam sẽ tiếp tục làm những chuyến xe tốc hành đi về giữa người viết và người đọc. Đôi bên, không nhiều chọn lựa.

Chúng ta có Cung Tích Biền, Trần thị Ngh., Lê thị Huệ, Nguyễn Thụy Long, Nguyễn Xuân Hoàng, Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc, Trần Vũ, Nguyễn thị Thảo An, Phạm thị Hoài, Linh Đinh, Lâm Chương (có thể coi Lâm Chương như một nhà văn viết novella – thể truyện giữa "ngắn" và "dài"), McAmmond Nguyễn thị Tú, Lê Minh Hà, Lê Minh Phong, v.v… là những nhà văn đặc sắc ở thể truyện ngắn. Yếu tố nào là yếu tố chung của các nhà văn viết truyện ngắn đã tạo ra sự chú ý từ độc giả? Ngoài ra, yếu tố nào là đã tạo cho họ vị trí cá biệt trên văn đàn? Những yếu tố này có phải cũng là những yếu tố định nghĩa cho sự sinh tồn của truyện ngắn?

Trần Vũ: Túy Hồng, trong tuyển tập *Những Truyện Ngắn Hay Nhất Của Quê Hương Chúng Ta*, xem yếu tố quan trọng nhất trong truyện ngắn là *khí hậu*. Tôi tin như Túy Hồng, *khí hậu* truyện quan trọng. Mà không riêng truyện ngắn, trong bất kỳ lĩnh vực nghệ thuật nào *khí hậu tác phẩm* cũng quan trọng. Không ai đủ can đảm xem hết một cuốn phim nhạt thếch hay vùi đầu vào một quyển trường thiên lạt lẽo. Sức mạnh túm bắt người thưởng ngoạn đến từ *khí hậu tác phẩm*, và *giọng văn* nào, *khí hậu* ấy. Nên yếu tố chung, trước tiên, phải là *khí hậu*.
Tuy vậy, truyện ngắn còn đồng nghĩa kỹ thuật. Đây là thể loại của phô diễn kỹ thuật và cần kỹ thuật. Không kỹ thuật, một truyện ngắn sẽ rườm rà, lê thê, phát tán, không hàm xúc. Thiếu kỹ thuật, truyện ngắn sẽ khó cô đọng. Và một truyện ngắn lạ, còn cần cấu trúc tân kỳ. Nên sau *khí hậu-giọng văn*, thứ đến phải là *kỹ thuật-cấu trúc*. Truyện ngắn gần với hội họa, giống một họa sĩ vẽ một bức tranh cần thủ pháp và bố cục, sau chót mới là *tư tưởng*. Sau chót, không có nghĩa ít cần nội dung. Kỹ thuật chặt chẽ, văn chau chuốt nhưng thiếu nhân sinh quan làm xương sống, truyện sẽ thiếu tầm vóc. Tư tưởng cao siêu nhưng không giọng văn, truyện sẽ khô khan. Kỹ thuật mới tinh nhưng khí hậu nhàn nhạt, truyện vẫn lạt. Những yếu tố trên, đứng riêng biệt, không làm nên một truyện ngắn toàn bích nhưng một khi đầy đủ, chắc chắn phải là một truyện ngắn hay.
Họa sĩ Võ Đình, lúc sinh tiền, nói với tôi: "Cần có kỹ thuật nhưng không phải có kỹ thuật rồi mới dùng kỹ thuật ấy để mà diễn tả tư tưởng ấy. Cảm xúc đến trước tiên, làm nên khí hậu, nhưng sau đó chính tư tưởng tìm ra kỹ thuật tương ứng giúp diễn tả khí hậu ấy và tư tưởng ấy. Đôi khi, chính tư tưởng giúp tác giả tìm ra kỹ thuật mới. Cảm xúc, tư tưởng rồi mới đến kỹ

thuật. Kỹ thuật là sau cùng." Võ Đình xếp hạng các yếu tố cách khác, nhưng vẫn phải đủ ba yếu tố.

Bất kỳ trường phái Hiện sinh, Tân tiểu thuyết, Huyền ảo hay Hậu hiện đại, ba yếu tố trên trường kỳ mai phục người viết. Đạt 1/3 là truyện ngắn dưới trung bình. 2/3 là truyện ngắn trung bình. 3/3 là truyện ngắn hay. Còn truyện ngắn tuyệt sắc? Tùy thuộc vào chiều sâu tư tưởng sau khi đã hội đủ 3 yếu tố.

"Ngoài ra, yếu tố nào là đã tạo cho họ vị trí cá biệt trên văn đàn?"

Trước tiên là phong cách. Là tố chất cá nhân ở từng tác giả. Như chất tâm linh ở Võ Đình. Chất băn khoăn trong suy nghĩ nhân vật ở Nguyễn Mộng Giác. Chất ương ngạnh lý trí ở Trần Thị Ngh. Chất trí tuệ bật sáng qua ngôn ngữ điệu luyện ở Phạm Thị Hoài. Chất mềm mại của Mai Ninh. Chất tra vấn của Nam Dao. Chất buồn bã cô độc của Mai Thảo. Chất nổi loạn dữ dội ở Lê Thị Thấm Vân. Chất lãng mạn mẫn cảm của Trân Sa. Chất cợt nhả nhẹ nhàng trong Vũ Quỳnh Nh… Hay cách Đinh Linh quật nhào mọi định kiến và những trầm trọng sách vở trong *Nhà Ngụy.* Hay cách Thận Nhiên ghi nhận xã hội Việt Nam như trong một lời thơ Mallarmé: "*Cơn lốc vui nhộn và kinh dị" (un tourbillon d'hilarité et d'horreur)*… Nhưng phong cách chưa đủ làm nên vị trí. Song song với chức năng "trao tiếng nói cho những người câm và đặt tên cho những kẻ vô danh", như Carlos Fuentes từng định nghĩa, cùng lúc mỗi người viết phải tự tách rời mình ra khỏi đám đông của hàng hà sa số những ngòi bút khác– bằng sự *khác thường* của mình trên văn bản.
Khác thường làm nên vị trí nhà văn.

"Những yếu tố này có phải cũng là những yếu tố định nghĩa cho sự sinh tồn của truyện ngắn?"

Câu hỏi hàm ý truyện ngắn Việt Nam đang vô vị vì thiếu những yếu tố đặc trưng? Nếu là vậy, câu trả lời là đang ít đi những giọng văn độc đáo, quá nhiều những truyện thiếu công phu. Số người viết khác lạ khan hiếm, nhiều ngòi bút bản lĩnh ngưng viết, những giọng văn hay mai một… Số truyện *khác thường* quá ít, bị chìm lấp vào trong biển truyện hằng ngày khiến văn xuôi Việt Nam sa sút phẩm chất. Thay vì là một bộ môn nghệ thuật độc đáo, truyện ngắn đang hiện diện như một cách lấp đầy những trang báo, không khác mấy các tiết mục phổ thông đời thường. Trách nhiệm ở người viết, chắc chắn. Trách nhiệm còn ở các ban biên tập vì quá cần người viết bao sân, sa chìm trong vũng lầy dễ dãi. Internet với nhu cầu cập nhật hàng ngày, làm phình to thêm hiện tượng truyện ngắn fast food.
Tuy nhiên, sự sa sút phẩm chất văn xuôi Việt Nam của cả trong lẫn ngoài nước, nằm trong bối cảnh chung của thế giới. Richard Millet than phiền tiểu thuyết đã trở thành thứ công cụ dùng thăng tiến danh vọng xã hội, có quá nhiều phó sản dưới cấp văn học như Harry Potter và quá nhiều những tác giả thiếu văn phong, như Philip Roth. Guy Scarpetta phê phán như Millet: kỹ năng cú pháp giảm đi.

Có cần nên có ranh giới giữa truyện ngắn và truyện dài? "Ngắn" và "dài" nên là bao nhiêu trang? Một truyện ngắn có thể mô tả một thời gian dài tương đương như truyện dài (10, 20, 50 năm), hay phải ngắn hơn? Nên chú ý việc Alice Munro đã "phá giới" về yếu tố thời gian, không gian, và quan điểm cá nhân của các nhân vật. Trong các truyện "Axis," The Bear Comes Over the Mountain," và "Runaway," Alice Munro cho độc giả trải nghiệm một quãng thời gian dài trong đời sống của các nhân vật chính. Bà không áp dụng một quan điểm (point of view) nhất định trong cách kể truyện, mà di chuyển từ cái nhìn của từng nhân vật, bất kể đàn ông hay đàn bà, làm ta nghĩ đến phim Rashomon của Kurosawa. Trong bối cảnh văn học Việt Nam, đã có

nhà văn nào "phá giới" giữa quy luật truyện ngắn và truyện dài chưa? Tại sao chúng ta chưa chịu phá giới thường xuyên hơn?

Trần Vũ: Biên cương giấy in thường xuyên do những nguyệt san và nhà xuất bản ấn định. Các tổng biên tập thường muốn số báo mình phong phú, nhiều bài vở, nhiều tác giả tham gia, nên luôn yêu cầu người viết, viết ngắn. Với các tác giả trẻ, họ tự tiện cắt, với những tác giả gạo cội, họ thương lượng thâu ngắn… Phía nhà xuất bản, truyện dài cần tối thiểu 60 trang, như trường hợp tiểu thuyết *Viết Cho Đứa Trẻ Tôi Sẽ Không Sinh, À l'enfant que je n'aurai pas* của Linda Lê dài 66 trang, do Editions Nil ấn hành. Lý do: dưới 60 trang, tiền in-cước phí–phát hành-hoa hồng không giảm bao nhiêu khiến giá bán không chệnh lệch nhiều so với một quyển tiểu thuyết dầy 120 trang, nhưng số trang quá mỏng sẽ làm độc giả thấy đắt. Nên từ 40 trang trở lên, thường được xem là trung thiên truyện. Và từ 70 trang là truyện dài. Dưới, cần hai hay ba truyện vừa, tức trung thiên truyện để in thành tập.
Ranh giới trong đầu người viết khác hẳn. Biên cương truyện chấm dứt một khi tác giả đã chạm đến đích cùng của ý văn. Hoặc còn ý, những đã hết hơi văn. Không thể thêm nữa. Viết truyện ngắn giống quay một cuốn phim, đạo diễn cắt đi những cảnh kém quan trọng mà ít khi thêm vào. Một truyện ngắn vừa vặn, nên trong khoảng 10 đến 15 trang. Quá ngắn, chỉ vừa nhập là phải kết. Chỉ vừa kịp giới thiệu nhân vật mà không kịp triển khai. Quá ngắn, sẽ ít chi tiết mà chính chi tiết làm nên chất tiểu thuyết. Quá dài, truyện khó hàm xúc và bắt đầu rườm. Biên giới giữa truyện ngắn và truyện vừa là biên giới đặt trên một phản thịt chặt bằng dao phay. Tác giả chặt hết những nhân vật không quan trọng chỉ giữ lại một, hai nhân vật phụ tối cần thiết. Chặt luôn các pha đối thoại không liên quan đến*thème* truyện. Riêng với nhân vật chính, thường xuyên phải chặt hết tứ chi, cạo lóc hết thịt xương, chỉ giữ lại duy nhất phần thân thể có chủ đích miêu tả. Một khi chưa buông dao phay, truyện ngắn vẫn còn cơ nguy biến thành truyện vừa.
Yếu tố khác: người viết chọn thể truyện dài một khi tham vọng quản trị nhiều nhân vật. Vì truyện ngắn không đủ không gian khai thác hết, sẽ khiến có những nhân vật đang đậm đà ban đầu bỗng mờ nhạt khúc sau, hay vụt mất tích không để lại dấu vết. Làm truyện mất cân bằng. "Ranh giới," do nhân vật nắm giữ.

"Một truyện ngắn có thể mô tả một thời gian dài tương đương như truyện dài (10, 20, 50 năm), hay phải ngắn hơn? Nên chú ý việc Alice Munro đã "phá giới" về yếu tố thời gian, không gian…"

Thời gian trong tiểu thuyết đa chiều, khác với thời gian vật lý là một đường thẳng tuyến tính. Nếu phái "Hiện Thực" thường xuyên vận dụng thủ pháp hồi ức (flashback), thị sai, hay chuyển động biểu kiến của hình ảnh để ghi lại tâm trạng nhân vật đi về quá khứ, các phái Dự Phóng (Anticipation), Phi Lý (Absurde), Siêu Thực, Huyền Ảo đã phá tung thời gian.

Không còn gì quy ước hay vật lý. Tất cả các định luật của Newton đều bị băm vằm tan tành. Gì cũng có thể xảy ra, gì cũng có thể biến hóa, đột biến, trong ý nghĩa nhân sinh của cuộc đời dưới sự vận hành bao la của vũ trụ. Borgès không thâu nạp duy nhất vài thập niên trong truyện ngắn của mình mà nhiều kiếp đời, nhiều kiếp người. Trong "Đêm Ngửa Mặt" ("The Night Face Up"), Cortázar thay thế dễ dàng thế kỷ 20 đang sinh sống bằng thời đại Maya rừng rú man rợ. Nhân vật từ Luân Đôn về Nam Mỹ không chút khó khăn, đang lái môtô hắn vụt bị bắt đem tế lễ trên đỉnh tháp, rồi vụt một cái hắn lại đang nằm tênh hênh trên bàn mổ của một bệnh viện Anh, để sau cùng phải tự hỏi hắn đang sống trong thời đại nào và là sắc dân gì? Di dân hay thổ dân? Tất cả diễn ra chỉ trên vài trang giấy, trong vỏn vẹn 24 tiếng đồng hồ. Sức

chứa của truyện ngắn, như thế, tùy thuộc vào khả năng sáng tạo của người viết. Trong *Miền Trong Trẻo Nhất* (*La Plus Limpide Région)*, Fuentes ráp nhiều truyện vào trong một truyện dài như ráp puzzle. Trong tập *Nhiễm phúc Gia đình*, *Le Bonheur des Familles*, Carlos Fuentes thêu dệt bạo lực vào với khốn cùng, đan quyện quá khứ vào thực tại của những nhân vật bất hạnh trong một xã hội Mễ bạo lực. Fuentes không chỉ đi từ quan điểm của nhân vật này sang nhân vật khác mà còn trao cho những phiến đá vỡ những lời xì xầm thị phi.
Trong*Đêm Dưới Chân Cầu Đá (La Nuit sous le Pont de Pierre)*, Léo Pérutz viết 9 truyện ngắn tách bạch ở những thời đại và triều đại khác nhau, đi từ nhà bếp của lãnh chúa vào đến trong phòng ngủ của quân vương với giấc mơ lạ lùng hằng đêm có người đàn bà đến đặt lên môi thiên tử một nụ hôn; 9 truyện ngắn độc lập với nhân vật riêng rẽ, nhưng ráp lại thành một truyện dài. Trong tập *Đêm Tháng Năm tại Vienne* (*Nuit de Mai à Vienne)*, Pérutz đưa ra luận đề ngược:*Duy nhất những nghệ sĩ từ chối làm nên tác phẩm mới thật sự là kẻ sáng tạo, những kẻ khác đều rơi vào trong những biểu hiện tầm thường của nghệ thuật phụ thuộc đời sống.* Không duy nhất trong không gian, thời gian mà ngay trong nội dung, Pérutz đã khác lạ. Không ngẫu nhiên, Pérutz được Borgès vinh danh. Alice Munro không phải là nhà văn khai phá đầu tiên, các bậc thầy Franz Kafka, Jorge Luis Borgès, Julio Cortázar, Léo Pérutz, Carlos Fuentes, Gabriel García Márquez vượt xa và đi trước bà trong cách hoán chuyển sự vật. Alice Munro là một nhà văn xây dựng truyện ngắn trên phân tích tâm lý nhân vật, vô cùng chi li trong chi tiết, gạt tình tiết sang bên để đào sâu nội tâm, do vậy bà thường được so sánh với Anton Tchékhov của thế kỷ 19. Thủ pháp chính của Munro là dùng lời kể của tác giả từ bên ngoài soi chiếu vào đời sống thường nhật của các nhân vật, rồi từ các chi tiết tưởng chừng không quan trọng giúp người đọc thấm thía nỗi cay đắng của một cuộc đời. Kỹ thuật này không mới. Alice Munro thuộc trường phái Hiện thực Tâm lý, Réalisme psychologique.

Trong bối cảnh văn học Việt Nam, đã có nhà văn nào "phá giới" giữa quy luật truyện ngắn và truyện dài chưa?
Giữa truyện ngắn và truyện dài, là thể truyện vừa. Truyện vừa, vừa mang tính đậm đặc của truyện ngắn, vừa dàn trải nhiều chi tiết và nhiều nhân vật. Không gian rộng thêm cho phép chuyền tay lời kể, hoặc *"cho độc giả trải nghiệm một quãng thời gian dài trong đời sống của các nhân vật chính,"* như ý Da Màu nhấn mạnh.
Vào thời hoàng kim của Văn học Di dân Việt Nam, thập niên 80 và đầu thập niên 90, không hiếm những trung thiên truyện đặc sắc. Các truyện vừa *Rồng Rắn* của Lê Thị Huệ, *Nẻo Quyên Ca, Miền Vĩnh Phúc* của Vũ Quỳnh Hương, *Tự Truyện Một Người Vô Tích Sự* của Nguyễn Xuân Hoàng, *Vợ Chồng* của Mai Kim Ngọc, *Đêm* của Ngô Nguyên Dũng, *Vườn Chanh Miệt Biển* của Kiệt Tấn… là bằng chứng nhà văn Việt biết dấn bước. Gần đây *Phòng X Khu Nội Trú* của Bùi Hoằng Vị, *Thời Của Những Tiên Tri Giả* của Nguyễn Viện, *Xứ Động Vật Vào Ngôi* của Cung Tích Biền và *Đi Tìm Bản Kinh Thánh Cuối* của Đặng Thơ Thơ mang đầy tính chất phá cách.
Nếu câu hỏi hàm ý "phá quy luật" ngay trong truyện ngắn, thì vô vàn các truyện ngắn Việt Nam bứt phá: "Người Đoán Mộng Giỏi Nhất Thế Gian," "Ám Thị," "Thực Đơn Chủ Nhật" của Phạm Thị Hoài. "G," "Bách Hương," "Lầu xép," "Chiếc Vòng" của Võ Đình. "Bóng Đêm Cuối Cùng" của Phan Thị Trọng Tuyến, "Tiếng Gào trong Đêm"của Nguyễn Thị Ngọc Nhung. "Ván Cờ" của Vĩnh Hảo. "Em Điên Xõa Tóc" của Kiệt Tấn. "Trường Hợp của Nhường" của Hồ Trường An. "Bản Chính" của Trân Sa. "Lisa" của Ngô Nguyên Dũng. "Trong Buốt Pha Lê" của Nam Dao. "Florence" của Phạm Thị Ngọc. "Mưa Qua Sân Thượng" của Trầm Hương. "Đến Đồng Gai" của Nguyễn Hương, v.v và v.v…

Một khi xuất sắc, truyện ngắn và truyện vừa Việt Nam không thua sút Tây phương. Trong *Đi Tìm Bản Kinh Thánh Cuối,* Đặng Thơ Thơ đặt câu hỏi lớn về vị trí của người nữ trong kinh

thánh. Madeleine, "người yêu của đấng trời" (nếu dùng một tựa truyện của Nguyễn thị Hoàng) có đầu và có trí tuệ hay không? Lịch sử ghi chép lương tri hay ngụy *tín*? Làm cách nào một dân tộc tìm ra sự thật lịch sử của chính dân tộc mình? Bằng cách xoay lưng đi ngược về quá khứ… *Đi Tìm Bản Kinh Thánh Cuối* mang tầm vóc lớn và toát ra mê hoặc. Proust xác quyết: "*Những tác phẩm lớn gây ấn tượng được viết bằng một ngôn ngữ lạ" ("Les grands livres donnent l'impression d'avoir été écrits dans une langue étrangère.") Trong Đi Tìm Bản Kinh Thánh Cuối,* Đặng Thơ Thơ đạt đến sự khác thường và dụng văn khác hẳn cách cô thường viết. Phải nhìn thấy ở đây, nỗ lực của người viết.
Những tác phẩm xuất sắc luôn hiếm, như *Miền Vĩnh Phúc* của Vũ Quỳnh Hương miêu tả bao kiếp người đáng thương trong phòng đợi chết hay cách Võ Đình di chuyển ánh mắt của nhân vật sang ánh mắt của vũng nước dưới chân cổng Thượng Tứ ngoài Huế… là những tác phẩm không xuất hiện hàng ngày.

Tại sao chúng ta chưa chịu phá giới thường xuyên hơn?

Vì người viết hôm nay rất ít động cơ đi tìm sự toàn bích. Không nhà xuất bản, không tập san giấy in, không nhuận bút, viết một truyện ngắn công phu mất ít nhất nhiều tháng chỉ để xuất hiện 48 giờ trên internet?

Trong một cuộc phỏng vấn với tạp chí *The Paris Review*, Alice Munro nói rằng *"[Hồi còn trẻ] tôi đã mê đọc Eudora Welty, Flannery O'Connor, Katherine Ann Porter, Carson McCullers. Tôi nghĩ nhà văn đàn bà có khả năng viết về những điều quái dị, hoặc những chuyện bên lề …. Còn tiểu thuyết vĩ đại trong giòng chính về hiện thực là giang sơn của đàn ông." ("I loved Eudora Welty, Flannery O'Connor, Katherine Ann Porter, Carson McCullers. There was a feeling that women could write about the freakish, the marginal…. [But] the mainstream …. big novel about real life was men's territory*," http://www.theparisreview.org/interviews/1791/the-art-of-fiction-no-137-alice-munro.) Hiện tượng "nhà văn đàn bà viết về những điều quái dị hoặc chuyện bên lề" và đàn ông "viết về những đề tài vĩ đại" có phản ảnh bối cảnh văn học Việt Nam của ngày hôm nay hay không? Hay hiện tượng này đã được đảo ngược, với một số nhà văn đàn ông Việt viết theo thể *magic realism* như một cách theo mốt, nhằm tránh bị kiểm duyệt, hoặc do nỗi "cô đơn" trong một thực tại nghiệt ngã của những biến cố xã hội và lịch sử mà Gabriel García Marquez đã đề cập trong diễn văn nhận giải văn chương Nobel năm 1982 của ông?
Vì sao gọi là viết theo thời trang? Khi một người viết không còn muốn đi theo con đường Hiện thực Tả chân của Nguyễn Công Hoan, hay không muốn theo lời khuyên "nên tả thực bề trong lẫn bề ngoài" của Nhất Linh trong *Viết và Đọc Tiểu Thuyết,* người viết ấy có quyền tìm cho mình một phương tiện khác. Thủ pháp Hiện thực Huyền ảo thỏa mãn ước muốn Phi Hiện thực trong đầu những tác giả muốn vượt thoát để đi tìm sự khác thường. Ngay cả khi lý trí cảnh giác không thể từ bỏ hiện thực một cách tuyệt đối, chỉ có thể chiêm nghiệm sự vật từ những góc độ không quy ước, người viết vẫn cảm thấy vô cùng tự do vì đã có thể bước ra khỏi quy ước. *L'anticonformisme*, hay tính chất*Không Tuân thủ* là nền của sáng tác.
Trong Thay Lời tựa của *Viết và Đọc Tiểu Thuyết,* Nhất Linh yêu cầu: "*Một số người đã có nhiều tác phẩm, suy xét lại về lối viết của mình và tìm ra con đường mới hợp với tài năng của mình hơn."* Những tác giả vận dụng Réalisme magique, không làm khác yêu cầu này.
"Nhà văn đàn bà viết về những điều quái dị hoặc chuyện bên lề và đàn ông viết về những đề tài vĩ đại…"
Munro hiểu rất rõ vị trí trang trọng của Carson McCullers và Virginia Wolf trên văn đàn, không thua sút Hemingway hay Faulkner, nên phát biểu của bà phải hiểu là lời trêu ghẹo pha chút

khiêu khích các đồng nghiệp nam hay Munro muốn nhấn mạnh đến khả năng mẫn cảm tinh tế của phụ nữ hoặc biện minh cho những chủ đề tâm đắc của mình?

Khá nhiều những truyện của Alice Munro, qua ba tập *Tình Yêu Của Một Phụ Nữ Đức Hạnh (L'Amour d'une honnête femme), Vũ Điệu của Những Bóng Mờ Hạnh Phúc (La Danse des Ombres Heureuses), Quá Nhiều Hạnh Phúc (Trop de Bonheur)* xoay quanh đời sống của các phụ nữ từ khi còn niên thiếu đến khi lập gia đình, sanh con, hoài thai, ly dị, tang chế rồi già nua… Munro khiêm nhường xem là chuyện bên lề, nhưng ngần ấy kiếp đời thâu vào trong nhiều truyện, khi nối lại, làm nên một phần lịch sử khẩn hoang của di dân Tô Cách Lan.
Trong *Những Bí Mật Thấu Đáo (Les Secrets de Polichinelle),* là tám câu chuyện của tám phụ nữ khác nhau, từ nữ nhân viên thư viện ước ao gặp người lính viết thư cho mình đến thiếu phụ ngày đêm rình rập chồng ngoại tình… tuy diễn biến tách biệt, gộp lại, vẫn là câu chuyện của ngôi làng miền Ontario từ giữa thế kỷ 19 đến khi thành một đô thị. Pearl Buck, trong *Đất Lành, GióĐông Gió Tây, Đường về Trùng Khánh* cũng ghi lại những câu chuyện của những thiếu phụ thành hôn, sinh nở, chịu phụ bạc, cay đắng, rồi già đi tìm ra hạnh phúc với con cháu. Không ai đánh giá thấp tầm vóc Pearl Buck. Về "những điều quái dị" trong *Bí Mật Thấu Đáo,* như cô bé dậy thì đột ngột mất tích trong một buổi đi rừng đến cô bé mộng du thề thốt đã trông thấy người hành tinh ban đêm, có thể viện dẫn Virginia Wolf từng cho cậu bé Jacob khăng khăng ôm về nhà đầu lâu xác trừu nhặt trên bãi cát để rồi thần chết theo Jacob vĩnh viễn. *Căn Phòng của Jacob* được xem là một thành tựu văn học. "Vĩ đại," không nằm trong chủ đề tác phẩm.
Phát biểu trên, đem so với bối cảnh truyện Việt Nam?

Nhìn từ xa, danh mục trường thiên tiểu thuyết do đàn ông Việt Nam viết. *Xóm Cầu Mới*, *Giòng Sông Thanh Thủy* của Nhất Linh. *Khu Rừng Lau* của Doãn Quốc Sỹ. *Mùa Biển Động, Sông Côn Mùa Lũ* của Nguyễn Mộng Giác. *Người Trăm Năm Cũ* của Hoàng Khởi Phong. *Người Đi Trên Mây* của Nguyễn Xuân Hoàng. *Gió Lửa, Đất Trời, Bể Dâu* của Nam Dao.*Cửa Biển* của Nguyên Hồng, *Đống Rác Cũ* của Nguyễn Công Hoan, *Người Cùng Quê* của Phan Tứ, *Vỡ Bờ* của Nguyễn Đình Thi và… *Giàn Thiêu* của Võ Thị Hảo.
Là những gì trưng bày trong hiệu sách.

Liên hệ với câu hỏi ở trên. Những điều "quái dị hoặc bên lề" ở vùng Ontario của Alice Munro có còn "quái dị" khi áp dụng vào bối cảnh văn chương Việt Nam hay không? Tại sao một số độc giả Việt Nam nghĩ rằng truyện của Alice Munro có phần "ảm đạm"? Định nghĩa "ảm đạm." Hiện nay, ai là những nhà văn "ảm đạm" của Việt Nam?
"[...]Nếu có thể đơn giản chia các nhà văn thành hai trường phái, một bên dùng ngôn ngữ để miêu tả thế giới, một bên dùng ngôn ngữ để dựng nên thế giới, thì Alice Munro, chủ nhân giải Nobel năm nay, thuộc trường phái thứ nhất. Tôi nghiêng về trường phái thứ hai. Bà không biết phải làm gì với William Faulkner, một trong những tác giả tôi ngưỡng mộ. Tôi không biết phải làm gì với Carson McCullers, một trong những tác giả bà cảm phục. Tôi sẽ không chọn Alice Munro nếu bị lưu đày ra một hòn đảo vắng mà chỉ được đem theo một cuốn sách. Nhưng tôi mừng và biết ơn là đã đọc bà. Thế giới văn chương mênh mông, gặp được một người như bà là may mắn.
Bà là bậc thầy của một phong cách: phong cách phi phong cách, phong cách tác giả giấu mặt. Không có gì tiết lộ người kể chuyện, người vừa biết hết vừa không can dự và tự phi tang. Mô hình đối lập hoàn hảo với bà là William Gass, cũng một nhà văn Bắc Mỹ, năm nay 89, hơn bà 7 tuổi, người chủ trương sự hiện diện triệt để của tác giả như yếu tố thiêng liêng nhất của văn bản văn học. Ông coi sự giải thể tác giả như tín hiệu suy tàn của một uy quyền, một thế lực

thần học, chẳng khác gì Thần Zeus bỗng bị lột sạch vũ khí sấm chớp, tuy còn ngự trên đỉnh Olympus nhưng ngủ trong xe thùng và đun nấu bằng bếp ga.
Tôi phải thú nhận, tác phẩm để đời, viết ròng rã 30 năm của William Gass, tiểu thuyết ngàn trang Đường hầm (The Tunnel), hai năm nay tôi đọc dở và hứng thú đọc tiếp ngày càng ít đi, mặc dù có một số điều ở đó – nói ra thì thật không công bằng – có thể khiến tôi đánh đổi rất nhiều trang Alice Munro cộng lại. Bà không có một magnum opus nào hết. Mọi truyện của bà đều không quá 40-50 trang, viết khi con ngủ, nghĩ khi gọt khoai tây. Bà viết nhỏ.
Văn chương, theo Paul Valéry, là nghệ thuật đùa với tâm hồn người khác. Có người đùa bằng sức mạnh của ngôn ngữ. Có người đùa bằng trí tuệ siêu phàm. Bằng kiến văn bao la. Bằng trí tưởng tượng rực rỡ. Bằng năng lực đi trước hoặc năng khiếu đi cùng thời đại. Bằng cảm xúc và cảm hứng. Bằng thủ pháp hay thủ đoạn. Bằng thử nghiệm hay những mớ thần kinh cách điệu… Tất cả những thứ ấy không có chỗ trên những trang viết nhỏ của Alice Munro. Chúng lùi hẳn ra xa, rất xa, để toàn bộ tâm trí chúng ta, người đọc, được tập trung vào phần cốt lõi không trang sức, được cuốn vào những câu chuyện mà bà kể bằng một giọng văn truyền thống và một ngôn ngữ hết sức giản dị. Nhiều lần đọc xong một truyện của bà, tôi thầm ghen tị. Phải bền bỉ, tinh tế quan sát cuộc đời và tôn trọng mọi khả năng hiện hữu của nó tới mức nào, phải từng trải và biết kiểm soát mình tới mức nào, phải tôi luyện tay nghề tới mức nào mới có thể kể được một câu chuyện như thế.
Hầu hết là chuyện của những người đàn bà trong những khoảnh khắc quyết định bước đi này hay bước đi kia của số phận. Hạnh phúc thì ngắn ngủi và vô định. Bất hạnh dài gấp đôi. Song với tất cả sự không khoan nhượng, người kể chuyện lão luyện Alice Munro không bỏ mặc người đọc cho bi quan. [...]"
Phạm Thị Hoài
http://www.procontra.asia/?p=3476
Ghi lại tiểu luận "Viết Nhỏ" của Phạm thị Hoài viết về Alice Munro vì tôi thấy thật hay mỗi lần đọc lại. Vì tôi cũng sẽ không mang Alice Munro lên hoang đảo nếu phải chọn đem theo một quyển sách. Ai đó đặt câu hỏi "Vì Sao?" Vì mỗi con người trưởng thành mang trong mình một tín ngưỡng văn chương.

Di vật

Mỗi con người ngày nay mang trong mình một di vật. Với tôi là chiến tranh và tiểu thuyết. Chiến tranh của suốt tuổi hoa niên không bao giờ chấm dứt và tiểu thuyết của một thời đại đã biến mất. Không biết từ bao giờ tôi nghiệm ra tuổi thơ của mình vẫn chưa chấm dứt. Tiếng súng AK trong đêm tối Tết Mậu Thân còn hộc lên như nhát búa. Tiếng súng in sâu vào tâm trí mà tôi không hay.

Lần đầu tiên tôi nghe tiếng súng sát cạnh nhà. Cả ánh lửa của trái hoả tiễn vút qua cửa sổ rồi nổ ầm rung chuyển trước khi khói bốc lên cao. Căn phòng tôi ở lầu hai, trông xuống xóm Chùa. Mẹ sai chị Ni tháo chấn song sắt của ô cửa sổ trông sang hãng Sáo công ty. Mẹ dặn nếu Việt Cộng đập cửa, u dẫn các em chui qua cửa sổ, lần theo mái ngói xuống nhà ông bà Văn Chung. U Đào vâng dạ. Tròng mắt u đầy kinh hãi. Thầy vắng nhà, xuống Long An khai trương rạp hát. Nhà không đàn ông nhưng mẹ vẫn bình tĩnh thu xếp mọi thứ. Một túi quần áo, một túi gạo và tư trang gói trong khăn lụa. Mẹ sắp xếp với kinh nghiệm tản cư từ Hà Nội. Câu chuyện tản cư chúng tôi nghe không biết bao nhiêu lần, cả nhà chạy về quê nội, rồi ông bị đấu tố, trói giật cánh khuỷu ở hàng rào ngôi nhà bây giờ là uỷ ban tỉnh Vĩnh Phú. Thầy và chú Ích bị trói quỳ ở giếng, nhảy dù Tây bất ngờ nhảy xuống Phú Thọ, bắn nhau trong vườn và bà nội lạc đạn, chết trên đường tải thương. Dường như từ ngày đó, ông im lặng. Từ ngày đó thầy và

mẹ không còn ủng hộ Việt Minh.

U có ủng hộ Việt Minh không? U đang đứng run rẩy, mãi u mới thưa bẩm: Thưa mợ, thế còn đồ đạc trong nhà ai trông? Mợ cho con ở lại trông chừng. Mẹ gạt: Bổn phận u là trông các em. Nhà này bỏ của chạy lấy người, u quên Phú Thọ rồi à.
U sắp sụt sùi. U từng chứng kiến bao cảnh gia đình tôi chạy loạn. Ngày xưa còn con gái vào ở cho gia đình ông, u có thương bà nội như thương mẹ bây giờ, u nghĩ gì khi vốc đất lấp mả hoang cho bà ven vệ đường? Chắc u ít kỷ niệm với đất Quảng của u bằng đất Bắc. Ít gắn bó với quê u như gắn bó với gia đình tôi. U lưu lạc phương nào làm sao từ đất Quảng Ngãi lại ra đến Phú Thọ, rồi theo thầy mẹ về thành, rồi di cư vào Nam. Sao u không theo Việt Minh mà theo về vùng tạm chiếm? Họ đấu tranh cho giai cấp của u mà. Nhiều năm sau này tôi hỏi: Sao gọi Sàigòn là vùng tạm chiếm? Phải gọi Lộc Ninh, Phước Long là vùng tạm chiếm mới đúng. U trả lời u chả biết. Và tôi cũng không biết. Nhưng năm 68 tôi hãy còn bé, tôi chưa biết đặt những câu hỏi khó như vậy. Tôi chưa biết chuyện gì xảy ra. Đất nước đang chiến tranh, tôi không hề biết. Mai Thảo đang viết tiểu thuyết, tôi không hay. Tôi chỉ biết đến u Đào và con đường từ nhà ra đến chợ Tân Định. Mỗi sáng u cầm tay giắt tôi băng qua đường, đi về hướng nhà thờ. Rồi u mua cho tôi cây kem, khi bịch bánh cay, trước khi u mỉm cười đứng ngó tôi bước chân qua cánh cổng sắt có các dì phước hung ác đứng canh. U Đào, u là ai? Cho đến bây giờ, hai mươi năm sau khi viết truyện Gia Phả, tự phong mình làm Thiếu Đế, vị hoàng đế cuối cùng của triều Trần, cho nhân vật u Đào đi ở cho tộc Trần, nuôi dưỡng Linh từ quốc mẫu Trần Thị, tôi vẫn chưa biết u là ai. Tên tuổi, làng quê, chánh quán của u, gia cảnh của u ra sao, u còn trinh hay không? Tôi chỉ biết u sống với gia đình mình từ lúc thầy còn trai trẻ, mẹ chưa về làm dâu, chúng tôi sinh nở trên tay u, trên hai cánh tay ẵm bồng của u, cho đến buổi tối Mậu Thân u tình nguyện ở lại giữ nhà.

Chúng tôi hét: Không, u đi với tụi con, u không được ở lại!
Chúng tôi níu lấy u làm như đã sắp chia cách.

Mẹ gắt: Im! Tiếng chân người đi lạo xạo ngoài cửa. Tiếng đập cửa ở các nhà chung quanh. Mẹ thì thào: Ni lên phòng ông tắt cây đèn trần. Nhanh. Chị Ni quýnh quáng trong lúc mẹ tắt cây đèn nhỏ thắp trên bàn thờ. Chúng tôi cứng người vì sợ hãi, bàn chân tôi lạnh như nước đá. Tôi lại bấu lấy u, đeo cứng lấy u không cho u nhúc nhích. Tôi chưa hình dung thế nào là Việt Cộng nhưng biết mẹ rất sợ những con người ngoài cửa. Tiếng đập cửa mỗi lúc một lớn. Tiếng quát tháo bắt mở cửa, lẫn tiếng gia đình Pharmacie Dung khẩn khoản. Pharmacie Dung sát vách nhà tôi. Mẹ bảo u cho các em chui qua cửa sổ. Mau. U Đào bắt đầu run. Chị cả giục Vũ nhanh lên! Tôi rướn người, uốn lưng luồn giữa hai chấn song. Bên trên trời đầy sao. Cả một vòm trời đầy sao bất chợt lấp lánh trên nền tím lạ thường. Phải sau này tôi mới hiểu vẻ đẹp của sự bất trắc. Nền trời khuya ửng những đám cháy hoà với các giải mây đen làm thành màu tím. Mãi sau này tôi mới nghi hoặc những tín hiệu của trời đất, các đốm sao muốn báo hiệu nguy biến, như trong chuyến hải trình vượt biên, giữa đêm tôi chợt khám phá biển chớp sao trước khi tàu chìm. Nhưng năm 68 tôi còn bé, lần đầu tiên trông thấy nền trời khuya không phản chiếu ánh điện. Gió mát từ kênh Nhiêu Lộc đưa tiếng còi hụ ở xa.
- Vũ nhanh lên! Chị cả thúc giục.
Tiếng súng nổ lúc đó. Tiếng súng nổ ran ngay trước cửa nhà. Tiếng súng nổ mạnh lắm. Lính Mỹ trên binh đinh Yên Đỗ đối diện bắn xuống mặt đường Hai Bà Trưng. Tôi nghe tiếng đạn chọc trên lớp nhựa. Tiếng đạn nạo lòng đất. Tiếng la hét, tiếng chạy huỳnh huỵch. Mẹ hốt hoảng lôi tuột tôi xuống. Cả nhà núp dưới bàn thờ. Lúc này tiếng súng liên tục. Tiếng súng đập vào hai lớp cửa sắt rung như bị nện búa. Tất cả đồ đạc lay chuyển. Không phải chúng tự chuyển động mà mỗi khi bích kích pháo rớt, tiếng ầm như sát bên cạnh, cả nhà lại nhốn nháo chạy từ vách tường bên này sang vách tường bên kia, hất đổ lọ bình, xô lệch bàn ghế. Tiếng súng át tất cả, nổ từng tràng, từng chập rồi đứt quãng, rồi lại râm ran. Chúng tôi theo dõi

gương mặt mẹ để đoán chừng an nguy. Gương mặt mẹ căng thẳng tột độ. Mẹ cũng đang theo dõi tiếng súng với hy vọng lính Mỹ tiếp tục bắn trả. Gương mặt mẹ khi ấy hẳn giống gương mặt mẹ ở Phú Thọ. Như mẹ kể lại. Mẹ đã khẩn cầu rồi vui sướng siết bao khi viên quan ba Tây chạy đến. Chậm một phút nữa là thầy và ông nội các con bị họ giết. Họ tra khảo để khảo của. Gương mặt mẹ lo lắng pha lẫn hy vọng. Hy vọng lính Mỹ tiếp tục chống trả. Sau này tất cả chị em chúng tôi đều cùng tự hỏi: Vì sao dân tộc chống Pháp giành độc lập mà gia đình chúng tôi lại mừng rỡ khi lính Tây nhảy dù xuống? Vì sao tướng Salan khi ném 3 tiểu đoàn Nhảy dù xuống Phủ Đoan, Đoan Hùng, Phú Thọ trong cuộc hành binh Lorraine đã vô tình cứu sống gia đình tôi? Vì sao Việt Minh muốn thắt cổ thầy, muốn hành quyết ông? Gia đình chúng tôi không làm việc cho Tây, mà yêu đất nước này. Ông không phải là địa chủ, nhà không có đất. Ông thừa kế hiệu thuốc Bắc của cố, mở thêm gian bán vải, ông chú có tiệm bánh trung thu. Có gì giàu sang đâu mà phải tội. Có cái gì đó trái ngược đến phi lý. Vì những con người giành độc lập là những con người tàn nhẫn, triệt hết tất cả những ai khác biệt. Chú Minh về sau giải thích như vậy. Nhưng vì sao ông cố là người Trung Hoa, gia đình tôi là một gia đình Trung Hoa chạy loạn sang Việt Nam lại can dự vào cuộc chiến này, mà thầy đứng hẳn về phía miền Nam, hy vọng Bắc tiến? Tôi không hiểu.

Năm 68 tôi chưa biết thắc mắc. Tôi chỉ là đứa bé kinh sợ mỗi khi tiếng đạn chọc vào lớp cửa sắt. Lớp sắt rung lên như tiếng nấc trong lòng tôi cố kềm hãm. Tôi chỉ biết thúc đầu gối vào mạn sườn u và ôm u chặt cứng. Tiếng đạn sẽ mãi mãi, vĩnh viễn, không bao giờ biến mất. Kể cả sau Mậu Thân. Chúng chốt xoáy trong trí óc tôi một đầu đạn vô hình. Chúng chọc thủng tấm màn lịch sử buộc phải tự tìm hiểu.
Tôi nhắm chặt mắt, bưng tai, dúi mặt vào ngực u tìm sự bảo bọc, tìm cả sự êm ái mà chỉ có u mới có thể đem đến cho tôi vì mẹ luôn cứng rắn. Đến khi u bế xốc tôi lên, tôi mở mắt nhìn thấy lửa cháy cuồn cuộn phừng phừng trên các dãy nhà phía sau đường Đặng Tất trong xóm Chùa. Cháy, cháy, mợ ơi. Cháy. U hốt hoảng. Mẹ quát: U đưa các em xuống lầu. Mau. Ni hứng nước vào các chậu, nếu lửa lan đến nhà mình thì dội. Mẹ sắp xếp, phân bố công việc cho tất cả mọi người. K, anh cả xách túi áo quần. Chị N, chị cả kéo bịch gạo. U bế tôi xuống bếp. Sân bếp tối om. Tiếng ống nước chảy chị Ni đang hứng vào chậu kêu như thác.

Đến khi súng ngớt, chị Ni thì thầm: Họ rút đi rồi. May lính Mỹ đóng trước nhà mình. Tôi nhớ đến toà binh đinh quét vôi trắng, kế bảo sanh viện Lương Kim Vi, hằng ngày có những người lính cao lớn, ngón tay to bằng quả chuối hay ngoắc vẫy lũ trẻ chơi đánh đáo trong xóm, thảy những phong kẹo cao su. Thầy cấm không cho tôi lượm và cấm lai vãng đến gần. Toà binh đinh đồ sộ trước cửa, chỉ cần tôi lên lầu ba là nhìn thấy, ngay bên kia đường, trên sân thượng có chất bao cát. Mấy người lính gác hay đi qua đi lại trên nóc sân thượng hút thuốc. Tôi nhớ người lính da đen có đôi mắt lồi trắng dã mà chúng tôi gọi là ông kẹ. Tôi tưởng tượng ông kẹ đang bắn nhau với Việt Cộng. Tôi tưởng tượng chú Hải, chú Diệp, chú Các, chú Xá đang bắn nhau với Việt Cộng. Thầy ở đâu? Tôi nhớ thầy da diết. Tôi thèm được thầy hôn vào má, những cọng râu cứng của thầy làm tôi rùng mình. Tôi chưa biết lo lắng, nhưng tôi nhớ thầy, loáng thoáng hiểu thầy gặp nguy hiểm, tôi đọc nhẩm bài kinh Kính Mừng mà các sơ dạy trong trường để cầu nguyện cho thầy. Nhưng tôi chỉ đọc được mấy câu Kính mừng María đầy ơn phước, đức chúa trời ở cùng bà... rồi thiếp vào giấc ngủ. Trong giấc ngủ là một quãng vắng bình yên mà trí nhớ tôi không lưu trữ.

Sáng hôm sau tôi thức giấc dưới chân bàn thờ Phật, bức hình ông vẫn hiền từ bên cạnh hình bà nội chết trẻ. Tôi nằm giữa những cánh mai vàng lấm tấm rụng trên đất. Cành mai sáng mùng một còn vàng hoe bây giờ đã sớm rụng. Mùi nhang ngào ngạt. Mẹ đang khấn vái trước bàn thờ vẫn còn đầy hoa quả. Đĩa chôm chôm. Đĩa xoài cát. Đĩa nhãn mọng. Quả dưa hấu to tướng và bốn cặp bánh chưng của cô Cắm gói. Tôi kêu đói. U nói để u đi chiên bánh chưng. Cả nhà túm tụm ở tầng thờ. Tôi biết đêm qua u Đào bế tôi lên trong giấc ngủ. Tôi dụi mắt nghe

chị Ni nói đặc công nằm vùng uýnh binh đinh Mỹ thua rồi. Chúng tôi chạy ra cửa. Mẹ la: U không cho các em ra ngoài. U cản. Chúng tôi tiu nghỉu đứng sau hai lớp cửa sắt kín bưng. Ngôi nhà thiếu ánh sáng âm u. Trong bóng tối yên lặng tôi đếm những lỗ thủng trên tấm sắt, nắng rọi qua như những ống hơi ai luồn qua cửa, những ống hơi sáng trong vơ vẩn bụi bay theo đường ống. Tôi lấy tay chận ánh sáng, đưa qua đưa lại trước lỗ thủng trước khi áp sát vào lỗ sắt rồi xoè ra xem chiến tranh đã in lên bàn tay mình chưa. Bàn tay tôi trắng trẻo không dấu vết. Chiến tranh vẫn còn phía bên kia đường. Tôi an tâm. K đang châu mắt vào một lỗ thủng. K vừa nhìn vừa nói có mấy xác chết trước hiệu phở Bình. Tôi cũng châu mắt vào xem. Qua lỗ thủng, trên mặt đường một xác đàn ông tênh hênh không thấy mặt. Một xác khác nằm úp tay quặp dưới bụng. Một xác nữa ruột đổ ra mặt đường. Chung quanh có lớp sẫm sền sệt. Không thấy súng, chỉ có một cái khăn ca rô sọc ngang sọc dọc vất lây lất gần nắp cống. Tôi cố ngước nhìn lên binh đinh Mỹ, nhưng mấy cái lỗ đạn quá thấp, quỳ gối cũng không nhìn thấy, chỉ thấy cái bục gác trống không.

Đến trưa nhà ông Thanh Tùng chạy sang đập cửa nói đánh lớn ở kho quân cụ, bộ tư lệnh hải quân bị vây rồi. Mẹ không cho mở cửa. Cô Ổn điện thoại báo tin chú Ổn kẹt ở cổng số 4 bộ Tổng Tham Mưu chưa biết sống chết. Chú Sâm bị bắn chết ở Tổng Nha Cảnh Sát. Chú Diệp, chú Các, chú Hải ứng chiến không có tin tức. Việt Cộng đã vào Sàigòn. Chú Hênh từ dưới Chợ Lớn điện tiếp: Chị Bảo, Pá em sang với cô Cắm bị kẹt ở cầu chữ Y rồi, đánh lớn lắm, tụi nó về nhiều lắm. Chế Màn hỏi anh Pảo có tin tức gì không?

Vẫn chưa có tin của thầy. Mẹ cũng bấn, cố giữ bình tĩnh, thắp thêm nhang, sai u đong thêm túi gạo. Mẹ dặn đong ít thôi, không vác nặng, u còn phải trông các em. Rồi mẹ gọi lại cho cô Sâm chia buồn, cô Sâm là nữ quân nhân, chú Sâm vừa biệt phái về Tổng Nha mấy hôm trước Tết. Nhưng đường dây điện thoại bị đứt. Chị N bật truyền hình, đài truyền hình không phát hình. Mẹ bảo mở radio, các bản nhạc hùng trầm bổng. Chị N nghĩ Việt Cộng chiếm đài phát thanh rồi. Mẹ bảo Chưa. Nếu đài phát thanh bị chiếm họ đã phát lệnh hiệu triệu. K hỏi nhưng nếu chưa bị chiếm sao không có tin tức. Mẹ không biết. Mẹ muốn gọi cho cô Út, cô Cắm, thím Hải, hỏi thăm các chú được lệnh trình diện đơn vị, nhưng đường giây vẫn bị cắt. Súng lúc này không còn nổ phía chùa Vĩnh Nghiêm mà âm âm khu cầu Sắt. Chị em chúng tôi rúc xuống bếp. U lại chiên bánh chưng. U khuyên Mợ ăn lấy sức. Mẹ đụng đũa chiếu lệ, than thở: Không biết ông Bảo bây giờ ra sao. U an ủi mẹ: Cậu mợ ở hiền, trời Phật độ. Tuy nói vậy, nhưng u cũng rươm rướm nước mắt. Chị em chúng tôi ai cũng nhớ thầy. Sợ thầy gặp nạn. Sau Tết Mậu Thân thầy kể, chuyến xe đò của thầy đi từ Long An lên Sàigòn bị Việt Cộng chận. Việt Cộng của tỉnh đội Tân An pha đèn bấm giữa mặt thầy, may mắn xe ở đồn quân cảnh chạy ngang, Việt Cộng xả súng bắn rồi bỏ chạy, thầy nhảy xuống mương, đến khi liên đoàn Bảo An đi qua được cứu. Tội chết mất ông trung sĩ quân cảnh. Lần nào kể chuyện, thầy cũng nhắc đến ông trung sĩ thế mạng, nếu không có ông chắc thầy đã bị bắt đi.

Lúc này bích kích pháo rơi xuống phía Gò Vấp liên tục. Lửa cháy ở phía Hàng Xanh có cuộn. Tiếng hoả tiễn rơi nghe rất lạ. Ban đầu giống như có tiếng sáo, rồi tiếng gió hú, tiếng nổ làm mặt đất rung, cuối cùng mới là tiếng rít xoáy. Gia đình ông Thanh Tùng di tản, chạy ngang nhà đập cửa: Tụi nó vào tới Tân Sơn Nhứt, Tổng Tham Mưu rồi, chạy đi. Ông bà Tuấn Kiệt cũng chạy qua nhà gọi: Bà Bảo chạy đi, Việt Cộng chiếm trại Phi Long, Lăng Cha Cả rồi. Mẹ bắt đầu mất điềm tĩnh. Gia đình ông bà bán hàng sơn cũng chạy, chỉ có hiệu bún bò Tân Thanh khuyên mọi người ở lại. Mẹ hối: U đã cất đồ của cụ chưa. U hấp tấp, vừa bế tôi vừa cho các di vật trên bàn thờ vào bao. Bốn tấm ảnh của cụ cố, ông nội, bà nội, chị Zính. U với tay lấy cái tráp, bên trong có một cuốn vở ghi gia phả, vài cặp kính của những người đã khuất, chiếc bậc lửa đốt dầu hôi bằng nhôm của ông và một ve rượu đế. Tôi nhìn u túm tất cả lại, kỹ lưỡng, tuy gấp gáp mà u vẫn gói thận trọng sợ vỡ khung ảnh, làm như u sợ ông la. Tôi biết cái tráp. Nhiều lần tò mò mở xem, tôi hỏi Tại sao nhà mình giữ ve rượu. Thầy nói ve rượu là di vật,

không được vất. Cô Cắm nói ve rượu ông nội cháu uống dở khi chết. Ve rượu đem từ ngoài Bắc, ông nội cháu đi đâu cũng giắt theo mình. Tôi vặn nắp chai. Chiếc nắp thiếc đã rỉ, đáy ve cạn khô, nhưng hơi rượu cay đến chóng mặt. Chiếc bậc lửa bằng nhôm có khảm mấy chữ Tàu, bên dưới khắc 1920. Bây giờ Sàigòn còn chiếc bật lửa nào chạy dầu hôi hay không? Cuốn gia phả viết bằng ba thứ chữ Hoa, Pháp, Việt. Tôi chỉ đọc được phần cuối tiếng Việt, do ông chú chép: Cố tên Lưu Kim Nhật, ông tên Lưu Phú Chương, ông chú tên Lưu Phú Quý, thầy Lưu Linh Bảo. Sao phần cháu không ghi gì. Cô Cắm cười ông chú chừa trang cho cháu sau này viết. Cái tráp chỉ là một hộp bánh biscuit. Tôi nhìn u bọc thêm lớp gấm rồi thắt bao vải. Mẹ gọi U ơi nhanh lên. Giọng K sốt ruột, u ơi người ta đi hết rồi. N đâu? Ni lên phòng xem N đâu? Chị N xuất hiện. Chị mặc đầm trắng, nón trắng, giày trắng, ví đầm, bước xuống cầu thang. Con xong rồi mẹ. Chị nhoẻn cười. Cô đi thay đồ ngay cho tôi. Mẹ gắt. Chị phụng phịu. Chị là hoa khôi Thiên Phước, chị tâm niệm phải luôn xinh đẹp trong mọi hoàn cảnh. Tôi hỏi u, con có phải thay đồ không u. U vuốt đầu: Cậu mặc như vậy được, để u mang tất cho cậu. U chòng bít tất cho tôi, trong lúc tôi lại hỏi: Con mặc pyjama ra đường hở u? U cười pyjama của cậu hách lắm.

Súng bất chợt nổ ác liệt. Súng bắn liên thanh miệt dưới Chi Lăng rồi lan ra cả phía cầu Bông. Chị Ni chạy thục mạng từ cửa vào hốt hoảng: Cô ơi lính Mỹ rút rồi. Đánh tới dưới chân cầu rồi. Mẹ quyết định chạy theo lính Mỹ. Nhưng lính Mỹ đã biến mất. Toà binh đình bỏ không. Trống hoác. Không còn ai trên tầng thượng chỉ còn trơ dẫy bao cát. Cánh cửa sắt mở toang phơi bày mặt đường ngổn ngang ba cái xác vẫn nằm đó, cạnh đoàn người chạy loạn từ bên kia Phú Nhuận băng qua cầu Kiệu tràn xuống Hai Bà Trưng. Ánh sáng sáng trưng. Ánh sáng đến nhức mắt. Chiến tranh phơi bày tất cả dữ dằn. Những sợi dây điện đứt, mấy chiếc xe hơi kính bể nát, một tấm biển quảng cáo thuốc lá Mélia thủng lỗ chỗ. Chúng tôi đứng líu ríu nép bên mẹ và u Đào. Ánh sáng nhức mắt vì chúng tôi ở trong bóng mờ quá lâu. Nhưng sau này tôi vẫn muốn nghĩ chính hình ảnh thật của chiến tranh làm chúng tôi nhức mắt chứ không phải ánh nắng. Chiến tranh làm đau đớn đôi mắt của người Việt, chứ không phải mặt trời. Sau này tôi nghĩ vậy. Khi ấy, K để ý lá cờ vàng ba sọc treo trước nhà sáng mùng một bị ai giật mất. Chị N thắc mắc anh Trình bên Pharmacie Dung có bị Việt Cộng bắt hay không. Sao cửa sắt bên đó im lìm hay họ bị Việt Cộng dẫn đi hết rồi. Mẹ hối chúng tôi nhập vào dòng người. Mẹ dặn: U và Ni nắm tay các em không được để lạc. Trường hợp lạc đưa các em đến dưỡng đường của bác sĩ Nguyễn Duy Tài trên đường Duy Tân, không được đến đâu khác. Nói là gia đình bà Bảo Lợi thầu cung cấp ở Vũng Tàu lúc trước. U nhớ không? U lắp bắp nhưng mẹ đã bắt u nắm chắc lấy tay tôi rồi hối cả nhà chạy theo đoàn người. Tôi bỡ ngỡ nhìn đường phố tôi vẫn đi học mỗi sáng. Mới hôm qua xác pháo còn đỏ thẫm. Mới hôm qua tôi đứng bịt tai xem K châm pháo. Pháo nổ ròn rã, ròn tan. Pháo đì đùng. Tôi say mùi pháo thơm ngát, túi ngập phong bao lì xì. Bây giờ đại lộ Hai Bà Trưng rách nát. Tôi nhìn hiệu thuốc cam hàng Bạc, hiệu uốn tóc Tân Hồng Kông, tiệm Hải Ký, tiệm bánh cuốn Thanh Xuân, tiệm kem Ngọc Lan, rạp hát Kinh Thành, tất cả hiện ra, tơi tả. Tất cả dị hợm đến kỳ dị. Mấy xe mì ngả chỏng chơ, sạp bánh cuốn bị ai lôi ra lề đường, hiệu ảnh Chí Mỹ bể kính, các tấm phông vẽ đoàn cải lương Dạ Lý Hương rách loang lổ, xe nước mía đầy vết đạn. Bảo sanh viện Lương Kim Vi chật cứng người. Rồi tôi không thấy gì nữa. Người lớn chen lấn tứ phía. Những thân người to lớn húc đẩy vây lấy chị em chúng tôi. Tôi nghe tiếng u Đào van vỉ, van xin mọi người đừng dẫm lên chúng tôi. Ông ơi cho các cháu đi qua. Nhưng u cũng bị lấn. Cuối cùng u cõng tôi lên lưng, một tay xách túi gạo, u đeo bao di vật quanh cổ. Trên lưng u, tôi thấy từng cuộn khói đen bốc lên từ phía rạp Kinh Đô. Đoàn người đông vô kể, bồng bế, gồng gánh, khuân vác, đi như chạy. Chập chập súng nổ từng tràng lớn. Tiếng súng lớn súng nhỏ lẫn lộn. Mỗi chập như vậy, mọi người co rúm lại, ngồi thụp xuống. Sau tiếng nổ lớn, là những tiếng hô hoán: Hoả tiễn 122 ly rớt trúng rạp Văn Hoa cháy rồi. Cháy ở Đa Kao. Việt Cộng đột kích trại Hoàng Hoa Thám. Trực thăng bay vần vũ về phía Thị Nghè. Một người nói Đi theo hướng trực thăng bên mình. Người khác chửi Đang đánh ở Thị Nghè, đi về hướng đó cho chết hả. Tiếng trẻ nít la thét, tất cả hỗn độn. Súng

nổ chát chúa. Đám đông lại rú lên nhốn nháo. Tôi bấu cứng lấy u vì sợ. Đột ngột từ đầu đoàn chạy loạn phát lên tiếng kêu mừng rỡ: Lính Cộng Hoà! Lính Cộng Hoà!
Tôi thấy mẹ chảy nước mắt. Tôi thấy u chảy nước mắt. Tôi thấy chị Ni mắt đỏ hoe và không hiểu vì sao anh em chúng tôi cũng khóc. Vì sự xúc động của người lớn. Tôi không rõ, nhưng bây giờ tôi hiểu, tôi khóc vì mẹ và u khóc. Vì những giọt nước mắt của mẹ mang những giọt nước mắt cho tôi. Vì nỗi lo của mẹ mang nỗi lo cho tôi. Vì niềm hân hoan của mẹ giành cho tôi. Vì u thương gia đình tôi và vì u đang khóc cho gia đình tôi may mắn. U nức nở Sống rồi mợ ơi. Sống rồi mợ ơi. Mẹ gật đầu Nhà mình sống rồi. Các con nín đi, nhà mình sống rồi.

Chúng tôi vẫn khóc trong mừng rỡ. Mẹ bảo nín nhưng mẹ vẫn ứa nước mắt. Tôi vừa thút thít vừa mở lớn mắt. Những người lính Biệt Động Quân đội mũ sắt vẽ hình đầu cọp vàng bước hàng một từ hướng nghĩa địa Mạc Đỉnh Chi tiến xuống. Một đại uý đi đầu không ngớt khua tay: Đồng bào yên tâm, đồng bào yên tâm, Việt Cộng đã bị đánh bật ra khỏi quận Nhất. Tiểu đoàn chúng tôi xuống tăng cường quận Phú Nhuận. Đồng bào cứ tiến về phía trước, tiếp tục tiến về phía trước, sẽ gặp trạm y tế cứu trợ. Đừng chen lấn. Chính quyền quốc gia sẽ đánh bật Cộng Sản ra khỏi Sàigòn. Đồng bào yên tâm, đồng bào yên tâm...

Một người lính Biệt Động Quân trèo lên cột đèn tháo cờ Mặt Trận Giải Phóng. Tất cả mọi người vẫn chảy nước mắt. Khóc cho tuôn hết những sợ hãi. Đại uý Hùng. Tôi còn nhớ bảng tên ông trên nắp áo. Ông đi qua trước mặt tôi, ông không ngớt lập đi lập lại: Đồng bào đi lên phía trước, có sữa, có thuốc men, có quân cảnh bảo vệ... Tôi nhìn ông đăm đăm. Sau này tôi biết, chiến tranh đã chụp bắt tôi từ trận Mậu Thân. Mặc dù tôi chỉ là một đứa bé, chiến tranh không tha thứ. Tôi biết mãi mãi chiến tranh sẽ chế ngự linh hồn mình, tàn phá huỷ diệt tâm tính mình, nhưng tôi cũng biết, một cách tiềm ẩn, chính chiến tranh trong buổi sáng ngày hôm ấy, buổi sáng mùng hai Tết Mậu Thân, đã định hình, đã dạy cho tôi biết phân biệt những khác biệt trong chiến tranh. Có những người lính giết hại, thủ tiêu, đập đầu, như sẽ diễn ra ngoài Huế, và có những người lính mà sự hiện diện đồng nghĩa với sự sống. Tôi mang những người lính này trong lòng như một di vật.

Chúng tôi an táng chú Sâm ở Bắc Việt Nghĩa Trang, trưa mùng bảy Tết.

Trần Vũ và giáo sĩ Đắc Lộ trong thế giới huyền ảo

Ban Mai

"… Tuyết quyết định chữa dứt di căn của chứng bệnh thối ruột gan, như nàng đã chữa cho trung úy De Lattre. Tuyết mút dương vật cha cố, hút hết các chất lỏng vàng hôi thối rồi nhổ xuống chậu gốm, cho đến khi chậu gốm đầy ắp phải đem đổ ở gốc sữa. Mỗi tối Alexandre de Rhodes rên la vì thân thể ông căng phồng lên đến mức áo chùng rách bươm, và mỗi khi Tuyết mút quá mạnh, bụng giáo sĩ teo tọp hẳn lại tựa tất cả ruột gan đều trôi vào miệng nàng. Tuyết cũng xấu hổ, biết nàng làm chuyện dơ bẩn, thiếu kính trọng, thiếu đạo đức của một con chiên, nhưng Tuyết quyết tâm chữa cho bằng hết chứng cô buồn giáo sĩ. Nhất Linh đã bắt nàng làm một con điếm không nhân cách, nhưng Tuyết vẫn là một người đàn bà giàu tình thương, lòng trắc ẩn. Tuyết muốn trả ân nghĩa đã thọ ơn cha cố. Mỗi tối nàng miệt mài hút hết chất nước vàng cho đến một đêm chất lỏng trở nên trắng ấm thơm mùi lúa mạch nhuyễn bột như vị bánh thánh Alexandre de Rhodes vẫn cho nàng ngậm mỗi sáng Chủ Nhật rước lễ trong nhà nguyện. Kể từ sau đêm ấy, giáo sĩ hoàn toàn khỏi bệnh, ông trở nên khỏe mạnh và trẻ măng như một vị linh mục vừa tốt nghiệp trường thần học".[1]

Lần đầu tiên đọc truyện của Trần Vũ, tôi sốc.

Thật vậy, nếu ai đã từng đọc truyện của ông sẽ có cảm giác choáng váng trong ma trận chữ nghĩa của nhà văn. Truyện của Trần Vũ luôn tạo ấn tượng đặc biệt nơi người đọc, đồng thời cũng gây nhiều tranh cãi trong làng văn.

Trần Vũ bắt đầu viết truyện năm 25 tuổi. Tác phẩm đầu tiên: Truyện ngắn *Đồng cỏ Miên*[2] kể về ba thanh niên Việt Nam đi bộ đội sang Campuchia tìm đường thoát sang Thái Lan bị Khmer Đỏ bắn chết… nói lên tâm trạng bế tắc của những thanh niên miền Nam, một giai đoạn lịch sử đầy cay đắng. Truyện gửi đăng trên nguyệt san *Làng Văn* tháng 5/1988, lập tức gây được tiếng vang. Các truyện ngắn tiếp theo đều gây sự chú ý. Đến *Ngôi nhà sau lưng văn miếu*[3] và *Bên trong pháo đài*[4] đăng trên tạp chí *Văn Học*, Trần Vũ trở thành hiện tượng của văn học hải ngoại hai năm 1988-1989 và là người viết trẻ tuổi nhất lúc đó. Giai đoạn 1991-1993 Trần Vũ lại gây xôn xao báo giới, bị công kích gay gắt vì loạt truyện lịch sử về các anh hùng Nguyễn Huệ, Trần Thủ Độ với văn phong và cách nhìn táo bạo, bị cho là đi ngược lại với quan niệm truyền thống. Năm 1994, truyện vừa *Giấc mơ Thổ* kể về cuộc hành trình ngược dòng quá khứ, với những hình ảnh đầy bạo lực, câu văn như ứa máu cùng cảnh ăn thịt rồng đã gây không ít phẫn nộ, ở một bộ phận độc giả[5]. Năm 2002 truyện vừa *Giáo*sĩ lại gây phản ứng dữ dội vì đụng chạm đến tôn giáo.[6]

Trong hai mươi năm, Trần Vũ đã sáng tác trên 40 tác phẩm gồm nhiều thể loại, truyện ngắn, truyện vừa, bút ký, tiểu luận, truyện dịch.

Trần Vũ đã xuất bản các tập truyện ngắn:

- *Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu*, Thời Văn 1988, Hồng Lĩnh tái bản 1994

- *Cái Chết Sau Quá Khứ*, Hồng Lĩnh xuất bản 1993

- *Sous Une Pluie d'Epines*, nxb Flammarion 1998

- *The Dragon Hunt*, nxb Hyperion 1999

Ngoài ra, ông còn các truyện ngắn: *Nhã Nam, Táo Mỹ và những Nhụy Cúc, Vĩ Diên, Dấu hỏi Sorrente;* Truyện vừa: *Giấc mơ Thổ, Giáo sĩ, Cái Chết sau Quá Khứ.* Ký: *Sài Gòn ngày Lạ Mặt, Hiệp Hội Tương Tế Bắc Việt Nghĩa Trang.* Tiểu luận:*Đông Dương 1993, Lịch Sử trong Tiểu Thuyết; Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc Hậu Hiện Đại. Điện Biên Phủ, Định Mệnh của Kẻ Thù; Sát Thát; Suy nghĩ mãn Thanh.* Truyện dịch: *Rửa tội* của Nina McPherson, *María Dos Prazerès* của Gabriel García Márquez… in rải rác trên các báo, tạp chí: *Granta*, *Le Serpent à Plume*, *Văn*, *Văn Học*, *Hợp Lưu*, *Làng Văn*, *Thế Kỷ 21*, *Talawas*.

Viết về Trần Vũ thật không dễ, vì đã có quá nhiều bài viết.[7] Viết về một nhà văn hải ngoại đối với một người đọc trong nước lại càng là một thách thức, vì những khó khăn về mặt tài liệu. Biết vậy, nhưng tôi vẫn làm một việc "liều lĩnh."[8]

Bài viết này, giới hạn trong việc phân tích truyện vừa *Giáo sĩ* qua đó tìm hiểu bút pháp và quan niệm sáng tác của nhà văn.

*

Truyện vừa *Giáo sĩ* được Trần Vũ bắt đầu viết vào năm 1991 và đăng đoạn đầu trên Tạp chí *Hợp Lưu* số 25, tháng 10/1991.[9]Trong version đầu tiên, Hợp Lưu giới thiệu đây là một

truyện dài, khởi đăng nhiều kỳ với tựa đề *Pháo đài* kể về cuộc Thánh chiến ở Cao Bằng, truyện kể xoay quanh mối tình giữa cố đại úy Francis Garnier và dì phước Louise, hình ảnh nhân vật vợ chồng A Phủ bước ra khỏi tiểu thuyết, cha cố A.De Rhodes sống lại còn mờ nhạt. Tuy nhiên, truyện dừng lại ở những chương đầu. Vì nhiều lý do, tác giả không tiếp tục viết tiếp… sau đó nhiều năm vẫn nghĩ đến truyện này, cho đến năm 2002 khi truyện đã chín mùi trong suy nghĩ, ông bắt tay viết lại với nội dung khác và thay đổi nhân vật, lấy tựa đề *Giáo sĩ* như văn bản đăng trên tạp chí Hợp Lưu năm 2002. Văn bản này lấy Giáo sĩ Alexandre de Rhodes[10] làm nhân vật trung tâm, thêm nhân vật trung úy De Lattre[11], đức chúa Jésus; Hai nhân vật tiểu thuyết A Phủ, Mỵ trong *Vợ chồng A Phủ* của nhà văn Tô Hoài được thay thế bằng nhân vật Tuyết trong *Đời Mưa Gió* của văn hào Nhất Linh, Khái Hưng. Cố đại úy Francis Garnier và dì phước Louise vẫn có mặt trong truyện nhưng là những nhân vật phụ, làm đầy câu chuyện.

Thời gian diễn biến vào đầu thập niên 50 của thế kỷ 20 tại Bắc Việt, trong khu tam giác Cao-Bắc-Lạng, nơi xảy ra cuộc chiến ác liệt giữa Việt Minh và quân đoàn viễn chinh Pháp trên tuyến đường Biên Giới.

Giáo sĩ Alexandre de Rhodes hồi sinh sau 300 năm, mang gương mặt thống khổ và si mê của một oan hồn vất vưởng, chưa hề biết đến tình yêu, mà đã mang nỗi buồn chín thối ruột gan của những người đàn ông không toại nguyện thân xác. Đức cha, bị ám ảnh tình dục, chui rúc trong nhà nguyện, mặc cảm với tất cả đàn bà vì theo đạo nên không thể hành sử chức năng đàn ông. Giáo sĩ chỉ còn một giải trí duy nhất, nỗi đam mê cuối cùng, đam mê tiểu thuyết. Alexandre de Rhodes khám phá ra tiểu thuyết An-nam của Tự Lực Văn Đoàn và say mê dịch những cuốn tiểu thuyết diễm tình, như ngày xưa ông đã dịch phép giảng tám ngày từ tiếng Bồ sang tiếng Việt. Rồi đến một ngày giáo sĩ thảng thốt bắt gặp nhân vật Tuyết trong *Đời Mưa Gió* bật dậy từ trang sách. Đức cha de Rhodes cứ ngỡ rằng nàng là cô gái thành Goa, người thiếu nữ mà khi còn là chủng sinh Cha đem lòng yêu thương từ năm 14 tuổi, nhưng vì điều răn của chúa trời, Cha không thể thổ lộ tình yêu, và cũng không được quyền yêu. Tình yêu chưa toại nguyện trên trần thế và chiếc bánh thánh ngậm trong miệng không bao giờ tan day dứt linh hồn giáo sĩ: "*Cho đến phút lâm chung trút hơi thở cuối cùng, trên giường bệnh trong thành Ba Tư, Alexandre vẫn hãy còn kêu tên người đàn bà mà anh chưa hề biết. Nhưng anh không tìm ra chữ… Anh không thể thốt lên lời tỏ tình chưa ghi chép trong kinh thánh,"* để rồi ba trăm năm sau, linh hồn giáo sĩ bỗng bừng cháy khi tìm thấy cô gái thành Goa qua nhân vật Tuyết. Như sống lại thời trai trẻ Cha khao khát tận hưởng trái cấm, bất chấp lời răn đe của hồng y Richelieu, để một lần biết đến hương vị ngọt ngào của tình yêu mà Cha chờ đợi. Những ức chế trong tâm hồn giáo sĩ được khai mở, ước muốn được sống như một người đàn ông bình thường, được yêu thương và tận hưởng, không còn mặc cảm đau đớn của một người đàn ông bất lực. Và Đức cha sẵn sàng đón nhận hình phạt bị lửa Satan đốt cháy khi phạm điều răn của chúa trời. Cảnh làm tình của hồn ma giáo sĩ với nhân vật tiểu thuyết là một trường đoạn dữ dội, đam mê chất ngất: *"…Alexandre bị nhấc bổng lên không trung theo điệu múa quỷ quái của quả chuông rồi kéo lê lết đến tận bao lơn tháp trước khi chịu lôi giật về hướng ngược lại. Ở mỗi cơn động kinh Alexandre bị các cuồng lửa bắt xém vào áo chùng làm phỏng rộp thịt da cho đến lúc tấm áo cháy tiêu và thân thể anh hoàn toàn trần truồng. Chính lúc đó Tuyết xuất hiện ở cửa tháp. Chính lúc đó Alexandre tin chắc ngày cuối cùng đã đến và Thiên Chúa sống dậy phán xét loài người.*

- Blời ơi! Tận thế rồi!

Tuyết ôm chầm lấy giáo sĩ lúc đó.

(…) Lửa của buổi sáng đó cũng bắt vào hai vạt áo dài của Tuyết khiến cháy tiêu quần áo trên mình nàng. Tuyết khám phá ra nàng không thể chết. Nàng là một nhân vật tiểu thuyết không có khả năng chết. Gió xô đẩy cả hai đến sát bao lơn, Tuyết khiếp hãi co chân quắp lấy mình Alexandre, cho trĩu thêm sức nặng để cả hai đừng rớt ngã xuống khoảng trống chơi vơi sâu hút. Chính lúc đó trong sâu chín sợ hãi Tuyết đã cảm ra da thịt giáo sĩ tươi rói cứng cáp đâm thẳng vào cửa mình nàng đột ngột bất ngờ như tiếng chuông bỗng hét lên tiếng rú rách trời. Tuyết đã kêu lên đau đớn tưởng chừng nàng có thể ngất đi vì sướng. Chưa bao giờ Tuyết làm tình với một người đàn ông rắn chắc khỏe mạnh như với giáo sĩ, tuồng thân thể anh là chiếc gậy chống của Moise, cây gậy chống dài có thể xẻ đôi Hồng Hải. Tuyết rên la từng cơn, mỗi lúc lửa vây lấy cả hai cháy rực các bức rèm nhung có ngọn, mỗi lúc Alexandre xâm nhập vào sâu trong thân thể nàng làm như anh cũng hoảng sợ cố bám víu vào thân xác Tuyết di truyền một giọt máu. Tuyết kêu la không ngớt, bấu chắc lấy cần cổ Alexandre đánh đu dưới quả chuông đong đưa, theo nhịp giật của dây thừng kéo lôi cả hai từ bao lơn này đến bao lơn khác, hết vực sâu này xuống vực sâu khác, rơi từ vực thẳm của sung sướng xuống những mái nhà ngói đỏ li ti rồi nhảy giật lên tháp trong tiếng rên la của thân xác.”

Nhân vật Bernard de Lattre trong *Giáo sĩ* là một trong những sĩ quan trẻ của trung đoàn 3 Lê Dương.[12] Anh *“…mang trên mình sức sống còn trinh nguyên của những bông lys trắng chưa héo úa. Viên trung úy trẻ mang vẻ đẹp cao sang quyền quý của những tử tước thời trung cổ, vừa vương giả, vừa tinh khiết của các cô dâu ngày cưới.* Nhưng khác hẳn đại tướng Jean de Lattre, là một người lính nhưng *Bernard không đi tìm hào quang chiến thắng, không ước muốn chinh phục Đông Dương, anh chỉ mang một khát vọng duy nhất, đơn sơ, thầm kín, tìm thấy tình yêu lứa đôi trong đời sống”.* Và Trần Vũ đã cho De Lattre tìm được tình yêu của mình trước khi chết: *“…trung úy De Lattre vẫn hãy còn nhớ đã choáng váng, lảo đảo như trúng sét. Anh vừa trông thấy rõ rệt định nghĩa tình yêu bấy lâu tìm kiếm, chép đầy đủ trên thân thể cô gái không sót một hàng, một chữ nào. (...) Bernard nhớ rõ, thiếu nữ in hệt người đàn bà trong trí tưởng bấy lâu anh lùng kiếm, đôi mắt lá răm cuống quýt, mái tóc đen bóng tối, nước da ửng mật giữa trưa nóng, cô gái mang suốt thân thể những bí ẩn của tình yêu và điều kỳ lạ, anh đọc được hết tất cả những mật mã ghi chép tường tận trên da mặt cô gái, viết chi chít ở vành môi dầy và lan xuống đến hai vai, ở bắp tay thuôn nõn săn chắc, đầy ắp ở lồng ngực lên xuống chỉ bị che khuất bởi vạt áo lụa đang trải ra trước mắt. Bernard nhớ anh đã vật cô gái ra đất, xé toạc áo sống để nhìn cho rõ những nguyên lý thầm kín của tình yêu chép nắn nót trên hai bầu ngực, viết quanh rốn, xâm từng chữ ở hai đùi và chính giữa bụng thiếu nữ. Và kỳ diệu, mỗi khi đọc đến đâu, xác thân anh sống lại, hai bàn tay ấm dần, tròng mắt trong xanh và môi không còn thâm tím. Bernard đọc ngấu nghiến tất cả những chữ viết xoắn xít trên mình thiếu nữ, anh không thể nhớ đó là chữ La Tinh, An-nam hay Tây Ban Nha, chỉ nhớ anh có thể hiểu hết tất cả, những định nghĩa tình yêu đang chảy đột ngột tuôn vào người anh như sấm sét ”.*

Tuyết, nhân vật trung tâm nối kết những người đàn ông, là nhân vật tiểu thuyết bước ra từ trang sách của Tự Lực Văn Đoàn, nàng là sản phẩm sáng tạo của Nhất Linh và Khái Hưng. Trong *Giáo sĩ*, nhà văn Trần Vũ cho Tuyết sống một cuộc đời khác. Nàng là mẫu đàn bà mà tất cả đàn ông đều ham muốn, vì họ chỉ nhìn thấy khía cạnh nhan sắc, nhục thể ở người đàn bà, mà ít khi quan tâm phụ nữ còn những phẩm chất khác. Trong truyện, nhân vật Tuyết lần lượt chữa lành bệnh “thối ruột” cho giáo sĩ De Rhodes, trung úy De Lattre - chứng bệnh của những người đàn ông chưa một lần thỏa mãn thân xác và thiếu vắng tình yêu. Nàng tượng trưng cho tình yêu thân xác, thỏa mãn nhục dục ở người đàn ông: *“…Trước đây, Tuyết không hề cảm giác gì rõ rệt mỗi khi luyến ái với Chương, do Nhất Linh và Khái Hưng không miêu tả kỹ. Làm tình với Bernard, Tuyết thấy rõ người thanh niên, dù chỉ mới lần đầu đã kiểm soát hơi thở của anh, đã chờ đợi chia sẻ thân xác của cả hai, tựa cả hai cùng chống một chiếc thang hai chân giữa khoảng không chơi vơi, cùng leo lên, cùng đợi nhau và cố nghiêng ngả kềm hãm bấu víu*

lẫn nhau để chiếc thang khỏi chao đảo ngã đổ, để cùng đi lên đến tận trời. Lần đầu tiên Tuyết nếm vị sữa đậm sệt như cặn rượu chát."

Mối tương quan giữa tình yêu và tôn giáo, được nhà văn khắc họa rõ nét trong tuyến nhân vật này. Người đọc tự hỏi vậy hạnh phúc con người nằm ở đâu? Con người tin vào thế giới tôn giáo để mong kiếm tìm sự cứu rỗi, thế nhưng tôn giáo có thật sự mang lại hạnh phúc cho con người? Cuối cùng, nhân vật giáo sĩ cũng ngộ ra rằng cuộc đời con người chỉ có hạnh phúc khi có tình yêu *"...thứ tình cảm vĩnh cửu của nhân loại còn dai dẳng hơn cả sự sống hứa hẹn đời đời trên nước Chúa."*

Sự xung đột nội tâm của giáo sĩ còn mở ra một chiều kích lớn. Đó chính là cuộc đấu tranh âm thầm nhưng khốc liệt tự vượt lên chính mình của loài người dám phá bỏ lý tưởng, đức tin khi nhận ra sự ngụy tín, hư ảo, để trở về với những giá trị nhân bản của chính con người lập ra. Trần Vũ đề cao bản năng thân xác, vì đó là bản năng bình thường của con người. Thứ bản năng bình thường mà không tầm thường, vì chính là tình yêu – cội rễ của sự sống.

Chính tình yêu cứu chuộc tất cả. Tình yêu khiến con người đứng trên thần chết, cái chết không còn ý nghĩa gì khi có tình yêu. Bởi tình yêu chính là sự sống: *"…Tiếng chuông ngân lên lúc đó, bao la và say đắm, tựa tiếng kêu của thiếu nữ lúc ân ái, gọi anh xuất tinh để cùng thỏa mãn. Bernard nhỏm dậy, anh vụt hiểu, vì đâu anh không thể chết. Chính tình yêu tạo ra sự sống và nuôi dưỡng sự sống, giản dị như định nghĩa ghi chép trên mình thiếu nữ. Nguyên lý cơ bản của sự sống khởi đi từ tình yêu và trung úy De Lattre đang yêu không thể chết. Tiếng chuông chín tiếng, như chín lần thiếu nữ gọi anh trở về. Bernard phát lên cười khanh khách (…) Viên trung úy còn thắc mắc vì sao sắc tộc Kinh, lưu trữ bốn ngàn năm quá khứ đã không coi trọng tình yêu, thứ tình cảm đầu tiên và cuối cùng của kiếp người. "*

*

Bên cạnh mối tương quan giữa tình yêu và tôn giáo làm khung sườn cho tác phẩm, truyện vừa *Giáo sĩ* còn phản ảnh cuộc chiến tranh đẫm máu giữa lính Lê Dương và quân đội Việt Minh

Qua *Giáo sĩ*, Trần Vũ muốn lật lại lịch sử, truy tìm nguyên nhân quân đoàn viễn chinh Pháp thảm bại tại Việt Nam?

Trong truyện, người đọc tinh ý sẽ thấy nhà văn xây dựng các nhân vật Pháp đều là những hồn ma, trong khi đó các nhân vật An-nam là những người đang sống.

Tôi nghĩ rằng, tác giả có dụng ý khi cố tình xây dựng hai tuyến nhân vật ma / người, quá khứ / hiện tại đan xen như vậy, để ám chỉ một điều mà tác giả muốn lý giải: Có phải vào giữa thế kỷ 20 tại Việt Nam, quân đội Pháp đã là những con ma (Đế chế Pháp đã là quá khứ). Thống lĩnh khu biên thùy Đông Bắc Cao Bằng-Lạng Sơn là hồn ma thống chế Ney. Viên thống chế đã theo Napoléon đánh chiếm Moscow năm 1812, *áp dụng phương thức chiến tranh lạc hậu từ thế kỷ thứ 19,* chống trả lại đại đoàn 308, đại đoàn chủ lực chính quy Việt Minh do Vương Thừa Vũ thống lãnh*áp dụng lối đánh chiến tranh nhân dân + du kích + giải phóng + vận động theo phương thức thế kỷ 20.*[13]

Để chứng minh nhận thức chiến thuật sai lầm của tướng lĩnh Pháp, Trần Vũ đã mượn lời đại tá Charton: *"Tự trong thâm tâm Charton không phục Ney, mặc dù viên thống chế đã tham dự các trận đánh lẫy lừng Iéna, Austerlitz bên cạnh hoàng đế Napoléon đệ nhất. Nhưng Ney không sao hiểu cách chuyển quân như sóng rừng của sư đoàn 308, không còn di chuyển đội*

hình ô vuông ban ngày, và Ney cũng không hiểu những quy ước chiến tranh do vong hồn Karl Von Clausewitz đang tiếp tục giảng dạy tại các trường đại học quân sự Tây Phương đã không còn được Việt Minh tuân thủ. Charton tin chỉ một mình ông khám phá ra chiến thuật Việt Minh. Lối đánh Phật giáo, chết đi sống lại luân hồi liên tục, khiến với quân số không tăng viện, trung đoàn Thủ Đô vẫn có thể xung phong biển người, hết lớp này đến lớp khác, mà các đại liên Bren, Browning, Hotchkiss bốn nòng không thể chận đứng. Bộ đội Việt Minh không thể tử vong." Quân đội Pháp không thể chiến thắng vì họ không theo kịp thời đại, họ là hồn ma của quá khứ. Chủ nghĩa thực dân chính là bóng ma lịch sử.

Bên cạnh lý do quân sự trên, chúng ta còn nhận thấy trong *Giáo sĩ*, nhà văn đã biện giải sự thất bại bằng một lý do khác: thất bại về mặt tâm lý. Người Pháp sang Việt Nam với chiêu bài khai hóa, nhưng thực chất xâm chiếm nước khác, khai thác tài nguyên của các nước bản xứ đem về làm giàu cho mẫu quốc. Đó là một cuộc chiến tranh phi nghĩa. Quân đoàn viễn chinh Pháp là một thế hệ thanh niên tươi trẻ, được mẫu quốc rao giảng đi khai hóa các xứ sở man rợ. Những người lính ấy trong lòng vẫn còn mang tâm thức hưởng thụ thời bình ở quê nhà: say mê nghệ thuật Á Đông, yêu phụ nữ bản địa, lòng đang dạt dào nhựa sống. Sang Đông Dương chiến đấu mà trung úy Bernard de Lattre lại được Trần Vũ miêu tả như một vương tử quý tộc thời hoàng kim đầy lãng mạn,*chỉ ước mong đi tìm tình yêu đôi lứa*, trong khi đó Việt Minh được miêu tả như những người lính can trường, với tâm lý sẵn sàng hy sinh chiến đấu để giành độc lập cho quê hương. Hình ảnh Việt Minh chết rồi đầu thai sống dậy trùng trùng lớp lớp để tiêu diệt quân thù (theo thuyết luân hồi của Phật giáo), tượng trưng cho tinh thần bất diệt chống ngoại xâm của dân tộc Việt. Trần Vũ đã miêu tả khá rõ hình ảnh này qua trường đoạn trung úy Bernard de Lattre lúc chạy từ Đông Khê về Cao Bằng bị Việt Minh luân hồi sống lại chém giết: *"…Suốt đêm trung úy De Lattre dẫn đại đội sống sót mở đường máu, dẫm lên những xác chết mà De Lattre kinh hoảng khám phá đang đầu thai từ từ, chậm chạp ngồi dậy, thậm chí có những xác quân chủ lực Việt Minh chồm lên, tròng mắt trắng dã, la hét chụp lấy mã tấu chém xối xả vào đội hình lính Pháp mà chỉ mới một phút trước đây đã bị tiểu liên của binh sĩ Lê Dương cắt đứt đôi người*". Chiến thắng của Việt Minh là cái chiến thắng đã được báo trước. Chiến thắng của sức mạnh ý chí và của cả niềm tin tâm linh. Trong khi đó, quân đội viễn chinh Pháp đánh mất niềm tin vào tôn giáo của chính họ. Khi cuộc chiến đến giai đoạn khốc liệt, binh lính Pháp chỉ còn biết dựa vào niềm tin cuối cùng, tin vào tôn giáo sẽ giúp họ chiến thắng: "*Rất đông các sĩ quan Pháp đã tin tưởng lữ đoàn kỵ binh giáp sắt sẽ xuất hiện chống trả Việt Minh ngày Cao Bằng bị tấn công, chỉ cần cha cố rao giảng phúc âm ở tuyến đầu. Hiếm ai lúc đó không tin tưởng vào nhà thờ, như niềm tin chiến thắng cuối cùng*". Thế nhưng, Chúa Jésus xuất hiện ở Đông Khê, đã chỉ có thể đẩy lui tiểu đoàn Hoàng Diệu, không giúp được binh đoàn Le Page chiến thắng. Mặt khác, Công giáo bế tắc không giải thích được sau khi chết rồi vong hồn người ta làm gì cho đến ngày Phán xét cuối cùng? Vì vậy các vong hồn lính Pháp vất vưởng không siêu thoát nên tiếp tục hiện diện ở Đông Dương. Ngược lại, đứng về mặt siêu hình, Phật giáo với thuyết luân hồi lý giải mạch lạc hơn về điều gì xảy ra sau khi chết. Con người sẽ đầu thai một kiếp khác, có thể tốt đẹp hơn. Chính đạo Phật đem đến ý chí bất diệt, sức mạnh và hy vọng cho dân tộc Việt Nam chống Pháp; dù phải chết, sau kiếp nô lệ sẽ là kiếp đời độc lập. Cuộc chiến chống thực dân cũng là cuộc chiến giữa hai khái niệm thế giới người sống-người chết của Công giáo và Phật giáo. Cuối cùng Pháp thảm bại trên cả hai mặt quân sự và siêu hình. Đó cũng chính là sự va chạm của hai nền văn hóa Đông-Tây.

*

Bên cạnh những nội dung được trình bày trên, *Giáo sĩ* còn phản ánh một khía cạnh quan trọng khác, mà theo tôi nội dung này là một trong những chủ đề chính mà tác giả đã có nhiều dụng công suy nghĩ sáng tạo. Sự giao thoa và ảnh hưởng của hai nền văn hóa Pháp-Việt.

Hình ảnh nhân vật Tuyết bật dậy bước ra từ trang sách, để sống một kiếp đời khác, gần như một kiếp luân hồi, là một hình ảnh sáng tạo kỳ lạ của Trần Vũ. Sự kết hợp thân xác giữa giáo sĩ A.De Rhodes – người khai sinh ra chữ quốc ngữ và nhân vật tiểu thuyết, hiện thân của chữ quốc ngữ, là hình ảnh tượng trưng cho sự giao thoa giữa hai nền văn hóa Pháp-Việt.
Trong *Giáo sĩ*, nhà văn đã cố tình cho nhân vật tiểu thuyết lặp lại nhiều lần câu nói: "*Vâng em là Tuyết của Đời Mưa Gió, của Nhất Linh và Khái Hưng trong Tự Lực Văn Đoàn, người chịu ơn của anh!"* khi gặp đức cha A.De Rhodes và trung úy De Lattre lần đầu.[14]

Kết thúc truyện người đọc càng nhận rõ hình ảnh tượng trưng này khi: *"…Tuyết hiểu nàng không có tên trên danh sách loài người khi Jésus Christ gỡ tay (…) Sáng đó Tuyết đã khóc thật nhiều vì vụt hiểu ra nàng chỉ có thể hiện hữu bằng tình yêu khai hóa duy nhất của Alexandre Lucien Abel de Rhodes."* Nàng là nhân vật tiểu thuyết được khai sinh từ ngôn ngữ, nàng hiện hữu được là do chữ viết, nàng chính là văn chương nghệ thuật.

Có lẽ, ý nghĩa "khai hóa" mà thực dân Pháp làm được cho dân tộc Việt là khai sinh ra chữ Quốc ngữ. Tôi cho rằng, đoạn lý giải sự khai sinh ra chữ viết của đức cha A. de Rhodes là một trong những trường đoạn hài lòng của Trần Vũ. Bước vào chương này, người đọc như đắm mình trong dòng văn miên man, đầy sảng khoái của tác giả.[15]

Khai sinh ra chữ Quốc ngữ, người Pháp đã đem nền văn hóa nghệ thuật phương Tây du nhập vào Việt Nam, cộng hưởng với nền văn hóa bản địa tạo ra sự đa dạng màu sắc, giúp văn hóa Việt Nam phát triển.

Ảnh hưởng của nền văn hóa Pháp lên nền văn hóa Việt bàng bạc trên khắp các loại hình nghệ thuật từ tiểu thuyết, thi ca, âm nhạc, hội họa, điêu khắc…Trong *Giáo sĩ*, sự ảnh hưởng của nền văn chương Pháp thể hiện rõ nét qua thể loại tiểu thuyết. Đầu thế kỷ 20 tiểu thuyết Việt Nam bắt đầu phôi thai qua tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh, phỏng theo *"in hệt tiểu thuyết Pháp"*, *"tiểu thuyết Phạm Duy Khiêm, Nguyễn Trọng Quản không khác mấy thời giáo sĩ viết Phép Giảng Tám Ngày "*…cho đến thời Tự Lực văn đoàn – hội đoàn do anh em nhà Nguyễn Tường Tam du học từ Pháp về thành lập - tiểu thuyết Việt Nam đã phát triển vượt bậc.

Truyện vừa *Giáo sĩ* thực chất là tiểu thuyết luận đề về con người, phản ánh rõ nét những chủ đề mà nhân loại hằng quan tâm: tôn giáo, chiến tranh, lịch sử, tình yêu, sáng tạo nghệ thuật. Kết hợp nhiều mối tương quan: quá khứ với hiện tại, sự giao thoa giữa các nền văn hóa, quan hệ giữa người sống với người chết, giữa người đọc và người viết, giữa Công giáo và Phật giáo.

Trần Vũ từ nhỏ đã được gửi vào học trường dòng, và sau đó qua Pháp ở Viện mồ côi 5 năm[16] cũng là nơi con chiên của Chúa hành đạo, nên ông hiểu rõ tôn giáo quan trọng như thế nào trong đời sống tâm linh của người phương Tây. Tại sao sống trong lòng xã hội phương Tây gần cả đời người, Trần Vũ lại không đề cao niềm tin tâm linh của phương Tây?

Phải chăng kinh nghiệm cuộc sống trong các trường dòng, kinh nghiệm đối diện với cái chết và sự dã man của con người trong chuyến vượt biển,[17] và kinh nghiệm cuộc sống lạnh lùng của một xã hội phương Tây hào nhoáng, đã làm ông hoài nghi tất cả, phản kháng tất cả. Ông không tin tôn giáo có thể cứu rỗi con người?

Trong *Giáo sĩ*, Đức cha A.De Rhodes, dì phước Louise, mẹ bề trên Thérèse …từ bỏ hạnh phúc tự nhiên của con người trần thế để mong tìm hạnh phúc chốn thiên đàng. Nhưng thực chất trong sâu kín tâm hồn họ đều không tìm được sự bình yên, đều không tìm được hạnh phúc. Tất cả đều khao khát được sống như một con người bình thường với tất cả bản năng

của con người. Kể cả đức chúa Jésus cũng vậy: *"Louise đã chứng kiến đấng Christ im lặng, nỗi im lặng sâu thẳm mà dì phước không đoán nổi, thứ im lặng đớn đau của một người đàn ông bất lực"*. Cuộc đời con người thực chất là một chuỗi dài đi tìm hạnh phúc, đi tìm tình yêu. Dẫu rằng tình yêu không chắc đã có thực trong mỗi phận người, nhưng tin vào tình yêu là tin vào một khả hữu hiện sinh trong đời sống con người, hơn là những hứa hẹn của tôn giáo về một thế giới vĩnh cửu của linh hồn. Trần Vũ đã đem tình yêu đặt trên tôn giáo, đặt trên thần chết, với ông tình yêu chính là cội nguồn của sự sống, tình yêu mới là cứu cánh cứu rỗi con người.

Tại sao sống trong lòng nước Pháp gần ba thập kỷ, từ nhỏ đã tiếp xúc với nền văn hóa Tây Phương, Trần Vũ lại không đề cao nước Pháp. Ông lạnh lùng, mổ xẻ ngọn nguồn sự thất bại của thực dân Pháp tại Đông Dương, thậm chí không ngần ngại nói rõ bản chất phi nghĩa của thực dân Pháp đi xâm chiếm các thuộc địa với chiêu bài khai hóa mà Thập Tự đi trước, giáo mác theo sau? Lý giải sao về ý thức phản kháng trong *Giáo sĩ* của Trần Vũ: một tác giả phương Đông, vì hoàn cảnh lịch sử dân tộc đã phải lưu vong trên xứ sở của một đất nước từng là kẻ thù trong lịch sử? Tại sao giáo dục phương Tây không ảnh hưởng nhiều tâm hồn Trần Vũ? Phải chăng nhìn lại lịch sử là bản năng của Trần Vũ, cho dù lịch sử nước nào thái độ ông cũng thẳng thừng – khách quan. Phải chăng tâm thức của nhà văn đã định hình từ khi ông còn ở quê nhà – ý thức người Việt đã là máu thịt của ông?

Trong tiểu luận: "*Điện biên phủ, định mệnh của kẻ thù*", Trần Vũ viết: "*Lịch sử thật, lịch sử thế giới, lịch sử da vàng chiến thắng da trắng lần đầu tiên dân tộc Việt vừa viết lên. Nhưng hơn một trang sử, Điện Biên Phủ mang định mệnh của dân tộc. Trong thế kỷ 20, trước Điện Biên Phủ người Việt đã có một quá khứ nô lệ và sau Điện Biên Phủ, khả năng đi tìm một tương lai khác*".[18] Điều đó chứng tỏ, mặc dù sống trên đất Pháp nhưng trong sâu thẳm tâm hồn Trần Vũ vẫn luôn khắc khoải về lịch sử đất nước mình, luôn kiêu hãnh về dân tộc mình.

Trong *Giáo sĩ*, nhà văn lý giải thực dân Pháp xâm chiếm Việt Nam, cho dù vũ khí, kỹ thuật hiện đại nhưng là cuộc chiến phi nghĩa nên thảm bại. Sức mạnh của cái ác sẽ không bao giờ chiến thắng sức mạnh chính nghĩa. Lịch sử nhân loại từ xưa đến nay đã minh chứng, sự chiến thắng của sức mạnh, của cái ác là vô nghĩa vì kẻ chiến thắng cuối cùng sẽ không được gì, lịch sử đời sau rồi cũng phán xét. Chỉ có những hành động xuất phát từ ý nghĩa cao đẹp của loài người với nhau, mới thực sự có giá trị cho nhau. Chính sự khai sinh ra chữ quốc ngữ của người Pháp, đem lại chữ viết cho dân tộc Việt mang tinh thần nhân bản mới thực sự "cứu rỗi" nước Pháp. Giáo sĩ De Rhodes chỉ được cứu rỗi bởi Tuyết, một sản phẩm của chữ quốc ngữ do chính De Rhodes tạo ra. Văn chương nghệ thuật đã cứu rỗi linh hồn giáo sĩ. Chính sáng tạo nghệ thuật mới cứu rỗi linh hồn con người. Thông qua tác phẩm*Giáo sĩ*, Trần Vũ đề cao vai trò sáng tạo nghệ thuật. Ông đưa ra quan niệm: tiểu thuyết cũng nhiệm màu và vĩnh hằng như kinh thánh.[19] Tiểu thuyết có khả năng khai sinh ra tất cả và xóa bỏ tất cả. Nhân vật trong tiểu thuyết là nhân vật giả, chính vì vậy Tuyết có thể bước ra từ trang sách, Jésus Christ trong *Giáo sĩ* cũng chỉ là một nhân vật tiểu thuyết. Vì thế, chúa Jésus, một nhân vật tiểu thuyết *"không trọng lượng"* không thể cứu quân đoàn viễn chinh Pháp thất bại ở Việt Nam. Cuộc đời trong tiểu thuyết là một cuộc đời không có thật, đó chỉ là sản phẩm tưởng tượng của nhà văn.

Với bút pháp hiện thực huyền ảo pha nhiều kịch tính giễu cợt, nhà văn cố tình xây dựng câu chuyện một cách hư hư thực thực, với nhiều tình tiết khôi hài như một câu chuyện đùa. Làm sao nhân vật tiểu thuyết lại có thể bước ra từ trang sách làm chức năng "cứu rỗi" những người đàn ông? Làm sao hồn ma giáo sĩ lại có thể làm tình với nhân vật tiểu thuyết? Làm sao trung úy De Lattre lại có thể đọc được định nghĩa tình yêu chép trên thân thể một nhân vật hư cấu? Làm sao chúa Jésus lại tái thế ở Đông Khê để cứu chuộc binh đoàn Le Page và Charton đang

sa lầy... Người đọc biết rằng không có thật, nhưng vẫn say mê theo dõi tình tiết, diễn biến câu chuyện. Chính không khí đặc biệt của truyện đi liền với trí tưởng tượng kỳ lạ của tác giả đã tạo ra giá trị của *Giáo sĩ*.

Tìm ra được chủ đề khác thường để phản ảnh đã khó, đem tất cả những nội dung ấy đan thành một truyện cực kỳ hỗn tạp mà vẫn liền lạc, nhất quán, xuyên suốt có tư tưởng và nhân sinh quan rõ rệt phải là một sự dày công suy nghĩ. Thế nhưng, làm thế nào để lôi cuốn người đọc vào tác phẩm của mình, bằng lối diễn đạt khác lạ, hấp dẫn lại là một điều khó hơn. Vậy mà, Trần Vũ đã làm được tất cả những điều ấy một cách rất nghệ thuật. *Giáo sĩ* xứng đáng là một tác phẩm xuất sắc tiêu biểu trong dòng văn học hiện thực huyền ảo Việt Nam.

*

Nghiên cứu quá trình sáng tác của Trần Vũ, người đọc dễ dàng nhận thấy sự bứt phá ngoạn mục trong từng tác phẩm. Mỗi tác phẩm là một bứt phá. Từ tác phẩm đầu tiên *Đồng cỏ Miên* đến*Giáo sĩ* là một cuộc chạy đua tiếp sức. Chứng tỏ, Trần Vũ là một nhà văn cầu tiến luôn ý thức tự làm mới mình. Có lẽ Trần Vũ là một trong những nhà văn có chủ ý rõ ràng đem hành động vào truyện ngắn Việt Nam. Xem truyện ông, người đọc bị hớp hồn vào không khí đầy hình ảnh, màu sắc, âm thanh, mùi vị với hình ảnh bất ngờ, rõ từng động tác, các nhân vật trong truyện giống như các tài tử đang diễn trong phim. Vận tốc truyện nhanh, hình ảnh luôn thay đổi, thời gian xáo trộn liên tục. Có khi chỉ trong vài dòng tác giả đã xáo trộn thời gian, không gian như một vòng xoáy, làm người đọc không kịp thở: *"…De Rhodes đã nhận ra mọi thứ biến hóa cấp kỳ ở An-nam. Lần chứng kiến cố Du tử đạo, De Rhodes đã để ý những khóm dứa trồng quanh pháp trường chỉ cao bằng đọt măng tây, đã lớn nhanh như thổi từ lúc đao phủ của Chúa Nguyễn hươi đao cho đến khi chặt thủ cấp cố Du, đã đơm trái chín vàng ngọt rụng xuống các gánh hàng rong xăm que bán cho khách đi xem hành quyết. (…) De Rhodes cũng chứng kiến sắc tộc Kinh có khả năng học ngoại ngữ rất nhanh. Những ngày ở Đàng Trong, khuyến khích các con chiên vừa mới theo đạo xưng tội, De Rhodes để ý các cô gái chỉ biết khai bằng tiếng Khmer ông không sao hiểu, nhưng cũng các cô gái đó, khi lập gia đình đến nhờ ông làm phép giao, đã nói lưu loát tiếng Trung Hoa và khi De Rhodes rửa tội cho đứa con đầu lòng, các cô dâu trẻ đã biết nói merci và xin pourboire".* Trong khi đó, truyện ngắn Việt Nam bình thường có nhịp độ chậm, và gần như rất ít hành động.

Trần Vũ thường kết hợp lối viết tương phản trong cùng một tác phẩm tạo ra những trạng thái bất ngờ, gây tâm lý mới lạ cho người đọc, đẩy người đọc đến tận cùng cảm xúc. Lắm lúc, tác giả vừa nâng tâm hồn người đọc lên chín từng mây, tâm trạng còn đang chơi vơi, tiếp liền tức khắc dìm người đọc xuống chín tầng địa ngục.

Chúng ta có thể dễ dàng tìm thấy lối viết tương phản như vậy trong *Giáo sĩ*, trường đoạn miêu tả nhân vật Tuyết trước và sau khi xuất hiện: đoạn đầu là những hình ảnh thần tiên như phim thần thoại vào một buổi sáng đẹp trời: *"…Buổi sáng đó, buổi sáng có những khúc lụa bay chậm rãi trong giấc ngủ thiu thiu, De Rhodes có cảm giác một làn sương sớm tinh khiết thơm cây trái đang phả suốt hầm. Hương hoa mỗi lúc một tỏa ngát đậm đặc. Cha cố tỉnh ngủ hẳn. Ông nhìn trân trối đóa hồng đỏ gắt đang mọc nhú từ từ, trổ từ bức tường lâu năm ám khói, thứ hồng đỏ gắt rực rỡ Nhật Tân mà có lần De Rhodes đã trông thấy ở xứ bảo hộ Bắc Kỳ. Cha cố kinh ngạc không hiểu vì sao khóm hồng đỏ lịm đã có thể đâm xuyên thủng trần hầm thư viện. Nhưng rõ ràng các đài hoa đang nứt rạn vách đá. Trong một phút, ngôi huyệt cổ đơm chi chít mẫu đơn, glaieul và hồng tía, tựa nhà thờ sắp có lễ giao. De Rhodes lấy tay phủi mây để nhìn cho rõ và ông chết cứng khi ấy, khi tay hãy còn nắm níu những cọng mây đang trôi lơ lửng."*

Tiếp theo sau là một không khí âm u, rờn rợn, như những thước phim ma gây cảm giác rùng rợn, kinh dị nơi người đọc.

"Mỗi tối Tuyết dọn ăn trong phòng riêng của cha cố. Tuyết hay hầm chuột sốt vang với mận Tây Bắc, ngâm với lá nguyệt quế, có khi băm nhỏ chục vắt tươi với hành sống tươi mật trộn sữa làm gỏi, những món cha cố rất thích. (…) *Các nấc thang gỗ cổ xưa vang những tiếng rên như giam hãm những linh hồn khẩn khoản van nài trên mỗi bậc thang càng làm nàng sợ hãi. Cha cố đã kể nhà thờ Cao Bằng xây bằng những viên gạch đã có từ lâu lắm, từ những thành lũy của Mạc Đăng Dung, mỗithỏi gạch đều chứa mang âm hồn An-nam tắm máu chiến tranh và máu người. Tuyết cố gắng đi thật nhanh lên nóc chuông nhưng những bậc thang trơn trợt nhấp nhô rung chuyển tựa có những bàn tay vô hình cứ nắm chắc lấy cổ chân nàng."*

Đặc điểm của Trần Vũ thích mô tả các trạng thái tình cảm con người đến mức cực đại, ông thường sử dụng những từ cực tả như:*cực kích thích, cực ham muốn; cực kỳ thỏa mãn; chết sững, chết cứng.* Màu sắc dưới mắt Trần Vũ, cũng mang một tâm trạng dữ dội: *đỏ gắt*, *đỏ một màu huyết dụ, xanh hực, sắc xanh hực gai góc.* Trần Vũ thích "hình ảnh hóa cảm xúc tình cảm", tạo ấn tượng mạnh nơi người đọc, nhiều lúc đẩy đến mức cực đoan. Ví dụ để diễn tả sự thiếu vắng tình yêu thân xác của người đàn ông, nhà văn đẩy lên thành căn bệnh "*buồn chín thối ruột*". Nỗi buồn thống thiết trống vắng tình yêu ở giáo sĩ lây lan đến khắp vạn vật, đến mức chỉ cần đi đến đâu *"…các ruộng mạ mới xanh mơn mởn bỗng dưng héo úa hóa ra cằn cỗi… như đã cháy khô từ bao kiếp nào. Các gốc sữa chai sần không thể trổ hoa và ngay đến con sông Hiểm nổi tiếng hung dữ, mặt nước bình thường cuộn siết xoáy nhận chìm biết bao bè gỗ cũng vụt trở nên lặng lờ thiu chảy"*, căn bệnh của giáo sĩ lây đến cả con người "*các con chiên giáo xứ òa khóc vật vã tức tưởi*" khi trông thấy giáo sĩ xuất hiện, đến mức các viên sĩ quan cấm các binh sĩ lui tới nhà thờ "*để tránh hội chứng cô buồn giáo sĩ*". Ngược lại, để diễn tả sự hân hoan khi tình yêu xuất hiện, vạn vật cũng tràn đầy nhựa sống *"…khác mọi khi, các gốc sữa phía sau nhà thờ xum xuê rậm rạp trổ hoa trắng khác thường, tiết ra mùi sữa bột Guigoz nhờn nhờn khi vừa trộn nước sôi và vườn cà đã ba trăm năm chưa cho trái chen chúc, lúc nhúc những quả cà to bằng trái bí rợ nằm lổn ngổn trên đất"*. Để diễn tả sự say mê sáng tạo nghệ thuật của giáo sĩ, Trần Vũ miêu tả: *"…De Rhodes viết đêm ngày, trăng lên trăng xuống ông không hay, mưa bão ông không hề biết, viết đến rách giấy, viết đến thủng bàn gỗ cầm lai khiến ý văn tung tóe, chảy lai láng trên mặt đất. Thậm chí bình mực đã cạn giáo sĩ vẫn tiếp tục chấm, tiếp tục viết đến lúc ngòi bút cùn vẹt, cán bún lụn dần rồi biến mất mà mực vẫn cứ tiếp tục trào ra chảy ở đầu ngón tay ông sưng đỏ như quả ớt*". Để tỏ tấm lòng trong sáng của Nhất Linh, Trần Vũ đẩy lên thành một cái chết mang ý nghĩa tượng trưng đẹp vô vàn: "*Tuyết đã bàng hoàng trông thấy cơn mưa sáng gai góc sắc buốt nhẩu xuống khu vườn lan rũ úa bên suối Đa Mê, đã sửng sốt chứng kiến Nhất Linh già đi, ốm yếu, uống từng giọt độc dược đắng, đen, như những giọt mực anh đã dùng viết tiểu thuyết. Nhất Linh đã uống cạn ve thuốc độc như muốn nuốt trôi hết tất cả chữ nghĩa đã viết*." Những giọt mực viết nên tác phẩm cũng chính là những giọt độc dược giết chết tác giả. Cái chết của Nhất Linh là cái chết "sinh nghề tử nghiệp" mà ngàn sau người đời vẫn còn kính phục.

Chính những hình ảnh đẩy đến mức phóng đại của Trần Vũ đã tạo ra những tình tiết nghệ thuật mang tính siêu thực theo kiểu kỹ xảo điện toán của điện ảnh rất phù hợp với trường phái văn học hiện thực huyền ảo. Ngôn ngữ gây sốc, kết hợp với đề tài nhạy cảm, chắc chắn tác giả Trần Vũ đã dự phóng tác phẩm của mình sẽ gặp nhiều phản ứng nơi người đọc. Và dĩ nhiên, người đọc với trình độ khác nhau, tầm đón nhận cũng sẽ khác nhau. Với lối viết mang tính ước lệ cao, người đọc sẽ thỏa sức tưởng tượng theo trường liên tưởng của riêng mình, tạo sự hấp dẫn, thích thú nơi người đọc "lý tưởng". Tuy nhiên, cũng chính lối viết "tài hoa" ấy đã gây ra nhiều ngộ nhận nơi độc giả. Tiêu biểu cho ý kiến phản đối gay gắt này là độc giả Ngô Lê Từ. Trong thư ngỏ gửi Phùng Nguyễn ngày 12/3/2003, ông đặc biệt cảnh cáoHợp

Lưu *về việc đã đăng truyện vừa* "Giáo Sĩ" *của Trần Vũ, mà theo người viết thư*, *truyện này mang tính cách đả phá tôn giáo và phản khoa học! Hư cấu như vậy là coi thường độc giả thấp kém. Xúc phạm tu sĩ và tôn giáo quá mức.*"[20]

Với lối ẩn dụ táo bạo – Trần Vũ đã cho nhân vật Tuyết chữa lành bệnh giáo sĩ A.De Rhodes bằng một phương pháp quá đặc biệt gây sốc cho người đọc, nếu chỉ nhìn trên phương diện văn bản trần trụi. 21 Trong tiểu luận: *Lịch sử tiểu thuyết – một tùy tiện ý thức*, Trần Vũ từng nêu rõ quan điểm của mình: "*Tiểu thuyết không nhất thiết phải viết y chang như thật, có thể pha trộn nửa thật nửa ảo và có quyền phóng đại thực tế lên đến mức... tiểu thuyết. Kỹ thuật chính của bút pháp hiện thực huyền ảo nằm ngay trong phương thức phóng đại từng chi tiết nhỏ nhặt này."*[22] Và những độc giả như Ngô Lê Từ đã rơi vào hỏa mù đó.

Một lần nữa, Trần Vũ ở hải ngoại đã cùng với Nguyễn Huy Thiệp (*Kiếm sắc, Vàng lửa*, *Phẩm tiết*), [23] Phạm Thị Hoài (*Thiên sứ*), Tạ Duy Anh (*Thiên thần sám hối*), Hồ Anh Thái (*Cõi người rung chuông tận thế*)… tạo thêm cú sốc cho người đọc về mặt tiếp nhận tác phẩm, điều này góp phần làm thay đổi cách đọc của người Việt trước những đề tài và bút pháp lạ lẫm so với quan niệm truyền thống.

Bao giờ cũng vậy, cái trái ngược nào cũng gây nhiều phản ứng. Chính những nhà văn tài năng này đã góp phần hình thành nên một cách tiếp nhận mới trong tiến trình tiếp nhận văn học ở Việt Nam.

Trần Vũ viết với một ý thức sáng tạo rõ rệt, ông đặt trọng tâm vào kỹ thuật kể cả giọng văn và cốt truyện, trong khi viết ông luôn dựa trên hư cấu. Trả lời phỏng vấn ông nói: "*Trong khi viết tôi luôn dựa trên hư cấu. Viết về một đề tài nào đó mà mình không sống qua, chưa có kinh nghiệm; chẳng hạn lịch sử hay chiến tranh, tôi tìm đọc sách sử và địa lý nhân văn của thời đại đó. Đọc bốn năm cuốn và đọc đi đọc lại cho đến lúc tất cả chi tiết phong thổ lịch sử thấm vào mình, tưởng như mình đã sống qua, trông thấy, chứng kiến; lúc ngồi vào bàn viết chúng sẽ hiện lên trở lại một cách tự nhiên. Xây dựng truyện trên tưởng tượng còn cho người viết những tự do mà sự thật đã tước đi. Gần đây tôi tin lối thoát của mình là từ bỏ con đường hiện thực. Viết lại sử Việt cận và hiện đại bằng kỹ thuật huyền ảo của Marquez sẽ là một cuộc phiêu lưu kỳ thú*." [24]

Nhà nghiên cứu Nguyễn Vy Khanh cũng nhận định: "*Kỹ thuật là bận tâm của người viết, vì người đọc chỉ muốn thưởng thức cái được viết ra, câu chuyện!... Như vậy, kỹ thuật tiểu thuyết trở nên quan trọng, là cái riêng của mỗi tác giả, trong cách kể, cách viết, trong không khí mà tác phẩm tạo nên được*!" [25]

Chính kỹ thuật viết làm nên "căn cước" của tác giả.

Nếu nhà văn Nguyễn Mộng Giác dùng lối viết chân phương, cổ điển, văn phong mềm mại, câu văn dài, diễn biến truyện chậm, dàn trải, thời gian, không gian tịnh tiến, xây dựng tác phẩm dựa trên nền hiện thực thì Trần Vũ hoàn toàn trái ngược.

Trần Vũ thường sử dụng bút pháp hiện thực huyền ảo, ngôn ngữ lạnh và ác, câu văn ngắn, dứt khoát.[26] Diễn biến truyện nhanh. Thời gian, không gian xáo trộn liên tục, xây dựng tác phẩm hoàn toàn hư cấu.

Chính kỹ thuật viết khiến các tác giả khác nhau, ở cách truyền đạt và sử dụng ngôn từ.

Có người cho rằng kỹ thuật viết một trường thiên tiểu thuyết sẽ kỳ công hơn một truyện ngắn, truyện vừa. Tôi nghĩ rằng không thể so sánh như vậy. Mỗi tác phẩm của mỗi tác giả có những con đường riêng của nó.

Nếu trường thiên tiểu thuyết *Mùa biển động* của Nguyễn Mộng Giác gồm 5 tập dài 1860 trang, hoàn thành trong 7 năm.[27] Thì truyện vừa *Giáo sĩ* của Trần Vũ chắt lọc 50 trang, thai nghén và ấp ủ trong vòng 10 năm mới hoàn thành.[28]

Tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Mộng Giác là một bước tổng hợp giữa sử thi cổ điển với những thành tựu của nghệ thuật tiểu thuyết nửa đầu thế kỷ 20. Giá trị tác phẩm của Nguyễn Mộng Giác không phải chỉ ở chỗ ông là bậc thầy trong việc khai thác tâm lý nhân vật một cách tinh tế, quan trọng chính là những độc thoại nội tâm nhân vật gắn liền với diễn biến lịch sử của đất nước.

Trong khi đó, tiểu thuyết của Trần Vũ là một bước kế thừa và tổng hợp văn hóa Đông-Tây trên con đường hiện đại hóa của thế kỷ 20. Ông là nhà văn Việt Nam tiên phong trong lối viết hiện thực huyền ảo.

Nói như nhà nghiên cứu Phan Cự Đệ: "*Một quy luật phổ biến diễn ra trong thế kỷ 20 là các thể loại văn học nghệ thuật muốn tồn tại và phát triển, chúng phải tổng hợp được vào bản thân mình những thành tựu của các loại hình nghệ thuật khác... (...) ...Những xung đột giàu kịch tính tiểu thuyết lấy của sân khấu, những đoạn văn trữ tình thơ mộng tiểu thuyết lấy của thi ca. Những đoạn miêu tả thiên nhiên giàu màu sắc, đường nét và ánh sáng, tiểu thuyết lấy của hội họa. Và tiểu thuyết sử dụng cả nhật ký, bút ký, phóng sự, thư từ... và cả xảo thuật điện ảnh. Điện ảnh tuy mới xuất hiện vào đầu thế kỷ XX nhưng nó đã vượt lên như một loại hình nghệ thuật chủ đạo trong thế kỷ này. Vì điện ảnh đã tổng hợp vào bản thân mình những thành tựu của văn học, sân khấu, hội họa, âm nhạc, điêu khắc và cả những thành tựu của vật lý (quang học), của máy tính (tin học)... chính khả năng tổng hợp nói trên đã làm nên tính hiện đại của điện ảnh*"[29]

Cũng như vậy, tiểu thuyết của Trần Vũ mang tính hiện đại của thế kỷ 20 vì nó đã tự làm giàu cho mình bằng cách tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa của các thể loại văn học nghệ thuật nói trên, đặc biệt Trần Vũ đã thành công khi đem kỹ xảo điện ảnh vào tác phẩm của mình – tạo thành một bút pháp kỳ ảo, pha trộn màu sắc "phim kiếm hiệp" của Tàu và "phim hành động, kinh dị" phương Tây.

Tuy nhiên, theo tôi "kỹ xảo" nào cùng có hai mặt của nó. Giống như con dao hai lưỡi, nhà văn tài năng sẽ nâng lên thành nghệ thuật, nhưng nếu chưa đúng tầm cỡ tác phẩm sẽ trở thành sản phẩm "rẻ tiền". Không phải bất cứ người viết nào cũng làm chủ ngòi bút của mình để sai khiến con chữ một cách mê hoặc người đọc được như vậy. Trần Vũ là một trong số ít nhà văn đạt được tầm cỡ đó.

Trong tư cách nhà văn, Trần Vũ kiêu hãnh cho trí tưởng tượng phong phú của mình tự do tung hoành. Đọc truyện ông, người đọc luôn bắt gặp những trường đoạn sảng khoái, điều mà ít nhà văn có được bởi những giới hạn vô hình.[30]

Trên con đường hình thành và phát triển tiểu thuyết hiện đại Việt Nam, Trần Vũ là một trong những cánh chim đại bàng dũng mãnh, tự vạch cho mình một lối đi riêng đầy ý thức sáng tạo. Tác phẩm của ông đã có những thành công nhất định về phương diện cách tân trong bút pháp. Chỉ riêng Giáo sĩ, Trần Vũ xứng đáng có vị trí trang trọng trong lịch sử phát triển tiểu thuyết hiện đại Việt Nam.

8/2006 – 19/11/2007

(Ghi chú: Bài viết này đã in trên tạp chí Văn Học số 235, tháng 1&2/2008, California, Hoa Kỳ, được tác giả sửa chữa và bổ sung 5/1/2008).

(1) Trần Vũ**,** *Giáo sĩ*, tạp chí Hợp Lưu Số 68 - Xuân Quý Mùi,Tháng 12/2002 và tháng 1/2003, California, Hoa Kỳ. http://tranvu.free.fr/baiviet/index.html
(2) *Đồng cỏ Miên,* in trong tập *Ngôi nhà sau lưng Văn Miếu*, Thời Văn 1988, Hồng Lĩnh tái bản 1994, Hoa Kỳ.
(3) *Ngôi nhà sau lưng Văn Miếu*, Thời Văn 1988, Hồng Lĩnh tái bản 1994, Hoa Kỳ.
(4) *Bên trong pháo đài*, in trong tập *Ngôi nhà sau lưng Văn Miếu*, Thời Văn 1988, Hồng Lĩnh tái bản 1994, Hoa Kỳ.
(5) Xem thư bạn đọc Diễn Đàn Forum (Paris) số 38. (Trích từ Đoàn Cầm Thi, *Từ hành xác đến hành văn đọc "Giấc mơ Thổ" của Trần Vũ,* tạp chí Hợp Lưu, số 23, 1995, California, Hoa Kỳ)
(6) Phản ứng qua bài "Giáo sĩ" và trả lời của tác giả.(www.giaodiem.com/doithoaiIII/09_trvu_III.htm - 29k -)
(7) Thụy Khuê, *Trường hợp Trần Vũ,* Sóng từ trường II (thuykhue.free.fr); Nguyễn Mạnh Trinh, *Đọc cái chết sau quá khứ* tập truyện Trần Vũ, tạp chí Hợp Lưu số 12; Nguyễn Hưng Quốc, *Những họa phẩm của Trần Vũ* , tạp chí Văn Học số 53&54) ; Đoàn Cầm Thi, *Từ hành xác đến hành văn đọc "Giấc mơ Thổ" của Trần Vũ,* tạp chí Hợp Lưu số 23, 1995; Đinh Từ Bích Thúy, *Siêu Thị và quái thai*, damau.org; Đoàn Nhã Văn,*Truyện ngắn của Trần Vũ: Nhảy dựng ngang trời thế đá tung*, damau.org.
(8) Tôi mượn lời của nhà văn Nguyễn Mộng Giác khi trả lời phỏng vấn cách đây hơn 7 năm: "Viết trước hết là để thỏa mãn nhu cầu tinh thần của mình, nhưng đã viết, thì cần phải chia sẻ những gì viết được cho người khác, đã nghĩ tới người khác, thì phải viết thế nào để người khác có thể hiểu được, có thể thông cảm với mình được, có thể vui buồn hờn giận theo cùng nhịp tim của mình, đã nghĩ tới người khác (vì người khác vô danh và ở cùng khắp, nên rất đáng ngại), thì người viết không thể chơi trò tiểu xảo được. Người đọc ở khắp nơi, trình độ học vấn và khiếu thẩm mỹ của họ khôn lường, nên không có trò giả trá nào qua được mắt họ. Ta chưa nghe họ nói gì, chỉ vì họ không thèm nói, hoặc họ nói mà ngại ta đau lòng nên nói quá khéo ta chưa hiểu đấy thôi. Càng nghĩ đến nụ cười bí hiểm của những người đọc vô danh, tôi càng thấy viết là một hành động liều lĩnh." (*Họ làm thơ viết văn cho ai*; Tạp chí Chủ đề, số 5, Mùa Xuân 2001.)
Thực vậy, lời thổ lộ của nhà văn Nguyễn Mộng Giác cũng chính là suy nghĩ của tôi, tự sáng tác đã khó, nhận định về người khác lại càng khó gấp bội. *Nghĩ đến nụ cười bí hiểm của người đọc,*tôi thấy mình đang làm một hành động liều lĩnh.
(9) *Pháo Đài*, tạp chí Hợp Lưu số 25, tháng 10/1991, California, Hoa Kỳ.
(10) Tiểu sử Alexandre de Rhodes: Alexandre de Rhodes là một nhà truyền giáo dòng Tên (Jésuites), sinh năm 1591 tại Avignon, miền nam nước Pháp và có thời kỳ sinh sống tại Goa ở Bồ Đào Nha, nơi hồi ức xảy ra trong truyện, trước khi qua đời ở Ba Tư.Năm 1625, A.De Rhodes đến An-nam bắt đầu truyền đạo. Trong hành trình truyền đạo cha gặp rất nhiều khó khăn, vì triều đình dùng chữ Hán, sĩ phu sử dụng chữ Nôm, quần chúng hầu như mù chữ. A.De Rhodes quyết định ký âm ngôn ngữ An-nam ra mẫu tự La-tinh để truyền bá thánh kinh. Chữ quốc ngữ dễ học, gần gũi với người Việt nên nhanh chóng được truyền bá rộng rãi. (Vào thời kỳ De Rhodes thế kỷ 17, chữ quốc ngữ chưa là chữ viết chính thức, chỉ mới xuất hiện trong các xóm đạo, đến cuối thế kỷ 18 chữ quốc ngữ bắt đầu được dạy trong một số trường thông ngôn, và chỉ thật sự được quảng bá rộng từ hậu bán thế kỷ 19, mất ba thế kỷ). Vào năm 1651, cha cho in cuốn Từ Điển Việt-Bồ-La (Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum) dựa trên các ký tự tiếng Việt của những giáo sĩ người Bồ Đào Nha và Ý trước đó. Có thể coi

đây là mốc đánh dấu sự ra đời của chữ quốc ngữ. Để ca ngợi công đức của cha A.De Rhodes người khai sinh ra chữ quốc ngữ, nguyệt san MISSI viết: "Khi cho Việt Nam các mẫu tự La-tinh, cha Alexandre de Rhodes đã đưa Việt Nam đi trước đến 3 thế kỷ". "…Thật vậy, giống như Nhật Bản và Triều Tiên, người Việt Nam luôn luôn sử dụng chữ Hán của người Trung Hoa và bị nô lệ vào chữ viết này. Chỉ mới cách đây không lâu, người Triều Tiên mới chế biến ra một chữ viết riêng của họ. Còn người Nhật thì, sau nhiều lần thử nghiệm dùng mẫu tự La-tinh, đã phải bó tay và đành trở về với lối viết tượng hình biểu ý của người Trung Hoa… Trong khi đó, người Trung Hoa đang tìm cách dùng các mẫu tự La-tinh để chế biến ra chữ viết của mình, nhưng cho đến nay vẫn chưa thành công. Vậy mà dân tộc Việt Nam, nhờ công ơn của cha Alexandre de Rhodes (Đắc Lộ), đã tiến bộ trước người Trung Hoa đến 3 thế kỷ". (http://vi.wikipedia.org/wiki/Alexandre_de_Rhodes)

(11) Tiểu sử Trung úy De Lattre: Trung úy Bernard de Lattre de Tassigny là con trai của đại tướng tổng tư lệnh quân đoàn viễn chinh Jean de Lattre de Tassigny, về sau vinh thăng thống chế. Bernard de Lattre xuất thân dòng dõi quý tộc, biểu tượng của quân đội và sự tinh túy cao đẹp của tuổi trẻ nước Pháp những năm 50. Bernard de Lattre chết ngày 30 tháng 5 năm 1951 tại Ninh Bình, theo báo cáo của toán quân lượm xác khi chết trên mình mang 80 vết thương lưỡi lê và mảnh lựu đạn. Cả nước Pháp khóc ngày Jean de Lattre mang xác con về chính quốc. Khi chết Bernard de Lattre mới được 23 tuổi, chưa lập gia đình, chưa có hôn thê. 34 năm sau khóa sĩ quan 1984-1985 của trường sĩ quan liên quân Ecole Militaire InterArmes mang tên Bernard de Lattre. (http://emia.delattre.free.fr/parrain.html)

(12) Ngoài đời thật, Bernard de Lattre đầu quân tại trung đoàn 1 Săn Giặc Thuộc Địa (1er Régiment de Chasseurs Coloniaux) đồn trú tại Ninh Bình, không tham dự trận Đường Biên Giới, nhưng trong "Giáo Sĩ" được tác giả hoán chuyển về trung đoàn 3 Lê Dương (3ème Régiment Etranger d'Infanterie) đóng đồn Đông Khê.

(13) *Trưởng thành trong chiến đấu*, hồi ký của Vương Thừa Vũ, nxb Quân Đội Nhân Dân, 1979; *Trận đánh 30 năm*, ký sự lịch sử,Hoàng Văn Thái và Trần Độ biên soạn, nxb QĐND, 1985.

(14) "*Vâng em là Tuyết của Đời Mưa Gió, người chịu ơn anh*" do chính tay Nhất Linh viết trong tiểu thuyết *Đời Mưa Gió*, dòng thứ 13, tr 35, nxb Đời Nay, Sài Gòn, 1961.

(15) Đoạn văn miêu tả quá trình khai sinh chữ quốc ngữ: "Khi đến Gia Định lần đầu tiên, De Rhodes đã biết ông đặt chân tới một vùng đất kỳ bí. Hơi nóng ngùn ngụt như thiêu, đốt liên tục suốt ngày sắc xanh hực gai góc của những cánh rừng trùng điệp ngút ngàn mà dù đứng xa ông vẫn nghe thấy tiếng trò chuyện râm ran của vạn vật. Tất cả thanh âm An-nam bật lên dưới nắng sức sống mãnh liệt hừng hực hắt dội lửa dâng lên khắp mặt đất, không chỗ nào không có tiếng nói, ngợp bóng người, như thể mỗi người đàn ông An-nam là một cây chuối xanh biết đi đứng, mỗi người đàn bà An-nam là một buồng chuối xum xuê quả. Mãi sau nhiều ngày De Rhodes mới hiểu do người An-nam chết yểu, chết sớm quá nhiều nên phải tận lực sinh sản. Và lý do tử tuất cao lẫn tiếng động không ngớt ầm ĩ, không ngơi nghỉ, từ sáng đến trưa, suốt chiều, đêm khuya cho đến thâu đêm, phát sinh ở thảm kịch sắc tộc Kinh thiếu chữ viết để ghi nhớ những chuyện cần nhớ. Tất cả dân bản xứ đều phải kể chuyện huyên thuyên, nói thật to, bất kể người đang ngủ cần yên tĩnh, để những điều cần nhớ được lập đi lập lại không dứt và truyền bá rộng rãi, cho phép những người đã quên có thể nhớ lại, và lưu truyền cho con cháu. Đến mức nhiều gia trưởng lập đi lập lại lời trăn trối của tổ tiên cho đến khi tắt hơi qua đời, và kẻ thừa kế được dòng họ nuôi nấng chỉ để học thuộc bí kíp gia truyền và lẩm nhẩm trả bài trước bàn thờ cho đến lúc kiệt sức và cứ thế con cháu thay nhau lập lại một suy nghĩ đã có từ nhiều ngàn năm trước. Đến nỗi trong buổi giảng đầu, De Rhodes không sao truyền bá thánh kinh, vì những kẻ tò mò đến xem, không ngớt lập lại những điều gia đình căn dặn, để đừng quên, sau khi tan lễ phải ra chợ mua bao nhiêu lạng hành tỏi, gà, rau, đậu, mắm, và ghé đến nhà ai mời giỗ, thu họ, đóng hụi chết, bao nhiêu xâu tiền kẽm, khiến buổi ra mắt sách Cựu Ước thứ nhất của De Rhodes ồn ào như một chợ cá. Chính lúc đó De Rhodes quyết định ký âm thứ ngôn ngữ kỳ lạ lảnh lót như tiếng họa mi ríu rít, với mục đích giúp dân bản xứ có thể

ghi chép những điều thường nhật cần nhớ, sẽ rảnh rỗi im lặng hơn khi nghe giảng kinh, và đặc biệt thôi lập lại những điều Thiên Tử ban truyền ngăn cấm giáo hội. Chỉ một thời gian ngắn, giáo sĩ nhận ra ông đã thành công. Từ khi có chữ viết, số tử vong vì kiệt sức giảm hẳn, sắc tộc Kinh thông tin cho nhau dễ dàng việc đồng áng, lúa gạo nhiều hơn, khiến thanh niên An-nam lớn nhanh như thổi, cao đến đầu gối, rồi đến bụng, cuối cùng đứng ngang tầm ngực ông, nhưng ngưng ở đó, vì dân bản xứ có truyền thống ăn rau sống với bánh tráng cuốn ruồi nhặng chấm nước dòi, đưa đến bệnh tiêu chảy triền miên làm teo tọp thân thể. Chính các Chúa Nguyễn thời đó cũng không sao ngăn cấm được thứ chữ do De Rhodes ký âm, vì rất ít ai đọc được các sắc chỉ dụ viết bằng tiếng Trung Hoa, nên không hiểu các Chúa muốn gì. De Rhodes cũng khám phá, sức mạnh của sắc tộc Kinh nằm trong những đứa trẻ, đông đúc chiếm hai phần ba dân số, một phần do những cụ già yểu thọ, một phần do phụ nữ An-nam mắn đẻ, chỉ cần ăn hơn một rổ khế chua đã có thể thụ thai. De Rhodes luôn luôn ngạc nhiên trước những đứa trẻ cực kỳ thông minh, linh hoạt, sinh động và gần như không bao giờ già đi, chỉ chết non vì chiến tranh. Giáo sĩ nhớ rõ, ông đã gặp một cậu bé khôi ngô, chỉ trong một tuần lễ đã dạy ông cách phát âm của mọi miền đất An-nam với tất cả thanh sắc. Cậu bé thông thạo mọi thứ, biết hết mọi chuyện, từ cách đổi tiền quan ra tiền kẽm, lãi thấp, đến cách thuê trâu giúp ông di chuyển, đến mọi thứ trái cây, đồ tế nhuyễn bản xứ. Chỉ trong một đêm cậu bé đọc vanh vách kê khai tất cả mọi món ngon vật lạ ở An-nam, và tuyên bố đã ghi chép trong hai cuốn sách do chính cậu viết. Điều kỳ lạ, thiếu niên không biết tiếng Pháp, nhưng hiểu hết những điều giáo sĩ nói, chỉ qua cử động của đôi môi. Chính De Rhodes cũng đã tiếp thu toàn bộ văn hóa An-nam qua những điều thiếu niên kể. Mãi sau, khi rời Gia Định lên Quy Nhơn, rồi ra Kẻ Chợ, giáo sĩ mới biết thiếu niên tên chữ Lê Quý Đôn, về sau chết trong trận giặc sông Gianh rồi đầu thai theo quốc giáo, và cho xuất bản hai bộ sách Phủ Biên Tạp Lục cùng Vân Đài Loại Ngữ."

Giáo sĩ

(16) *Ký: Hiệp Hội Tương Tế Bắc Việt Nghĩa Trang*, Tạp chí Văn số Xuân Quý Mùi tháng 2/2003, California, Hoa Kỳ.
(17) *Biển Rợn San Hô*, in trong tập Ngôi nhà sau lưng Văn Miếu, Thời Văn 1988, Hồng Lĩnh tái bản 1994, Hoa Kỳ.
(18)Trần Vũ, *Điện Biên Phủ, Định Mệnh của Kẻ Thù*, tạp chí Hợp Lưu, số 79 tháng 10&11/2004, California, Hoa Kỳ.
(19) Trong tiểu luận *Lịch sử tiểu thuyết – một tùy tiện ý thức*, Trần Vũ cho rằng kinh thánh ngang hàng với tiểu thuyết, "Sự thật nằm trong kinh thánh. Cựu Ước và Tân Ước, những cuốn tiểu thuyết hiện thực huyền ảo." Tạp chí Hợp Lưu, số 72, tháng 8&9/2003, California, Hoa Kỳ. http://tranvu.free.fr/baiviet/index.html
(20) Phản ứng qua bài "Giáo sĩ" và trả lời của tác giả. (www.giaodiem.com/doithoaiIII/09_trvu_III.htm - 29k -)
(21) Phản ứng của độc giả Ngô Lê Từ: Trần Vũ viết "…Tuyết mút dương vật cha cố, hút hết các chất lỏng vàng hôi thối rồi nhổ xuống chậu gốm cho đến khi chậu gốm đầy ắp…" (trang 243). Tôi chỉ trích ra một câu ấy thôi. Trích nhiều làm mất thì giờ của anh. Nếu Trần Vũ muốn đánh đổ thần tượng tôn giáo, muốn ám chỉ cha cố đau lậu nặng. Hút từ dương vật của cha cố ra, cùng lắm là một ngụm (mủ và tinh khí!), làm gì có thể mút ra đầy một chậu gốm!…(…) Hư cấu như vậy và coi thường độc giả thấp kém (hay chính tác giả thấp kém vì phản khoa học?). Xúc phạm tu sĩ và tôn giáo quá mức. (www.giaodiem.com/doithoaiIII/09_trvu_III.htm - 29k)
(22) Trần Vũ, *Lịch Sử Tiểu Thuyết – Một Tùy Tiện Ý Thức*, tạp chí Hợp Lưu, số 72, tháng 8&9/2003, California, Hoa Kỳ. (http://tranvu.free.fr/baiviet/index.html)
(23) Với bộ ba *Kiếm Sắc*, *Vàng Lửa*, *Phẩm Tiết*, Nguyễn Huy Thiệp đã gây sóng gió trong giới độc giả trong nước những năm 80. Nói như nhà phê bình Thụy Khuê "Rất có thể là vì cho tới bây giờ, người ta chưa quen với một phong cách văn chương đa diện, đa âm như thế. Trên con đường một chiều, bạn đi dọc ngang, đa đoan, đa dạng, là loạn".

http://chimviet.free.fr/vanhoc/thuykhue/stt1/thiep1.html (Thụy Khuê, Sử quan trong văn chương Nguyễn Huy Thiệp, Sóng Từ Trường).
(24) Nhà văn Trần Vũ trả lời ba câu hỏi chung về sáng tác, tạp chí Văn Học số 114 tháng10/1995, California, Hoa Kỳ.
(25) Nguyễn Vy Khanh, *Thế Kỷ Tiểu Thuyết*, tạp chí Hợp Lưu số 73, tháng 10&11/2003, California, Hoa Kỳ.
(26) riêng trong *Giáo Sĩ* câu văn rất dài.
(27) Lời cuối cho một bộ trường thiên: Phải chờ đến bảy năm bốn tháng, cuối cùng tôi mới viết được ba dòng chữ đơn giản sau đây vào trang bản thảo: HẾT. bắt đầu viết ngày 28-01-1982 tại đảo Kuku, Nam Dương. Viết xong ngày 02-06-1989 tại Orange Country, Hoa Kỳ. Nguyễn Mộng Giác, Mùa biển động (tập5), nxb Văn Nghệ, California, Hoa Kỳ. (tr 1849)
(28) Lời tác giả.
(29) Phan Cự Đệ, *Những Bước Tổng Hợp Mới trong Văn học Việt Nam thế kỷ 20*, TCVH số 10/2001, Hà Nội.
(30) Nguyễn Hưng Quốc, *May Mắn của Các Cây Bút Hải Ngoại*. (Tienve.org), tạp chí Hợp Lưu Số 68 - Xuân Quý Mùi, tháng 12/2002 và tháng 1/2003 (tr 226-262)

Phỏng vấn Trần Vũ

Lê Quỳnh Mai

LQM: *Một thập niên trước, khi truyện ngắn Mùa Mưa Gai Sắc(1) xuất hiện trên tạp chí Hợp Lưu đã gây ra cuộc bàn cãi sôi nổi trong văn giới. Rồi sau đó, các tác giả Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Mạnh Trinh, Phan Huy Đường, Thụy Khuê, Nguyễn Xuân Hoàng, Trương Vũ, Nguyễn Văn Trung, v.v.. đã bàn luận về tập truyện Cái Chết Sau Quá Khứ giống như Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Ngọc Bích, Hoàng Khởi Phong, Bùi Bảo Trúc trước đây đã viết về Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu. Nhìn chung, có nhiều so sánh giữa Mùa Mưa Gai Sắc với trường thiên tiểu thuyết Sông Côn Mùa Lũ của Nguyễn Mộng Giác. Suy nghĩ cá nhân của ông về vấn đề này?*
TV: Trước nhất, tôi nghĩ không thể so sánh một truyện ngắn giới hạn trong một hình ảnh âm bản, một khúc đời thái lát, đôi ba nhân vật phẫu thuật, như trường hợp Mùa Mưa Gai Sắc với một trường thiên tiểu thuyết công phu, trên ngàn trang giấy, trải dài từ chiếc nôi của biến động Bình Định ra Bắc Hà, trở ngược xuống Bến Ván, rồi vào Gia Định với cả trăm nhân vật, với tham vọng ghi lại toàn bộ thăng trầm đất nước ở vào thời kỳ lên sởi “da beo”, với những vùng “tạm chiếm” hoặc đã “giải phóng” như trong Sông Côn Mùa Lũ. Truyện ngắn Mùa Mưa Gai Sắc không có tham vọng đó và thể loại truyện ngắn không cho phép tham vọng ấy.
Với Sông Côn Mùa Lũ, Nguyễn Mộng Giác đi tìm bình dị con người trong vĩ nhân. Với Mùa Mưa Gai Sắc tôi đi tìm dã thú trong con người. Hai mục đích khác nhau. Mặt khác, tôi không viết truyện lịch sử.

LQM: *Ông chưa trả lời toàn vẹn câu hỏi. Vì sao có sự so sánh giữa hai nhân vật Ngọc Hân-Nguyễn Huệ của Mùa Mưa Gai Sắc và trong Sông Côn Mùa Lũ? Tiện đây xin hỏi thêm mối tương quan giữa Trần Vũ và Nguyễn Mộng Giác, mà dường như đã khơi nguồn cho truyện ngắn gây nhiều bất mãn này*?
TV: Chuyeïn rất dài... So sánh của giới phê bình và điểm sách mà tôi được đọc trên các nhật trình và tạp chí Việt ngữ, chủ yếu tập trung quanh hình ảnh dã man của Nguyễn Huệ, cũng như mối thâm thù toan tính ám sát Huệ của Lê Ngọc Hân trong Mùa Mưa Gai Sắc. Đây là trái biệt chính. Huệ trong Sông Côn Mùa Lũ rất hiền hoà, trong sáng, Hân thắm thiết, đằm thắm, ngoan ngoãn... nhưng có lẽ, nên bắt đầu từ mối tương quan vô hình giữa tôi và nhà văn Nguyễn Mộng Giác.

Tất cả đã bắt đầu rất sớm, cách đây hai thập niên. Lúc đó và cho đến bây giờ, nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã luôn là một nhà văn đàn anh, người đã đem đến cho tôi vô vàn say mê với tập truyện Ngựa Nản Chân Bon. Chính năm 84, khi tôi chưa viết truyện, Nguyễn Mộng Giác với tập 1 Những Đợt Sóng Ngầm của trường thiên Mùa Biển Động đã lôi tôi vào thế giới văn chương mà tôi vừa biết đến ở Sàigòn trước 75, rồi đứt khúc.

Có thể xem, một trong những yếu tố khiến tôi bước chân vào văn xuôi là do hấp lực của Mùa Biển Động. Tôi đã "mê" nhân vật Diễm rất nhiều, mê những giọt mồ hôi ẩm trên ngấn cổ cô Diễm những trưa nắng mang thau nước rửa mặt cho Ngữ bên xưởng vẽ của Ngô. Mê cách trao thân hết mình của Diễm dưới chân cầu Gia Hội cho Ngữ. Mê cách sống không hối tiếc và quyết tâm làm giàu sau khi gạch bỏ tình yêu của Diễm. Nguyễn Mộng Giác rất thành công trong mô tả phụ nữ miền Nam trước 75. Như Nam, thiếu nữ dấn thân và thần thánh Tường, giáo sư triết của trường Quốc Học, thần thánh trong đời sống, trong tình yêu, trong cả nhẫn nhục chịu đựng. Nguyễn Mộng Giác phân tích tài tình đời sống, từng trạng huống tâm lý, đi từ lãng mạn tột độ, băn khoăn cùng cực, vui sướng hết mức đến hốt hoảng, đăm chiêu, tuyệt vọng rồi liều lĩnh. Nhân vật Tường, cũng đầy sôi động. Trước khi nhảy núi, Tường trở về nhà mắng cha, ông Thanh Tuyến, đã lái xe Toyota bằng máu của nhân dân lao động...
Đã hai thập niên trôi qua mà tôi vẫn còn nhớ như in không khí của gia đình ông Thanh Tuyến, rõ ràng là không khí của gia đình tôi, từ nếp sống, cách sinh hoạt, nếp suy nghĩ, phản xạ trước chánh quyền, trước đám đông, thói quen xã hội... Gia đình tôi, một gia đình Bắc di cư, mà không hề khác gia đình ông Thanh Tuyến bố của Tường, một gia đình Huế. Điều đó cho thấy Nguyễn Mộng Giác đã tái tạo được đơn vị gia đình Việt Nam trong tiểu thuyết của ông.
Đã hai thập niên mà ở hải ngoại chưa có cuốn tiểu thuyết nào làm tôi say mê nhiều hơn vậy. Đi làm ôm theo, ngồi trong xe lửa đọc miên man, vào công ty gấp sách lại chỉ mong chóng mau đến giờ hết việc, xuống xe điện, mở tập 2 Bảo Nổi, các nhân vật lại sống trở lại, cười nói, yêu khóc giận hờn, từng màu áo, sắc son môi, khoé mắt, tưng bừng trên trang giấy, làm như mình chưa hề rời xa họ một giây phút nào, đã thân thiết với họ tột bực, đã sống chung, chia sẻ tận cùng đời sống thầm kín của từng người. Tuyệt diệu là tất cả đã xảy ra, diễn ra, sinh sống trên cái nền lịch sử tan vỡ của miền Nam trước 75, khởi đi từ thao thức sinh viên, tranh đấu miền Trung, Phật giáo xuống đường... Nguyễn Mộng Giác ghi lại được hết tất cả những chuyện ấy, nhỏ nhặt từ trong nhà ra đến ngoài chợ, từ trong trường học ra tới đồn Mang Cá. Các đoạn đánh nhau ngoài Huế, Việt Cộng núp dưới chân Chúa khiến Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ càu nhàu vừa bi hài vừa chết chóc như trong Full Metal Jacket của Stanley Kubrich (quay sau mấy năm). Sau Tình Ca Trong Lửa Đỏ, Giải Khăn Sô Cho Huế Đổ Nát của Nhã Ca, bút ký chiến trường của Phan Nhật Nam và ký Quảng Trị của Dương Nghiễm Mậu, tôi thật sự khám phá chiến tranh, biến động xã hội và miền Trung qua Nguyễn Mộng Giác. Tiểu thuyết ngoài nước bây giờ chai sạn vì không còn những Mùa Biển Động nữa. Và cũng không chỉ ngoài nước, cả trong nước, chưa có cuốn tiểu thuyết nào mang kích thước, chiều kích sánh bằng. Cùng thể loại, Vỡ Bờ của Nguyễn Đình Thi, Đống Rác Cũ của Nguyễn Công Hoan là những trường thiên đọc chán vô cùng.

Trả lời dài ...*trường thiên* như vậy, để cô hiểu nỗi say mê tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác của tôi, đã bắt đầu từ buổi sáng xám trắng, ảm đạm, một nhóm thuyền nhân vô tình phát giác có kẻ thắt cổ chết trong căn lều bên cạnh, rồi im lặng thao thức cho số phận con người trên cái nền trầm trầm của kinh thánh. Những trang Ngựa Nản Chân Bon đó, Nguyễn Mộng Giác đã viết ngày ông vừa đặt chân lên trại tỵ nạn Galand-Nam Dương. Đó là năm 82. Tôi cũng vừa rời Phi Luật Tân, vừa chứng kiến cảnh thuyền nhân tự tử trong trại đảo Puerto Princesa City vì bị ...từ chối đi Mỹ, vừa đặt chân đến Âu châu. Tôi đã *gặp* Nguyễn Mộng Giác khi ấy.

Khi ấy, giai đoạn 82-84, văn học hải ngoại đang thành hình và Nguyễn Mộng Giác là một trong những tác giả chính. Khi ấy, Nguyễn Mộng Giác đáp ứng tâm tình của độc giả vì ông đã thể hiện tâm tình thật của chính ông, một cá nhân chìm trong loạn lạc nội chiến của đất nước.

Nhưng 7 năm sau, đến Sông Côn Mùa Lũ thì tôi thất vọng. Cuốn trường thiên này thiếu sôi nổi, thiếu "sức mạnh" túm bắt, xô, đẩy, đạp người đọc vào trong tiểu thuyết rồi *giặt dũ* cho đến tả tơi, rã rời mê đắm. Sông Côn Mùa Lũ không có chất mê hoặc của những tác phẩm quỷ quái như Anh Em Nhà Karamazov. Độc giả không *bắt* được nhân vật, quá trơn tru, thiếu sần sùi, ít góc cạnh. Nói cách thô lậu là người đọc không *ăn nằm* được với nhân vật. Lý do, theo tôi nghĩ, vì nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã viết trường thiên này thời gian ở Việt Nam sau 75. Thiếu tự do sáng tác, lo lắng trước các chính sách văn hóa của nhà nước, khiến ông đã không thể đẩy nhân vật đến cùng, mà phải chọn vị thế trung dung, *an toàn*, do đó tất cả nhân vật đều chung chung ..."ít vấn đề".
Lúc đó, khoảng 1991, mua mấy tập Sông Côn Mùa Lũ khá mắc, tôi bực mình với Nguyễn Huệ của Nguyễn Mộng Giác ở An Thái vô cùng. Có mỗi bàn tay nhỏ nhắn xinh xắn của An mà cũng không dám nắm. Đọc mấy trăm trang sách không biết đến chừng nào An-Huệ mới cầm tay, hôn môi. Nhát cáy như vậy làm sao Huệ đánh Đông dẹp Bắc, 4 lần vào Gia Định, 3 lần ra Bắc Hà, thảm sát Minh Hương, diệt quân Xiêm ở Rạch Gầm, giết thuộc hạ Nguyễn Hữu Chỉnh-Vũ Văn Nhậm, chưởi mắng dứt bỏ tình huyết thống đạo lý luân thường để đảo chánh anh ruột Nguyễn Nhạc, về sau còn đục thuyền cho thân nhân gia đình Ngọc Hân chết chìm...
Quang Trung hoàng đế, con người đó, lạ thay, dưới ngòi bút Nguyễn Mộng Giác vô cùng *lành* với chư tướng, do dự và nhút nhát trước phái yếu.

Với tôi, ấn tượng đầu tiên sau khi đọc Sông Côn Mùa Lũ là Nguyễn Mộng Giác khắc hoạ nhân vật Huệ không thành công. Người đọc không bắt được thần thái uy lực của Huệ, một trong những yếu tố chính, vì thiếu uy lực đó sẽ không có Huệ. Nguyễn Huệ trong Sông Côn Mùa Lũ là bản sao của Ngữ, một... trung sĩ địa phương quân trước khi đi học khoá sĩ quan trừ bị Thủ Đức trong Mùa Biển Động. Các nhân vật khác trong Sông Côn Mùa Lũ cũng đều là bản sao của Mùa Biển Động, mặc dù họ "sinh" ra trước Mùa Biển Động.

Ngay khi gấp sách, tôi quyết định viết một truyện ngắn phác hoạ lại Nguyễn Huệ, đúng theo suy nghĩ của mình. Hoàng đế Quang Trung trong tâm trí tôi phải mang hình ảnh Thành Cát Tư Hãn, vó ngựa trường chinh, bách chiến bách thắng và có chất ...thổ phỉ!
Phần khác, tôi không tin Lê Ngọc Hân có thể yêu Nguyễn Huệ ngay phút đầu tiên, dễ dàng và say đắm. Khác biệt giai cấp, văn hoá, tâm lý quá lớn. Chưa nói đến thù cha, thù nhà, nợ nước, khiến Ngọc Hân khó mà... *vô tư*. Sau 75, các tiểu thư Sàigòn trong một thời gian dài đã không *vô tư*, trừ phi làm Vương Thúy Kiều liều mình chuộc cha đi học tập, đa số đã từ chối các "anh hùng quân đội nhân dân". Tôi muốn thể hiện lại điều đó, sự chối từ *áo vải cờ đào* của những thiếu nữ kinh kỳ sinh sống nơi kinh đô bị chiếm đóng.

Mùa Mưa Gai Sắc ra đời trong suy nghĩ đó, với ước muốn tân tạo hình ảnh Nguyễn Huệ trong đầu mình, như mình muốn, trong tự do tuyệt đối. Tất nhiên không phải hình ảnh truyền thống của môn lịch sử học đường, và sự khác biệt này không hề tàn phá lòng quý trọng của tôi đối với nhà văn Nguyễn Mộng Giác, là một nhà văn đàn anh, người đã giữ lửa, đã làm đầu tàu thúc đẩy văn học hải ngoại trong hai thập niên vừa rồi.

LQM: *Theo Trần Vũ, nền tiểu thuyết Việt Nam đang ở đâu? trong thời điểm hôm nay, cuối năm 2003 này? Ông đã tổng kết 12 năm sinh hoạt trên tạp chí Hợp Lưu, chắc cũng có thể "tổng kết" tiểu thuyết?*
TV: Nền tiểu thuyết Việt Nam đang ở đâu? hôm nay? Đây là một câu hỏi mênh mông. Tổng kết một ...nền tiểu thuyết chưa thành hình, đòi hỏi cả một bài nghiên cứu, tra cứu tỉ mỉ, trích dẫn

tùm lùm, không thể "tổng kết" trong phạm vi một bài phỏng vấn, nhưng tôi sẽ cố gắng phân tích một vài điểm trên khía cạnh nổi của bề mặt tiểu thuyết.
Về thống kê, trong suốt năm vừa qua, theo Phạm Thị Hoài mà tạp chí Talawas đặt mua, ngành xuất bản VN quốc nội in ấn 100 đầu tiểu thuyết. Ngành in ấn tại Pháp, chỉ cho riêng đầu tháng 9/2003, xuất bản 691 tiểu thuyết. Nếu không tính 236 tiểu thuyết ngoại quốc phiên dịch sang Pháp ngữ, con số còn lại là một mức chênh lệch quá lớn, giữa một dân tộc có 2000 năm văn hiến với 60 triệu dân và một dân tộc có 4000 năm văn hiến với 80 triệu dân. Nền tiểu thuyết Việt Nam ở đâu? hôm nay? cuối năm 2003? Thống kê trên trả lời cho câu hỏi của cô.

LQM: Bước ra ngoài thống kê?
TV: Bước ra ngoài thống kê chỉ có thể đi tìm những lời bào chữa. Không thể so sánh Việt Nam với Pháp, một đế quốc đã có nhiều mươi thế kỷ truyền thống văn xuôi, một đế quốc đã từng có nhiều thời kỳ hoàng kim? Khó là một giải thích duy nhất.
Vì sao hôm nay thể loại truyện ngắn thịnh hành trong lúc thể loại tiểu thuyết được độc giả ưa chuộng lại vắng bóng? Nhà văn Việt không còn muốn viết dài?
Các sáng tác hai, ba trang và từng câu mỗi ngày một nhiều. Văn xuôi Việt Nam đang ...teo lại. Trong chiều hướng này, với thể loại truyện Câu đang bành trướng, sẽ phát sinh ...trường thiên tiểu thuyết cực ngắn gồm nhiều chương, mỗi chương với một câu duy nhất. Tôi không tin lắm vào khả năng của truyện thật ngắn hay cực ngắn, cho dù là thể loại thích hợp với các diễn đàn internet, cho dù truyện thật ngắn nổi tiếng Đường Tăng trong nước và100 truyện cực ngắn của Trần Tất Đạt trên Tiền Vệ gần đây rất hay, đây là hai tác giả thành công trong hai thể loại ngắn này.
Phần thiếu trầm trọng của văn chương Việt hôm nay nằm ở tiểu thuyết, loại tiểu thuyết có nhân vật, ghi lại băn khoăn con người, đột biến xã hội, xáo trộn thời đại, vấn nạn đất nước, diễn tả một cách bình thường haykhác thường… Đây mới là thể loại thật sự có khả năng chinh phục độc giả Việt, cũng như thế giới.
Thành công của Bảo Ninh hay Dương Thu Hương khi dịch ra tiếng nước ngoài, trước nhất là thành công của thể loại tiểu thuyết. Điều đó không có nghĩa truyện ngắn không bằng tiểu thuyết, không thể so sánh thịt bò với cá lóc. Nhưng độc giả VN và thế giới đã chọn lựa, steak và.. bò nhúng dấm! Thời tiền chiến, chính tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn và sau 54, tiểu thuyết dịch và tiểu thuyết trong Nam đã lôi cuốn người đọc tạo ra nhiều tầng lớp độc giả và các thế hệ nhà văn đi sau. Ngày nay, cái gì lôi kéo giới trẻ đi vào văn chương?Phê bình? Thi ca? Truyện Ngắn? Thể loại đầu dành cho giới chuyên môn. Thể loại giữa khép kín trong vòng tròn thi sĩ, và thể loại sau đã chứng minh sản phẩm lạm phát, ít khách tiêu thụ.
Kỳ quặc, khi chúng ta biết, truyện ngắn là một trong những thể loại khó nhất của văn xuôi, nhưng nhà văn Việt nào cũng có nhiều mươi đầu truyện... Nina Mc Pherson, dịch giả chánh thức của Dương Thu Hương, trong những buổi tối rủ nhau đi uống rượu khuya, thường kể: Các nhà xuất bản Hoa Kỳ đã luôn ngao ngán, ngán ngẩm lắc đầu mỗi khi cô ôm bản dịch truyện ngắn VN đến chào mời. Lần nào cô cũng nhận một câu trả lời: "Nhà văn Việt Nam có tiểu thuyết không?"
Tại sao trên thế giới truyện ngắn hiếm đi nhưng đến Việt Nam sinh sôi nảy nở kinh dị? Tại sao những bậc thầy truyện ngắn trên thế giới như Borges, Tchékov, Guy de Maupassant... không nhiều và một đời viết văn được dăm truyện ngắn hay đã là nhiều, nhưng ở Việt Nam mỗi nhà văn là một... cỗ máy sản xuất truyện ngắn? và đang gia công sản xuất truyện cực ngắn? Vì đặc thù kinh tế đất nước là một nền sản xuất nhỏ? Tôi chưa rõ lắm. Tôi tự đặt cho mình những câu hỏi. Các câu hỏi mỗi lúc một nhiều thêm lên sau mỗi lần bước chân vào các hiệu sách Việt, tìm mua một cuốn tiểu thuyết, chưa nói xuất sắc, chỉ cần đủ lôi cuốn một tuần lễ, nhưng tìm không ra. Bước chân vào hiệu sách Việt, từ Cali về đến trong nước, từ nhà sách Tú Quỳnh ở Bolsa đến nhà sách Nguyễn Huệ trên đại lộ Nguyễn Huệ Sàigòn là cả một nỗi chán chường.
Ít tiểu thuyết, càng ít tiểu thuyết hay, trở thành một ác mộng.

Hôm nay, cuối 2003, dường như giới phê bình trong-ngoài nước và giới sáng tác trong-ngoài nước đều đã công nhận khủng hoảng tiểu thuyết này. Nhưng nguyên nhân của ác mộng ở đâu?

Tôi không rõ lắm nguồn cơn ác mộng của hội nhà văn Hà Nội hay TP HCM. Với bên này, tôi lờ mờ trông thấy. Tôi không nghĩ nhà văn Việt không còn muốn viết truyện dài, nhưng tiểu thuyết là một thể loại khó, dài mà không lê thê, vẫn chặt chẽ, xuyên suốt, liền lạc, không dễ viết chút nào. Không thể viết tiểu thuyết nếu không đam mê hết mình, trong một thời gian dài liên tục, không thể viết tiểu thuyết chỉ bằng chộp bắt những góc độ, những mảnh đời, bằng khả năng quan sát ...cuối tuần. Cần cái nhìn rộng, xuyên suốt sự vật, con người, xã hội, cần kinh nghiệm, vốn sống, va chạm, chung đụng, ngôn ngữ, và khả năng tổng hợp, phân tích, quản trị nhân vật… chưa kể đến cấu trúc, giọng văn và khí hậu truyện từ trang đầu đến trang cuối phải nhất quán. Ngần ấy thứ, trong đời sống quá tất bật và đơn điệu ở ngoài nước, khiến tiểu thuyết trở thành một cuộc đầu tư, đầy thách đố.
Tôi không biết có quá hàm hồ hay không khi đặt câu hỏi: Có phải chính vì thiếu tiểu thuyết mà văn học hải ngoại ít độc giả, khiến ngành xuất bản khủng hoảng, do dự mỗi khi in ấn? Nhưng tôi thấy rõ: ngoài nước thiếu một đội ngũ ký giả văn học chuyên nghiệp làm công việc giới thiệu tác phẩm, khiến nhà văn Việt đã luôn phải xuất hiện dưới dạng truyện ngắn trên các tập san văn nghệ để đến với độc giả của họ. Trái lại, ngược hẳn, tiểu thuyết gia ngoại quốc không cần đăng báo, các nhà xuất bản và nhật báo, tạp chí làm công việc giới thiệu, quảng cáo tác phẩm, tiếp cận khách hàng. Đây là lý do, vì sao, truyện ngắn lấn át tiểu thuyết và tràn lan suốt hai thập niên vừa qua.
Sự trống vắng tiểu thuyết này đưa đến một hậu quả: Văn học hải ngoại là một chuỗi vụn những thành tựu nhỏ. Những hột soàn tấm, cho dù có thật nhiều, hằng hà sa số (trong thực tế ít hơn vậy), cũng không thể thay thế những viên kim cương không cợn than trên 10 ly. Hiếm có tác giả nào ngoài nước, có 10 truyện ngắn thật xuất sắc trong cùng một tập truyện, để tập truyện đó trở thành một hiện tượng.

LQM: Với ông, có cách nào thay đổi tình trạng này?
TV: Tôi nghĩ đã đến lúc nhà văn Việt ngoài nước cần đi tìm tác phẩm công phu. Từ chối xuất hiện trên mặt báo thường xuyên. Chấm dứt bao sân cho các tập san. Độc giả Việt sẽ bằng lòng với tiểu luận như độc giả Pháp đã hài lòng với tiểu luận trên các báo Lire, Magazine Littéraire, Esprit,... rất ít đăng trích đoạn tiểu thuyết và gần như không có truyện ngắn.
Ở thời điểm hôm nay, thêm 5 truyện ngắn hay nữa, không thay đổi văn học VN. Thêm 5 truyện... hay cực ngắn, lại càng không đem đến gì thêm. Ngược lại, với 5 tiểu thuyết xuất sắc, sẽ ghi một dấu mốc, đánh dấu một giai đoạn. Giới sáng tác, một số đã ý thức không thể tiếp tục với truyện ngắn, một thể loại thiếu sức chứa của xe hàng 18 bánh. Tôi chờ đợi rất nhiều ở tiểu thuyết của Thơ Thơ, Mai Ninh, Nam Dao, Lê Thị Thấm Vân, Phan Huy Đường, Quỳnh Dao, Nguyễn Thị Thanh Bình và truyện vừa Nguyễn Thị Hoàng Bắc đang thành hình. Hy vọng năm 2004 sẽ mở ra một giai đoạn mới: giai đoạn tiểu thuyết ngoài nước. Đã đến lúc, các chủ biên Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác, Khánh Trường, Nguyễn Hưng Quốc nên tiếp tay đẩy mạnh tiểu thuyết bằng cách ưu tiên giới thiệu các trích đoạn, hoặc như tổng biên tập Nguyễn Đình Thi đã đăng nguyên cuốn tiểu thuyết Thiên Sứ của Phạm Thị Hoài trên tạp chí Tác Phẩm Mới, không hề tiếc trang, khi Thiên Sứ vừa chào đời chưa xuất bản và Phạm Thị Hoài hãy còn là một người viết mới. Đây là hình thức mà nhà văn Dương Nghiễm Mậu gọi là tiểu thuyết phổ thông và ông đã thực hiện khi làm chủ bút tạp chí Văn Nghệ Sàigòn.

LQM: *Dưới mắt nhìn của một nhà văn thuộc thế hệ trẻ cầm bút lưu vong, theo Trần Vũ, văn học hải ngoại sẽ đi về đâu? Vấn đề«Đàng Trong», «Đàng Ngoài» có còn là một vấn đề lớn để tranh luận như cả một thập niên trước đây không?*

TV: Cho phép tôi đính chính. Tôi không phải là một nhà văn. Tôi chỉ là người viết truyện lâu lâu gởi đăng báo. Và tôi cũng không còn trẻ nữa, nếu các chủ bút, giới biên khảo vẫn ưu ái xếp vào giai cấp không có quá khứ, điều đó chẳng qua vì không có thế hệ người viết sinh trong thập niên 70 ngoài nước. Thế hệ sinh trong thập niên 60 đang là thế hệ cuối cùng.

LQM: V*ậy theo ông, thế nào mới là một nhà văn? Và xin ông cho tên một nhà văn Việt Nam điển hình*?
TV: Với tôi, một nhà văn, ngoài tác phẩm, trước nhất là một người trí thức có tư cách và cất tiếng nói trước bất công của xã hội, trước chính quyền không sợ hãi, với tất cả trách nhiệm. Nhất Linh Nguyễn Tường Tam là một nhà văn. Ông xứng đáng là văn hào của nước Việt Nam.

LQM: *Quay lại câu hỏi văn học hải ngoại sẽ đi về đâu... Tham dự giòng văn chương này rất sớm, ông có thể dự báo?*
TV: Những ngày đầu di tản, thời Thư Gởi Bạn, rồi Lại Thư Gởi Bạn, cho đến những năm 78, 79 trên tạp chí Văn Học Nghệ Thuật, Võ Phiến thường đặt câu hỏi 15 năm sau biết có còn ai đọc chữ Việt nữa hay không? 20 năm sau, câu trả lời đã có: Vẫn còn người đọc, nhưng ...ít người mua. Văn học hải ngoại rồi sẽ nhập với văn học quốc nội để thành một dòng chảy duy nhất: Văn Học Việt Nam. Chậm hay mau, tùy thuộc thủ tục hành chánh hải quan. Nhưng đây là định mệnh của dòng văn chương khát khao tổ quốc va sinh ra từ thảm kịch nội chiến này. Tương lai trước mắt, thập niên 2000 là thập niên quyết định của văn học hải ngoại. Đa số các tác giả Trịnh Y Thư, Cao Xuân Huy, Phan Thị Trọng Tuyến, Kiệt Tấn, Diệu Tần, Miêng, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Ngu Yên, Tưởng Năng Tiến, Nguyễn ý Thuần, Nguyễn Bá Trạc, Trần Long Hồ, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Xuân Hoàng, Trần Thị Kim Lan, Hoàng Xuân Sơn, Nam Dao, Hồ Minh Dũng, Trần Doãn Nho, Mai Ninh, Ngô Thế Vinh, Nguyễn Xuân Quang, Lê Bi, Lê Thị Huệ, Vũ Huy Quang, Đỗ Quỳnh Dao, Nguyễn Đức Bạt Ngàn, Lâm Hảo Dũng, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Luân Hoán, Ngự Thuyết, Tam Thanh, Trần Mộng Tú, Bùi Bích Hà, Thái Tú Hạp, Lâm Chương, Song Thao, Phạm Việt Cường, Mai Kim Ngọc, Ngô Nguyên Dũng, Phan Tấn Hải, Trùng Dương, Túy Hồng, Trần Thị Lai Hồng, Thế Giang, Võ Đình, Trương Vũ, v.v.. đều đã bước qua khúc quanh dẫn vào xa lộ *The Last Pacific Highway*... Còn bao nhiêu hoài bão nếu không trút hết ra giấy sẽ đem theo xuống mồ. Đây là một mất mát lớn, vì thệ hệ nhà văn này đã trải qua nhiều xã hội VN, Pháp thuộc, đệ nhất-đệ nhị Cộng Hoà, xã hội XHCN, tù đày, vượt biển, trại tỵ nạn, xã hội tư bản,... ít có thế hệ nhà văn Việt nào giàu kinh nghiệm, nhiều khổ đau, mất mát, cũng như đã phải trả giá nhiều và tiếp xúc trực tiếp với phương Tây như những nhà văn Việt kể trên. Không còn nhiều thời gian nữa. Những chuyến tàu cuối cùng đã cặp bến. Không lên chuyến này, sẽ không còn chuyến nào nữa.
Thế hệ tôi cũng không còn nhiều thời gian, đồng hồ tay anh Trịnh Y Thư và tay anh Ngô Thế Vinh chỉ 12g đêm kém 5, đồng hồ tay tôi và các bạn bè của mình, Thận Nhiên, Phan Nhiên Hạo, Thơ Thơ, Phạm thị Ngọc, Trân Sa, Nguyễn Hoàng Nam, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Hương, Đinh Linh, Hồ Đình Nghiêm, Hoàng Mai Đạt, Hồ Như, Nguyễn Thanh Hùng, Lê Thị Thấm Vân, Vũ Quỳnh Hương, Vũ Quỳnh Nh, Thường Quán... chỉ 12 g đêm kém 10. Tất cả còn 5, 10 phút phù du đó, để rong chơi phung phá một lần nữa, sau đó hoá ...bí rợ.

LQM: *Còn vấn đề «Đàng Trong», «Đàng Ngoài» thì sao?*
TV: Vấn đề «Đàng Trong», «Đàng Ngoài»? Cô muốn hỏi vấn đề Nam-Bắc? Vấn đề này... đập vào mắt! Tôi không nghiên cứu xã hội học, cũng không quan tâm đến chính trị, lãnh vực của lựu đạn, hầm chông và mã tấu. Tôi chỉ có thể trả lời cô những gì tôi trông thấy sau những lần về thăm nhà. Miền Nam hoàn toàn Bắc hoá. Toàn bộ guồng máy nhân viên hành chánh, thuế khoá, an ninh trong Nam đều do người Bắc nắm giữ, ngay những chức vụ thấp nhất. Số lượng người Bắc sinh sống trong Nam đông vô cùng, ở Sàigòn, tỷ lệ 4/10 là ít. Người Nam ra Bắc sinh sống ngược lại rất hiếm. Tôi hoàn toàn không phiền hà chi việc người Bắc “di cư” vào

Nam sau 75, nhưng tôi thấy rõ miền Nam chịu chính sách cai quản của người Bắc, một cuộc Nam tiến.
Tại sao gần tuyệt đại bộ phận sinh viên du học là người Bắc? tại sao những nhà văn công du quảng cáo văn chương Việt Nam là những nhà văn Bắc? Và tại sao trên mặt văn chương, chỉ một giọng văn Bắc? thuần Bắc? Giọng văn Bắc thường sắc, mạnh, nhưng nhìn toàn cảnh văn học trong nước hôm nay bị đơn điệu. Tại sao có hiện tượng Bùi Hoằng Vị, Nguyễn Quốc Chánh, Trần Tiến Dũng và những nhà văn cũ Dương Nghiễm Mậu, Cung Tích Biền, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thuỵ Long, Trần Thị Ngh, v.v... chỉ xuất hiện trên các tạp chí hải ngoại?

Nếu Nam-Bắc cùng tẩy chay nhau, thì nhà văn trong Nam đã tẩy chay hội nhà văn của chính quyền vì họ không có tiếng nói. Không biết bao nhiêu nhà văn trong Nam, những khi gặp, đã nói với tôi họ không xem những hiện tượng văn học ngoài Bắc ra ký lô nào, và những trao giải-không nhận giải đều sắp đặt, cũng như xuất bản, thu hồi, rồi ...tái bản. Và tại sao hội nhà văn, viện văn học, trường viết văn Nguyễn Du, các đại học ngữ văn, đã cử bao nhiêu nhà văn, viện sĩ, nhà phê bình ra nước ngoài tìm hiểu văn học hải ngoại "cánh tay nối dài của Đàng Trong", nhưng khi về nước hội thảo, trên văn bản chánh thức đều tránh đề cập?

Tại sao Hoàng Ngọc Hiến, Đỗ Minh Tuấn, Phạm Xuân Nguyên, Nguyễn Huệ Chi, Trần Văn Thủy,... nghiên cứu cộng đồng hải ngoại, văn học hải ngoại cho trung tâm William Joiner Center của Hoa Kỳ nhưng về trong nước họ không thể phúc trình hay công bố nghiên cứu của mình cho dân Việt Nam hay biết một phần máu của dân tộc này đang chảy ngoài nước? Nếu đây là vấn đề «Đàng Trong», «Đàng Ngoài» như cô hỏi, thì tôi chứng kiến tận mắt như vậy.

LQM: *Như vậy vấn đề«Đàng Trong», «Đàng Ngoài» sẽ còn là một vấn đề lớn để tranh luận. Nhưng tại sao thuộc thế hệ trưởng thành sau khi chiến tranh chấm dứt, ông không nghĩ phải vượt lên trên vấn đề Nam-Bắc, Quốc-Cộng và phải quên đi quá khứ nội chiến đẫm máu của dân tộc để hướng đến tương lai?*
TV: Tất nhiên là tôi nghĩ đến, nếu không tôi đã không tham dự tạp chí Hợp Lưu do họa sĩ Khánh Trường khởi xướng từ năm 91. Tôi hiểu phải biết vượt lên trên vấn đề Nam-Bắc, Quốc-Cộng, không nên để quá khứ hãm hiếp hiện tại. Nhưng tôi cũng biết một khi hiện tại không trung thực thì chiếc bóng của hiện tại sẽ không hoàn chỉnh và bóng tối của quá khứ sẽ trỗi dậy. Tôi sống trong trông chờ một hiện tại trung thực ở quê nhà. Và chỉ trên cái nền sạch sẽ này, tất cả người Việt mới có thể cùng đi vào tương lai.

LQM*: Trần Vũ có cái nhìn thế nào giữa hai thế hệ sáng tác tại hải ngoại: Thế hệ đàn anh sống trong chiến tranh và Thế hệ trẻ sau chiến tranh?*
TV: Các thế hệ nối tiếp Tạ Tỵ, Mai Thảo, Dương Nghiễm Mậu, Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Sỹ Tế, Cung Tích Biền, Thế Uyên, Tường Hùng, Nguyễn Đạt, Cao Xuân Huy, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Mộng Giác, Trịnh Y Thư, Ngu Yên, Nguyễn ý Thuần, Hồ Minh Dũng, Trần Doãn Nho, Tuý Hồng, Nguyễn Thị Hoàng, Trần Thị Ngh, Lê Thị Huệ, Trùng Dương, Trang Châu, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Huỳnh Hữu Uỷ, Vũ Huy Quang, Nguyễn Xuân Hoàng, Hoàng Xuân Giang, Hoàng Xuân Sơn, Trần Thị Lai Hồng, Trương Vũ, v.v.. đều đã thành hình rồi mới tan vỡ sau cuộc nội chiến thảm khốc. Thế hệ tôi, thế hệ theo sau tức khắc, Phạm Thị Ngọc, Vũ Quỳnh Hương, Vũ Quỳnh Nh, Trân Sa, Lê Thị Thấm Vân, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Phạm Chi Lan, Y Chi, Hoàng Mai Đạt, Nguyễn Thanh Hùng, Nguyễn Phước Nguyên, Trầm Phục khắc, Nguyễn Đức Quý, Thơ Thơ, Đinh Linh, Bùi Hoằng Vị, Nguyễn Quốc Chánh, Thận Nhiên, Phan Nhiên Hạo, Đinh Trường Chinh, Nguyễn Danh Bằng, Nguyễn Trung Tây, Đỗ Lê Anh Đào, Vương Thúy Lệ, Nguyễn Hương, Thu Hiền Ngô, Bảo Phi, v.v.. tan vỡ trước khi kịp thành hình. Tôi chưa gặp tất cả, nhưng qua sáng tác của họ, tôi thấy rất rõ, chúng tôi cùng thất lạc, cùng trải qua cùng những mất mát, đoạn trường của thế hệ đi trước. Hoàng Khởi Phong đi làm thợ tiện cực thế nào, thế hệ tôi bước đầu cũng cực thế

ấy. Cũng cà lăm, không thốt nổi một chữ tiếng Anh, tiếng Pháp, cũng chầu chực xin giấy tờ tỵ nạn, cùng lủi thủi đi bộ đợi xe bus hứng bão tuyết, cũng làm đủ nghề nghiệp, bồi nhà hàng, rửa chén, rửa xe, xin trợ cấp, bị kỳ thị, bất ngờ trước khác biệt văn hoá của quốc gia đến định cư. Lam lũ, nhọc nhằn, nhục nhã, nhớ nhà, nhớ gia đình, cô đơn, đơn độc, một thân một mình, căm phẫn cho mối nhục mất nước, uất ức khi Sàigòn mang tên Hồ Chí Minh, tuyệt vọng... thế hệ tôi nếm đủ, không thua chi các bậc đàn anh.

Chúng tôi nhìn bên ngoài thấy có vẻ hội nhập, đa số giỏi ngoại ngữ, đa số thành đạt, nhưng có đọc tác phẩm mới thấu nỗi đau câm lặng trong từng cá nhân. Nỗi đau đó, không nghẹn ngào, buồn chín xương như thơ Mai Thảo "*nửa đường hương gẫy trên nghìn biển, rụng xuống mười xuân đã đứt lìa*", không tiếc nuối quá vãng như Cao Tiêu "*hiền sĩ thuở xưa có trăng treo đầu ngõ, tôi có gì đâu ngoài nón trận*", cũng không hương vị Bắc của những cơn mưa phùn Đất Khác trong thơ Thanh Nam, không băn khoăn "*mai mốt anh về có thằng túm hỏi, mày sang bển ấy làm củ gì?*" như Cao Tần, cũng không ngạo nghễ như Bắc Phong, Lâm Hảo Dũng, Nguyễn Đức Bạt Ngàn, không ngông một cách "zen" tỉnh bơ như Ngu Yên khi nghe két chưởi "*tổ cha mày, ngoài trời mây vẫn bay...*", và ít bềnh bồng lãng đãng như Nguyễn Bá Trạc. Nỗi đau của thế hệ tôi câm lặng, chưa rõ hình, không rõ lời, không rõ tiếng, chưa rõ thần, chỉ vì giản dị, đã tan vỡ trước khi kịp định hình.

Trong Florence, cách đây đã hơn một thập niên Phạm Thị Ngọc đặt câu hỏi: "*Nước Mỹ có còn gì cho chúng tôi không?*" Lúc đó Phạm Thị Ngọc chỉ mới ngoài đôi mươi, đã hoang mang trước lục địa mới. Câu hỏi lập đi lập lại suốt toàn truyện giữa những trận gió lạnh buốt quất qua thềm cửa trông sang ngôi nhà có bà lão tóc bạc. Câu trả lời duy nhất: *To Die in Dignity!* Trong Miền Vĩnh Phúc, sau Vận Tốc Trung Bình, sau Nẻo Quyên Ca, Vũ Quỳnh Hương năm 86 lúc đó vừa hơn 30 tuổi, mô tả trong hốt hoảng, thảng thốt tương lai của chính cô đang diễn ra trong một viện dưỡng lão Hoa Kỳ với tất cả bản năng basic instinct của con người trước khi lìa đời, với tất cả bần tiện của con người khi còn cách xa địa ngục hoặc thiên đàng. Trần Sa, những ngày vừa đến Gia Nã Đại miêu tả tâm trạng một thiếu nữ dưới trận bão tuyết tầm tã lầm lũi ra đường đi bộ nhiều cây số tìm mua cho được một điếu thuốc, để trốn cô đơn, rồi đi giữa hai hàng ghế trống với những bóng ma mộng mị ác mộng đeo đuổi. Cao Huy ở Úc mô tả một bà lão bản xứ cầm đồng hồ có mặt kim xoay tít không thời gian, đi từ tầng lầu này sang tầng lầu khác, từ building này sang building khác đuổi theo Cao Huy bén gót. Nguyễn Thanh Hùng, một hoạ sĩ trẻ lâu lâu viết tùy bút, những giòng chữ gần như khóc trên trang giấy, trên tháp chuông chót vót của một mái nhà thờ câm lặng gióng tiếng chuông vô hình bay ngân nga ngang những cánh đồng hoa hướng dương tím tái. Nhược Thủy, trong Phiến Diện, tả một người đàn bà da trắng đã chết có khuôn mặt đẹp tuyệt vời trong một ngôi nhà gỗ thơm củi thông cheo leo giữa lưng chừng núi tuyết, toàn truyện gần không có một tiếng động. Vũ Quỳnh Nh tự buông thả rơi vào những sắc màu nhập nhoè trong những khu phố Geisha sằng sặc tiếng cười phung phá. Lê Thị Thấm Vân trông thấy rõ mồn một bộ phận sinh dục trên thân thể phụ nữ Việt Nam, suốt bốn ngàn năm che dấu. Đinh Linh cho cô gái điếm trẻ VN chia động từ Être, je suis, tu es, il est, nous sommes... với một khách làng chơi VN còn chập chờn nuối tiếc quá khứ. Phan Nhiên Hạo bị ám ảnh bởi cơn đói trước khuôn viên trường đại học Sư Vạn Hạnh trên đường Trương Minh Giảng cũ. Thận Nhiên những đêm mất ngủ ngồi trước bàn phiếm mơ liên tục những giấc mơ trẻ thơ. Nguyễn Hương tìm kiếm không ngừng nguồn gốc đứt đoạn của thời gian VN. Nguyễn Hoàng Nam, Trần Minh Quân trần truồng không chút ngượng ngùng, quăng bộ phận sinh dục vào mặt tất cả, quăng vào mặt đạo đức xã hội, dân tộc, Khổng Tử, Lão Tử, Trang Tử, Trịnh Công Sơn, gia tài của Mẹ... không chút do dự. Còn nhiều nữa, tôi có thể kể tiếp tục như vậy suốt đêm. Tôi đọc gần như tất cả truyện ngắn ngoài nước. Theo dõi kỹ càng sáng tác của các bạn mình. Tôi không bỏ sót dòng chữ nào của họ. So với trong nước, tuổi trẻ ngoài nước cá tánh và bạo dạn, phóng túng hơn rất nhiều. Họ chỉ chưa rõ rệt, vì đã tan vỡ quá sớm. Ngày nào họ ráp lại tất cả những mảnh vỡ họ nhặt lên từ

mặt đất này, nơi cho phép tự do nhặt nhạnh ngay cả những miểng chai quốc cấm, lúc đó, Việt Nam sẽ thật sự có một nền văn học mới, có đủ tri thức, kinh nghiệm nhân loại, hiểu rõ tây phương và biết rõ giá trị con người sau khi đóng thuế. Hãy đợi thế hệ sau chiến tranh thêm 5, 10 phút nữa. Đã thực sự trưởng thành, đã bắt đầu lên đường, và đang nhận trách nhiệm. Có hơi muộn, nhưng không thể khác hơn, chúng tôi cũng tự túc lo cơm áo, nhà, xe, trợ cấp, học hành, ly dị, du lịch VN, nuôi con y như thế hệ đàn anh. Chỉ sau 5,10 phút. Trưởng thành sau 5,10 phút và sẽ chết sau 5,10 phút ở Tokyo, London, NewYork, Victoria, Melbourne, Paris, Berlin, Québec, Montréal, Toronto... Nhưng 5,10 phút này quyết định tất cả sự khác biệt.

LQM: *Bây giờ thì hiểu vì sao ông viết tổng kết Hợp Lưu 12 năm, dường như ông thích liệt kê?*
TV: Đúng vậy, tôi mắc cùng bệnh liệt kê của ...nhà nghiên cứu Nguyễn Vy Khanh. Do làm việc trong ngành điện toán, tôi quen với điều nghiêng khái quát, điều nghiên chi tiết, điều nghiên kỹ thuật, mô hình dữ kiêïn, mô hình tổ chức, quan hệ chức năng, lập trình, kết quả thống kê, phân tích, danh mục, chỉ số, kiểm toán, phúc trình mỗi quý ...dù sau đó, các số liệu hoàn toàn nhân tạo sai lệch 70% so với thực tế đưa đến bảo trì, hiệu đính và... công ty vứt bỏ toàn bộ hệ thống mua máy mới!

LQM: *Là người đề xướng chủ đề Yêu của Hợp Lưu(7), xin ông cho biết ý kiến về từ Yêu ở nghĩa rộng và nghĩa hẹp? Và dường như ông luôn là người thực hiện các chủ đề sáng tác cho các tập san hải ngoại? Tại sao những chủ đề?*
TV: Tôi thường hay lôi kéo bạn bè cùng viết truyện chung vì sáng tác phải có bạn mới vui. «Chủ đề» đầu tiên tôi thực hiện là tập hợp Những Cây Bút Trẻ tại Pháp, theo yêu cầu của chủ bút Hoàng Khởi Phong và tổng thư ký Cao Xuân Huy với ...trình bày Khánh Trường cho tạp chí Văn Học số 45 tháng 11.1989.
Lúc đó, quy tụ được Nhược Thủy (Y Chi) với truyện ngắn tâm lý gia đình rất xúc động Dòng Sông Sa Mạc, Ngọc Khôi (đã mất), Văn Cũng Thường (đã đi chui qua Mỹ), và Sĩ Liêm (đã ngưng viết). Thời kỳ đó, anh Hoàng Khởi Phong thực hiện liên tiếp những số báo giới thiệu người viết trẻ, với Cao Huy, Cheo Reo, Uyên Nguyên, Thường Quán, Hoàng Ngọc-Tuấn, Hoàng Từ Dương ở Úc trên VH-41 tháng 6/89. Trước đó anh Nguyễn Mộng Giác «chuyên gia chủ đề» cũng đã làm vô vàn những chuyên đề, ‘‘9 Người Viết Trẻ’’ với Chân Phương, Hoàng Mai Đạt, Nguyễn Hoàng Nam, Trần Trúc Giang, Nguyễn ý Thuần, Tạ Thái, Nguyễn Phước Nguyên ở Mỹ và Nguyễn Thanh Hùng ở Hoà Lan trên VH-22 tháng 11/87, rồi ‘‘Các Cây Bút Nữ’’ với Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Trân Sa, Phạm Thị Ngọc, Vũ Thùy Hạnh, Trần Thị Kim Lan, Như Chi, Nguyễn Thị Thanh Bình, Thuỵ Khuê’’ trên VH-33 tháng 10/88...
Sang đến giai đoạn Hợp Lưu, họa sĩ Khánh Trường cũng liên tục chủ đề Những Nhà Văn Nữ, Văn Cao, Mai Thảo, Bùi Giáng, Hoàng Xuân Hãn, Thanh Tục,v.v.. Tôi trưởng thành trong môi trường sáng tác và sinh hoạt của những tập san này, nên lây bệnh của mấy ông anh là đương nhiên. Thật sự là vào năm 89, khi thực hiện chủ đề đầu tay Những Cây Bút Trẻ tại Pháp, tôi hoàn toàn không ngờ là định mệnh sẽ đưa đẩy một thập niên sau, vô cùng bất ngờ khi Nam Dao từ Québec, Trân Sa từ Toronto, Thường Quán từ Melbourne, rồi Nguyễn Thị Ngọc Nhung từ Los Angeles sang Pháp, giữa khói cần sa mù mịt Trân Sa mua ở Hoà Lan và vấn cho tôi hút thử, với rượu vang của các chị Phan Thị Trọng Tuyến, Miêng, Mai Ninh, hoạ sĩ Phan Nguyên, cả nhóm bỗng dưng «hưng phấn» rủ nhau đi thuê nhà chung trong truyện, chung câu văn nhập, với ‘‘kẻ lạ’’, không cho thấy mặt, không cho... giao tiếp thân xác, cấm kết có hậu! Đã có những truyện ngắn rất bất ngờ: Nam Dao thuê nhà chung với Jésus đi ra đường gặp ...Karl Marx, Eric Nguyễn Việt thuê nhà chung với một người đàn bà là thần chiến tranh, Phan Nguyên thuê nhà với ma... Rồi chia tay, bạn bè lại xa nhau. Hai năm sau, bỗng nhiên Miêng nhắc đến đề tài Truyện Tình Mùa Hè của Trân Sa bỏ bê bao năm, lại ầm ào, lôi kéo, rủ nhau một lần nữa. Lần này Trân Sa và Nam Dao muốn mở rộng phạm vi «toàn quốc», thư mời gởi đi lung tung, dưới sự bảo trợ của chủ biên Hợp Lưu là Phùng Nguyễn khi ấy. Phạm Thị Hoài đặt tựa Yêu nhưng rồi bận không tham dự, chị Phan Thị Trọng Tuyến nói tựa Yêu của Chu

Tử... Nhưng rồi Yêu cũng ra đời với 36 tác giả trong ngoài nước. Sau đó hoạ sĩ Khánh Trường sau khi rời nhà thương, trở lại trông coi tạp chí, anh quyết định lên đường một lần nữa. Các chủ đề Thế Hệ Sau Chiến Tranh với 30 tác giả nội-ngoại và Tiểu Thuyết tiếp nối... Mục đích duy nhất của tất cả những tác giả cùng tham dự là cùng muốn gây lại sinh hoạt sáng tác, hâm nóng lại bầu không khí đã chùng xuống mấy năm vừa qua, tạo sinh khí, sinh động, ầm ĩ và biết đâu... bắt đầu một giai đoạn mới. Ngoài ra không còn mục đích nào khác.
Về ý nghĩa chữ Yêu, tôi không thể trả lời cô, vì giản dị, không thể định nghĩa tình yêu.

LQM: Ông *nghĩ sao về ý kiến của một số độc giả và văn hữu cho rằng những tay viết nữ luôn luôn là những người đi tiên phong trên phương diện Tình Dục?*
TV: Tôi nghĩ ngược lại, các nhà văn nữ VN rất gìn giữ, không bao giờ viết hết suy nghĩ của họ. Gia đình, xã hội và truyền thống giáo dục Khổng giáo vây quanh, khiến nhà văn nữ VN mất tự do, tự kiểm duyệt, không muốn nghĩ đến hoặc nghĩ đến nhưng không thấy đẹp đẽ rồi lẩn tránh. Trước đây, ở miền Nam, Lệ Hằng, Nguyễn Thị Thuỵ Vũ, Nguyễn Thị Hoàng, Túy Hồng, Trần Thị Ngh là những hiện tượng cá biệt. Hôm nay, số lượng nữ tác giả viết về tình dục một cách bạo dạn, không trốn tránh, vẫn còn rất ít. «Miền dục lạc» như Trân Sa gọi, gồm Lê Thị Thấm Vân, Mai Ninh, Nguyễn Hương, Thơ Thơ cùng với Lê Quỳnh Mai mới đây trong văn xuôi, Đỗ Lê Anh Đào, Trần Minh Quân, Vy Thuỳ Linh, Phan Huyền Thư trong thơ, cũng mới đây.
Một trong những nguyên nhân tuy không chính yếu, nhưng có ảnh hưởng, nằm trong tiêu chỉ đạo đức-mỹ tục vô cùng cổ điển của các toà báo. Mỗi lần đăng được một bài thơ bị người Việt xem là «bạo» ïlà mỗi một lần tác giả và ban biên tập phải tranh đấu cho dòng thơ này cất tiếng. Ngay Hợp Lưu, một tạp chí vung khẩu hiệu khai phá cấp tiến, bước vào thế kỷ 21 vẫn vô cùng ngần ngại với sinh dục. Chủ đề Yêu, Hợp Lưu không đăng trích đoạn Âm Vọng Tình Ta của Lê Thị Thấm Vân, thơ ca Sex của Trần Minh Quân và Lê Thị Thấm Vân luôn gây dị ứng. Tức quá, có lần tôi đem Âm Vọng Tình Ta của Lê Thị Thấm Vân gởi cho tạp chí Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng, được xem một tạp chí trẻ, của tuổi trẻ trưởng thành ngoài nước, của tuổi trẻ «thấm đẫm» văn hoá phương Tây, nhưng... chủ biên Phạm Chi Lan không đăng!
Tôi luôn luôn ngạc nhiên trước những hàng rào này. Không có hoạ sĩ Khánh Trường, chắc chắn phong trào sinh dục hoá thi ca không bao giờ có thể ra đời trong văn chương VN hải ngoại. Hiện tại, tạp chí điện tử Tiền Vệ của nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc, là tạp chí duy nhất không sợ hãi tình dục lẫn các bộ phận sinh dục.

LQM: *Thập niên ba mươi, Thơ mới đã là một bước đột khởi trong dòng văn chương Việt Nam. Theo ông, Thơ Tân Hình Thức hiện nay có thể nối tiếp nhiệm vụ gây hưng phấn cho nền thi ca Việt Nam hay không? Độc giả chưa bao giờ thưởng thức một bài thơ nào của ông. Có phải nhà văn Trần Vũ bị« dị ứng» với Nàng Thơ?*
TV: Tôi không quan tâm đến thi ca. Tôi chỉ đọc có hai loại sách duy nhất, tiểu thuyết và các tài liệu chiến tranh Đông Dương, Algérie, đệ nhất & đệ nhị thế chiến, thủy chiến Thái Bình Dương... Chuyên môn chính của tôi là các binh chủng Lê Dương, Nhảy Dù, Panzer, Waffen SS, Luftwaffe,... Thuở niên thiếu khi bước chân lên trung học đệ nhất cấp, lúc còn ở Sàigòn, tôi đã sớm say mê tủ sách Hitler của nhà Sông Kiên, Samourai Những Trận Không Chiến Dữ Dội Nhất Lịch Sử Thái Bình Dương của trung úy Saburo Sakai, Erwin Rommel Con Cáo Già Sa Mạc của Desmond Young, Hitler và Mặt Trận Miền Đông của Paul Carell là những sách gối đầu giường của tôi khi ấy.
Lớn hơn một chút, khi bạn bè mê thơ Nguyên Sa, Trần Dạ Từ, Phạm Thiên Thư, mê truyện Nguyễn Thanh Trịnh, Từ Kế Tường, Đinh Tiến Luyện, Nhã Ca,v.v.. thì tôi mê Bố Già (do Ngọc Thứ Lang dịch), Ông Mãnh Súng Vàng (do Hoàng Hải Thủy dịch), Z-28 Hận Vàng Aán Độ (Người thứ Tám), Về Miền Đất Hứa (do Thế Uyên dịch), Chiến Hữu (Vũ Kim Thư dịch) và dĩ nhiên Tử Thủ Căn Cứ Hoả Lực 30 Hạ Lào của đại úy Trương Duy Hy giải nhất văn chương... phủ tổng thống VNCH. Sang đến Pháp, tôi rơi ngay vào kho sách chiến tranh của các sĩ quan Pháp tham chiến tại VN, từ trung tướng Navarre đến trung tá Grauwin y sĩ trưởng Điện Biên

Phủ, từ ký của Francis Garnier đang viêùt dở dang cho báo Figaro, đến tiểu thuyết Sensualité của Henry Rivière mới viết 2 chương ở Hà Nội khi bị Lưu Vĩnh Phúc chém chết ở Ô Cầu Giấy... Tôi bị văn xuôi cùng chiến tranh cám dỗ và không còn thời gian cho những thứ khác. Nếu cô gọi đó là dị ứng thi ca, thì đó là dị ứng thi ca.

LQM: *Trần Vũ có hoài bão riêng nào cho bản thân và cho Hợp Lưu?*
TV: "Hoài bão" cho Hợp Lưu? Câu hỏi này dành cho hoạ sĩ Khánh Trường chủ biên tạp chí đúng hơn. Tôi chỉ mong muốn, các tập san văn chương VN trên giấy cũng như trên mạng, cùng nhà xuất bản ngoài nước trả tác quyền và nhuận bút cho các tác giả, ký kết văn kiện hợp đồng đàng hoàng y như Tây phương. Đến lúc đó hẳn ghi copyright Tiền Vệ, Talawas, Hợp Lưu, Văn, Văn Học... Đây là điều kiện chuyên nghiệp đầu tiên trước khi đòi hỏi các tác giả chuyên nghiệp trong sáng tác. Dương Thu Hương có lần tuyên bố: Cái nhục lạc hậu nghèo đói, cũng nhục như cái nhục mất nước. Tôi muốn thêm: Cái nhục không trả tiền nhuận bút, cũng nhục như cái nhục mất nước.
Muốn vậy, nhưng tôi biết rõ các tạp chí không có lợi tức. Không nhuận bút ở ngoài nước đã thành một thông lệ. Một truyền thống. Và hơn một truyền thống, một định mệnh.
"Hoài bão" riêng cho bản thân? Có thể về hưu tức khắc, ngay bây giờ, có một biệt thự sát biển ở Phù Két-Thái Lan và nhiều biệt thự khác ở Nha Trang, Đà Lạt, Sàigòn, có thời gian viết tiểu thuyết, dịch sách chiến tranh Đông Dương, có hầm rượu vang nhiều ngàn chai và tôm hùm, bào ngư, hào sống, cá sống, và bạn bè đến uống rượu mỗi chiều cùng ngắm mặt trời trước biển trong tiếng cười vang suốt đại dương...

LQM: *Là người được mô tả thân thiết với họa sĩ Khánh Trường. Trần Vũ có cảm tưởng ra sao khi nghe tin hoạ sĩ Khánh Trường, sau tai biến mạch máu não, lại rơi vào bệnh nan y khác: ung thư thanh quản.*
TV: Tôi không biết phải trả lời cô như thế nào, vì tôi vẫn chưa hình dung rõ ràng chuyện gì đang xảy đến. Tôi biết là hoạ sĩ Khánh Trường đang gặp nguy hiểm, và tôi nghĩ đang có cùng cảm giác của anh, ngày anh đến thăm Mai Thảo trong căn gác phía sau nhà hàng Song Long, thấy Mai Thảo không đi được nữa. Mai Thảo đã luôn là một người anh của hoạ sĩ Khánh Trường. Tình cảm của anh dành cho Mai Thảo thế nào, thì tình cảm của tôi dành cho anh y vậy. Tôi tin vậy. Lúc này tôi không biết làm gì khác hơn là phụ lặt vặt với anh chuyện toà báo, giống như mình có ông anh mở một cửa hiệu buôn bán gì đó, không có lời, nhưng ông anh vẫn bán, vẫn đứng trông hàng mỗi ngày từ sáng đến chiều để gặp bạn bè, rồi đột nhiên anh ngã bệnh, tôi chạy ra trông hàng thay, cũng chẳng để buôn bán hay kiếm lời chi hết, chỉ để gặp bạn bè, thông báo cho họ hay chưa đóng cửa hiệu, còn mở. Đến khi nào, bao giờ, thì tôi không biết. Tôi chỉ biết hoạ sĩ Khánh Trường đang ốm đau và anh cần có người phụ giúp. Tôi phụ anh tất cả những gì tôi có thể phụ được, và nghĩ ngày mai anh sẽ ra cửa hiệu trở lại, lại cười khà, và tôi sẽ lại bỏ đi chơi với Thận Nhiên, Trân Sa, Nguyễn Hương, Thấm Vân, Nguyễn Hà ý Nhi, Nam Dao, Thế Giang cho đến khi lại nghe anh kêu làm cho anh cái này, cái kia. Tôi đã quen với bao nhiêu năm hoạ sĩ Khánh Trường hứng mũi chịu sào cho tôi phá phách, tôi không thể hình dung ra sự thay đổi nào khác. Hoạ sĩ Khánh Trường, hoạ sĩ Võ Đình, anh Trương Vũ, là các ông anh lớn của tôi. Họ luôn ở bên cạnh, che chở, la rầy, và chỉnh đốn những khi cần thiết. Chị Nguyễn Thị Hoàng Bắc, chị Thụy Khuê, chị Trần Thị Lai Hồng, chị Phan Thị Trọng Tuyến là những bà chị lớn... Họ là gia đình tôi. Thường khi tôi hay phá phách chọc tức họ, nhưng mỗi khi họ gặp hung hiểm, tôi khổ vô cùngcủa mình, nghĩ đến lúc đóng bè trôi giạt giữa biển Đông, nghĩ đến các trại cô nhi viện tôi đã sống suốt năm năm, và nghĩ tôi đã may mắn lắm có một gia đình ấm cúng như vậy, tựa máu mủ, ở bên này biển.
Lê Quỳnh Mai thực hiện.

Mỗi lần như vậy, tôi đều nghĩ đến cuộc vượt biển

Quan niệm truyện ngắn trước 75

Năm 2004 khi làm chủ biên tập san Hợp Lưu tôi đánh máy lại phần phát biểu về quan niệm truyện ngắn của các nhà văn miền Nam trong tập "Những Truyện Ngắn Hay Nhất của Quê hương Chúng ta" do Nguyễn Đông Ngạc tuyển chọn, in tại Sài Gòn năm 1973. Số báo nhận được nhiều ý kiến yêu cầu phỏng vấn các nhà văn hải ngoại về truyện ngắn mà vì bận bịu không thực hiện. Một thập niên sau đọc số báo cũ, đánh máy lần nữa cho tuần san Trẻ, vì truyện ngắn đang là thể loại tràn lan cùng lúc giảm sút phẩm chất. Vì sao miền Nam nhiều truyện ngắn hay mà nay nhiều "trung bình"? Vì quan niệm thay đổi. Trước, các nhà văn xem truyện ngắn là một bộ môn nghệ thuật khó, cần súc tích, cô đọng với khí hậu đậm đặc, tức cần giọng văn và phong cách. Nay, chú trọng sự kiện mà xem nhẹ "áp suất", hành văn, cú pháp. Đọc lại suy nghĩ xưa thấy rõ ý thức ở người cầm bút trước 75. (Trần Vũ)

Túy Hồng: Trước hết truyện ngắn khó hơn viết truyện dài. Mất cũng nhiều thì giờ. Có khi hai ba tháng chưa ra một truyện. Tôi chú ý mạnh đến cách sử dụng từ ngữ và tâm lý nhân vật hơn là tìm cốt truyện và bố cục câu chuyện. Truyện ngắn đòi hỏi nhiều công phu và hy sinh. Tôi chú ý thật nhiều đến đoạn kết. Quan trọng như phần kết luận trong một bài luận ở trường học.

Bây giờ, sau khi đã tự hủy diệt rất nhiều ở nghiệp viết thuê cho báo hàng ngày, tôi khó lòng viết lại được những truyện ngắn như những truyện ngắn ở tập truyện đầu tay. Về truyện Lòng Thành, sáng tác thứ ba của đời cầm bút: Viết xong cái truyện ngắn thứ ba này, tôi mới hiểu tôi và tôi biết truyện này đã gây một vài ngạc nhiên nhỏ chung quanh. Huế và Sàigòn vẫn cách xa diệu vợi và vẫn còn thấm ướt kỷ niệm cho đến bây giờ. Tôi viết truyện này, tôi làm bài luận văn đặc biệt nhất cuộc đời, khi tôi còn là một cô giáo cấm cung tại Huế. Giờ đây trên bìa năm 1973 nhìn lui, văn chương của mình không biết có phải đã giật lùi? Làm văn nghệ sao mà thê thảm? Chỉ có hồi bắt đầu làm mới sung sướng. Tôi viết truyện ngắn thứ ba này khi vô cùng sung sướng với nhiều hi vọng nẩy từng nụ non.

Thanh Nam: Truyện ngắn là một thể văn xuôi vừa khó viết mà vừa khó thành công, không thể là một thứ truyện dài rút gọn hoặc một thứ lấy ra từ những đoạn rời của một truyện dài. Càng không thể là những đoản văn, những tùy bút ngụy trang. Trong văn chương Tiền Chiến và hiện nay, tôi đã thấy nhiều nhà văn thành công trong truyện dài nhưng sang tới địa hạt truyện ngắn lại thất bại

nặng nề. Nhưng đối với những người mới viết văn thì đó chính là một cái bẫy hấp dẫn vì hình như đa số người viết văn đã chọn thể văn đó trong những bước đầu.

Nguyễn Thị Hoàng: Truyện ngắn là một thứ truyện không phải bị rút ngắn từ một truyện đáng lẽ phải dài và ngược lại cũng không thể, muốn trở thành một truyện dài, cứ viết kéo dài hay triển khai thêm. Đối với tác giả, một truyện ngắn, nếu đúng cách, đúng nghĩa, còn khó thực hiện hơn một truyện dài vì tính cách hàm súc của nội dung, tượng trưng của ý nghĩa, cắt xén của câu chuyện từ cuộc đời hay uốn nắn và trích dẫn từ trí tưởng.

Một truyện ngắn phải là một chuỗi liên tục của biểu tượng nào đó, nên phải được thoát ra, như một hơi thở không dứt. Vì vậy, khi viết, từ chữ đầu cho đến chữ cuối của một truyện ngắn, tôi thường không nghỉ viết một lần nào, mà chỉ một hơi liên miên cho đến khi xong. Độc giả, ít ra, phải quan niêïm truyện ngắn là một đề tài để ngẫm nghĩ, hoặc về con người, hoặc về cuộc đời, chứ không phải chỉ để giải trí suông, như truyện dài.

Nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ, ảnh Trần Cao Lĩnh

Nguyễn Thị Thụy Vũ: Tôi bước vào văn đàn bằng những truyện ngắn, nhưng hình như tôi vẫn chưa có kinh nghiệm về truyện ngắn bao nhiêu. Truyện ngắn khó viết hơn truyện dài vì tư tưởng lẫn cảm hứng chỉ được diễn tả trong một khuôn khổ ngắn. Người viết phải cô đọng tư tưởng. Tôi thích truyện ngắn không có cốt truyện, mà đầy nhiều chi tiết soi sáng thái độ lẫn quan niệm của tác giả đối với văn chương và cuộc đời. [...]

Một vài bạn bè của tôi thường nói: trong một vở tuồng hay trong một cuốn phim, người đóng vai chánh cũng như người viết truyện dài, người đóng vai phụ cũng như người viết truyện ngắn, không thể cho rằng vai chánh này kém vai phụ kia về phương diện nghệ thuật nếu người thủ vai phụ diễn xuất tài hơn người diễn vai chánh. Riêng về phương diện viết văn, theo tôi, truyện ngắn đòi hỏi người viết nhiều sự tính toán về phần kỹ thuật sắp xếp tình tiết hơn là một truyện dài. Một truyện ngắn làm độc giả say mê khó khăn hơn một truyện dài. Một truyện ngắn không dành cho người viết nhiều chỗ, nhiều cơ hội, để phô diễn tài năng của mình bằng truyện dài.

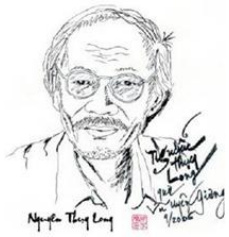

Nguyễn Thụy Long: Tôi khởi sự viết văn bằng truyện ngắn. Nhưng không phải vì vậy mà tôi đồng ý với một số người cho là viết truyện ngắn dễ hơn viết truyện dài. Trái lại nữa là khác. Cho đến bây giờ tôi đã có hơn 30 cuốn truyện dài đã được xuất bản, vậy mà tôi vẫn còn nao nức sung sướng khi hoàn tất được một truyện ngắn khá ưng ý. Tôi cũng không đồng ý một số người cho rằng truyện ngắn là một số đoạn của truyện dài cắt ra hoặc nói một cách khác là truyện dài do nhiều truyện ngắn góp nhặt lại. Theo tôi, truyện dài và truyện ngắn thuộc hai lãnh vực khác hẳn nhau. Mỗi loại có nghệ thuật riêng của nó. Mỗi một truyện ngắn theo đúng nghĩa của nó là một truyện ngắn khác biệt, không thể một truyện ngắn này giống một truyện ngắn khác.
Truyện ngắn còn là bước khởi đầu của một nhà văn và một nhà văn suốt một đời viết văn vẫn còn cái thèm muốn khi viết được một truyện ngắn ưng ý.

Cung Tích Biền: Viết một truyện ngắn được xem là hay, rất khó. Ngay cả những nhà văn chuyên về truyện ngắn, cũng chỉ có một thời kỳ viết được truyện hay mà thôi, còn chỉ là… Mỗi truyện ngắn có một "định mệnh" với người viết; đẩy ra một chân trời, hoạt hoạ một chân dung, bày tỏ một thế giới mới. Với một kỹ thuật cao, ở truyện ngắn ta nói được nhiều điều cần thiết hơn ở truyện dài; người đọc dễ nhận, dễ xúc động; y như ta đưa dần họ đến cái chóp núi chót vót, để bất ngờ thấy một thung lũng bàng bạc bên kia. Hầu hết truyện ngắn của tôi, cốt truyện được nghĩ ra thật nhanh, thoáng vụt, chỉ như một trực giác; sau đó, khi cầm bút viết, cần trải đáy lòng, soi tìm những súc tích, thâm thúy, những vì sao lạ trong ngôn ngữ.

Tôi thường nghĩ tới công việc một nhà điêu khắc. Trong thế giới văn chương, những truyện ngắn là những phiến ngà lấp lánh; đa thể và biến dịch từ mỗi người đọc.

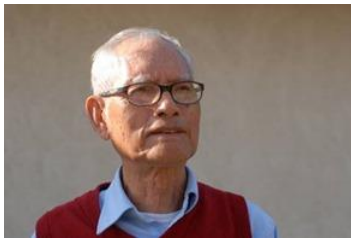

Doãn Quốc Sỹ: Trong truyện ngắn không có sự kiện chi tiết tràn bờ, dư thừa. Tất cả đều như những nhát búa đập chính xác lên đầu chiếc cọc để cọc đóng sâu và chắc xuống lòng đất. Đôi khi truyện ngắn có thể khá dài đấy – chừng bốn, năm chục trang – nhưng đó phải là câu chuyện kể một hơi, tâm trạng cô đọng, cốt truyện cô đọng. Những tình tiết thiết yếu, ngắn gọn liên tiếp tới với tác dụng soi sáng và đẩy nhanh, đẩy mạnh tới đoạn kết. Cái bé nhưng bé hạt tiêu ở truyện ngắn là người viết phải luôn luôn có được cái nhìn thật sắc bén xuyên thẳng tới lõi sự vật, đạt thấu tới bản thể của tâm tình. Ở truyện ngắn hễ xuất quân là phải tốc chiến tốc thắng. Hoặc thất bại. Như câu nói thường tình "Được ăn cả, ngã về không".

Nguyễn Đức Sơn: Quan niệm của tôi về truyện ngắn? Không có. Tóm tắt cái quan niệm ấy? Làm sao được. Tuy nhiên tôi có chút ý kiến này: trong tất cả các ngành nghệ thuật dùng chữ viết, chỉ có thơ ca là có trong trời đất. Còn tất cả truyện ngắn, truyện dài, kịch… may ra mới đạt tới cái gì sâu thẳm và cao vời. Tôi chỉ lấy làm lạ rằng hình như trên thế giới chưa có một người cầm bút nào thật sự trở nên đại văn hào, thật sự có tầm ảnh hưởng lớn lao lúc còn sống hay sau khi chết mà chỉ nhờ duy nhất có truyện ngắn của mình chớ không nhờ thêm vào truyện dài, kịch, thơ. Truyện ngắn tự nó không có đủ khả năng sao? Cha tôi thì muốn tin như vậy. Nhưng tôi thì không nghi ngờ. Tôi cũng mê truyện ngắn ghê gớm. Quả thật nếu truyện dài là một chuỗi ngọc thì truyện ngắn ít ra cũng phải là một hạt minh châu. Cách đây hơn 10 năm, trong tạp chí Văn Nghệ số 21 đặc biệt về ý kiến truyện ngắn, tôi cũng đã phát biểu nhiều điều: "Truyện ngắn thì ngắn, truyện dài thì dài. Nhưng nếu truyện dài là một cái gì hoàn tất thì truyện ngắn cũng phải là một cái gì hoàn tất dù nó có mở rộng nhiều chân trời xa xôi". Đó là điểm dễ hiểu nhưng ít người chịu hiểu. Truyện ngắn cũng nhất thiết không phải là những truyện quá ngắn ngủi và nhất là vô duyên như kiểu "A very short story" của Hemingway. Một truyện ngắn hay như một viên đá ném vào thạch động. Nó vang rền khắp nơi. chúng ta tê điếng xa xăm, khác với cái tê điếng rất mạnh của nhục cảm. Như sau khi đọc xong một truyện dài có tư tưởng lớn. Đó là bi lực của truyện ngắn, một truyện dĩ nhiên ngắn hơn truyện dài".

Nguyễn Quốc Trụ: Đối với cá nhân yêu mến và theo đuổi nghiệp văn, truyện ngắn là giai đoạn chuẩn bị, sửa soạn trước khi sáng tác những truyện dài. Như thế, truyện ngắn là một bài toán nhỏ về bút pháp exercice de style. [...] Truyện ngắn giống như những dấu hiệu thay đổi thời tiết trước khi sang mùa. Người đọc phải nhạy cảm một chút mới nhận ra truyện ngắn hay hoặc dở, – giống như những viên ô mai, ăn ít thì còn ngon.

Mai Thảo: Truyện ngắn là một thể văn phải thể hiện trong nó rất nhiều cái riêng tây. càng có nhiều được những cái riêng tây chừng nào, truyện ngắn càng hay chừng nấy. Không khí, nhân vật, cách viết, đều là cái chỉ có một.
Một nhà văn viết 100 truyện ngắn hay, 100 truyện đó phải hoàn toàn khác biệt nhau. Mỗi truyện ngắn, như một đời người, phải tạo được cho nó một định mệnh riêng. Với riêng tôi, truyện ngắn là những bước chân thứ nhất đi vào văn chương.

Dương Nghiễm Mậu: Các tác giả thường trải qua một giai đoạn viết truyện ngắn trước khi viết truyện dài. Truyện ngắn gần với thơ, kề cận thân thiết với đời sống ấu thơ và những kỷ niệm của tác giả, nó như những bước đi đầu vừa ngỡ ngàng vừa hăm hở, ở đó có những xúc động nhẹ nhàng, hoặc bất ngờ hung hãn như một nhát chém. Truyện ngắn thường là chi tiết đủ nghĩa của một đề tài thu hẹp. Với khuôn khổ khó khăn của kỹ thuật nhưng tự nó không phải là một thể văn gò bó. Một truyện ngắn không bao giờ là trích đoạn của một truyện dài thành công.

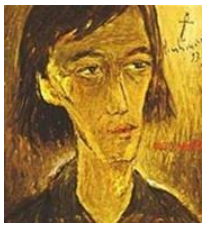

Nguyễn Tất Nhiên: Phân tích một hai ý tưởng, hành động chính đơn giản nhưng độc đáo. Diễn tiến trong vài giờ. Truyện ngắn theo tôi, tự nó phải đầy đủ, vì tự nó đã được quyền mang trọn vẹn ý nghĩa của danh từ “tác phẩm”. Tôi không trọng tác giả nào trích đoạn truyện dài ra làm truyện ngắn. Khi cầm bút, tôi phải biết tôi muốn nói gì và đủ khả năng nói chăng? Ngắn hay dài?

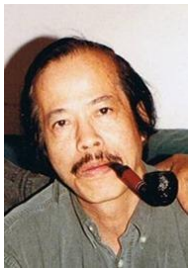

Nguyễn Đông Ngạc: Về nội dung: bất cứ đề tài nào của thơ, của truyện dài cũng có thể là đề tài của truyện ngắn. Nhưng vì là truyện ngắn nên tình tiết, ý tưởng phải thật chọn lọc và có tính cách quyết định hơn. Truyện ngắn gần giống như thơ Đường ở nội dung. Về hình thức: phần này theo tôi là phần quyết định sự thành công hay thất bại của truyện ngắn (nhất là loại truyện ngắn không có cốt truyện và là phần xác định sắc thái của một tác giả, phần khám phá và làm mới truyện của một người viết). Còn nghĩ và viết như thế nào là sự lựa chọn của một người và dĩ nhiên truyện ngắn hay phải là truyện làm cho người đọc thích: và chịu được sự thử thách của thời gian.

Hiện nay, tôi quan niệm: quá khứ, hiện tại, tương lai là một dây chuỗi không thể tách rời và tôi đã chọn cách diễn tả không phân biệt rõ ràng từng thời gian. Người đọc sẽ thấy cả ba thời gian lẫn lộn kể cả không gian nữa. Một người trong cùng một lúc có thể sống – nhờ ý nghĩ, nhờ trí tưởng tượng, nhờ kinh nghiệm – ở mọi nơi và mọi thời gian. Phần lớn truyện của tôi đều có bút pháp của truyện Đỉnh Cao Sương Mù, là một truyện viết với mối ám ảnh của chính tôi về chiến tranh.

TV đánh máy lại từ tập "Những Truyện Ngắn Hay Nhất của Quê hương Chúng ta" do Nguyễn Đông Ngạc tuyển chọn, Nxb Sóng 1973.

***

Phụ đính:

Mùa mưa gai sắc

Tôi biết Huệ đã lâu. Từ lúc Huệ còn niên thiếu, những trận mưa rào còn bất chợt đổ về qua qua ấp Tây Sơn, thứ mưa nóng và ẩm của vùng Qui Nhơn sỏi đá. Suốt quãng đời niên thiếu, hình như Huệ chỉ đi chơi xa có hai lần. Một lần lên Phú Xuân và một lần bơi xuồng băng ngang đầm Thị Nại. Cả hai lần, lần nào cũng có hai anh lớn của Huệ: Nhạc và Lữ.

Hôm ấy ám trời, cả một mặt đầm gợn sắc mây, mưa lướt thướt mỏng như những cánh chuồn rù rì vẫn vơ trên mặt nước. Nhạc bản tính tục tằn không ngớt lầm bầm trong miệng, quở trách trời đất. Nhạc quở những hạt mưa nhỏ mọn đương vãi xuống khoang thuyền làm hỏng cuộc vui. Lữ không nói gì, chỉ im lặng nhìn những cánh bèo nổi lặng lờ như không muốn trôi, trong ba anh em Lữ là người ít cá tánh nhất. Ánh mắt Lữ, lúc nào cũng phảng phất nghĩ ngợi, một chút buồn, một chút thiền vị vu vơ, chứa mà không chứa đạo Phật. Đợi Lữ leo lên ngồi rồi Huệ mới lấy sức, dẫm chân xuống nước, đẩy xuồng cho xa bờ. Những đám lau lác đác, già nua, xanh điệp tách dần ra cho đến lúc không còn trông thấy nữa. Nhạc làu bàu hối Huệ bơi ra giữa đầm. Nhạc ngồi ở mũi xuồng, đúng chỗ, đúng vai vị của người con cả. Đầm Thị Nại không biết tự thuở nào mang tâm trạng u uất ui ui trên mặt nước, ngay dưới mưa cũng phẳng lì không gợn sóng. Tiếng động duy nhất phát ra từ mái chèo khoắng nước trong tay Huệ. Huệ cũng ít nói, nhưng không câm lặng như Lữ, chỉ nói những khi cần, cùng những gì đáng nói. Tôi ngắm những bắp cơ trên cánh tay Huệ thong thả nhịp nhàng dầm mái, rồi vạc nước về sau, nhấc lên rồi lại thả xuống, cử động thuần nhất đến độ trông như Huệ không hề chú tâm đến việc bơi xuồng. Nhưng có nhìn vào đôi mắt Huệ thì mới biết Huệ tập trung lắm. Hướng xuồng đi không chệch, không lệch về trái, không thả sang phải, thẳng tắp theo một hướng đi mà Huệ tự chọn lấy.

Mặt nước u tịch, im lìm, chốc chốc lại vang tiếng khạc nhổ của Nhạc. Nhạc mắng Lữ và Huệ chọn đi đâu không đi, ra chỗ buồn tênh. Thái độ gắt gỏng cộc tính của Nhạc, hơn một thói quen, thành thứ nền nếp trong nhà đến độ Lữ và Huệ không buồn chú ý. Suốt buổi đi chơi, ba anh em không ai vãn chuyện. Gần về, Huệ chỉ nói một câu duy nhất:

- Nước ở đầm này bao nhiêu đời không thay, vừa đục, vừa tanh, mai mốt có quyền chức, tôi sẽ cho thay nước.

Nhạc đang ngồi xếp bằng ở mui, nghe Huệ nói, liền khạc thêm đờm xuống đầm, cho là chuyện không đâu. Còn Lữ nói một câu vô thưởng vô phạt:

- Đầm này không sạch bằng cửa sông đổ ra An Nhơn.

Huệ cũng không bằng lòng, gắt:

- An Nhơn cũng không sạch.

Những khi giận, hai tròng đỏ trong mắt Huệ lập lòe lửa, tất cả thần khí dữ dội hiện lên ở đồng tử, nên nhìn rất sợ. Nhạc và Lữ biết rõ tánh Huệ nên im lặng không nói thêm điều gì. Đoạn đường từ đầm về bờ, chỉ còn tiếng mái chèo Huệ sục sạo cắm xuống mặt nước. Sông xẻ hai bên mạn xuồng, trong ba anh em bao giờ Huệ cũng là người cầm mái, tạo ra sóng.

*

Lần ra Phú Xuân thứ nhất, trong đời Huệ, có lẽ cũng là lần quan trọng nhất. Phú Xuân ở vào thời điểm đó mang sắc đẹp của một người đàn bà cực kỳ sắc sảo, nhưng đã chung chạ quá nhiều, sau bao nhiêu đời chồng đâm ủ ê, bệ rạc. Song trong đôi mắt của Huệ, xuyên qua cặp mắt của Lữ, trước cái nhìn ham muốn của Nhạc, Phú Xuân giữ nguyên vẹn nét lộng lẫy, thứ lộng lẫy tìm thấy trên yếm gấm viền thêu mà những người con gái ở ấp Tây Sơn, huyện Phù Ly không có để mặc trên mình. Hôm ba anh em Huệ tới Phú Xuân, trời cũng vần mưa, nhưng không phải thứ mưa dông cẩu thả, ít nước nhiều hơi không đủ làm mọc những ruộng lúa phì nhiêu quanh thành Qui Nhơn. Mưa ở Phú Xuân là những váng mưa ngà ngọc, buông như buông trướng, kiêu sa đổ đều lên mái tường thành cung điện của Nguyễn Vương. Nhạc đã trưởng thành, nhưng không bao giờ chững, không đủ sức kềm chế trước vẻ lẳng lơ lộ liễu, da thịt mời gọi của Phú Xuân. Vẫn bản chất tham lam của người đã chọn cho mình nghề biện lại, Nhạc vỗ đùi rồi để bàn tay ở lại tự mân mê như đang sờ nắn chỗ kín của một người đàn bà chốn kinh kỳ:

- Trên đời được làm Nguyễn Vương thì mới đáng sống!

- Anh làm Nguyễn Vương cho tôi một chỗ trong cung, tôi thích dãy lầu nóc giá chiêng phía hữu.

Lữ cảm hứng từ tham vọng của Nhạc, góp ý.

Mưa vẫn ướt mặt ba người. Những hột mưa đài các lạnh lẽo tiếp tục rưới xuống dinh thự nhà Chúa. Song mưa không làm tắt nỗi ánh lửa cháy rập rờn trong đôi mắt Huệ. Tia lửa ngời lên như muốn táp vào mặt Nhạc.

- Sống chỉ ao ước như Nguyễn Vương là một kiếp sống ngu xuẩn. Mà được như Nguyễn Vương cũng chưa phải là tất !

Nhạc quay phắt lại, giận gữ vì bị xúc phạm, nhưng chất cộc cằn thô tục ngổn ngộn trong con người Nhạc chưa kịp phát ra đã chạm phải ngọn lửa nóng bỏng ở đôi mắt Huệ đành nén giọng, chỉ rít qua kẽ răng:

- Thế nào mới không ngu xuẩn, mới gọi là tất ?

- Giết Nguyễn thì được Nguyễn, giết Trịnh thì được thêm Trịnh, Nam lẫn Bắc Hà thế mới gọi là Đế !

Buổi trưa ở Phú Xuân, Huệ khơi dậy lần đầu tiên ý niệm vương đế. Cái ý niệm phải thực hiện để khỏi sống kiếp người ngu xuẩn. Năm đó Huệ chỉ mới mười sáu tuổi, lứa tuổi thật thà và hay ước vọng. Huệ mơ ước, nhưng không đủ thật thà để nói với Nhạc cái người dẹp Nguyễn, diệt

Trịnh xưng Đế phải là mình. Sau này khi đã toại ước, Huệ cũng không còn là Huệ ở đầm Thị Nại, ao ước có quyền chức để thay nước đầm đã quá cũ kỹ, nổi rêu xanh. Huệ chỉ nghĩ tới việc giết người để lấy phần người chết. Ở khía cạnh đó thì Huệ vẫn mãi mãi là Huệ. Nhưng có điều Huệ không ngờ ở đất Bắc Hà, có một người cũng nghĩ như Huệ. Song đó lại là chuyện khác.

*

Tháng sáu năm Bính Ngọ 1786, Thăng Long như bầy heo nái nằm đợi người tới giết. Tâm trạng của vua Lê Hiển Tông trong cung Vạn Thọ là tâm trạng của con heo nái xề suốt bốn mươi bảy năm ở ngôi, chỉ làm nổi một việc là cho thê thiếp lâm bồn hai mươi mốt vị công chúa. Cảnh Trịnh Khải bị thọc tiết ở làng Hạ Lôi, tỉnh Phúc Yên sau khi bại trận thê thảm trước quân Tây Sơn ngay cửa Tây Long, càng làm long thể vua Lê thêm bất an, hoang mang, cực kỳ lo lắng. Trong khuê phòng, Ngọc Hân như lửa cháy. Suốt mấy đêm liền, canh này qua canh khác, Ngọc Hân bồn chồn trong tiếng trống giục điểm canh. Đã đành cái tin Trịnh Khải mất mạng ở làng Hạ Lôi làm nàng thỏa mãn. Ngọc Hân không ngớt bắt kẻ hầu kể đi kể lại chi tiết cảnh Trịnh Khải rút dao tự đâm cổ chết. Máu Trịnh Khải đỏ gấc? đỏ bầm? hay đỏ tươi như thảm điều lót chân cho Khải mỗi lần hắn ghé qua cung Vạn Thọ? Trịnh Khải trong mỗi bữa ăn ở phủ Chúa, khi yến tiệc tàn thường vung tay quát tả hữu:

- Đem mấy cân thịt thừa qua cung Vạn Thọ kẻo lão già chết đói!

Ngọc Hân nhớ đời những câu mỉa mai ấy. Hai bàn tay nàng bấu chặt lấy tấm màn nhung vì phẫn. Ngọc Hân đã thề độc sẽ rửa mối nhục cho vua cha, nhưng bay giờ Trịnh Khải thác rồi, mà không bởi tay nàng, khiến Ngọc Hân tuy thỏa mãn nhưng chưa hả dạ. Nụ cười trên môi Trịnh Khải, nụ cười mang nốt ruồi dư giật giật mỗi khi chiếc cằm bạnh ra phán lệnh còn sống trong trí não Ngọc Hân. Nàng nghiêng người nắm ghì lấy tay nhũ mẫu, giọng kích động :

- Rồi sao nữa? Máu hắn chảy nhiều không? Hấp hối trong bao lâu? Có rống gào không?

- Bẩm nghe bảo Chúa đau đớn lắm, lúc chết gào tên "Huệ".

Thoắt cái, Ngọc Hân buông tay nhũ mẫu. Tấm trướng bao phủ đất không che được những nghĩ ngợi rối rắm trong đầu Ngọc Hân chỉ trực trào ra ngoài. Nhũ mẫu nàng vẫn nhắc đến tên con người đã làm kinh thiên động địa đất Bắc Hà. Nguyễn còn, Trịnh còn, thì Lê không phất. Nguyễn vong, Trịnh diệt, nhưng còn Tây Sơn thì Lê cũng mạt. Tất cả bỗng trở nên giản dị trong đầu Ngọc Hân. Nàng với tay lấy tráp phấn son rồi gọi nhũ mẫu đi lấy xiêm áo cho mình.

Năm Bính Ngọ, Ngọc Hân chỉ mới mười sáu tuổi, nhưng mang tất cả nhan sắc của Bắc Hà. Ngọc Hân biết mình đẹp, và biết sắc đẹp là vũ khí duy nhất của người đàn bà. Nàng dồi phấn lên mặt, chăm chỉ chuốt lông mày. Những ngón tay tỉ mỉ kẻ viền mắt, đánh thật sắc khóe mắt vốn đã sắc lịm bén như nước lam nhìn ai thường hớp hồn kẻ đó. Ngọc Hân không vội, chậm rãi dồn hết công phu vào việc trang điểm. Lúc bà nhũ mẫu mang xiêm y tới sau lưng, người bà chợt rợn lên vì hình ảnh lúc ấy trước mặt, không phải hình ảnh điểm trang thông thường, mà là cái cảnh của một người con gái sắp thành đàn bà ngồi đánh mắt như đang mài dao, mải miết cho đến lúc bản thép nhọn, bén ngời.

Ngọc Hân thay áo, thứ hàng lụa mỏng mát rượi chảy mềm trên thân thể nàng. Dăm cánh hoa cúc vàng điểm lăn tăn ở chéo áo như hé mình bung cánh nở đẹp lạ thường ở mỗi bước chân uyển chuyển của Ngọc Hân. Hôm nay Huệ và Chỉnh vào gặp vua Lê. Ngọc Hân quát nhũ mẫu lấy giấy bút cho mình làm vội bài phú để lấy lòng Huệ. Ngọc Hân chấm bút vào mực, nóng nảy viết thoăn thoắt một lúc 164 câu. Trong lúc sơ ý, nàng để ống tay áo nhúng vào liễn mực thấm

loang một góc. Đến khi đọc lại đến đoạn mà nay áo vải cờ đào... mới chợt nhận thấy tay áo mình bị ố. Chỗ lụa lấm đen làm nàng khó chịu, toan đi thay, nhưng rồi chợt nghĩ biết đâu chỗ mực lem ấy sẽ làm Huệ cảm động. Ngọc Hân đọc lại bài phú, lời lẽ nhún nhường mà sắc, các thanh chập vào nhau như tiếng dây chuông rung ở cửa lầu phủ Chúa. Huệ là kẻ biền võ, nhưng đọc thì ắt phải xúc động. Đã có tiếng trống hiệu đón người ngựa của Tây Sơn vào cung Vạn Thọ, Ngọc Hân búi lại tóc, tra thêm chiếc trâm cài có nạm ngọc, dấu hiệu của trinh tiết không thể thiếu trong buổi ra mắt đầu tiên. Âm trống chưa dứt và tiếng đập mạnh của trái tim trong lồng ngực làm nàng nghe như tiếng chân Huệ dõng dạc bước lên điện. Cái con người đang nắm vận mệnh Bắc Hà, Ngọc Hân quyết chiếm cho bằng được, trả bất cứ giá nào kể cả bán thân xác. Nhũ mẫu gọi hai tỳ nữ đi theo nàng, lúc ra khỏi khuê phòng, Ngọc Hân không quên đem theo bài phú xếp trong áo.

*

Hữu đô đốc Tây Sơn Nguyễn Hữu Chỉnh dõng dạc đi lại, điệu bộ của con lang đi theo chấm mút bữa ăn còn sót của hổ. Khuôn mặt Chỉnh dài, cái cằm nhọn, cánh mũi mỏng quá độ dễ làm liên tưởng đến mỏ quạ. Chỉnh nói chuyện nhưng không nhìn Hiển Tông xem như không có. Ngọc Hân vừa giận, vừa thất vọng. Huệ không đến, Chỉnh đi lại một mình bàn chuyện tấn phong Nguyên Súy cho Huệ ở điện Kính Thiên. Vua Lê – con heo già – chỉ biết giương đôi mắt lờ đờ thở ì ạch, tán đồng, thứ công việc mà người ta đãi công bằng chiếc ngai sơn son thếp vàng lâu ngày tróc lở như lên hủi. Xong chuyện, Chỉnh cho vua Lê lui gót rồng, còn lại một mình hắn cười khẩy săm soi sàm sỡ nhìn Ngọc Hân. Khóe miệng Chỉnh khinh khỉnh, khẽ nhếch lên đuổi hết tả hữu ra ngoài, đai áo óp vào rồi phình ra theo nhịp thở có mùi trầu cay bám đỏ ở những kẽ răng Chỉnh mỗi lúc gần sát mặt Ngọc Hân. Chỉnh đưa đẩy mấy câu vu vơ bàn chuyện hôn nhân sắp tới, tia mắt chỉ chực dịp là thả vào ngấn cổ Ngọc Hân để đo lường sắc trắng của da thịt với vải lụa bạch. Ngọc Hân nhìn trừng Chỉnh, nhưng cái thế của nàng chưa cho phép đối đầu với Chỉnh. Chỉnh nắm Ngọc Hân như nắm chuôi dao, muốn chém vào đâu thì chém. Chỉnh xòe một bàn tay trước mặt Ngọc Hân, bàn tay có đeo chiếc nhẫn khảm phượng, phần thưởng thi Hương Cống của vua Lê ban cho Chỉnh lúc xưa.

- Thiên hạ vạn kẻ, nhưng nhân tài ở đất Bắc Hà chỉ một mình ta. Ta về với Tây Sơn, Bắc Hà chỉ là cái đất không!

Chỉnh hầm hè.

Chưa rõ Chỉnh muốn gì, Ngọc Hân nửa muốn bước lùi một bước để tránh hơi thở ám mùi trầu lẫn mùi giềng của gã, nhưng lại sợ Chỉnh khi mình chịu kém, nàng dùng dằng chưa biết tính sao. Chỉnh lại cất giọng:

- Cuộc hôn nhân này, phú quý vinh hoa chỗ nằm bên cạnh Thượng Công thì chớ quên ta.

Chỉnh vừa nói, bất ngờ chụp lấy vai Ngọc Hân, rồi lợi dụng Ngọc Hân đương bối rối, Chỉnh luồn ngay tay vào trong yếm ghì chặt lấy ngực nàng.

- Buông ra!

Ngọc Hân vùng vẫy, đẩy Chỉnh, cố lùi ra sau nhưng lưng đã chạm bức chắn bình phong. Vừa hổ ngươi, vừa nhục, Ngọc Hân vung tay tát trái Chỉnh. Song Chỉnh phản ứng bằng tất cả nhanh nhẹn tốc chiến của thủy quân Tây Sơn, bẻ quặt lấy tay nàng.

- Tri hô cầu cứu đi! Để cho Thăng Long rõ cái nhục của cung Vạn Thọ!

Chỉnh chồm người, gầm gừ, đẩy đắc thắng, bàn tay vẫn luồn trong yếm đào, vừa mân mê, vừa đe dọa. Thư phòng vắng người, như tất cả đang đồng lõa với Chỉnh. Một bức hoành phi sau lưng Chỉnh chạm lộng đôi Giao Long đang cấu xé nhau như hoạt cảnh diễn ra. Ngọc Hân giận tím mặt. Bàn tay Chỉnh đọng mồ hôi ẩm ướt trên da thịt khiến nàng lợm giọng. Ở người con gái khác sẽ là mối nhục ngàn đời đưa đến tự vẫn, nhưng với Ngọc Hân đó là lối xử ngu xuẩn. Máu nóng dồn lên làm đôi mắt nàng vốn sắc sảo càng thêm sắc. Tia mắt Ngọc Hân dữ dội đến độ, đương suồng sả, Chỉnh lặng đi, choáng người, phải rút vội tay. Ngọn lửa đằng đằng sát khí trong mắt Ngọc Hân, Chỉnh đã trông thấy nhiều lần trong đôi mắt Huệ. Đôi mắt của kẻ hiếu sát, đã quả quyết làm gì là làm cho đến cùng. Châu thân Chỉnh lạnh toát, mồ hôi bất ngờ vả ra ở sống lưng. Ánh mắt đương cháy lập lòe của Ngọc Hân rõ ràng là ánh mắt của Huệ, cái nhìn trừng phạt của Huệ trước cảnh hành quyết. Lần vào Gia Định tàn sát tập thể các chú khách, Huệ đã nhìn những xác người Minh Hương bằng cặp mắt của Ngọc Hân đang nhìn Chỉnh lúc này. Chỉnh cảm thấy khó chịu, khô ở đầu lưỡi, gượng gạo sửa lại đai áo. Ngọc Hân tiếp tục nhìn trừng trừng cho tới lúc Chỉnh phải quày quả bỏ ra. Ngọn gió luồn từ cánh cửa Chỉnh không khép thổi lùa thốc qua gian phòng. Những lá thế kỳ, cườm hoa mừng chiến thắng Tây Sơn diệt Trịnh treo khắp nhà như cung Vạn Thọ đang có lễ tang. Khuôn mặt Ngọc Hân vẫn tím xanh vì giận dữ. Nếp vải xổ ở ngực áo như còn bày năm dấu tay Chỉnh in trên mình nàng. Ý nghĩ căm ghét quan lính Tây Sơn càng tăng trong đầu Ngọc Hân. Đến lúc nắng xếch qua riềm cửa, rọi lòe khóm trúc trồng ở chậu đồng, Ngọc Hân mới bỏ vào trong, nhưng bàn tay Chỉnh cũng đã theo nàng vào khuê phòng.

Suốt trưa đó, Ngọc Hân bứt rứt, khó chịu, ý nghĩ có mối thù chưa trả làm nàng như đứng trên giàn hỏa. Đến chiều, bức bối không sao chịu nổi, Ngọc Hân sai thị tỳ cùng nô tài khiêng kiệu đưa nàng ra cửa Tuyên Vũ xem bêu xác Trịnh Khải. Tất cả những uất ức của Ngọc Hân như được trút ra khi trông thấy thủ cấp nhà Chúa. Đầu mắc một nơi, xác phanh một góc. Cả xác của Nguyễn Noãn gia thần Trịnh Khải và Đỗ Thế Long bị quy phản dìm chết ở sông Phú Lương cũng được vớt về căng lên cho mọi người làm gương. Ngọc Hân nhìn ngắm chăm chăm từng nét mặt của Trịnh Khải, từ cặp mắt trợn ngược, nốt ruồi dư mà lúc sinh tiền Khải thường hay vân vê, đến lỗ dao sâu hoắm ở cổ họng và những sợi gân còn vướng mắc đong đưa lòng thòng bên dưới. Ngọc Hân cảm thấy hả dạ, cúi xuống lần lần khăn san cầm ở tay ra vẻ xúc động, nhưng kỳ thực là để che dấu nụ cười thỏa mãn, cực sung sướng. Lần đầu tiên nàng khám phá ra hiệu quả của những xác chết có thể giải bày mọi uất ức trong người mình. Ngọc Hân lấy móng tay vẽ mơ màng lên khăn tay. Hai gã nô tài đợi lâu, dợm chân định đưa kiệu về, Ngọc Hân đã ngửng phắt lên bắt ngừng, để nàng được dịp ngắm Trịnh Khải cho thỏa thích. Nhưng lần này ở chỗ móc xác Trịnh Khải, Ngọc Hân mường tượng ra thủ cấp của Chỉnh.

*

Đám cưới của Huệ sau chiến thắng vang dội được xem là một ngày trọng thể. Trong phủ Chúa, binh lính Tây Sơn tạm đóng đại bản doanh, người con rể của Thăng Long đi lại với tất cả dáng vẻ của một con hổ sau bữa tiệc hoẵng. Huệ ở thời kỳ này đã khác xa Huệ của Thị Nại, hay Huệ của Phú Xuân. Trong phủ Chúa, chốn sang trọng lộng lẫy nhất Thăng Long từng mảng da beo lớn trải làm thảm lót chân, Huệ đi lại trên đó và khạc nhổ cũng trên đó. Những tấm khiên lớn bằng đồng bóng loáng soi khuôn mặt Huệ đỏ sần lên vì rượu. Tả đô đốc Vũ Văn Nhậm nhắc:

- Sắp tới giờ, Thượng Công nên đi rước dâu.

Huệ đang dùng đoản đao bổ đôi quả cau, quẹt vôi rồi ăn sống, buông đao, ngửng lên nhìn Nhậm. Huệ thấy Nhậm y như lời Chỉnh thường rỉ tai: Vũ Văn Nhậm hữu dõng vô mưu, đầu óc trống trải, tựa như một cánh đồng khô, không hoa, không lúa. Huệ gắt:

- Ta dẫn mấy vạn quân ra đây, đánh một trận dẹp yên thiên hạ, lão già họ Lê, dòng họ, ngai vàng lão thuộc về ta như trâu bò, đất đai, người ngợm của Bắc Hà. Việc gì phải đi đón! Đem con nộp thì ta lấy!

Chỉnh từ nãy ngồi ở ghế trường kỷ, không ngớt rót rượu cho Huệ, nghe Nhậm bị mắng, khẽ nhếch môi nhưng không cười. Chỉnh vươn tay bẻ một nụ vạn thọ cắm vàng hoe trong lọ độc bình.

- Ý của Tả đô đốc là muốn Thượng Công giữ tiếng. Bề ngoài mình vẫn mang danh nghĩa phù Lê. Sá gì cái chức Nguyên Súy, Dực Chính Phù Vận Uy Quốc Công. Ngai vàng của Hiển Tông, Thượng Công muốn ngồi lúc nào bọn tôi cũng kéo sẵn!

Mấy lời của Chỉnh làm đẹp lòng Huệ. Đang bẳn gắt, Huệ trở ra vui. Lại dùng đoản đao chém cổ bầu rượu. Hiểu lòng Huệ như Chỉnh, thiên hạ không có mấy người, kể cả Ngô Thì Nhậm sau này khi Huệ ra Bắc lần thứ nhì thu phục được. Vui vẻ nên Huệ trở nên hào phóng, trở lại trướng ngồi. Sau lưng Huệ là một tấm cờ đào to bản vẽ chính giữa một chữ "Tâm" thật lớn. Huệ vẫn hãnh diện về cách đãi người của mình, không "Dũng", không "Mưu", nhưng chính cái "Tâm" mà Huệ tự nhận là thiên tài lớn. Quân Tây Sơn đi đến đâu, Huệ cấm không được tơ hào, nhưng dân các vùng phải nuôi ăn và cúng góp. Huệ sai Nhậm:

- Thằng Chỉnh nói hợp ý ta ta. Ngươi xuất kho hai trăm lạng vàng, hai nghìn lạng bạc, hai chục tấm đoạn mang sang cung Vạn Thọ, nói là của ta thí cho!

- Lễ vật cầu hôn của Thượng Công dâng lên Hiến Tông.

Chỉnh chữa lại.

Nhậm từ nãy nóng bừng mặt vì mấy lời bàn của Chỉnh, nhưng vốn chậm chạp, còn lúng túng chưa kiếm được cách "phóng trả lao", thì Huệ đã giục:

- Thằng chết bầm! Còn đứng đó!

Nhậm vội vã cúi chào lãnh mệnh đi. Nhậm đi khuất, chất hào phóng trong người Huệ cũng tan đi. Huệ đâm tiếc của, nhưng ngại nói ra mất mặt trước bề tôi, đành hỏi vờ:

- Ta xuất kho nhiều như thế, liệu đủ chăng?

- Thấm vào đâu!

Chỉnh vẫn vân vê nụ vạn thọ, trả lời. Những cánh vàng mềm mềm áp trong tay khiến Chỉnh vụt nhớ tới Ngọc Hân, nhớ sắc đẹp mê hồn mà sắc sảo, Chỉnh lỡ đụng vào đứt tay, vết thương không khép miệng. Tự nhiên Chỉnh ghen tức với Huệ, vò nát nụ vạn thọ, mỉa:

- Dân Bắc Hà chăm cúng góp. Thượng Công muốn bao nhiêu trong kho cũng có!

Nhưng Huệ không hiểu thâm ý, mãn nguyện ngả người lên bệ Chúa. Cuối tháng sáu, tiết trời Thăng Long đã chực bước sang tháng bảy nên hầm bức. Huệ cởi hẳn chiến bào nằm duỗi người dang vai như dáng nằm của loài hổ chùi mình trên cỏ trước cơn rượn đực. Chỉnh biết ý Huệ không còn muốn tiếp chuyện, lẳng lặng bỏ về. Những cánh vạn thọ còn dính ở kẽ tay khiến lòng Chỉnh bâng khuâng, vừa tiếc Ngọc Hân, nửa giận Huệ. Mưu phản ngấm ngầm từ

lúc đó.

*

Đêm hợp cẩn của Ngọc Hân, mưa xé qua rèm trướng phủ Chúa. Tất cả hầm bức của ban ngày nổ tung xuống nóc lầu Tửu Các. Trước đây là chỗ riêng của Trịnh Cẩn. Tiếng sấm dậy vạch chớp những đường dài lòe rực nơi ô cửa. Tâm thần Ngọc Hân dao động theo dông bão trộn lẫn những bối rối lo lắng tìm cách khuất phục Huệ. Nằm một mình trên chiếc giường của Trịnh Cẩn, Ngọc Hân không ngớt nghĩ ngợi tới những người con gái đã vào nằm trong lòng giường này. Từ thời Trịnh Tùng Bình An Vương đến Tôn Đô Vương là Trịnh Cán, tính ra tất cả chín đời Chúa, hai trăm mười ba năm ròng rã. Bao nhiêu người con gái tan xương nát thịt dưới mình Chúa? Bây giờ tới phiên Ngọc Hân. Nếu không là Huệ, thì trước sau nàng cũng phải thất thân với Trịnh Khải. Trước sau Ngọc Hân cũng phải trao thân cho kẻ nắm quyền ở Bắc Hà, như cánh cửa ải phải đi qua. Việc quan trọng là sau khi qua ải, phải làm thế nào để khôi phục vương triều Lê. Ngọc Hân cắn môi, day trở một lúc rồi không nằm được nữa, những kèo cột chống rường và thượng lương chống đỡ nóc lầu như cứ muốn ngã vật đè lên đầu nàng. Ngọc Hân bực bỏ ngồi dậy, xoay mặt vào vách đợi Huệ.

Đêm khuya lắm. Tiếng trống kéo dài thõng thượt chạy xoáy qua khắp hành lang. Huệ vẫn còn ngồi uống với bọn Chỉnh, Nhậm. Uống theo kiểu Tây Sơn, từng cối, từng thau, khi uống vục mặt vào chậu cho ướt hết tóc tai. Rượu là thứ rượu đế của làng Vân ngoại thành Thăng Long cay xè lưỡi, nhưng xuống đến cổ thì ngọt lừ hương vị của men rượu hạ thổ như đưa hết âm khí của đất Bắc Hà vào mình, khiến bao nhiêu nước trong người Huệ theo mồ hôi xuất hạn đầm đìa, như muốn dành chỗ để chứa rượu. Uống đến thau chót, Nhậm đã say lắm, nhưng còn sực nhớ điều gì, khuyên Huệ:

- Lầu Tử Các ngày xưa là chỗ ở của Trịnh Cán, làm Chúa chưa đầy hai tháng thì bị truất, Thượng Công hợp cẩn ở đó không nên!

- Thượng Công oai vũ uy dũng, cho sống thì sống, bắt chết phải chết, cớ sao phải sợ?

Chỉnh ngà say, nhưng cũng cất giọng, theo thói tật hễ Nhậm bàn điều gì thì Chỉnh phải bác đi. Huệ lừ lừ dốc hết thau rượu, rồi đứng lên, hai ngọn lửa trong mắt vẫn không suy suyển, rượu chỉ làm sức cháy phừng lên mãnh liệt hơn.

- Đạo làm tướng không biết sợ! Chỉ có mệnh trời mới hại được ta!

Huệ tiện tay lật bàn. Chỉnh và Nhậm ngã chúi xuống nền nhà. Nhậm nhằm cơn, ói mửa tung tóe. Chỉnh vừa lấy tay lau mặt, vừa gạt chén đĩa thau chậu quanh mình, nhìn Huệ hậm hực cố gượng dậy. Song Huệ đã lừng lững bỏ đi. Ánh đèn lồng treo ở xà thượng, về khuya, vắt lên lưng Huệ những vằn vện của cột mái trông như tấm lưng hổ đi kiếm mồi.

*

Lúc Huệ dẫm chân lên thang lầu Tử Các, mùi xạ hương tẩm trong chăn gối bỗng tan mất nhường cho hơi rượu nồng nặc. Chưa trông thấy, nhưng Ngọc Hân biết ngay Huệ đến. Nàng xoay mặt đợi, hơi nép vào tấm màn thêu quanh giường. Đã chuẩn bị sẵn, nhưng lúc Huệ đẩy cánh cửa gỗ nặng nề chạm long ly qui phượng, rồi giật mạnh tấm màn gấm che ngoài, Ngọc Hân cũng thót người sợ hãi. Tia lửa lập lòe từ mắt Huệ cháy rờn rợn như muốn đốt nàng. Huệ quả như lời đồn đãi, vai to bè hơn vai tê giác, mặt vuông ván gỗ. Huệ cất tiếng nói. Giọng ồ ề vỡ ra như tiếng thác đổ vào giữa khuya. Huệ nói gì, Ngọc Hân không hiểu, hơi rượu ngập ngụa kèm theo chữ mất chữ còn phát ra từ thân hình quá đẫy đà chỉ chực đổ xuống. Giọng vỡ của Huệ làm Ngọc Hân nhớ tới lời đồn, trước đây giọng Huệ thanh, từ khi kéo quân ra Rạch

Gầm đánh quân Xiêm tự nhiên mất giọng, tiếng bể như tiếng rạch nước đổ xuống trũng sâu. Dân dã bảo là điềm trời không thuận cho Huệ diệt Nguyễn Ánh. Ngọc Hân níu lấy vải mền, bao nhiêu quả quyết như tan vụn trước mặt Huệ. Nhưng Ngọc Hân không muốn bị khuất phục, không muốn Huệ cưỡng chiếm mình như cưỡng chiếm dinh thự, trâu bò của Bắc Hà. Nàng nhìn trừng trừng Huệ. Cái nhìn của con thú sắp bị cắt tiết. Cái nhìn của Ngọc Hân có thể làm chùn tay Chỉnh, nhưng với Huệ – uy-vũ-dũng – cái nhìn chỉ làm cho Huệ đang say bỗng sôi gan. Huệ chụp lấy ngực áo cưới của Ngọc Hân xé toạc. Bằng hành động của con mãnh thú, Huệ xô ngã sấp Ngọc Hân ra giường, tháo dây đai quật xối xả lên tấm lưng mảnh dẽ tưởng như giải lụa bạch đang oằn mình chịu đòn. Huệ quất như thúc voi, thúc ngựa, tiếng roi đánh chát chúa tóe lửa vun vút cuồng nộ. Rồi không kềm chế được, như Nguyễn Nhạc ngày xưa mất tự chủ trước da thịt mời gọi của Phú Xuân, Huệ đè ngửa lên biểu tượng trinh trắng của Thăng Long. Những bắp cơ Huệ còn nhớp nháp mồ hôi quấn lấy mình Ngọc Hân đang nghiến chặt răng chịu đựng. Huệ vục xuống gáy Ngọc Hân cắn như xé thịt. Dáng đè của Huệ, hai đùi chống xuống giường, mình trần phủ lên người Ngọc Hân y như dáng hổ đang ngoạm hoãng. Đến lúc Huệ bắt Ngọc Hân co hai đầu gối, thì nàng quá đau đớn không dằn được, bật tiếng kêu nấc trong đêm tối. Huệ nghe tiếng nấc, khoái cảm càng tăng lên như những lúc chứng kiến hành quyết. Đao phủ Tây Sơn xử trảm bằng cách chém ngửa nghịch nhân, mã tấu phập xuống tiếng thét của tội đồ bị đứt ngang ở cuống họng chỉ phát ra được tiếng nấc khô. Tiếng nấc khô của Ngọc Hân lúc nãy.

Mùi mỡ trong đèn chai cháy èo uột ngọn lửa lúc tối lúc sáng, căn phòng của Trịnh Cán đóng xong vai trò lịch sử rơi chìm vào giấc ngủ đẫm mùi rượu đế của Huệ. Cơn dông chùng xuống sau gần suốt đêm quất qua lầu Tử Các. Những hột mưa gai sắc như muốn trổ mái bắn xuống mình Ngọc Hân ẩm ướt, tủi hổ. Lúc cơn mưa tạnh hẳn, bóng trăng bắt đầu lấp ló, chạy ngang trên trục xà hạ, thì Ngọc Hân không còn thấy đau đớn, chỉ trông rõ xác Huệ bị bêu ở Tuyên Vũ. Thói đời phong kiến, nợ máu phải trả bằng máu. Ngọc Hân chấm tay vào giọt máu còn rỉ ra ở bụng mình, đưa lên môi, máu của họ Lê phải trả bằng máu của Tây Sơn.

*

Lúc tôi ra Thăng Long, tiết trời tháng bảy nặng nề lắm. Những cánh lá bàng to như xác trâu mộng, rụng ì ạch xuống kinh thành đã cũ mục, dậy mùi cũ kỹ, từ triều đại đến máu huyết. Huệ đợi tôi ở phủ Chúa, Huệ hơi ngượng, tia mắt dữ dội của Huệ nhìn lên tấm vải cờ đào vẽ chữ "Tâm". Nhưng rồi như nhận ra chữ "Tâm" không đúng với lối hành xử của mình, Huệ lại nhìn xuống ngón chân bị dập từ thuở thiếu thời, máu bầm làm đen móng. Trong thiên hạ, có lẽ chỉ mình tôi là Huệ không dám hành xử chữ "Tâm", dùng ngọn lửa của đôi mắt để đốt… Huệ sai Nhậm lấy rượu ra uống. Tôi cùng uống thố rượu mời của Huệ. Giống như thời ở Qui Nhơn, hết thố này qua thố khác, hết chậu này sang chậu khác, bao giờ Huệ cũng say trước tôi. Tôi được trời phú cho khả năng ngậm rượu. Rượu tôi uống vào, bao nhiêu cũng chảy sang mình Huệ. Làm như thân thể cả hai nối với nhau bằng một sợi giây vô hình. Uống một lát, rồi Huệ quát đuổi Nhậm và Chỉnh ra. Phủ Chúa lộng lẫy mà lạnh lẽo sự lẻ loi cô độc của Huệ. Tôi nhắc chuyện Nhạc ở Qui Nhơn không bằng lòng việc Huệ ra Bắc. Thái Đức sắp kéo binh ra. Nhưng Huệ thờ ơ lắm, không để tâm, hay không xem Nhạc ra gì. Nhìn mấy bông vạn thọ cắm vụng về trong lọ, tôi hỏi Huệ:

- Phủ Nguyên Súy sao chưng thứ bông quê mùa này? Đất Bắc Hà không thiếu hoa đẹp, hồng gai, phong lan, thủy tiên, hoa loa đỏ...

- Ta không biết thưởng hoa!

Huệ lắc đầu, chán chường đáp. Rồi không dằn được, trong vật vã của cơn say, Huệ kể hằng đêm phải lôi Ngọc Hân ra đánh mới thỏa mãn. Khuôn mặt Huệ lúc đó đau khổ lắm. Huệ lại kể

hôm giữa tháng bảy, "con heo già" mất, Hoàng Tôn Lê Duy Kỳ lên ở ngôi. Ý Huệ không thuận, bởi Huệ muốn ngồi trên ngôi báu đó, nhưng lòng dân chưa ngã ngũ. Lễ Thành Phục Huệ đưa Ngọc Hân về lãnh tang, trước linh sàng Hiển Tông, Huệ nóng nảy sai Nhậm chém một viên Tả Phiên triều Lê, chỉ bởi hắn dám cười cách đọc điếu văn của Huệ. Lúc chém: Nhậm cầm dao chém ngửa, máu bắn cả vào ỷ Hiển Tông đặt trên linh sàng nơi cửa Đông. Thủ cấp Huệ sai bỏ trên mâm bạc đặt lên áo quan vua làm kinh động khắp thành. Thân nhân người có tội hay biết, chạy đến cửa cung kêu khóc. Huệ cũng sai chém. Tính ra lúc động quan, chém cả thảy mười bảy người. Càng kể, hai mắt Huệ càng ngầu đỏ vẩn đục. Huệ ngồi trên một chiếc rương to, hai người ôm không hết. Như muốn cởi hết tâm sự lòng, Huệ đứng dậy, chậm rãi mở rương, bên trong chồng chất từng xấp phướng. Từ trong chiếc rương hòm như bốc lên cả một khối chì chiết. Lá phướng dài dằng dặc chép đen nghịt tên tuổi những người Huệ đã đích thân sai chém. Có đến cả trăm, nghìn tên, đó là chưa kể những người do quan lính Tây Sơn tự ý giết. Huệ lần giở, lá phướng di chuyển rơi thõng xuống rương, rơi đến đâu tên tuổi người chết bật ra đến đó. Đến phần phướng trắng, Huệ dừng lại. Cả mình mẩy tôi đều rợn lên vì ở phần phướng còn trống, Huệ đã nối sẵn, dài gấp năm sáu lần lá phướng đã chép. Và cái tên cuối cùng được ghi sẵn là hai chữ rắn rỏi: Nguyễn Nhạc!

Không khí trong phủ Chúa lúc đó nặng nề, u uẩn không sao thở được. Người tôi khô đi vì sợ. Tấm bản đồ Huệ cho vẽ treo cạnh đầu hổ, phía Tây vẽ hết biên giới Tiêm La, phía Bắc lên hết vùng Lưỡng Quảng, còn phía Nam qua khỏi Vĩnh Trấn chấm biển. Gió đẩy tấm bản đồ lắc lơ, như nhắc nhủ những tham vọng của Huệ. Những tham vọng đã vượt xa ngày đầu tiên lên Phú Xuân. Lúc đó Huệ chỉ nghĩ tới Nam, Bắc Hà, bây giờ ngọn lửa trong đôi mắt Huệ cháy lan đến những vùng khác. Nơi nào có đất, có người, thì coi như của Huệ. Huệ đã thay đổi, chỉ có Nguyễn Nhạc còn bằng lòng mãi với chiếc ngai của Nguyễn Vương. Lần ở phủ Chúa, là lần duy nhất Huệ thố lộ tâm sự với tôi nhiều như vậy. Ở đầm Thị Nại, Huệ chỉ mở miệng một hai câu, phơi cả lòng mình cất trong rương là quá nhiều. Nên Huệ trở ngay lại với tính bẳn gắt. Khạc nhổ, lầm bầm chửi rủa, đóng mạnh rương, rồi trở ra bàn gục mặt vào thau rượu. Huệ uống tới lúc ngủ quên trong thau. Tôi đỡ Huệ dậy, dìu đặt nằm ở bệ Chúa. Từng cánh vạn thọ vàng rụng rây rắc xuống lồng ngực Huệ, thở đều đặn nhịp sống của đất nước. Buổi trưa xác xao đến độ buồn tẻ, tiếng ngựa hí, tiếng trống dồn binh không có, vắng lặng tẻ nhạt, chỉ lâu lâu mới có tiếng quân cờ Chỉnh và Nhậm đang đánh, đập lẻ tẻ ngoài mặt phản.

Tôi đứng một mình một lúc không biết làm gì, lần ra Bắc này gặp Huệ sao tôi không được vui, lòng cứ phân vân vì những biến chuyển nội tại đang xảy ra. Tên Nhạc chép trên lá phướng như một vết dao cắt ruột. Lương tri tôi khổ sở nghĩ ngợi, bỏ mắt Huệ hành xử chữ "Tâm" với Nhạc sẽ là vết nhơ muôn đời. Nghĩ tới lui không được kế gì, tôi đành bỏ ra xem Chỉnh và Nhậm đánh cờ.

Thế cờ của Chỉnh sáng lắm, linh hoạt, xảo quyệt, quyền biến. Đôi mã giao chân xấn xổ tạt bên hữu, nhảy bên tả, áp đảo Nhậm trông thấy. Ở ngoài nhìn thì Nhậm có vẻ lúng túng, xoay trở chậm chạp. Công không ồ ạt, chỉ lo thủ, xây đắp tường thành, bẫy Tượng, gềnh Sĩ. Chẳng mấy chốc Chỉnh đã xua hết quân sang sông. Cống Chỉnh đánh cờ bằng phong thái tự tin của mình ngày xưa đi thi Hương Cống, tin ở tài biện luận xuất chúng, trước sau thì Chỉnh cũng đỗ. Nhưng đánh càng lâu, thế cờ càng đổi khác. Nhậm nếu chậm chạp, nhưng một khi đã làm xong hết những công việc chậm chạp của mình thì trở thành một pháo đài kiên cố. Quân Nhậm còn đủ Sĩ Tượng, năm Chốt giàn đồng, hai Pháo Thần Công, trong lúc Chỉnh chỉ còn độc mỗi một mình một ngựa. Chỉnh lùi mã về Bắc, hy vọng cố thủ, nhưng cung vua đã mất hết Sĩ Tượng, thế trận của Chỉnh trống trải, toang hoác, Nhậm muốn vào ra lúc nào tùy ý. Kết cuộc ván cờ không có gì lạ, Nhậm kiêu hãnh trong lúc Chỉnh bực bội.

Tôi đứng im theo dõi, ván cờ định mệnh, muốn bàn với Chỉnh, Nhậm khuyên Huệ đừng giết

Nhạc, tránh cảnh nồi da sáo thịt. Song nhìn khuôn mặt họ, cầm nhọn lưỡi cày của Chỉnh, vai u thịt bắp nồn nận ở Nhậm, tôi hiểu họ không có giá trị gì với Huệ. Cái người khuyên Huệ đãi chữ "Tâm" đích thực với Nhạc, chỉ có thể là tôi, vào lúc thời cơ thuận tiện nhất.

Chỉnh và Nhậm còn đang tranh cãi, Chỉnh đòi bày lại cờ, Nhậm dứt khoát tuyên bố mình đã thắng Chỉnh, cờ soái về tay, cả hai không ngờ Huệ đã thức giấc từ lúc nào. Huệ đưa tay chụp bắt quân Tướng của Nhậm, cả bọn mới đực ra rồi vội vã cúi chào. Vẻ mặt Huệ lúc đó, không còn biểu hiện thành thật nào nữa, Huệ đã ra khỏi trạng thái tâm sự với tôi lúc nãy, trở lại nguyên vẹn vai trò Chúa Tây Sơn.

- Đất Đại Việt chỉ có một chủ!

Huệ quát bằng giọng Rạch Gầm, bốn ngón cái và trỏ bẻ đôi quân tướng của Nhậm.

*

Đêm ở phủ Chúa, Huệ bước chân lên lầu Tử Các, lòng âm ỉ cơn say. Sống với Huệ hơn ba tháng, Ngọc Hân đã biết những thói quen chung chạ của Huệ. Thứ thói quen của chứng bệnh thường thấy đi kèm với bệnh cuồng sát. Lẳng lặng, tự nguyện, không đợi Huệ bắt, nàng cởi xiêm áo đến quỳ trước chân giường. Cái liếc mắt của Ngọc Hân ném về phía Huệ sắc đến nổi gai. Huệ lấy roi, không phải dây đai của đêm hợp cẩn, mà là thứ roi gai của quản tượng dùng quất voi khi lâm trận. Ngọc Hân uốn lưng đợi, tóc xoã chảy xuống nền đá, không trang sức, không cả chiếc vòng cổ truyền của con gái Bắc Hà, chỉ một dấu thẹo đỏ do sắt nung ở vai. Vết thẹo đã lên da non nhưng đoán được dấu tỉ ấn của Huệ. Hai ba tấm màn gấm dụ buông quanh chỗ Ngọc Hân quỳ, Huệ tiến tới một bước, hai bước, rồi vung tay quất. Đầu roi vút tiếng rít như rạch rách tấm màn gấm. Ngọc Hân oằn người bấu cứng lấy trụ giường. Huệ đã say máu, những chấm máu li ti tím bầm nổi trên lưng Ngọc Hân trông như vệt ong đốt, hay những giọt mực son rỏ lên vũng sữa, Huệ vung tay tới tấp.

Khác với đêm hợp cẩn, Ngọc Hân rên rỉ, oằn oại kêu rất lớn. Nhưng nếu Ngọc Hân đau đớn, thì nỗi đau đớn đầy đắc thắng. Huệ quất roi như một kẻ suốt đời hành nghề tra tấn, không được đánh người thì không biết phải làm gì. Huệ bị ràng buộc vào người đàn bà mà mãi mãi từ đây, hằng đêm Huệ phải tìm đến. Khuôn mặt Huệ toát ra vẻ mãn nguyện, thỏa mãn. Huệ chỉ buông roi khi Ngọc Hân đã ngã khụy dưới chân giường. Cảnh giao hoan của Huệ với Ngọc Hân, cũng không còn là cảnh cưỡng bức ban đầu, nếu dáng ngồi đè của Huệ vẫn in dáng hổ nhai mồi, thì hai cườm tay Ngọc Hân đã quấn chặt lấy cổ Huệ, và trên lưng Huệ đầy những vết cào của một con sư tử cái

*

Tôi chơi với Hân từ thuở bé. Từ thuở Hân còn ưa chơi ô quan trong sân cung Vạn Thọ. Bao giờ tôi cũng về phe Hân. Vua Lê có hai mươi mốt vị công chúa, họ thường nhiếc tôi là cái đuôi của Hân. Tôi với Hân như đôi bạn, chẳng vậy mà ngày xuất giá, Hân chỉ mang theo mình tôi để hầu cận, người nhũ mẫu nuôi Hân từ thuở lọt lòng, Hân cũng không thiết. Hân mặc bộ áo lụa có thêu bông cúc, thân áo mềm như cuống hoa hải đường chỉ nở một lần rồi chết. Tôi lấy thau nước cho Hân rửa mặt. Nhìn khuôn mặt đẹp, mà nét mày não nùng, tôi không khỏi xúc động. Bây giờ tôi mới hiểu vì sao người xưa nói: hôn nhân, điền thổ, vạn cố chi thù! Đất đai ở Bắc Hà này là của họ Lê, Hân tin như mấy đời nhà Lê tin vào mệnh trời, thế nước có hưng thì cũng có suy, nhưng bản mệnh họ Lê là trị vì trăm họ. Hân lấy gương lược chải lại tóc, lúc cong tay búi tó, Hân chợt chú ý chỗ ống tay áo mình lấm mực. Hân thõng tay nghĩ ngợi, rồi quay phắt lại hỏi tôi:

- Bài phú hôm nọ còn giữ không?

- Bẩm còn.

- Đưa đây!

Hân hơi gắt, mỗi lần mưu tính chuyện gì, Hân thường trở nên nóng nảy. Tôi hấp tấp chạy tìm lục trong số rương hòm vật dụng của Hân mang theo sang phủ Chúa. Mấy chiếc hài cườm, dăm cây quạt bông, một tập Chinh Phụ Ngâm ép ở giữa là bài phú. Hân sai tôi lấy bút, mài mực ra liễn. Hân đọc suốt lại 164 câu, rồi chữa, bỏ những đoạn mừng Tây Sơn vào Thăng Long, vẫn giữ nguyên những đoạn kể chiến công, chỉ thêm thắt chữa lại cho bài phú trở thành bài văn tế Huệ. Hân bảo tôi đè giấy, để mình ghi tựa. Ba chữ "Ai Tư Văn" sắc như dao khắc trên mặt gỗ. Nhẩm đi nhẩm lại, Hân nói với tôi vẫn câu "Mà nay áo vải cờ đào" là hay hơn cả. Không nói ra, nhưng nhìn đôi môi khinh bỉ, tôi hiểu Hân muốn ám chỉ ba anh em Huệ xuất thân dân dã, đầu đường xó chợ nhờ vận may mà có quyền bính, chứ không thuộc dòng dõi quý tộc vương đế chính thống lâu đời như Hân. Âm hưởng của bài tế não lòng làm tôi rợn.

- Phu nhân viết chi những lời ai oán. Thượng Công đã mệnh một đâu?

- Rồi sẽ mệnh một! Viết sẵn sau này sẽ có dịp dùng!

Hân đập mạnh tay xuống mặt bàn, rồi như sực nhớ ra điều gì, cầm lại bút, nhúng mực nắn nót đề ở cuối bài tế ba chữ: Lê Ngọc Hân. Hình như Hân do dự một giây rồi mới hạ bút quả quyết thêm vào hai chữ: Công Chúa. Không phải Nguyên Súy phu nhân, nhưng mãi mãi là Công Chúa Lê Ngọc Hân, không bao giờ là người của Tây Sơn. Làm xong bài tế, Hân có vẻ vui thích lắm. Ánh mắt long lanh như buổi trưa cùng tôi đứng ở Nghênh Phong Lầu nhìn xuống sân phủ, đám vệ sĩ của Huệ loay hoay trui nướng cóc. Mùi cóc nướng, mùi thịt ướp sả, khói than, mồ hôi, da thịt trai tráng nồng nặc cả bao lơn. Trong bọn có gã vệ sĩ riêng của Huệ, người đen như cột đình, to lớn, kềnh càng chẳng khác một con khổng tượng. Gã vệ sĩ "cột đình" nắm hai chân sau cóc xé toạc nhai nhồm nhoàm, vừa ăn vừa lấy đoản côn đánh thùng thùng vào tấm khiên lớn đeo ở vai. Tấm thớt lưng săn chắc hung đỏ như thứ đồng dùng đúc lư, tưởng đứng đâu là chôn vững vàng xuống mặt đất vậy mà bất ngờ đổ kềnh, ngã nhào chúi sấp người đập mặt vào bếp lửa. Cái "cột đình" dẫy lên, hai tay co giật, hai chân đạp đạp như đôi chân của loài ếch. Gã trợn ngược mắt, xủi bọt ở mép rồi đứng tròng. Cả đám lính xô vội vỉ cóc đang nướng chảy mỡ, rùng rùng kéo chạy. Quang cảnh diễn ra thật gấp. Hân bấm mạnh tay tôi như khám phá ra điều gì. Miếng mật cóc đắng gã "cột đình" ăn phải, không ngờ ám ảnh Hân. Khi rỗi ngồi một mình, Hân thường ấp tay lên tay tôi, nhắc lại chuyện mật cóc ấy. Con khổng tượng, con thú lớn nhất của loài thú cũng có thể bị giết bởi thứ mật của con vật bé nhỏ nhất.

Tôi kéo tay Hân, rủ ra ngoài bao lơn. Lầu Tử Các vắng lặng, trống trải, từng lớp bụi bay mờ trong nắng. Lá trúc rắc đầy bực tam cấp. Hân ngồi xuống bên cạnh tôi, lúc nãy sắc sảo linh hoạt bao nhiêu, bây giờ thẫn thờ như mất hồn. Hân sống như người bệnh trí từ hôm về với Huệ. Đêm đêm chứng kiến cảnh Hân chịu đòn, tâm thần tôi tan nát. Tôi thân thiết với Hân như hai chị em song sinh, cùng cha, cùng mẹ, cùng một nỗi lòng con gái mới lớn, kê vai lãnh trọng trách trung hưng nhà Lê chẳng khác đội đá vá trời. Ngày mai Thái Đức đưa quân vào thành, rồi Huệ chuyển quân về Nam. Từ nhỏ tôi với Hân chưa bao giờ rời Thăng Long một bước, giờ phải xa kinh thành, qua xứ Nghệ hiểm trở để ra Phú Xuân. Đường vô xứ Nghệ quanh co... Tôi chắc lưỡi. Gió thổi phất những lọn tóc mai của Hân bay sẽ như sợi chỉ loảng. Màu hoa loa đỏ treo ở chậu bình bao lơn, cũng thẫn thờ đỏ như màu gấc ở đĩa xôi cúng vua Lê đặt ngoài hiên đã nguội khói. Mắt Hân nhìn về phía cung Vạn Thọ xa vắng. Hân bất chợt hỏi:

- Nguyễn vong, Trịnh mạt, Tây Sơn diệt thì thiên hạ chỉ còn cách phù Lê phải không?

Hân lấy chân du di tới lui trên mặt tam cấp, hỏi lại: Có phải không? Tôi siết tay Hân. Những đường gân xanh đã lờ mờ nổi lên trên bàn tay mảnh khảnh, những đường gân của nặng nhọc tinh thần.

- Huệ này! Thằng Nhậm có ý đồ riêng, thằng Chỉnh không ngay thẳng, hắn lại trêu tôi, tìm cớ mà giết đi để trừ họa!

Hân nhìn tôi đăm đăm, như đang nói chuyện với Huệ. Giọng trong trẻo tỉnh táo quá độ và ánh mắt khô ráo làm tôi hoảng:

- Phu nhân! Tôi đây mà!

- Láo! Vua băng sao không quỳ xuống!

Hân lồng lên. Nhưng rồi lại đổ rũ người ra khóc nức nở. Nhục cha chưa trả, đã nhục con. Tang lễ vua Hiển Tông, tôi cùng nằm với Hân trên đất, cho đô tùy khiêng linh cửu dẫm lên như một nghĩa cử trả ơn cuối cùng. Huệ thì đứng dõng dạc, ngạo mạn, người ngựa lồng lộng cờ đào như diễn tập. Họ Lê đã mạt thật rồi!

Chính sử của mỗi triều chép mỗi khác. Sau này tôi vẫn tự hỏi: những âm mưu của Ngọc Hân là đáng thương hay đáng tội? Chép trong chính sử Tây Sơn thì đáng tội. Xét theo sử triều Lê thì đáng phục. Nhưng sống trong một đất nước chỉ biết lấy chữ ‘‘Sát’’ làm chuẩn thì mới thật đáng thương.

Mấy lá trúc vàng, rây rắc gió cuốn rụng xuống Thăng Long xao xác hơn bao giờ.

Cái chết sau quá khứ

Ngày xưa, những cơn mưa đầu thu về qua đất Thuận Hoá tuyệt dữ dội. Lão Chu là người thường rũ tôi đi ngắm mưa. Lão đứng hàng giờ ở phá, ngẩng cổ, ngửa mặt thách thức cơn giận dỗi của trời đất. Mưa chúi xuống đất, mưa tắm lên đầu, mưa cắm đầy miệng lão, song lão Chu vẫn trơ trẻn cướp giật thức uống với thượng đế. Lão phá ra cười; tiếng cười sằng sặc lăn lộn trên sóng. Lão Chu nuôi tôi bằng tiếng cười khật khùng điên dại của lão. Nhưng dạo đó tôi còn trẻ, chưa khùng, cũng chưa dại. Tôi chỉ mới bắt đầu biết say mưa. Mà mưa ở phá đẹp kỳ ảo. Cả một vùng trắng ngần, trắng lịm, những tảng nước trắng xóa lồng lộn sa sầm xuống mặt đầm rồi tung bắn lên quẩy với hơi sương, giăng giăng mờ mờ, chạy chạy đường võng trên không. Mưa ở phá rầm rập, ào ạt mạnh mẽ. Bầu trời trắng lòa lòa những nước là nước.
Từ khi biết say mưa, tôi đâm biết say Ngự. Những lần theo lão Chu ra phá, Ngự đẹp man dã. Vải áo mớ ba chảy dán, bó rịt người, thân thể Ngự nổi lửng như một nhành lúa trổ vươn trên mặt ruộng lụt nước. Ngự xõa tóc xổ tung rã rượi, chân dầm trong nước, mắt dầm trong mưa. Ngự xòe hai cánh tay mở lòng đón mưa. Những hột mưa nhỏ mà tròn mọng. Ngự bảo là đốt tay Phật, vỡ vào đâu, phúc đến ấy. Phật tắm phúc lên người Ngự. Tôi đứng ngẩn ngơ nhìn phúc của Thượng Đế vỡ hoa trên da thịt Ngự. Lão Chu lại rống tiếng cười sang sảng, thỏa mãn đã uống hết cơn bão mùa vào bụng. Lão trỏ ngón tay lóng nhọn chỉ lên trời, rồi chỉ vào bụng hỏi: Cuộc đời muốn cái chi? Lần nào cũng như lần ấy, trăm lần như một, lão Chu tự giải đáp một mình. Lão gọi Ngự, vít lấy đầu cổ ướt nhẹp của Ngự, cắn vào rái tai Ngự, rồi run run trả lời: Ngự là cuộc đời! Ngự là cuộc đời! Lão Chu lại ré lên cười the thé sung sướng. Mỗi lần

lão Chu làm những cử chỉ khật khùng đáng ghét đó, thay vì bực tức, Ngự lại phát tiếng cười con gái đương thì ròn tan. Giọng cười của Ngự cũng như của lão Chu bắn theo mưa, châm chích, rã rích, làm tay chân tôi bủn rủn. Vì không hẳn chỉ đơn thuần là giọng cười mà là tiếng kêu khát vọng của một loài sinh vật thèm khát thiên nhiên lẫn hạnh phúc của sự sống. Lão Chu ngắm Ngự, rồi nhìn tôi kiêu hãnh. Bão đã đong đầy bụng lão, bão ngập trong ruột, bão làm căng lòng dạ khác thường của lão Chu. Lão tiến lại gần hỏi: Mi hiểu không? Tôi trả lời: Tôi hiểu, tôi hiểu... Mưa ở Thuận Hóa cực kỳ huyền ảo.

*

Trời vần vần nước. Chúng tôi ở phá suốt buổi, đến khi chiều chạng vạng mới về làng. Cơn giận của thượng đế lắng dần, những cái quẩy thét sau cùng biến thành làn chớp lóe, chưa kịp xé trời đã mất hút. Dọc đường về lão Chu lừng khừng ít nói, lão mất hẳn cái nét xuất thần ngoài phá. Chỉ còn Ngự rủ tôi rình nghe những váng mưa đương vẩy qua đình, nghe giống đấu gạo huyền trân các mụ ưa vãi ra sân kêu lanh tanh, lách tách. Về tới nhà, lão Chu vụt đống quần áo ướt vào góc, xà ngay vào bếp khợi tro lửa. Lửa té tát lên mặt, lửa đỏ kè đôi con mắt lão, lửa phà cả vào mồm miệng bắt lấy hơi rượu cay lão đương tợp lấy tợp để, tu uống ừng ực như con vắt thèm máu. Nền nhà bằng đất, âm ẩm lạnh. Ngự thay áo trở ra than đói. Lão Chu vụt ngay bình rượu, nhào vào bắt siêu đun nước. Lão sàng sàng gạo như người làm xiếc. Lão Chu làm tất. Ngự muốn phụ lão, nhưng lão Chu đã lồng lên dằn lấy con dao trong tay Ngự. Giọng lão bực tức: Mi là cuộc đời!

Phải, Ngự chính là cuộc đời của lão Chu. Và lão chẳng muốn ai đụng đến cuộc đời của mình, chỉ muốn cuộc đời của lão sung sướng. Ngự và tôi đành ngồi im thin thít nhìn khúc cá bơi lội thoăn thoắt giữa bàn tay lão Chu. Thớt cá bóng mú, lão Chu đem cắt khía, bằm xả bỏ vào tượng kho. Cá chín, nước kho sánh mỡ, cặp mắt lão Chu sánh niềm vui. Lão ngửng lên ngó Ngự cười ngây ngô. Nét mặt lão giống y vẻ mặt của những đứa trẻ chóng già, mắt có đuôi nheo mà tròng mắt thì dại khờ. Lão Chu kỳ quặc như vậy mà Ngự lại nói Ngự yêu lão. Tôi thù Ngự mỗi khi nghe Ngự nói yêu lão Chu.

Mưa đêm nhả nước nhay nhắt từng nhịp. Tiếng mưa khuya nghe như tiếng mõ cầu siêu cho ai văng vẳng buốt vào từng thớ thịt. Tiếng mõ là tiếng kinh kệ, nghe mà thấy buốt là bởi tâm không sạch, Ngự diễn giảng lúc kéo tôi đi nằm. Lão Chu ngó theo chằm chằm, hai con ngươi lão chăm chắp rình mò, nghi kỵ, như thể lão biết hết. Mà lão Chu tinh như quỷ. Lão đe bọn trai làng: Thằng mô để con Ngự ốm nghén, tau giết! Tau xẻ hắn làm đôi, lóc nứa máng cho voi giầy! Lão nói là lão làm. Lão hung ác đến độ vác rựa rượt thằng Hiểm chạy băng đồng, năm ngày không dám về làng. Mẹ thằng Hiểm đang đi cầm bò trên núi phải vội vàng về lạy lão Chu ba lạy, lão mới tha. Mà có gì đâu, thằng Hiểm chỉ mới chòng ghẹo Ngự chưa quá hai câu.

Tôi len lén thả tay, chuồi mình dưới lớp chăn đay, cho bàn tay hoá con trăn trườn lên bụng Ngự. Thịt da Ngự lạnh ngắt. Hơi thở Ngự rùng mình bấu nghiến lấy đùi tôi không cho cử động tiếp. Trong bóng tối, hai con mắt Ngự, hai mắt tôi, bốn con mắt ẩn trốn cặp mắt rình rập của lão Chu. Đôi mắt lão chăm bẳm lục lọi. Lão Chu nhìn tôi nằm chung với Ngự khó chịu. Ánh mắt lão đầy trăn trở, ánh mắt của một kẻ điên biết đang xảy ra điều ám muội mà lý trí không giải quyết. Ý nghĩ lão biết tôi ăn nằm với Ngự đem mổ bụng dồn trấu thả trôi sông làm tôi run lẩy bẩy. Ngự cũng sợ, ghì lấy nan giường mây, thứ mây quý lão Chu vào tận rừng sâu đốn về uốn làm chỗ ngủ cho Ngự. Càng sợ, hơi thở của tôi càng níu lấy hơi thở của Ngự. Trong bóng tối lão Chu d đốt củi suốt đêm, cháy lòe lòe khắp nhà như thể sợ đêm tối có ai vào đánh cắp mất cuộc đời của lão. Lão Chu chỉ mở hé một liếp cửa duy nhất, cho sao đêm ở Thuận Hóa những khuya dứt mưa lấp lánh, chiếu tắt, nhảy nhót động đạy giữa cái nền tím lặng mà sâu hút, đẹp không thua chi đôi mắt Ngự, tưởng chừng là nhúm ngọc trai ai vớt ở dưới đáy biển sâu đem gắn trên trời. Ngự thì thầm hạt sao đêm là mắt Phật. Tôi uống tiếng à ơi và nuốt con mắt Phật bà từ ái dưới mí mắt Ngự.

Lửa cháy lồng lộn, như lòng dạ hung dữ của lão Chu, tưởng sôi sục suốt đêm vậy mà cũng nguôi. Tôi đợi cho lửa tắt dần, tắt nhúm trên khuôn mặt lão, chỉ còn soi một đốm hồng cuối cùng mới dám cắn môi Ngự. Miếng lửa bỏng rát ở đầu lưỡi chảy lan vào người tôi những hột

mưa châm chích, những váng mưa đã hắt qua mái đình còn nhiễu giọt tâm tích từ những trận nước tinh chất vỡ suốt trên cánh đồng bạt ngàn gió chướng kết lại trong tôi. Mãi sau này nhớ lại, tôi vẫn còn thấy đầy những cơn mưa tầm thu, bay trĩu trĩu qua vai, làm ướt áo lão Chu và ướt tóc Ngự.

*

Thuở đó, ai có sống ở làng Sình mới nghe danh lão Chu Khỏe. Lão Chu không khỏe việc đồng án, nhưng lại khỏe vẽ tranh. Mà lão Chu vẽ cực đẹp. Người ta nói lão có hoa tay. Nhìn lão miên man phóng bút khai họa, rồng bay phụng múa, voi quỳ hổ lạy, Phật bà, tố nữ, núi biển sông đồi, chim lồng cá chậu... tôi cứ ngẩn ngơ. Lão Chu vẽ cực lẹ. Lão vẽ tuyệt nhanh, nhanh như người ta đi tưới trên giấy. Chịch: một bức hình. Rồi chịch: bức nữa. Lại "chịch", "chịch", cứ thế lão ''đi tả" một lúc mười mấy bức, mà bức nào cũng sắc, đường nét vun vút như roi quất. Chẳng thế mà tranh Sình của lão Chu bán chạy. Lão vẽ trên giấy mộc, rồi đem khắc in lên thếp gỗ mút. Người ta mua tranh Sình của lão để thờ, cúng bổn mạng, cúng gia tiên, cúng sao, tế lễ trời đất, lễ tạ mùa màng. Mấy năm liền ở đất Thuận Hóa được mùa, lúa cấy phơi phới trên ruộng vàng rức mắt. Nhà nông tranh nhau mua tranh Sình, thóc đổ vào túi lão Chu. Người ta càng trọng lão, trọng cái thiêng liêng của tranh Sình. Được tiếng hóa cuồng. Lão Chu rủng rỉnh tiền bạc, mặc nhiên tự xem mình như một thứ thần linh. Lão nhận càn là tổ họa của làng Sình, tên chữ là Lại-Ân. Danh tiếng càng cao, lão Chu càng khó ở. Hễ ai nói động đến, dù chỉ nói khóe, nói cạnh xa xa, tức thì lão nhảy cỡn lên rủa xả bằng cái giọng dấm đặc ợ hơi khế chua; chửi bới người này, xỉa xói kẻ nọ. Lão Chu quá quắt đến độ trong làng bắt đầu ghét lão. Những người xấu miệng thì bảo Lòng dạ hắn dơ dáy như rươi, vẽ tranh Sình Phật mô có chứng, thôi không mua nữa. Những kẻ độc mồm thì trù ếm Lão không biết nhân nghĩa, thị phi phép tắc, bữa mô trời phạt, cho sét đánh hộc máu. Người ta muốn lão Chu chết, nhưng lão không chết, vẫn trơ trơ ra phá, đứng phơi gan thách thức thượng đế. Lão là thần linh, lão có sợ chi. Lão Chu cười rung cả người, mỗi bận ở phá về, ướt nhẹp đầu cổ, lão lại kiếm chuyện để chửi bới, kiếm người để đay nghiến. Những khi ấy, hai con ngươi lão chạy sòng sọc, mùi rượu tanh nồng nặc ở mồm miệng nhớm nhúa ộc ra. Vậy mà Ngự yêu lão. Mà ở làng Sình cũng chỉ có mỗi mình Ngự là thương lão, cho nên lão Chu càng thích gọi Ngự là cuộc đời. Một hôm hứng chí, lão Chu quyết định vẽ lại cuộc đời mình. Lão nắn nót vẻ truyền thần cho Ngự một bức bán thân. Ngự mặc áo Mã-Tiên màu đỏ nghệ, ai cũng trầm trồ khen đẹp. Có người xin hỏi mua, lão Chu nghe được, trợn mắt, thè lưỡi: Mi dám mua cuộc đời của thần linh, tau vẽ mi ra con bòi! Lão Chu ném chai lọ, rác rưởi đuổi khách. Ngự buồn lắm. Tôi xin Ngự bức vẽ, song Ngự không cho. Ngự nói: Ngự muốn giữ giùm cuộc đời cho lão. Tự trong thâm tâm, tôi biết Ngự rất yêu bức vẽ truyền thần đó. Còn tôi? Tôi yêu Ngự. Tôi si tình Ngự, mà sao không ai biết?

Tháng Giêng, triều đình làm lễ tế đàn Nam Giao. Không hiểu vì cớ chi? Lão Chu nằng nặc đòi lên kinh thành Huế. Lão sắm sửa cho Ngự, mướn thuyền, thâu tóm tiền bạc, quyết định làm một chuyến thưởng ngoạn kinh kỳ. Trời tờ mờ sáng, những hàng cây ngô đồng dọc ven làng Sình còn chưa thức, lão Chu đã dắt díu tôi với Ngự xuống thuyền, bơi ngược khúc sông Bồ lên Bao-Vinh. Tôi với lão dầm mái chèo khoắn nước. Mặt sông trong như mặt kính, lai láng, sáng lưỡng, từ từ rạn vỡ lúc xuồng rẽ nước xa bờ. Lão Chu xăng xái, chèo lấy chèo để, mặt sông dậy sóng, sóng đánh tràn khoang. Ngự la hốt hoảng, nhưng lão Chu cứ bơi dầm cười nắc nẻ. Không phải chỉ có một mình lão Chu kích động, cả tôi lẫn Ngự đều háo hức. Nắng lên ối mui thuyền. Thếp nắng rạng đông, đỏ bừng, dọi vào những đám mây còn đọng ở đáy sông. Ngự hò tiếp sức tôi với lão Chu. Giọng hò Nam Ai của Ngự lắng lơ, vọng tới cồn, váng trong lau lách. Lão Chu đắc chí cười khanh khách. Cười chán lão vỗ đùi làm nhịp, hai vai oằn xuống, hai chân xoạc, tay vươn tới, khủy kéo về, lão đẩy mái chèo khua thuyền trôi băng băng. Ngự hò một lúc rồi lôi truyện Tàu "Tuyết Hồng Lệ Sử'' của Từ Trẫm Á đọc cho tôi và lão Chu nghe. Tôi nghe truyện kể thì ít mà say giọng đọc của Ngự thì nhiều. Tôi uống từng câu, nuốt từng chữ, ngậm từng cái ngắt hơi của Ngự.

Thuyền qua Thanh Hà, qua Bao Mỹ, đến Bao Vinh, mà giọng kể của Ngự hãy còn chạy trong

máu tôi rần rần. Lão Chu cắm nọc, giam thuyền. Mặt lão bỡ ngỡ nhìn mái tường thành, đang ngã bóng đồ sộ, vĩ đại, đè lên người lão. Thân thể lão Chu bẹp dí, như bị tường thành nghiến nát. Lão vụt trở nên nóng nảy giục giả tôi với Ngự nhập vào đám người đi rước Hoàng Thượng ngự đạo. Tôi nắm tay Ngự, chen trong thác người khổng lồ đi dọc sông Hương, ngang chùa Diệu Đế, ngang cổng Thượng Tứ, qua cầu phao, đổ dốc Nam Giao. Hoàng Thượng từ điện Cần Chánh trong Tử Cấm Thành ngự giá lên Trai Cung, lính hầu đánh chuông thét: Thiên tử thọ mệnh ư thiên! Cả giòng thác người cúi rạp đầu khiếp hãi! Lúc Thiên Tử đã đi qua, tôi ngửng lên còn trông thấy hai tròng mắt lão Chu thất đảm, hồn phi phách tán. Kiệu Rồng đi đến đâu, mây cuộn nước dạt, trăm họ vái lạy: Thiên tử vạn niên, Vạn thọ vô cương, Quần phương tập khánh, Vạn bảo trình tường! Lão Chu run lẩy bẩy, cái chức vị "thần linh" của lão xem ra nhỏ mọn, không sánh nổi với Thiên tử. Tranh Sình của lão vẽ trên giấy mộc bản thì có ra gì, so với cờ quạt, trướng liễn, tàn lọng, chiêng trống, voi ngựa, long đình, ngự liễn, hoành phi, lân cầu, bảo kiếm, chung đỉnh, đĩa chạm? Người lão Chu cứ co rúm lại từng chốc, lão đã thật sự gặp thượng đế!

Tiếng trống lùng thùng chiêu hô, tiếng chuông xướng họa, phường bát âm tấu nhạc cho đám vũ Bát Dật múa tế giao. Các ngón đàn tỳ, nhị, nguyệt, sáo, uốn éo vây lấy tôi và Ngự. Mặt lão Chu đang xám hóa đỏ bầm như gấc, tôi biết lão sắp lên cơn. Mà lão lên cơn thật. Một hai lão nhảy qua khuôn thành, đòi lên Viên Đàn, chỗ lập án thờ, nhưng quan lính đuổi lão. Lão Chu lại đòi vô Phương Đàn xem tế khí và tế phẩm, cũng không được. Mặt lão hầm hầm, cơn giận xé ruột, cơn giận xé gan, cơn giận bức bối trong óc lão. Song lão Chu cũng biết sợ. Thượng đế ở đàn Nam Giao, không chỉ làm mưa như ở phá, mà có quyền tế sống lão. Giữa rừng người đi xem tế giao, lão Chu lôi ngược tôi với Ngự. Lão xua tôi như xua tà, lão bắt Ngự về. Tội nghiệp Ngự khóc hết nước mắt, lão cứ lầm bầm chửi rủa: Trời sinh vua, sao còn sinh lão? Lão muốn thọ mệnh ư thiên, quần phương tập khánh, muốn mặc áo đại triều, đi guốc cẩn, uống rượu trong chén sứ cẩn tam khí, hút thuốc trong bình điếu bằng ngà, lão muốn tất. Ngự khóc ròng rã, lão Chu quầy quầy xô đuổi. Lần đầu tiên tôi thấy lão Chu xua đuổi cuộc đời của chính lão.

Những ngày sống ở Thuận hóa, chỉ có mối tình của tôi với Ngự là đẹp. Mưa xuân trắng mờ mịt cánh đồng. Cả một láng mưa bay vút qua mặt ruộng điểm sương, trổ mai trắng, mọc rưng rức đến ngút ngàn. Ngự chạy băng đồng, ném chiếc nón Phú Cam xoáy tròn trong không khí. Vải áo lụa mỡ gà của Ngự tất tả, bén nước, nhễu rây trên đất. Tôi theo vết nước tìm bắt Ngự. Hai đứa chạy ra bờ ao, xem sen nở. Màu sen cánh phấn, chao chao, mặt ao chao sóng, những cánh sen dập dình nổi lửng trên cái nền rêu thẳm. Ngự hay cởi áo cho tôi cắn lưng để rụt cổ rùng mình. Tôi thích mơn trớn Ngự dưới gốc đại, nhìn lá đại rụng xuống bụng Ngự, phập phồng lên xuống theo hơi thở Ngự. Mà thịt da Ngự thẩm thấu lạ. Mỗi bận mưa giông, cả một láng mưa, nhọn hoắt, buốt như kim quất qua mái chùa trước khi đâm xuống mặt hồ xanh ngọc, vậy mà khi gieo xuống mình Ngự, những kim mưa tan biến không để lại dấu vết. Tôi săm soi tìm dấu tích của trận bão, chỉ thấy dấu vết con gái thâm sâu giữa bụng Ngự. Tôi mê mùi hương trầm thắp trong chùa đọng ở tóc Ngự. Tôi tưởng tôi sẽ sống với Ngự suốt đời, ai ngờ lão Chu đã nghĩ khác.

Từ khi viếng kinh thành Huế trở về, lão Chu đâm khó chịu. Lão dở người cả với Ngự và tôi. Lão giống kẻ thất chí, công không thành, danh không toại. Gặp ai lão cũng lải nhải: Cuộc đời phải cao sang quyền quý? Tôi chán lão, còn Ngự thương lão. Mưa Thuận Hóa vẫn trắng mị mờ những ruộng lúa, hương trầm tiếp tục nồng nàn trên da thịt Ngự. Chỉ có lão Chu là đổi khác.

Một sáng tôi đang ngủ với Ngự trên giường mây, thì lão Chu xồng xộc xông vào. Lão ném bắn tôi xuống giường, lôi Ngự dậy. Lão Chu loan cái tin động trời: Tau đem con Ngự tiến cung! Tôi thét: Lão không có quyền! Tôi thề không để lão bắt Ngự đi ở Nội. Nhưng lão Chu đã lồng lên như con báo đói mồi, lão gầm: Mi muốn cái chi? Lão vung tay tát tôi. Lão nện tôi như người ta nện chó hoang. Lão Chu đánh tôi giống lúc lão vẽ tranh Sình. Chịch; một thọi. Chịch; thọi nữa. Rồi chịch; chịch; cứù thế lão thọi. Ngự khóc oà, lão Chu xoay mình xáng Ngự một bạt tai ngã chúi vào góc nhà. Tôi cố chụp thanh củi, nhưng lão Chu đã nhanh tay lấy đòn gánh phang vào

đầu tôi đổ máu. Lão đánh tôi ngất lịm ngay trên nền đất. Lúc tôi tỉnh dậy, nhà đầy tiếng khóc. Tiếng khóc của Ngự mang mang, thê thiết tủi hờn. Lão Chu đã trói nghiến tôi lại, lão buộc chân tay tôi quanh cột nhà, mình mẩy tôi còn tắm máu trận đòn ban sáng. Lão Chu thuê các mụ đến trang điểm cho Ngự, rẽ tóc giữa, đội khăn, bắt mặc áo mớ năm, đi hài, đeo kiềng. Ngự nhìn tôi ai oán, tiếng khóc Ngự tức tưởi, đặc khản, sầu thảm. Lão Chu cho mổ heo, mổ bò, giết trâu thết làng. Lão trịch thượng ra vào, trịch thượng độc thoại: Cuộc đời muốn cái chi? – Phú quý! Lão Chu ré lên cười thỏa mãn, giọng cười khé khắt hăng hắc như nước sôi quá độ, tiếng cười luộc bỏng tim gan tôi. Lão Chu vỗ đùi trỏ Ngự kêu: Mi ráng hầu hạ Ngài, Ngài thương cho làm quý phi thì tau được làm Quốc Công! Lão lại ré lên. Mọi người im thin thít, không ai dám phản đối. Người ta sợ lão lên chức Quốc Công thật, vì Ngự đẹp, xứng làm quý phi cho Hoàng thượng. Triều đình đưa kiệu tới đón, phường kèn trống so dây, trỗi nhạc. Tiếng Sên Tiền, Tám Âm, đàn Sến, đàn Cầm, mõ Song Lan đệm nhịp ò e. Ngự không ngớt khóc thảm. Tôi lồng lộn chửi mắng lão Chu, đào bới ba họ nhà lão, song lão Chu hung dữ dị thường, lão lấy dẻ tộng vào miệng tôi, rồi lại đánh tôi chết ngất. Hôm Ngự bị mang tiến cung, tôi với Ngự không nói được với nhau một câu vĩnh quyết.

Mấy ngày sau, được các mụ cởi trói, tôi vác dao rượt lão Chu. Tôi đã thề giết lão là tôi giết lão. Tôi bửa lão làm đôi, tôi chém lão làm năm, tôi băm lão làm tám. Tôi cắt gân, chọc ruột, moi phèo lão Chu. Trời mưa bẩn xối nước, ruộng ngập sình, tôi vác dao lội sình đuổi lão Chu. Nước sình bắn lên mặt, cỏ lau cứa người, lão Chu chạy như gió, lão phóng mình như cáo nhảy chuồng gà, tôi lụi dao vào lưng lão. Nhưng lão Chu né tài tình, uốn người thót bụng cong lưng tránh những mũi dao tôi không ngớt lia tới. Lão rít kìn kịt: A! Mi giỏi! Mi đòi chém Quốc Công? Tau thưa triều đình cùm mi! Lão Chu vươn hai tay dài khẳng khiu chận lưỡi dao nhọn trong tay tôi, lão nắm chặt bản dao không cho tôi giật lại. Đất sình dính bê bết lên người, tôi vòng tay lấy hết sức bình sinh rút con dao phai dắt ở hông, chém bổ xuống đầu lão Chu, thớt dao xé mưa phạt xuống. Lão Chu nhanh như sét oằn người tránh, làm lưỡi dao trợt trúng vai tóe máu. Tiếng rống lão Chu nứt trời đất. Lão rú lên trong lúc máu phụt có vòi, xịt trây vào mặt mũi tôi tối tăm đỏ kè. A! Mi giết Quốc Công! Lão Chu ngoác mồm trợn mắt, lão không chết, cũng không ngã, máu lênh láng tuôn ròng ròng tắm đẫm châu thân lão, máu chảy theo mưa xuống nước ruộng loang loáng đỏ ngầu, nhưng lão Chu chẳng có vẻ gì là hề hấn, lão chỉ ngạc nhiên vì chức Quốc Công không bảo vệ được lão. Tôi gồng tay, xĩa dao vào mặt lão, con dao nhọn tôi cắm vào mắt, con dao phai tôi chặt ngang bụng. Lão Chu phải chết, lão phải đền mạng cho Ngự dù mười cái mạng lão cũng không bằng một đốt ngón chân Ngự. Lão Chu vùng bỏ chạy. Lão chạy nhanh như cắt, hai đầu gối cất lên khỏi mặt ruộng phóng nước kiệu, chỉ có máu rớt lại đằng sau từng dúm, từng bệt lớn như có ai nhổ trầu. Tôi lao theo lão, mưa giăng kín trời đất, bóng lão hiện, bóng lão mất, mưa cứng như đá, mưa dầy như thép, tôi vụt mặt vào bức tường mưa rượt lão Chu. Tôi đã thề giết lão là tôi giết lão, có ba đầu sáu tay lão cũng không thoát. Tôi sẽ bầm lão ra cám. Ai bảo lão dạy tôi điên, ai bảo lão bắt tôi khùng? Lão đem Ngự tiến cung, tôi biết yêu ai? Tôi biết ngủ với ai nữa? Thịt da Ngự, thân thể Ngự, mắt môi mũi miệng tóc chân mày rái tai Ngự lão đem cho Hoàng Thượng thưởng nguyệt, tôi thù lão. Rừng mía lấp loáng, những đọt mía ròn tan hôm nào tôi cùng cắn với Ngự. Lão đã bẻ mía đứng đợi tôi ở bìa rừng. Mắt lão gườm gườm, môi lão thâm, miệng lão mím, chân lão xoạc xuống tấn, hai tay khuỳnh khuỳnh thủ thế. Mi giỏi, mi đến đây, mi ăn nằm với con Ngự mi tưởng tau khôn biết? Con Ngự mất trinh, tau đem gã cho vua, mi còn muốn chi? Mi muốn chi? – Tôi muốn bới mả con mụ lão, sanh nhằm giờ chi mà độc địa, lòng dạ dơ dáy muối biển cũng khôn rửa được! Tôi lao vào chém lão Chu, lão hươi quyền đỡ. Lão lấy cây mía gạt những mũi dao tôi lụi tới, lão nhảy qua, xạt lại, tiến lui tài tình, không cách chi tôi đâm được lão. Chém một lúc, tôi đuối sức, người vả mồ hôi, nhịp thở hổn hển, mất hết sức lực, lão Chu biết tôi tàn lực, cười khe khé: Răng mi không chém tau nữa? Mi thua rồi ư? Chừ tau độp mi cho mi biết! Lão Chu bất ngờ nhảy bổng lên khỏi mặt đất, quật gốc mía vào đầu tôi tới tấp, lão đánh văng hai con dao trên tay tôi, đè ngửa tôi ra ruộng. Tôi vùng vẫy, lão Chu nhúng đầu tôi xuống nước ruộng, tôi ngạt thở há mồm uống từng bụng nước thum thủm sền sệt đất sình, lão Chu nhấc đầu tôi lên

cho thở một giây rồi lại dộng xuống mặt sình, lão la chói lói, tôi thét dẫy dụa cố vùng ra mà không được. Sình chui vào mắt, vào tai, vào lỗ mũi, tôi uống sình căng đầy ruột, mấy ngón tay lão Chu siết ở cần cổ tôi như kềm người ta siết cổ tội hình. Tôi ú ớ, lão Chu bẻ quặt tôi lên, hai tròng mắt lão trắng dã, to như hai cái thúng. Lão Chu ghé sát miệng vào mặt tôi gằn từng chữ: Con Ngự là cuộc đời tau, tau đem hiến vua để nó được quyền quý, sung sướng. Cuộc đời tau được ở trong cung, vàng châu, gấm lụa, một bước có người hầu, hai bước có kiệu khiêng, Ngài thương cho nó làm nhất giai phi, thì nó thành bậc mẫu nghi thiên hạ. Còn mi? Mi có chi cho nó? Răng tau nói khôn đúng ư? Mi là cái thớ chi trong trời đất?
Lão Chu buông tôi ra, cái bóng lão dọi lên giữa rừng mưa, cái bóng thấm đẫm máu lúc lão bước đi, tan biến vào hơi nước. Tôi nằm vật ra trên mặt ruộng, thân thể đau dần bãi hoãi, song cái đau thể xác cũng chưa bằng nỗi đau linh hồn bức từng sợi gân trong người tôi. Mỗi sợi thần kinh bức làm tôi quẫy mình trào nước mắt. Lão Chu đã nói ra sự thật, tôi có gì cho Ngự? Tôi nằm cho mưa nổ xuống mình, đốp chát từng hạt thù hận. Thượng đế là ai? Khóc cho tôi hay khóc giùm Ngự? Chừng nào thì lão Chu mới biết khóc?
Mưa ở đâu xót xa cho bằng mưa ở Thuận Hóa? Mưa ở đâu?
*
Những cơn mưa tầm thu trở về qua đất Thuận Hóa lạnh tăm tăm từ sau khi Ngự đi ở Nội. Váng mưa không còn trong mà đục. Hột mưa nặng như có huyết, nhễu xuống da buốt thấu xương tủy. Thời gian bỗng ngừng lại ở làng Sình, dài thậm thượt lê thê... Mỗi khắc mưa là một niên kỷ, đợi cho hạt mưa bám ở mái rỏ xuống sân, mất từng canh. Mỗi giọt nước là một khối chờ đợi, thai nghén, thành hình, dâng tròn rồi căng cứng mạch máu đầu óc đến lúc vỡ tung vào hư không vắng lặng. Tất cả tẻ nhạt, trầm buồn, u uất. Tất cả theo Ngự đằng đẳng mất biệt âm tín. Tất cả theo lão Chu đằng đẳng mõi mòn đợi chờ chiếu chỉ triều đình ban xuống tấn phong Quốc Công. Chiếu không đến, chỉ không về, lão Chu chỉ còn biết sống với nỗi điên khùng tạo tợn. Nhưng lão già đi trông thấy, người lão teo tộp lại chẳng khác trái ớt mất mùa, vừa dú lên, đã nhăn nheo như da mụ già. Lão giống một hình nộm cũ, Thượng Đế lôi ở đáy rương mang ra giật dây, cho cử động, bắt ăn uống và cho nheo mắt ngủ gà ngủ gật những trưa thoi thóp tàn tạ. Lão Chu tuyệt vọng đợi một tờ chiếu có đóng ấn ngà.
Vết thương tôi chém vào vai lão Chu khép miệng liền da, thì viên mụt nhọt thâm sâu giữa bụng lão lở lói. Lão Chu đau căn bệnh cuộc đời. Lão cũng đoán lờ mờ là Ngự bị thất sủng. Nhưng lão Chu chỉ đoán, còn các mụ ở làng Sình thì bém xém sau lưng lão. A! Con Ngự mắt phụng mày ngài, mặt trái soan, vú non da hồng... Con nớ đi ở mô trong Nội, biệt tăm rồi, chắc là không biết cách giao hoan nên Ngài không thỏa mãn, răng cho làm nhứt giai phi! Một mụ nói, bốn mụ cười hăng hắc, tôi tránh ra đình những buổi chợ phiên. Chợ phiên ở làng Sình không giống chợ Gia Lạc trên kinh thành Huế, đông vui như ngày hội. Lúc xưa Ngự chỉ đợi phiên chợ họp để rủ tôi ra đình đánh bài thai, chơi bài ghế, đậu bài chòi... Giờ Ngự ở cung Đoan Hòa, còn tôi trốn ở nhà, sợ hãi từng giọt mưa bay. Những sáng không có mưa thì thằng Hiểm dẫn con vợ mới cưới đi qua nhà lão Chu. Thằng Hiểm cay lão vác rựa rượt nó lúc xưa, bây giờ thấy lão mất Ngự thân tàn ma dại, nó lấy làm hả hê. Lúc vợ chồng thằng Hiểm đi ngang, lão Chu còn ngủ. Chỉ có tôi đứng dựa cửa. Con vợ thằng Hiểm vác bụng bầu chửa vượt mặt, đi thè lè nói lớn tiếng: Tưởng ăn nằm với con nớ, dạy hắn kiểu cách, ai ngờ cũng có biết chi tề! – Bậy! Hắn có dạy con nớ đó ri, răng khôn dạy sao con nớ vú tưng bụng ỏng? Thứ chi mờ hắn khôn dạy, nhưng dạy thét Hoàng thượng biết con nớ hết trinh, Ngài giận! Thằng Hiểm oang oang trả lời con vợ hắn nham nhở. Tôi nóng bừng mặt, trời đánh thánh đâm vợ chồng thằng Hiểm! Tôi bứt dây lạc lão Chu cột ở cửa, mười ngón tay tôi co giật run bắn muốn chém thằng Hiểm, nhưng thằng mất nết lực lưỡng như trâu, sô vai hắn nổi từng bện, thằng Hiểm quá tuổi dậy thì ngực nở chướng phình như cái trống, tôi có muốn chém hắn cũng khó. Ngự đâu biết sáng đó tôi cắn dập môi trong mình vì giận, vì bất lực?
Còn nhiều chuyện nữa mà Ngự không biết. Lão Chu sau này ít nói, hay nằm liệt ở một góc nhà cho đến lúc nắng đổ lửa vào đầu lão mới tỉnh dậy. Những lúc thức giấc, lão Chu như đứa trẻ sơ sinh, lão bặp bặp môi, mắt đảo loanh quanh, ngây thơ tìm kiếm... Đến lúc nhận ra Ngự

không còn nằm ở chiếc giường mây, lão mới khom lưng oằn mình cho cái lỗ miệng móm mém khạc đờm. Nắng rơi đầy vại nước, soi phơ phất mấy hàng tranh lão Chu tết trước nhà. Lập đông, nắng ở Thuận Hóa ui ui khô đét, xương xẩy theo lão Chu bước dần ra phá. Nhưng nắng không đủ ấm, chỉ chảy nhớt, bỡn cợt xuống xả cắm loe hoe trên trán lão Chu đã gần rụng hết tóc. Tôi theo lão Chu ra phá đứng nghe tiếng thở mệt nhọc của đất. Cả một mặt đầm óc ách, nhấp nhô ruớn mình thở. Tôi lắng nghe, nhưng không tài nào phân biệt được đâu là hơi thở hổn hển của lão Chu, đâu là tiếng thở hì hục của phá. Chỉ thấy ở những kẽ nứt, hơi nước toát ra, tung phụt lên tỏa mờ trên không. Cái khối trắng ngần, trắng lịm, trắng mờ, trắng lòa lòa vẫn còn đó, vẫn còn giăng giăng quẩy mình cựa quậy, song lão Chu không còn gì để thách thức. Lão đã đem cuộc đời của lão tiến cung, lão không còn gì trong túi để dám ngửa mặt thách đố cơn giận dỗi của Thượng Đế. Lão Chu đứng lặng trước mắt đầm. Đến lúc tôi kêu lão về, lão Chu nghe tiêùng gọi quay lại, thì nước mắt đã giàn đầy ra má. Lần đầu tiên tôi chứng kiến lão Chu khóc.

Tin Ngự được tấn phong cửu giai Tài Nhân đưa về làng Sình như sét đánh. Lão Chu chạy bổ từ phá về làng, phủ phục trước sân thềm để nghe chiếu chỉ. Lão vỡ òa tiếng khóc như trẻ nít. Lão khóc vì mất chức Quốc Công. Trong triều đình, có cửu phẩm cho các quan, thì cũng có cửu giai cho các mệ. Ngự được phong giai áp chót, chỉ trên bọn cung nga thế nữ. Giọng khóc nấc của lão Chu đau đớn tủi hèn, lão khóc ngất hơn bọ chết mạ chết, lão dập đầu tóe máu, gục mặt nhận chỉ. Quỳ bên cạnh lão Chu, hai bàn tay tôi bảo dậy, vật vả trăm nghìn phen vì thương Ngự. Tiếng chuông chùa ai đánh gõ loong koong... Mỗi đêm lão Chu rên rỉ lảm nhảm độc thoại: Nhất giai phi, nhị giai phi, tam giai tân, tứ giai tân, ngũ giai tiếp dư, lục giai tiếp dư, thất giai mỹ nhân, bát giai quý nhân, cửu giai tài nhân... Đến chữ tài nhân thì lão chết lịm đi, tròng mắt đứng lại, trong bóng tối lão thở hắt rồi há hốc mồm, quai hàm cứng lại như chết rồi, cho tới lúc lão từ từ hồi lại, nằm xụi lơ như cái xác sống. Cái buổi sáng mà thằng mõ đi gõ rao trong làng bản tin rùng rợn: Hoàng thượng băng hà! Lão Chu mới thật sự hóa cuồng. Tiếng rống khủng khiếp của lão Chu chạy khắp làng gào thảm thiết. Lão như một con quái vật trúng tên, lồng lộn tìm chỗ chết. Lão Chu tự cắt gân, rạch mặt, khợi cho máu phun, người ta phải buộc lão lại, kềm tay, giữ chân, đánh cho lão ngất, để lão đừng tự vẫn. Mùa mưa năm đó, cả kinh thành Huế để tang Hoàng Thượng, khắp lành Sình trắng khăn sô. Mình Rồng được khâm liệm để lên trướng chở qua sông Hương đi vào núi an nghỉ. Các mệ phi âm thầm, lẳng lặng lên ở Khiêm Lăng để suốt đời lo việc hương khói. Tôi trông thấy bóng Ngự đi theo các mệ lên Khiêm Lăng. Mặt Ngự tái nhờn nhợt, màu trắng của sợ hãi, màu trắng của những giọt mưa bay. Màu trắng của thần trùng. Những trận mưa trắng ngần trắng lịm khăn tang, màu trắng của vải sô bay phần phật trên khói hương thắp nghi ngút không đứt. Bao nhiêu bó nhang đốt đời Ngự? Lão Chu đã thật sự đánh mất cuộc đời.

Cuộc đời lão Chu đi khuất thì gió Lào nườm nượp thổi về đất Thần Kinh. Sức nóng dữ dội chui hút vào dãi đất nằm kề bên dãy Trường Sơn, giống con rắn hổ chui vào hũ tĩnh, bị đóng nắp, sùng sục tháo bẫy. Cái đuôi rắn quất lửa xuống những cánh đồng cháy oằn oại. Cái đầu rắn hổ mổ chan chát vào lưng vại sành chẳng khác chi tiếng chày các mụ nện lên cối đá. Hơi nóng tát lên mặt, hơi nóng bỏng rát làm đỏ dộp mình mẩy. Cả một biển lửa vàng thau cháy lan lan đến tận rừng chuối. Tôi tắm ở ao, thấy lửa xém vào gốc chuối, tức thì thân cây chuối teo xộp lại chẳng khác bị vắt hết nước. Những tàu lá chuối mới xanh non nõn rờn rờn phe phất, chạm phải nắng cứ khô ròn, khô ròn rồi vàng ỏng rụng dần, cho đến khi cả một rừng chuối mật chỉ còn là một bãi đất cằn đá. Buồng chuối nào thoát chết, thì đỏ toét màu máu, người ta gọi là chuối lửa. Đất Thuận Hóa trở thành nứt nẻ. Đất như thiêu, nung hừng hực. Buổi trưa ít khi nào có tiếng động, một cánh ruồi bay cũng nghe, từng tiếng chắc lưỡi của thạch thùng nhấp môi giữa cái nóng ran người. Làng Sình vắng danh, vắng ngắt. Họ đổ hết ra sông, xuống biển, xuống đầm, phá. Lão Chu hồi sinh bởi cái sức nóng kinh khiếp của Thuận Hóa. Mà lão lấy lại sức lực nhanh không ngờ. Không ai có thể ngờ. Sét đánh lão không chết. Rạch mặt, cắt gân, cứa cổ tự vẫn lão cũng không chết. Lão Chu nghiễm nhiên trở thành biểu tượng của một sinh vật bất tử. Mà chính lão Chu cũng tin rằng lão bất tử, sống mãi. Sống - nên lão sùng sục - xục

xạo đi tìm lại cuộc đời. Thịt da lão đã mọc trở lại. Thịt mọc trên xương, mỡ bao lấy thịt, da bao lấy mỡ, lão Chu cường tráng như cũ. Trưa dập lửa xuống mình lão Chu. Gió đưa hơi nóng dộp lên trên tấm thớt lưng của lão, song lão Chu vẫn khởi công đi kiếm cuộc đời. Cuộc đời thứ nhì thay cho cái cuộc đời thứ nhất là Ngự lão đã vụng dại đánh mất. Cuộc đời ở mô? Mi biết cuộc đời ở mô? Lão Chu thè chiếc lưỡi dài đụng mặt tôi hỏi. Đầu lưỡi lão nhọn hoắc, nhám nhạp, trây vào đâu làm tôi nổi gai ốc tới đó. Cuộc đời ở mô? Tôi trả lời: Không biết, không biết... Lão Chu cởi trần trùng trục, ngâm mình xuống biển. Mồ hôi võng trên mặt lão nhễu xuống biển. Nước biển cũng hóa thành mồ hôi lão Chu mặn chát. Lão Chu chọn chỗ vắng, khúc biển cuối bãi Thuận An nối liền đầm Thanh Lam xanh ngời ngợi nước. Cả một mặt bể lõng trồi sụt, sóng té tạt vào bờ lôi rong rêu tràn ra đất. Rong bấu trên cát, rong quấn mình lão Chu, rong đu trên vai lão. Lão Chu bắt tôi xuống đứng nước cùng với lão, phơi mắt hứng ánh mặt trời bắn xuyên qua da từng nhát như lao phóng chọc bị. Cái khối lửa chói lọi, chói lòa, chói lòe làm tôi nhức mắt, nhưng lão Chu nhất định không cho tôi đội mũ, nhắm mắt, hay lấy tay che mặt. Lão bắt tôi nhìn trừng trừng vào đường chân trời đang cong oằn theo eo biển sẫm đậm, sẫm rịt. Mi thấy chi? Răng tau hỏi sao mi khôn trả lời? Cái ri ở ngoài nớ? Cái ri kia? Lão Chu xoắn tóc tôi nắm cứng bắt nhìn mặt biển. Giọng lão chắc nịch: Cuộc đời! Cuộc đời ở bên kia biển! Tiếng nói lão Chu tan trên mặt sóng dâng hân hoan bất thần. Thoắt cái lão buông tay cho tôi té vục mặt xuống nước, lão đã phóng mình bơi, hai đầu gối đạp nước, cần cổ lão bạnh ra như mang cá. Nước cản thân, nước ghịt lưng, nước lột vai, nước ngán chân, song lão Chu cứ rẽ sóng bơi vùn vụt . Lão bơi mau lắm, xa tít tắp, chừng muốn vượt đại dương để đến với cuộc đời ở bên kia biển. Nhưng sức lão Chu có hạn, hà bá lùa lão vào bờ, ném lão vật ra đất. Lão Chu thở hổn hển: Tau biết cuộc đời ở bên kia biển! Cuộc đời của tau ở bên kia biển, sống chết tau cũng qua, bão tố tau cũng đi, hải tặc cá kình chi tau khôn ngán! Lão Chu ngồi trở dậy, lão hỏi tôi : Mi thấy không? Thấy không? Tôi trả lời: Tôi thấy, tôi thấy... mặt biển giàn ra vĩ đại. Một sự vĩ đại mà lão Chu không thấy.

Thời gian đó, vợ thằng Hiểm sanh khó, làm băng suốt một đêm rồi đi khuất. Hài nhi lẫn sản phụ chết tức tưởi. Cái mặt thằng Hiểm trơ tráo, nham nhở hôm đi qua nhà tôi nói xấu Ngự, vậy mà lúc bốc từng vụm đất ném xuống áo quan cho vợ trông cũng thật thương tâm. Tôi thắp ba nén nhang cắm trong cái bát sành đặt trước linh sàn vợ thằng Hiểm gọi là xá vong, xin nó đừng về quấy rầy tôi với Ngọc Trản. Ngọc Trản chỉ mới mười lăm, không đẹp bằng Ngự, song nước da đã ngó sen, cổ tay tròn bầu bĩnh, và khóe mắt lẫy tình rớp hồn tôi. Tôi yêu Ngọc Trản không giống như say Ngự, với Ngự tôi đong từng nụ cười, hít chậm chạp mùi hương, quý từng phân xương thịt, ân ái dịu dàng, ôm ấp nhẹ nhàng, khẽ từng vuốt ve, nâng niu âu yếm, hứng đón cẩn trọng. Còn với Ngọc Trản, Ngọc Trản bắt tôi yêu khác thường. Chôn vợ rồi thằng Hiểm bỏ làng đi biệt tích. Ngọc Trản nói với tôi rằng bọ mạ Ngọc Trản nói thằng Hiểm đi theo phái Văn Thân. Hai chữ Văn Thân làm tôi rùng mình. Tôi cắn ghì lấy môi Ngọc Trản không cho kể tiếp. Mùi nắng dậy ở đầu lưỡi Ngọc Trản, tôi cắn vào nghe gió Lào thổi từng luồng phừng phựt. Rơm ở chỗ nằm đâm vào người tôi với Ngọc Trản như kim chích. Tóc vướng rơm, ngực vươn trái sữa, thân mình Ngọc Trản nhỏ bằng bàn tay, vết thương con gái còn bọc da non, đỏ hồng. Tôi lấy móng tay cào cho lưng Ngọc Trản chảy máu, để được uống những giọt máu son của Ngọc Trản vừa chảy vào đời mình. Gió Lào tát hơi lửa lên mình Ngọc Trản, cháy lan lan, hai cườm tay quỷ quái của Ngọc Trản đưa lên siết cổ tôi mạnh y hệt như hôm nào lão Chu ghịt đầu tôi nhúng xuống sình. Ngọc Trản khác Ngự ở phong cách, Ngự ngây thơ, Ngọc Trản tinh nghịch, không bao giờ chịu nằm yên lúc giao hoan. Qua kẻ rạ, tôi trông thấy bước chân chú tiểu cầm dùi dộng vào mặt trống đồng. Tiếng trống chùa hắt dội vào ngực Ngọc Trản nẩy lên cằm tôi tiếng nấc bật kêu lạc phúc. Lạc phúc? Cuộc đời ? Lão Chu thét: Tau đã tìm ra cuộc đời! Mi coi tau tìm ra cuộc đời! Lão Chu chồm vào trong đống rạ chỗ tôi đang nằm truy hoan với Ngọc Trản. Lão dí đầu, thè lưỡi, đặt một con mắt lão lên bụng Ngọc Trản, thả nốt con mắt còn lại vào mặt tôi. Tôi tưởng lão lại sắp hóa cuồng vì thấy tôi trần truồng bên cạnh Ngọc Trản, nhưng lão Chu chỉ cười khe khé, dáng điệu ở trên tột đỉnh của sung sướng mãn nguyện. Lão Chu rút đầu ra, lao vun vút về làng Sình, lão vừa chạy vừa cất tiếng hét: «Giô án nà! Giô án

nà!» Tiếng hét của lão Chu mau lắm, nắng đuổi không kịp, rơi rớt lại tràn lên mình Ngọc Trản. Tôi bở ngỡ với cái thứ âm thanh lạ lùng, nửa kỳ quặc, nửa chói tai mà lão Chu vừa phát âm. Lão Chu học ở đâu thứ âm thanh kỳ lạ đó? Lão đã thật sự tìm thấy cuộc đời ở bên kia biển chăng? Hai bàn chân Phật, mười ngón chân bồ tát hiện ra trước đống rơm. Tia mắt sư ông trợn ngược trên thân thể Ngọc Trản, tia mắt đám sãi đuối lờ đờ khát vọng. Tôi quờ cào quần áo, kéo Ngọc Trản nhảy ùm xuống ao, bơi cắm mạng sang bên kia bờ. Những cuống sen xanh mát rượi, những lá sen mượt mà trải rộng như những lát chiếu hoa điều đỏ nắng, che chở cho tôi với Ngọc Trản trốn Phật Thích Ca. Nước hồ lạnh mát. Trong vắt. Ngọc Trản lặn thât sâu, tóc bềnh bồng như vi cá. Lúc tôi với Ngọc Trản trồi lên giữa những đài sen nhụy vàng óng ánh, sư ông và các sãi đã về chùa, chỉ còn âm vang của tiếng hét lão Chu «Giô án nà!» váng âm rơi vỡ rợp trên những tàu sen chật mặt nước. Cả một đầm sen xanh ngắt, run rẩy lay động. Các cuống sen cong búp, như thể tiếng kêu của lão Chu làm chúng sợ hãi. Từng hột nước, từng hột nước chảy lăn trên mình Ngọc Trản. Tôi cuối xuống vết thương giữa bụng Ngọc Trản còn nở ngát, hai đứa nắm tay nhau chạy bổ về làng, từ đầu lũy tre, người ta đã xì xầm bàn tán tin lão Chu gặp gỡ kẻ lạ.

Lão Chu kể oang oang, dưới nắng chan chan lão nói với mọi người là lão đã tìm lại được «cuộc đời». Những kẻ lạ đến từ bên kia biển lớn cho lão biết: Rằng bên kia đại dương có một người con gái mắt xanh hơn ngọc, tóc vàng hơn tơ, da trắng hơn tuyết, bằng lòng lấy lão làm ông giôn. Hỏi lão có thuận hay không? Lão thuận hay không? Lão Chu mừng quýnh! Lão té tát tươi tả trả lời: Lão thuận! Lão thuận! Lão Chu quýnh quáng lấy tiền dành dụm, những đồng Thông Bảo quý giá mà lão nâng niu, chắt chiu, bỏ trong rương, bỏ trong ruột, chôn dưới đất. Lão đào lên, đào lên, những đồng Thông Bảo nặng chịch sức lao động của mấy trăm, mấy nghìn bức họa mà lão Chu đã vẽ bán cho mọi người, lão đào lên trả công cho kẻ lạ đã đưa tin đến. Vợ lão tên chữ Giô-an-na, nhưng lão Chu thích gọi lãnh lót yêu thương là Giô-án-nà. Giô-án-nà có mái tóc vàng kim óng ả, mắt xanh màu lục lấp lánh ngọc quý và da trắng mịn hơn tuyết phủ trên đỉnh những ngọn núi ở bên Tàu. Lão Chu không ngớt nhắc đi, nhắc lại các chi tiết ấy. Lão hãnh diện vô ngần. «Cuộc đời» bên kia biển của lão cực kỳ đẹp đẽ. Cuộc đời bên kia biển tuyệt lộng lẫy, mà gặp ai lão Chu cũng khoe khoang kể lể. Lão chỉ không nghe thấy những tiếng xầm xì, rì rầm sau lưng lão.

Lão Chu bắt đầu nhảy múa trên những đường mương quanh mặt ruộng. Lão say ngất ngưỡng, một tay hồ rượu, một tay đánh quạt, lão phe phẩy điệu múa thỏa mãn. Giọng lão Chu nghêu ngao đầy khoái lạc: «Giôôáánnàà!». Cái bóng lão Chu tắt, cái bóng lão Chu hiện, chiếc bóng lão vờn vờn thoắt thoắt tắt hiện đi tìm kẻ lạ. Ngọc Trản tinh như quỷ, rủ tôi đi rình lão Chu. Nắng hầm hầm oi oi, nhễ nhại lửa cháy ngoằn ngoèo mặt biển lấm tấm đầy dấu chân lão Chu dẫm trên cát. Nắng thêu khắp rừng dương, đổ xuống chỗ tôi với Ngọc Trản núp. Nắng dữ dội vậy mà tay chân Ngọc Trản lạnh tướp mồ hôi vì hồi hộp. Trống cũng đánh trong bụng tôi quặn ruột, tiếng trống ngực dội kinh hơn tiếng trống cửa Ngọ môn. Từ biển lớn, ngược nắng chói lòa, vọng tiếng khoắn nước của mái dầm to bản bơi rẽ vào bờ. Kẻ lạ đến từ một khối nổi sừng sửng mọc nhú lên giữa biển cả. Gót giày của kẻ lạ lún bì bạch trên mặt cát. Bỗng chốc tôi hiểu tất cả! Những chiếc nón rộng vành to như cái mâm, những đôi ủng cao tới háng, muốn liếm bẹn: Thì ra chính là bọn lái Bồ Đào! Những tấm áo choàng của bọn lái buôn Bồ Đào Nha bay phập phùng uốn éo trên sóng biển, rồi rũ đứng trước mặt lão Chu. Gió đưa câu chuyện trọ trẹ giữa lão Chu với kẻ lạ mất, còn: «Vợ ngươi đã hạ sinh được một bé gái đặt tên cho nó là Ô-rô-ra! Ô-rô-ra, ánh mặt trời bình minh!» Tiếng hú lão Chu re ré vang lừng biển lớn. Tiếng lão cúi đầu lạy tạ, mở túi tiền, trút những đồng Thông Bảo chót cùng của đời lão trả cho bọn lái Bồ. Tiếng đồng thau chạm vào nhau loẻng xoẻng, tiếng kêu thương bát ngàn rừng dương của lão Chu. «Ô rô ra! Ô rô ra!» Lão Chu chết lịm đi vì hạnh phúc của đứa con gái mới sanh bên kia biển. Bọn lái Bồ Đào căng áo choàng gói tiền Thông Bảo của lão Chu lại, chúng trở ra khơi, hẹn lần đưa tin khác. Trên bãi cát chỉ còn lại một mình lão Chu đơn độc nhảy múa, và một cái bóng nữa, cao lớn dị thường. Chiếc bóng lạ của kẻ lạ đứng im lìm từ nãy chờ đợi. Ngọc Trản đeo cứng lấy tôi: «Ai mờ dị rứa? Ai mờ dị rứa? Răng lão Chu khôn về đi, lão còn muốn cái

chi?» Tôi lắc đầu chịu, không biết. Giải lụa đỏ buột quanh bụng kẻ lạ bay phất phới, tung giật, thướt tha cùng với thân vải đen phủ chùm kín đôi chân. Nếp vải chùng cứ gợn lên, trôi bập bềnh dọc theo mặt biển lưa thưa gió. Tôi với Ngọc Trản nhìn say mê kẻ lạ. Mà lão Chu cũng bất động. Ánh sáng ngời ngời từ mặt trời giăng sau lưng kẻ lạ làm sáng lừng bãi cát. Ngọc Trản nén tiếng kêu, tôi nén tiếng thở, kẻ lạ thong thả, từ tốn, chậm rãi trao cho lão Chu một cuốn sách và một vòng tràng, rồi răn dạy: «Hãy tạ ơn Thượng Đế đã ban ân phước cho ngươi là tôi tớ của Ngài! Ta là đường đi, lẻ thật và sự sống, chẳng bởi ta, chẳng có sự sống đời đời!» Lão Chu phủ phục ngay xuống. Kẻ lạ chậm rải vốc từng vụm nước biển rưới lên đầu lão Chu. Từng vốc nước rơi thánh thót, nhễu bay. Tôi vụt hiểu. Tôi đã chứng kiến cảnh tượng này ở Hải Phố: Kẻ lạ chính là một giáo sĩ! Lão Chu đang chịu phép bí tích! Người tôi run lên, những thớ gân co giật liên hồi làm tứ chi lẩy bẩy không sao điều khiển được nữa. Những giáo sĩ đang bị triều đình truy nã, ai quan hệ thì lụy vào thân. Tôi kéo Ngọc Trản vùng chạy. Mây rượt trên đầu, nắng đuổi sau lưng, gió cản mặt, cát xiềng chân, những bài kinh La ngữ của giáo sĩ réo gọi. Ngọc Trản cuống cuồng ngã ngồi, tôi lôi dậy bắt chạy cho xa, thật xa tai họa. Biển gầm ở phía sau, sóng đập vào óc não tôi tê rần vì sợ, chân vấp đá, gối va vào cây, vai cứa gai, lá chém mặt. Trong nỗi sợ hãi bừng bừng, tôi với Ngọc Trản ngã lăn xuống triền đồi cát lún, cả một khoảng trời lõm trong ngần mây trắng đương tụ lại ở động cát. Ngọc Trản thở hào hển, mồ hôi ứa ở màn tang, tuôn xuống mắt mũi miệng cằm bắp tay bắp chân đùi ngực bụng trây vàng cát. Lẫn trong những bụm cát vàng ngập miệng, ngập trí não, tôi cũng còn đủ tỉnh táo để hiểu lão Chu đã đem vào làng Sình một Thượng Đế mới.

*

Lão Chu ba lần lên hầu quan. Quan bắt lão giải thích quan hệ với giáo sĩ. Lão Chu nhận. Quan bắt lão bỏ đạo, lão Chu từ chối. Ba lần quan sai lính nọc lão ra đánh. Lính đánh đòn thù, gậy táng vào mặt, roi quất xối xả vào người, kềm bẻ ngón tay, búa đập dập chân, nhưng cả ba lần lão Chu đều không chết. Lão Chu không thể chết, thân thể lão có sức kháng cự phi thường. Lão Chu đã bất tử. Mùa hè đỏ rộ nắng Lào đi qua, lão Chu được thả về, lão cười ré lên hãnh diện: Tau khôn có tội, ngôi thứ ba chứng giám cho tau! Lão Chu cười ha hả. Người lão tàn dại, tay chân bầm dập, mắt mũi tan nát, xương sườn chằng chịt thẹo, song lão Chu bừng bừng sức sống. Người ta bu quanh lão. Một kẻ hỏi: Ngôi thứ ba là cái chi? Răng ngôi thứ nhất, thứ nhị ở mô? Lão Chu nghe hỏi, ngửng phắt lên, lấy ngón trỏ chỉ lên trời: Ngôi thứ nhất là Thượng Đế của lão. Ngôi thứ hai là con Ngài đã xuống thế gian chịu chết thay cho lão, và ngôi chót là ngôi thứ ba giữ mình cho lão! Cái giọng ụa hơi khế chua, mắt sắc như thép nạo, móng tay nhọn như lưỡi câu của lão Chu làm người ta sợ. Mọi người dạt lối cho lão đi, song mọi người cũng khâm phục lão. Lão Chu là cái thứ chi mà Thượng Đế phải cử con Ngài xuống chết thay cho lão? Lão đóng đến chức chi ở trên trời? Lão Chu cười khè khè: Giô án nà! Giô án nà! Lão đã về đây! Ô rô ra! Ô rô ra! Bọ đã về đây!

Lão Chu xộc vào nhà, dắt vợ con dạo chơi. Người lão Chu như mọc cánh, bay là là lướt trên những lẫm lúa khô, từng cọng lúa nặng trĩu hạt, mọc vươn muốn níu chân lão. Mọi người đổ dồn chạy theo xem lão Chu tung tăn lượn trên mặt ruộng. Hơi nắng rươm dầm dề quanh người, phông nắng chín vàng càng làm nổi bật tấm thân thương tích của lão chờn vờn, ngả nghiêng, xiêu vẹo. Lão Chu giang tay như thể đang dắt tay vợ con lão thật. Mỗi bận gần chạm một ngọn cỏ lau cao hút đầu, lão lại giật giật khuỷu tay như nhắc đứa trẻ lên tránh khỏi bị tranh cắt. Lão Chu cứ tiếp tục cái điệp khúc : Ô rô ra! Giô án nà! «cuộc đời» của lão.

Triều đình thôi không còn dám bắt lão Chu nữa, mà để yên cho lão an hưởng hạnh phúc, không phải nể vì Thượng Đế của lão, nhưng vì những thế lực bên kia biển mỗi ngày một mạnh. Chiếu dụ cấm đạo thôi còn hiệu lực.

Dạo đó lão Chu đã quên hẳn mất Ngự. Lão quên sự hiện diện của tôi trong cuộc sống lão. Tôi làm gì? Yêu ai? Muốn ngủ với Ngọc Trản lúc nào, ở đâu, trước mặt hay sau lưng, lão Chu cũng mặc. Lão chỉ biết đòi lại chiếc giường mây của Ngự, để dành cho Ô rô ra và Giô án nà của lão từ bên kia biển trở về ngủ. Lão Chu trải nệm hồng thúy thơm tho mùi xạ, nhưng mặt giường mây thì cứ trống ngắt. Ngọc Trản trổ mã với cơn mưa tầm thu trở lại đất Thuận Hóa.

Cái khối nước trắng mờ ngày xưa giăng trên tóc Ngự, kéo về gieo xuống rưới lên mình Ngọc Trản, mỗi bận Ngọc Trản tắm mưa, da thịt nẩy nở giống cuống hoa dú mình bung cánh đẹp lạ thường. Tôi bảo lão Chu lấy Ngọc Trản làm lẻ, song lão không ưng thuận, lão còn biết gì nữa ngoài mối tình vượt đại dương? Đêm đêm tôi nằm với Ngọc Trản, nghe lão Chu ngâm khe khẽ: ngày sáu khắc tin mong nhạn vắng, đêm năm canh tiếng lắng chuông rền... Lão Chu chờ cái ngày Giô án nà đưa Ô rô ra về thăm lão. Lão Chu đợi và tôi cũng đợi.

*

Phong trào Văn Thân có một năm phừng lên mãnh liệt. Nhắc đến Văn Thân là người ta nhắc đến ái quốc, mà cũng nhắc đến đầu rơi, máu đổ, tương tàn. Ai ở làng Sình nghe hai chữ Văn Thân cũng sợ. Chỉ có lão Chu là không sợ. Lão nói con thượng đế đã chết thay cho lão, lão không chết nữa. Ngôi thứ ba giữ mình cho lão, thì lão sợ thứ chi? Lão sợ chi? Lão Chu cười hăng hắc, xối xả. Tiếng cười khật khùng, điên dại của lão Chu trêu ghẹo Văn Thân đang tàn lụi dần, yếu ớt hẳn đi trước ảnh hưởng vũ bão, mỗi ngày một lan rộng của Tây phương. Lão Chu tin mình đã theo đúng chiều mạnh của lịch sử.

Nhưng cái đêm mà thằng Hiểm trở về làng, trán thích hai chữ Văn Thân, ngực xăm hình trống đồng Đông Sơn, thằng Hiểm không có vẻ gì là yếu ớt. Nửa đêm trăng sáng, thằng Hiểm đạp tung cửa, rạch mùng, vác mã tấu chém đôi mình lão Chu. Đôi cánh tay thằng Hiểm cuồn cuộn bắp thịt, ngực nó nở, sô vai nó dầy, thằng Hiểm điểm mặt lão Chu thét: Việt gian! đền tội! Rồi nó bổ phập xuống. Thằng Hiểm chém xuống, chém tới đâu lạc đứt, cột gẫy, mái đổ. Bản thém sáng lạnh trên tay thằng Hiểm giống trận cuồng phong quét ngang mình lão Chu, tưởng đứt làm đôi, tưởng nát thịt, tan xương. Gió đêm rào rào qua mái, gió thổi thốc vào nhà, gió đưa hơi thép của thanh mã tấu rờn rợn buốt thấu tủy. Tiếng gió giống tiếng gào của Thượng Đế ở đất Thuận Hóa nổi giận sai thằng Hiểm trừng trị lão Chu. Song lão Chu cũng có Thượng Đế của lão. Tấm thân ngỡ tàn phế của lão coi vậy mà nhanh như cắt, lão lăn xuống đất tránh thanh mã chặt bửa đôi chiếc giường tre. Thằng Hiểm lại hươi mã, hai bắp đùi lão Chu búng phắt lên, bẩy thân mình lão bỗng mềm dẻo giống thân báo nhảy thót lên mặt bàn. Thằng Hiểm trở đà dao chém nát mặt bàn, làm lão Chu té ngửa ra bếp. Ngọc Trản rú lên sợ hãi, còn tứ chi tôi tê liệt nằm chết cứng ở ổ rạ. Khuôn mặt thằng Hiểm lầm lì, dễ sợ, nó quát: Việt gian! Trả nợ máu! Rồi lại chém xuống nữa. Hai bàn tay thằng Hiểm cầm chắc cán mã, đừng tưởng thằng Hiểm chậm, nó nhanh kinh hồn, lão Chu vừa chụp lấy nan thép khợi lửa, nó đã chém bay tạt đi. Lão Chu túng thế giật thanh củi đương cháy dở chích vào giữa mặt thằng Hiểm mong lửa làm nó lóa mắt. Nhưng thanh mã tấu của thằng Hiểm đã chém vỡ vụn đầu củi, tàn lửa văng tung tóe, những đốm than hồng cháy xòe đôi con ngươi thằng Hiểm đỏ dừ. Lão Chu lồng lên, lão thét: A! Mi giỏi! Mi dám giết chiên của Ngài! Quỷ bắt mi đi! Lão Chu chưa kịp thốt gọi tên Thượng Đế của lão thì thằng Hiểm đã chém phụp tới, bản thép sáng lóe phạt ngang bụng lão Chu, từ cái đường cắt mỏng thịt da lão Chu bỗng vỡ ào đổ ra, máu phụt thành vòi lia tia phun tứ phía. Ngọc Trản kêu rú lên úp mặt vào lòng tôi kinh hãi, tôi cũng kinh hãi, nhưng không sao xoay được đầu đi chỗ khác. Hai cánh tay lão Chu cào cấu, bơi cuống cuồng trong không khí, cằm lão bạnh ra, mắt trợn ngược thất thần không hiểu vì sao ngôi thứ ba không giữ mình cho lão? Lão Chu ngã ngồi xuống đất, mười ngón tay cố đỡ chùm ruột đương lòi ra, song lão kiệt lực ngã gục mặt vào đống máu bất động. Thằng Hiểm từ từ quay lại nhìn tôi với Ngọc Trản. Sắc mặt nó lạnh như lưỡi thép biếc ngời vết máu. Chúng tôi khiếp đảm vái lạy thằng Hiểm. Tôi với Ngọc Trản chắp tay xá không ngừng, như hôm đi đưa ma con vợ thằng Hiểm, tôi cũng chắp tay xá vong. Có lẽ thằng Hiểm bắt gặp lại hình ảnh đó, nhớ lúc hạ quan tôi cùng phụ với nó lắp đất cho người khuất mặt, nên chùn tay do dự. Lão Chu đã ngồi dậy, mắt lão đầy tròng trắng, thằng Hiểm không thấy, lão đứng sau lưng với cây đòn gánh, hươi cao, rồi quất xuống thật mạnh, lão Chu quất liền tay xối xả tàn bạo, man rợ vào sọ thằng Hiểm. Lão Chu quật tới tấp điên dại, không kịp thở cho tới lúc thằng Hiểm chỉ còn là một đống thịt bầy nhầy dẫy giụa. Ngọc Trản rú lên từng hồi, tiếng gió rít giữa đêm khuya khoắt lẫn vào với tiếng sấm làm mưa kinh hoàng.

Lão Chu bắt tôi với Ngọc Trản lôi xác thằng Hiểm ra bờ sông, buộc đá thả xuống. Mưa ướt

mặt, sình bết chân, tôi với Ngọc Trản khó khăn lôi thằng Hiểm. Xác nó như các trâu nặng chịch. Ngọc Trản vừa kéo vừa khóc, tâm thần tôi chết đi sống lại, bị khủng bố bởi cảnh người Thuận Hoá giết người Thuận Hoá. Nhưng thằng Hiểm không chết, nước sông đêm mát lạnh làm nó tỉnh dậy, vùng vẫy tháo dây bơi tìm sự sống. Thân thể thằng Hiểm quẫy sóng chìm vào tâm tích của mặt sông. Thằng Hiểm không chết, Văn Thân không chết, chỉ tan vào lòng đất Thần Kinh mai ẩn rình rập.
Lúc tôi với Ngọc Trản ôm nhau ở bờ sông về, lão Chu đã tự nhét ruột gan vào bụng, và tự khâu vết thương lại. Lão nằm trên chiếc giường mây của Ngự, mắt nhắm nghiền, miệng lảm nhảm đọc những bài kinh La ngữ. Trong cái đêm rùng rợn đó, tôi đã tin lão Chu không bao giờ có thể chết. Lão đã biến thành một sinh vật bất tử, bởi niềm tin vào cuộc đời.
Vậy mà lão Chu chết. Lão Chu chết ba tháng sau khi thằng Hiểm chém lão, khi vết thương ở bụng đã lành, đã kéo da non, lão đã đi đứng được. Lão Chu chết giữa mùa đông, mưa trắng trời, trắng đất. Tôi khóc hết nước mắt, Ngọc Trản khóc khô giọng, đám ma lão Chu chỉ có mỗi mình tôi và Ngọc trản với giáo sĩ đi đưa. Lão Chu yên nghỉ ở ngoài làng Sình, trên đường đi Vĩnh Lại. Có ai ngờ lão Chu chết? Tôi chém lão không chết, sét đánh lão không chết. Vậy mà cái hôm bọn lái Bồ Đào trở lại đưa tin: Vợ con lão ở bên kia biển, Giô án nà và Ô rô ra đã lâm trọng bệnh chết rồi, lão hãy để tang đi! Lão Chu khóc rống lên, thổ huyết ồng ộc, máu vãi ra đất, máu đẫm trên cát, máu nhuộm biển, máu đặc sánh một mặt đại dương đen thẫm. Và lão Chu chết. Suốt đời, chưa khi nào tôi chứng kiến một cái chết kinh khủng như vậy. Mưa bay nghiêng linh cữu hôm động quan. Giáo sĩ không cho thắp nhang, chỉ cho đốt đèn cầy, nên đám tang ảm đạm lạnh lẽo. Tôi với Ngọc Trản oằn vai gánh quan tài ra tới huyệt mộ. Giáo sĩ đi trước, chốc chốc vẫy vào hai bên mặt ruộng những giọt nước phép. Nước phép nhễu vào đâu thấm loang loang đến đó, như dấu ấn của vị Thượng Đế mới ấn vào đất Thuận Hóa.
Ở làng Sình, cái chết của lão Chu gây ấn tượng rất mạnh. Các mụ kháo nhau rằng lão chết bởi chứng lạ, song tôi, tôi biết lão chết vì bệnh khát vọng. Tôi chờ giáo sĩ đi khuất, vập đầu khấn: Lão Chu sống khôn, thác thiêng, đừng về quấy rầy tôi với Ngọc Trản, đừng bắt ai phải chết giống lão. Nhưng lão Chu sống không khôn, thác không thiêng, lão không chịu nghe lời khấn của tôi. Hết mùa mưa, Ngọc Trản bỏ tôi lên sống trên kinh thành Huế. Mai trắng ở Huế, mọc quanh hồ Xung Khiêm Tạ có đẹp bằng mai trắng mọc rưng rức quanh làng Sình hay không? Hở Ngọc Trản? Sao bỏ tôi đi? Tình yêu tôi không đủ thắm hay Ngọc Trản cũng đi tìm quyền quý như lão Chu đã khát vọng? Mà lão có tìm được đâu? Mà người ta sau này chết giống lão?
Những cái chết sau quá khứ về sau vẫn tiếp tục tiếp diễn mãi cho đến tận bây giờ. Những cái chết trên biển, bên kia biển, và bên này đất liền. Tôi mãn tang chồng, mãn tang lão Chu, rồi tiến thêm bước nữa. Lập gia đình hạ sanh thêm một đứa con gái. Tôi sống sót bằng cách hạ sanh một đứa con. Đứa con gái không đẹp bằng Ngự, song tôi cũng say nó như ngày xưa tôi say Ngự. Mưa ở Thuận Hóa vẫn trắng trời, trắng đất và kéo dài mãi cho tới tận bây giờ. Những cơn mưa của khát vọng vỡ trong suốt trên những cánh đồng bạt ngàn gió chướng.

Gia phả

Tôi đi ở cho tộc Trần từ lâu lắm. Từ cuối đời Lý. Lúc Trần Thị chỉ vừa cắt nhau. Đêm tháo thai, sống cảnh sinh nở đầu đời nên tâm hồn tôi ngập kinh hãi. Máu từ cửa mình vợ Trần Lý chảy xối, bắn phun tung tóe như bát canh rau dền rơi vãi trên đất. Thứ canh đỏ thẫm, lợn cợn những nhau, thịt, chất nhờn. Trần Thị giẫy, vùng, đôi tay chới với cào cấu vươn tới trong động tác nắm tìm sự sống. Đã biết đi vào đời là đi vào khổ đau, nhưng tôi cũng không ngờ khổ đau to lớn tàn phá đến rách bươm cửa mình vợ Trần Lý. Mỗi cái quẫy mình là mỗi một vũng máu, trào ra, trào cho đến đầy thau. Máu bê bết chẳng khác một pháp trường.
Cánh tay mụ đỡ đưa cao lắm. Cánh tay lần những sợi gân oan nghiệt. Miếng chai cắm lùi

trong than hồng đỏ rực. Loại miẻng chai sắc cạnh, bén nhọn chỉ dùng cho mỗi thứ công việc đành đoạn là cắt cổ người, hoặc nhẹ nhàng lắm: thọc huyết heo. Vợ Trần Lý co rúm như con lợn lôi ra sân bếp. Tôi nhắm mắt, đã hiểu mình sẽ không bao giờ lớn. Trần Thị mất mẹ ở hành động cưỡng ép chối bỏ tình mẫu tử đó. Cuống rốn nắm trong tay mụ đỡ hiểu được số mệnh, vùng vẫy, cựa quậy, tháo thân, cuống rốn như con rắn nước liều lĩnh kháng cự trước lúc bị chặt đầu. Miẻng chai xắn xuống, xắn xuống, cứa mãi, thịt rách, gân đứt, máu phụt, vợ Trần Lý căng, đạp, thét la oằn oại gào trong mất mát. Trần Thị bật khóc, tiếng khóc đầu tiên vỡ òa khi cuống nhau nối mình vừa đứt. Máu tiếp tục phun. Nước mắt tôi chảy cho Trần Thị: Vào đời giữa máu me hung bạo.

II

Tôi về ở cho tộc Trần, như thế, từ sau đêm máu me ấy. Tộc Trần là một tộc lớn, ngự trị khắp phủ Xuân Trường. Hiếm ai ngờ một dòng họ còn sót lại từ thời Bắc Tống, kéo xuống lập nghiệp phương Nam khởi đi từ nghề đánh cá nhỏ mọn, sau một trăm năm lại hùng mạnh chừng ấy. Ở cho một gia tộc quyền thế, song công việc của tôi cực nhàn nhã. Ngày ngày theo chân Trần Thị, lẫm chẫm quanh vùng Hải Ấp, rồi lớn dần chạy nhảy bên bờ sông Thao. Trần Thị lớn vụt lên như lẫm lúa bát ngát mênh mông của tộc Trần. Sức sống của con sông Thao cuồn cuộn chảy buông mênh mang về Phú Thọ, cũng chở mang sắc đẹp của Trần Thị. Mỗi dòng sông ở đầu thế kỷ 13 mang một vẻ đẹp riêng, nhưng sông Thao mang vẻ đẹp của đất nước.

Nhưng nếu tôi không bao giờ lớn, ở lại mãi mãi cái đêm sinh nở tàn bạo, thì Trần Thị trổ vươn như nhành lúa bắn mình đẹp đẽ. Nhành lúa đẹp tựa một ánh chớp sánh bừng rực rỡ, ửng hồng giữa bầu trời tối tăm tàn tạ cuối triều Lý. Chưa ý thức, song Trần Thị thường nắm tay tôi nhìn đăm ra khoảng sân sau, khoảng sân huyễn hoặc, lót đá vân lọt thỏm giữa lòng nhà lưa thưa nắng. Những tia nắng kỳ ảo lấp lánh lăn quăn khắp bức tường loang loáng vẽ nghìn tia ngũ sắc ngời ngời óng ả phản quang không ngớt trên mặt vại nước. Trần Thị kéo tay tôi ngồi xuống. Chúng tôi ngồi sát nhau tưởng chừng có thể nhập làm một, như thể tôi với Trần Thị chỉ là một - một người con gái nhiều giờ liền ngắm bức tường say mê. Nắng nung những ước vọng thầm kín trong tôi, còn khoảng tường vạch lên trước mắt Trần Thị vị trí của tộc Trần. Có lẽ trưa đó, Trần Thị cũng bắt đầu nhận biết vai trò của mình trước lịch sử khi đối diện khoảng tường soi nắng ấy. Nắng soi như chưa bao giờ được soi xuống từ mảnh ngói vỡ vàng chóe, lập lòe, rũ màu sắc, buông thả từng đường, từng mảng, từng cánh tay ôm choàng ngang bức tường rêu cũ kỹ xanh ố mờ thời gian. Cả bức tường vụt sống. Cả thời gian cũng vụt trỗi mình quẩy cuồng sáng lóa trong khóe mắt Trần Thị. Tiếng nước rỏ xuống sân nghe váng âm hắt dội giữa trưa vắng tịch mịch, chợt vang vang thành bước chân của những tên khổng lồ đuổi bắt thời gian. Thời gian của thời đại hay của định mệnh ? Gã khổng lồ mang thân xác tên tuổi tộc Trần - tôi rùng mình nhớ tới Thủ Độ - Trần Thị cũng rùng mình lúc tôi cởi cúc, tuột áo, bắt đầu múc nước từ bồn chứa xối cho Trần Thị tắm. Những ngón tay tôi xoa nắn, những ngón tay Trần Thị nắm lại. Mặt đất nở hoa. Không khí thơm sữa. Trần Thị khép hờ mắt, chỉ còn thân xác hiến dâng trọn vẹn. Tôi đuối vào giữa ngực Trần Thị, ngỡ mình sẽ hưởng những dòng máu chảy ấm bên trong, sẽ ôm lấy vào lòng thịt da run rẩy, sẽ ấp ủ thân thể trắng trong mềm nõn. Dưới trần mái âm u không tiếng động, ngón tay tôi ngẩn ngơ mê mẩn, những ngón tay Trần Thị chậm lắm níu chặt, kéo giữ bàn tay tôi ở lại, thúc hối nhịp nhàng nhịp nhàng từng khắc từng khoảnh khắc van lơn nài kéo. Tôi mê man xoa nắn, mân mê âu yếm. Trần Thị khép mở đùi rồi thõng hai tay ngửa mặt buông cho thể xác tận hưởng chút thiên nhiên mỏng manh đang lọt vào tòa nhà. Từng đốm sắc xanh mờ tối, nhảy múa lung linh như có lân tinh, tôi hôn tới đâu đốm sáng bốc thành ngọn lửa phụt cháy. Tôi nuốt lửa cuồn cuộn trên ngực Trần Thị nghe vang vang tiếng nước chảy róc rách, nhưng không chỉ có tiếng nuớc mà bất chợt tiếng đập cánh của bầy quạ đen thất thanh ầm ĩ trên mái vùng bay. Trần Thị giật mình bấu lấy tay tôi thảng thốt:

- Chị Đào! Thị sợ!

Mình mẫy ướt đẫm, tôi cũng sợ. Nhưng không phải nỗi sợ hãi vu vơ của cánh quạ đen tuyền đập phần phật quýnh quáng âm động giữa không gian vắng. Nhưng là nỗi sợ hãi sâu chín hun hút từ thịt da trắng ngần trong trẻo của Trần Thị như có nạm ngọc. Mỗi một hột nước là một hạt trân châu óng ánh không bao giờ tắt. Cánh tay tôi cứng sững không dám vươn tới, không bao giờ chạm vào được thân Trần Thị lõa thể đứng tắm giữa sân. Qua mí mắt Trần Thị tôi đã hiểu: Bức tường choáng ngợp. Rõ ràng Trần Thị không thuộc về tôi, nhưng thuộc về khoảng tường xây đắp hơn một trăm năm của tộc Trần. Bức tường đối diện, sừng sững, ngạo mạn đầy uy quyền đời đời không bao giờ sụp đổ. Cả tiếng nước rỉ, võng âm như bước chân của gã khổng lồ man dại chạy sấm sẩn sầm sầm cũng trở nên đe dọa... Nắng nghiêng dần, bức tường lùi vào bóng tối, tới lúc những giọt nắng cuối cùng từ trong gáo nhiễu bay thánh thót chạm đất, vỡ toang trên nền đá ẩm, thì hai chúng tôi mới bừng tỉnh. Khoảng tường cuốn hút kỳ lạ. Bở tường ủ ê hâm hấp. Bàn tay tôi trơ trẽn, buông vội tiếc rẻ vuông ngực trần mơn mởn, đầu vú nhọn nhú lên xuôi mềm mại tròn trĩnh trắng muốt thắt hẹp ở hông rồi lại nở vung ôm chặt lấy đáy thân Trần Thị. Trần Thị cắn môi nhìn tôi bẽn lẽn, một tiếng trống chùa vang xa nhắc nhở...

Tắm xong, tôi lấy xiêm áo cho Trần Thị thay. Vải lụa tím ngà thêu những nụ thủy tiên thôi còn e ấp, nhưng bắt đầu nở. Trần Thị xỏ ống tay áo, khép vạt, chéo áo lập lòe bâng quơ rộn ràng đàn bướm vàng rực. Trần Thị xoay mình ngắm, vạt áo xòe rộng ở gót chân, trong gương váy áo phập phồng phơi múa giống chiếc đuôi của loài công làm đẹp cho cơ ngơi tộc Trần. Tôi không khỏi ngăn mình liên tưởng Trần Thị cũng là một con công, song không phải một loài công nuôi, mà là thứ công để thịt. Chẳng phải ngẫu nhiên mà có câu tục ngữ: nem công, chả phượng. Trên đất nước này, loài vật đẹp đẽ nhất, cũng chỉ phục vụ cho một mục đích phàm phu nhất.

Chúng tôi bước ra gian thờ. Trần Thị nhắc tôi khép cửa. Căn buồng đóng lại, chỉ còn hương thơm thoang thoảng theo dấu chân Trần Thị. Công việc của tôi ngoài nuôi nấng Trần Thị, còn được giao trọng trách chăm sóc bàn thờ. Thứ trọng trách mà tộc Trần chỉ giao cho kẻ bất lực, không có khả năng chống đối, lật đổ tham vọng. Mỗi ngày tôi với Trần Thị quẩn quanh, chữa lại một cành vạn thọ cắm không ngay, treo thêm những vòng nhang xoắn, đốt cho khói hương không bao giờ đứt. Bột nhang vàng lấm tấm, tàn nhang cong oằn, tôi quét dọn tro than không ngừng rơi xuống. Trần Thị hay phụ tôi xếp những trái vải đỏ mọng, xoay những quả cam Bố Hạ phơi mặt vàng óng, rồi lau khắp lượt những mặt người quá cố. Chân dung Trần Kính vẽ bằng than chì như hãy còn sống, nhìn thèm muốn từ bắp chân Trần Thị lên quá đùi. Con ruột Trần Kính là Trần Hấp, cha đẻ của Trần Lý cũng nhìn Trần Thị như thôi miên. Cặp mắt hấp háy của bức vẽ truyền thần tôi lau tới đâu sáng quắc tới đó, muốn hớp hồn, níu kéo từ cổ tay trắng mịn của Trần Thị lục lọi mân mê cho đến tận bờ ngực con gái mềm vun. Tia mắt sờ soạng rờ rẫm. Tia mắt dâm dật ruột thịt. Trần Thị hốt hoảng đánh rơi mâm ngũ quả, những trái hồng quân lăn trên đất chạy trốn. Tôi cũng hốt hoảng bởi hiểu trong cái nhìn ham muốn thèm khát của Trần Hấp đầy dẫy những đòi hỏi chiếm hữu. Trần Thị tung chạy ra cửa, vụt đứng sững ngay lại: Tiếng vó ngựa dồn dập dã man phóng nước kiệu trên con đường đất đỏ bụi mù dẫn đến gian nhà thờ. Tim tôi cũng đập mạnh đứt quãng, cái con người hung hãn nắm vận mệnh tộc Trần đã đến. Yêu Trần Thị nhưng tôi bất lực, thứ bất lực của kẻ ở theo hầu một triều đại.

III

Tôi theo dạy chữ thánh hiền cho Thủ Độ từ tấm bé. Thứ chữ dùng làm đạo. Thứ đạo của người quân tử. Nhưng với Độ, không có thứ đạo nào hơn sức mạnh. Học hết Tam Tự Kinh, Độ không xem tôi như thầy nữa, nhưng coi như một thứ quân hầu đi theo sai việc. Độ sớm phát triển cơ thể. Bắp tay nở nang, bả vai đồ sộ. Phóng đao, đâm giáo, dùng đoản côn, tráng đinh khắp làng Tức Mặc không ai hơn Độ. Sự phát triển của cơ thể chỉ đưa đến gia tăng tính dục. Độ mạnh về đường sinh lý, những chiều đi tập võ về, Độ thường cởi trần trùng trục, đứng trần truồng khoe thân trước đám thôn nữ. Ai không muốn xem, Độ cho tiền bắt xem. Ai bỏ

chạy, Độ rượt theo đánh. Chữ Thánh Hiền lúc đó chỉ còn là một mớ hình dáng tạp nham làm bẩn óc Độ. Có lần điểm mặt Trần Lý, Độ nói không nể nang:
- Ở đời không mưu, không đạt việc lớn!
Trần Lý cúi gầm mặt. Bản chất yếu đuối, trí não không hơn một kẻ đánh cá, Trần Lý không sao trấn áp, tranh được với trí xảo của Độ. Năm Kỷ Tỵ 1209, Độ mười lăm tuổi, mang sức vóc của loài vượn trắng. Trưa quất ngựa theo Độ đến gian nhà thờ của tộc Trần, tâm thần tôi đầy ray rứt của nhà nho bất lực với chữ nghĩa thả mặc dây cương cho môn sinh tìm tội lỗi.
Chiều đó, bầu trời bẩn lắm. Có nắng, nhưng cũng nhiều mây, thứ mây đen tối bao phủ trên nền trời đất nước. Độ thúc ngựa như điên, như dại. Nắng ruổi theo sau hớt hãi. Nhưng nếu nắng cuối triều Lý không đủ ấm, thì khi soi xuống mình Độ lại biến chất. Lúc vó ngựa của Độ rầm rập dẫm vào trong sân thì mặt trời đã trở nên cực hung hãn, mặt trời như có đúc vàng đặc cứng chặt căng trên da mặt Độ phừng phừng lửa giận. Độ thắng ngựa, buộc chặt trước rào. Cả một gian nhà thờ vụt kinh hãi cung kính phủ phục đợi Độ. Đôi mắt Trần Kính sợ sệt trốn tránh. Cặp mắt Trần Hấp nhợt nhạt nhìn lảng vu vơ. Cả một dẫy chân dung cúi gầm mặt không dám ngẩng lên. Anh ruột Trần Thị là Trần Tự Khánh trông thấy Độ cũng vội vã bỏ trốn. Ở đời không mưu không đạt việc lớn. Song Độ không chỉ mưu mà còn có cả sức lực. Tất cả kẻ sống và kẻ chết trong gia tộc Trần đều biết. Độ đá bật cửa, giật mạnh tấm màn gấm che ngoài. Nắng xộc vào hung tợn hơn lũ ăn cướp soi trắng thịt da Trần Thị tái ngắt sợ hãi. Trần Thị luống cuống hỏi:
- Cậu Độ tới tìm tôi?
- Không tìm chị thì tìm ai? Tìm chó à?
Độ gầm. Giọng nói như tên bắn.
- Phải thằng Sam trốn giặc Quách Bốc về đây hỏi cưới chị?
- Tôi không biết!
Trần Thị co rúm mình lùi vào góc nhà. Độ sấn tới, vóc vạc không thua con dã nhân đeo cung kiếm. Sử quan triều sau, với lối chép sử biên niên cổ lỗ, không ai tả được đôi mắt Độ. Đôi mắt của kẻ nhất quyết nắm chức Điện Tiền Chỉ Huy Sứ năm mười lăm tuổi. Trần Thị kinh hãi lùi dần, lùi dần, cho tới khi bị Độ chụp lấp cằm bóp mạnh:
- Có phải chị nhận lời vì thằng Sam là hoàng thái tử ? Có phải?
- Cậu buông tôi ra!
- Có phải?
Độ tát Trần Thị một bạt tai ngã sấp. Máu ứa ra ngoài môi. Trần Thị bưng mặt, Độ đến siết cổ, Trần Thị cố dẫy, búi tóc xổ tung, những sợi tóc đen nhánh đổ vung vãi xuống phần ức trắng. Độ xé toạc ngực áo lột trần xuống tới lưng. Trần Thị gào la khóc lóc thở hổn hển.
- Tôi lạy cậu!
Trần Thị van lơn nhưng Độ không nghe, không ai có thể kềm chế được Độ. Tôi run rẩy đứng chết trân sau cột nhà, không gian đặc quánh nỗi sợ sệt tê điếng, đã hiểu mình không sao giúp gì được cho Trần Thị, đã hiểu chữ Thánh Hiền chỉ là mớ chữ vô dụng. Số phần Trần Thị chỉ có thể do Trần Thị quyết định, nhưng Độ đã nắm lấy tóc kéo lôi đi. Trần Thị giẫy dụa, mười ngón tay bấu sướt trên nền đất cốt trì kéo mà không được. Độ ném Trần Thị ngã ngồi, rồi từ từ cỡi giáp. Hai bắp vai Độ lồi ra đen đỏ màu đồng. Nắng dát vàng khắp lưng bóng lưỡng, Độ đứng xoay lưng nên tôi chỉ trông thấy được những bắp cơ rắn rỏi chạy dọc từ cần cổ xuống gót chân Độ trần truồng thô lỗ. Trần Thị tái mặt. Đôi mắt của Độ dâm dật bệnh hoạn, nhưng cũng đầy thỏa mãn, Độ từ từ quay lại nhìn tôi hỏi:
- Chữ gì?
- Bẩm, chữ nhân.
Tôi lắp bắp. Độ phá ra cười, tiếng cười lồng lộng xuyên xoáy trên nóc nhà, rồi dội hắt xuống. Tiếng cười như có khảm gai. Không phải là Nhân mà là Dục, không phải Dục mà là Trí, không phải Trí nhưng là Dũng. Nhân, Trí, Dũng, Dục, Độ có đủ. Lấy thằng Sam là Trí, ăn ở với hắn là Dục, giết hắn là Dũng. Độ tiếp tục cười khùng khục đứng dạng chân, vươn tay phơi mình nhìn sững Trần Thị trong tư thế nham nhở. Trần Thị nhắm mắt úp mặt vào lòng bàn tay nức nở. Độ

bỗng lầm lì cúi nhặt thanh mã nằm rơi trên nền đất. Tiếng cười im bặt.
- Tộc Lý là con ngựa này!
Độ chỉ con ngựa ô buộc ngoài máng. Tay chân tôi lạnh ngắt, người rã ra trong cơn sợ hãi, tôi đã hiểu Độ sắp làm gì. Độ lại nắm tóc kéo lôi Trần Thị lê lết trên mặt đất bắt nhìn quang cảnh. Hai cánh tay Độ hươi cao lắm, gân guốc, mạnh mẽ. Bản dao sáng lóa, suốt đời chưa bao giờ tôi trông thấy một thanh mã rùng rợn như thế, đôi mắt của Trần Thị mở căng khiếp đảm, đôi mắt của Độ hung bạo, đôi cánh tay vung lên rồi quất xuống bằng tất cả sức lực. Tiếng ngựa rống chói tai. Tiếng vó sắt đập tung như trống nện. Cần cổ con ngựa ô ngập lún bản đao vùng lên, từ chỗ vết thương thịt da máu me đổ trào ra như thác, máu ngập máng, máu lênh láng bắn phun lên nền đất. Tiếng rống khủng khiếp của con vật kêu thất thanh, cố giật ra khỏi rào buộc. Độ đã chém tiếp, thân thể trần truồng của Độ cũng vấy máu chém xối xả liền tay không ngừng nghỉ, mã tấu hươi lên rồi lại bổ xuống, máu tung như sóng, lớp lớp trào trào. Bản thép sáng lòe lòe sắc lạnh. Hình ảnh một kẻ trần truồng chém đầu ngựa trông kinh hãi. Chất thép rờn rợn. Hai chân trước của con vật đã khuỵu xuống, khoảng lưng đen nhẫn lềnh máu. Những móng ngựa nhồi xuống mặt đất chỉ còn là những vẫy vùng tuyệt vọng, thứ co thắt của ruột gan đứt đoạn. Máu ộc ra ở miệng, đôi mắt con vật đứng tròng nhìn trừng trừng lên nền trời bát ngát. Mình ngựa đã xụm xuống, Độ xắn lấy đầu giơ cao. Những ngón tay tôi thâm tím đi vì sợ. Cặp mắt con vật, chính là cặp mắt của Lý Huệ Tông sau này ở chùa Chân Giáo.
Độ bước trở lên thềm, người tắm máu, dáng dấp của tên khổng lồ cuồn cuộn thịt gân. Xét theo sách tướng, Độ có thiên mệnh, nhưng thần sắc lại nửa rắn, nửa rồng. Không làm vua mà lại coi vua. Độ nhìn Trần Thị say mê, vẻ say mê hung bạo.
- Chị yêu tôi không?
Độ cúi xuống, hôn vào giữa đôi môi run rẩy của Trần Thị, một bàn tay sờ soạng phần ức trắng, mân mê nơi đầu vú. Rồi bàn tay trườn xuống bụng, Trần Thị thót người, co rút mình mẩy. Nhưng cử chỉ đối kháng chót cùng đó chỉ làm Độ giận dữ:
- Trao thân cho tôi là trao thân cho đất nước. Hiến thân cho tôi là hiến thân cho tộc Trần! Cớ chi phải sợ? Hay chị muốn như con ngựa này?
Độ quát.
Buổi chiều đó, tộc Trần khởi nghiệp trên thân xác Trần Thị.

IV

U Đào đi ở cho dòng họ tôi, từ lâu lắm. Mỗi sáng u thường hay quẩn quơ trước bàn thờ, chữa lại hương án, rót nước, châm trà, rồi lau khắp lượt những mặt người quá vãng, từ tổ phụ, cố nội, bà, cho đến chú tôi mà ánh mắt cứ một ngày một nhạt phai trên bức vẽ. Không có ai trên bức vẽ mà u không biết. Từ cố có chiếc bình điếu bằng ngà khi làm đến chức Thái Sư có người dâng cây gậy bằng vàng lúc chết chôn theo, đến ông tôi từng đăng quang ở điện Thiên An, khi ông khuất chính u là người tự tay khâm liệm. Còn bà tôi theo lời u kể, chạy tản cư giặc Nguyên từ kinh sư về tới phủ Thiên Trường dọc đường trúng tên mà mất. Phút lâm chung bà không ngớt kêu tên cố. Tại sao lại kêu tên cố mà không là ông? U Đào không bao giờ giải thích cho tôi rõ.
U Đào như thế, đã ở với từng ấy người của họ Trần. Bây giờ trong bức vẽ nhìn ra, không biết họ có còn trông thấy u? Từ thuở tấm bé, tôi đã trông thấy chiếc bóng của u vật vờ, dật dờ, làm như u đã ở cho tộc Trần suốt nhiều kỷ. Không rõ từ khi nào, nhưng chiếc bóng của u đã ăn sâu lắm, chạm khảm vào trong trí não tôi như thể u chính là sự hiện diện của gian nhà thờ trong mỗi gia đình Việt, từ đời này qua đến đời khác, hết thế hệ này xuyên suốt thế hệ khác, luôn luôn ở đó bất di bất dịch.
Dạo ấy, mỗi sáng, qua khe hở của hai tấm ván ghép rời, lập lòe soi đỏ một tim đèn cầy thắp đêm ngày cạnh hương án, tôi đều trông thấy u Đào nhặt nhạnh từng cánh hoa tàn rụng rơi, vương vãi dưới gốc chân nhang. U quét tước tro hương, xếp lại những quả na, bày biện thêm những quả xoài cống từ đất Chiêm Thành vàng ửng màu cát. U không biết chữ, lại không có thì giờ đi nghe giảng kinh, nên đối với u dọn dẹp bàn thờ là một hành động hướng thượng. U

rất chăm làm, ngày xưa Linh Từ Quốc Mẫu Trần Thị gọi u là sự tôi luyện của thời gian. Thời gian phơi trên mấy ngón tay trắng trẻo trẻ trung của u lúc vào ở cho tộc Trần, cần mẫn sắp xếp hai thếp nhang, đôi nến trắng, một cho khám thờ Phật và một đặt trước bài vị gia tiên. Vẫn động tác đó, nhưng thời gian đã bào mòn, ăn nhấm từng đầu ngón tay, khiến lớp da nhão nhoẹt nhăn nheo như thứ da bị ngâm nước lâu ngày chỉ chực lột để lộ xương. Nhưng hình như u không để ý mấy tới việc thịt da mình bị tàn phá. U vẫn cẩn trọng quét dọn bàn thờ. Xong xuôi tươm tất đâu đó rồi u mới lẳng lặng, lặng lẽ lên gác mời tôi:
- Mời Thiếu Đế xuống lễ.
Chiếc bóng tôi đi trước, chiếc bóng u già cỗi theo sau. Trẻ thơ, song tôi sớm có ý nghĩ: U Đào chỉ là một chiếc bóng mờ câm sẵn sàng tan biến nhập hẳn vào từng thớ gỗ, trộn lẫn cùng với mối mọt ở đà nhà mình. Chiếc bóng im lìm không động đậy nơi bức vách. Nếu không phải gia tộc Trần thì cũng là gia tộc khác. U sinh ra chỉ để đi ở, chấp nhận bất lực.
Tôi thắp nhang, van vái, rồi thỉnh một tiếng chuông rước thầy, cố, cùng các nội tổ về.
Quay lại trong thấy u, tôi lại tự hỏi: Tại sao gia phả của dòng họ Trần không thấy chép tên của u Đào? Dù u đã ở với chúng tôi nhiều kỷ. Cả một kiếp người, vậy mà u cũng chỉ giống giọt nước rỏ từ mái hiên điện xuống chậu kiểng, giọt nước kêu đánh “tạch“ trên tàu lá rồi chảy xuống đất vô tâm tích. Nếu nhìn từ toàn cảnh, tôi chính là cái chậu kiểng tiếp tục hứng giọt nước nhỏ mọn ấy chảy từ thân u Đào. Tôi, thái tử Ân - Trần Thiếu Đế - đứa trẻ được nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa, chăm sóc, chăm bón, để mong nối dõi cơ nghiệp của tộc Trần.
Song năm Kỷ Mão 1399, triều Trần đã bạc nhược lắm. Thượng Hoàng Thuận Tông bị Quý Ly chuyên quyền đầy ra ở Ngọc Thanh Quán huyện Đông Triều tỉnh Hải Dương. Tôi cũng phải rời cung Bảo Thanh về ở phủ Thiên Trường, mang danh hiệu Thiếu Đế mà không có quyền bính. Kẻ ăn, người ở trong nhà chỉ còn mỗi u Đào và bõ Phúc. Bõ Phúc cũng già lắm, lúc xưa là con của thầy đồ, được nội tổ Trần Hấp rước về dạy chữ Hán cho cụ cố Thủ Độ. Thầy đồ qua đời, con trai ở lại giúp việc rồi thành bõ. Lúc tôi bước chân ra sân, nắng rơi lác đác trên những tờ giấy chép chữ Thánh Hiền. Bõ Phúc đang ngồi lom khom phơi kinh sử, mặt bõ ngơ ngác, nói cười như mếu:
- Bẩm Thiếu Đế ra sân chầu?
- Đạo đã nát, chữ đã nhòe mực, bõ còn phơi làm chi?
Bõ nhướng mắt ngạc nhiên, những xấp kinh Luận Ngữ của Khổng Tử nhầu nát trong tay bõ. Những tấm giấy đen đũi chép Đạo Đức Kinh của Lão Tử ố vàng, thấm nước mềm ủng như bún. Bõ Phúc không hiểu tôi nói gì, lại cúi xuống chăm chỉ xếp từng tờ một, ngay ngắn, thẳng hàng. Những ngón tay già héo của bõ chậm chạp vuốt lại những trang Nam Hoa Kinh rồi bày trên mặt đá. Một cơn gió thổi bất ngờ làm chữ nghĩa bay tán loạn, bõ Phúc hối hả tất tả chạy đuổi theo cho tới lúc cả chiếc bóng bõ cùng những tờ giấymất hút. Sân đá lạnh câm. Không chiêng, không trống, không cờ hiệu, không cả tiếng hát của cung nga, tôi đứng trơ trọi một mình. Phủ Thiên Trường lúc xưa là nơi khởi phát của tộc Trần, về sau là nơi các thượng hoàng sau khi truyền ngôi cho thái tử về dưỡng lão. Chiếc nôi của triều đại mỗi ngày một cũ mục, suy tàn. Tiếng gió lay lắt mấy tấm rèm cửa.
Mãi đến chiều bõ Phúc mới lượm hết chữ Thánh Hiền trở về. Mặt mũi bõ phờ phạc, thở hổn hển. Trông bõ tội nghiệp. Tôi lại đứng xem bõ nhẫn nại phơi kinh sử. Tôi muốn tìm người hiến kế, nhưng không có ai khác, đành hỏi bõ:
- Quý Ly muốn soán ngôi, tôi còn nhỏ dại, phải làm sao?
Bõ Phúc đang ngồi xổm, lấy đá lèn giấy, nghe tôi hỏi bỗng ngửng phắt lên chỉ tay xuống ao quát:
- Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo! Trận này không phá giặc thề không trở lại khúc sông này nữa!
Vẻ mặt bõ Phúc đột ngột hùng dũng, quả quyết. Tiếng nói đanh thép của người bõ già làm tôi muốn khóc, không ngờ những lúc lâm nguy của gia tộc hãy còn người trung. Tôi ôm chầm lấy bõ Phúc, quỳ vội xuống đỡ bõ đứng dậy. Tôi vái sống bõ Phúc hai vái:

- Trời ơi! Mệnh trời chưa hết mới xui bõ về đây, thiên mệnh nhà Trần chưa hết, mai này về được kinh sư tôi nguyện không quên ơn cứu giúp! Vậy bõ có kế chi?
Bõ Phúc cũng xúc động lắm, hai vai run run, đưa tay vấn lại khăn nhiễu. Mặt bõ băn khoăn, hết quấn khăn lại vuốt vạt áo thâm, mãi mới ấp úng:
- Nhổ cỏ thì phải nhổ cả cái rễ nó đi!
Tôi sửng người chưa hiểu bõ Phúc muốn nói gì. Thấy bõ do dự, tôi gặng hỏi:
- Cỏ nào? Ở đâu?
Lúc ấy, tự nhiên mặt bõ Phúc mất hết thần khí, chỉ còn trơ lại thân xác khô vắt của một kẻ già. Nhìn vào đôi mắt bõ trống rỗng, ngơ ngác, hai đồng tử bạc phếch, lờ đờ, tôi chợt hiểu. Hai cha con bõ Phúc theo hầu nội tổ Thái Sư Thủ Độ và họ Trần đã quá lâu, về già chẳng còn biết gì nữa; chỉ lập lại những điều được rao truyền, nghe thấy. Tôi muốn giở cười, giở khóc, đâm giận mình thiếu lý trí, kế giữ ngôi báu không ai hỏi kẻ ở đợ trong nhà.
Lúc tôi quay trở vào trong, hàng liễu rũ đứng dưới sắc trời chiều chạng vạng, vẩn vơ chiếc bóng của bõ Phúc hãy còn ngồi lom khom ngờ nghệch phơi ủ chữ Thánh Hiền.
Đêm đó, sau bữa cơm, tôi hỏi u Đào:
- Tộc Trần chỉ còn mỗi mình tôi ư?
- Bẩm Thiếu Đế còn đông lắm.
U mỉm cười, hàm răng nhuộm đen tuyền làm vẻ mặt u thêm trắng. U nói u không bao giờ lớn, trước tôi không tin, bay giờ nhìn u đứng trong bóng tôi, vóc vạc nhỏ nhắn, hai tay xuôi mềm, hai chân bé bỏng, sau lớp da nhăn còn giữ dáng dấp thiếu nữ, tôi mới nhận ra u hãy còn rất trẻ. U bưng khay trà, rót vào chung kính cẩn mời:
- Bẩm Thiếu Đế ngự.
- U nói sao, tôi không hiểu. Đông là những ai?
- Bẩm tất cả.
U lại nhìn tôi do dự. Có điều gì bí ẩn u muốn dấu. Tôi nắm tay u, u run se sẽ, tôi cảm nhận rõ ràng mạch máu ấm giữa lòng tay u chảy mạnh. Có lẽ u chưa bao giờ biết đàn ông.
- U còn thương tộc Trần thì dẫn tôi đi gặp.
Đôi mắt u buồn lắm. Đôi mắt u nhìn kỹ trong veo như đáy sông Thao, phảng phất tia nhìn của Linh Từ Quốc Mẫu. Tôi ôm u vào lòng và u bật khóc. U Đào khóc nức nở, nước mắt u đầm đìa, những giọt nước mắt của bao nhiêu năm câm nín, cam chịu, của nhẫn nhục cô đơn. U nuôi tôi từ tấm bé, nhưng chưa bao giờ tôi thấy u khóc nhiều và thành thật như tối đó. Tôi biết u không thể nói, nên u phải khóc. Tôi cũng khóc, vì gia phả tộc Trần xuống tới đời tôi là hết. Quý Ly đã sai Phạm Khả Vĩnh đi giết thượng hoàng Thuận Tông, như ngày xưa nội tổ Thủ Độ sai thắt cổ Lý Huệ Tông chồng Linh Từ Quốc Mẫu Trần Thị ở chùa Chân Giáo. Vài hôm nữa chắc Quý Ly cũng cho người đến bắt ép tôi uống độc dược tự tử. Tôi úp mặt vào ngực u thổn thức. Nhưng u Đào đã lặng lẽ lạnh lẽo gỡ tay. Những giọt nước mắt của u sao mau cạn? Tôi đâm ngờ u không khóc cho tộc Trần.
- Bẩm Thiếu Đế đã đến tuần.
U đốt đèn lồng dẫn tôi vào sân trong. Khoảng sân lưa thưa gió, tối ám, nước rỉ hai bên vách tường lâu năm bám ẩm rêu. Khói nhang từ lư hương với vàng mã đốt liên tục cay nồng nặc. Bõ Phúc đứng đợi kéo ngai cho tôi ngồi. U Đào đốt thêm nhang đèn vàng mã. Tiếng nước nhiễu xuống vại nước nghe rõ mồn một. Cả một bức tường khổng lồ soi ánh trăng sáng như một trụ tháp nhà dát bạc. Bức tường sừng sững vĩ đại, bên trên khắc chi chít tên tuổi của những người trong tộc Trần, cùng những chiến công lừng lẫy từ trận Tây Kết, đến Hàm Tử Quan, Vân Đồn, Bạch Đằng, hội nghị Bình Than, Diên Hồng... Nghi tục của các vua Trần về ở phủ Thiên Trường là mỗi tối phải mặc niệm trước bức tường đã ghi chép chiến tích. Tôi cũng không thoát ra khỏi tập quán đó.
U Đào với bõ Phúc xá lạy rồi bước ra.
Chỉ còn tôi với chiếc ngai và bức tường mỗi lúc một sáng lộng lẫy. Ban đầu tôi tưởng là sáng trăng, song cứ mỗi lúc ánh sáng càng rực rỡ chiếu phát như bức tường là cả một khối ngọc khi ửng đỏ lúc long lanh ngời ngời. Ánh sáng huyễn hoặc thu hút đến độ tôi không sao rời mắt

đi được. Người tôi mụ đi, chả trách bao nhiêu đời vua Trần đều say mê chiêm ngưỡng bức tường. Ánh sáng từ bức tường thấm vào người tôi tới đâu tê mê tới đó, máu như thông chảy trong cơ thể, sảng khoái, rã rượi, ngọt lịm như say, toàn thân tôi vẫn ngồi yên trong ngai mà như ân ái với nhiều cung nữ, với Chiêu Thánh, với Thuận Thiên, với Linh Từ Quốc Mẫu, với cả u Đào. Ánh sáng cứ một lúc một mãnh liệt từng vòng từng vòng lớn mãi. Ánh sáng chỉ thoi thóp tắt dần khi trời ửng sáng. Nhiều đêm, nhiều tháng sau, mỗi tối tôi đều đến với bức tường. Cho đến lúc tinh khí kiệt quệ, tôi mới hiểu thứ ánh sáng huyễn mộng đó đến từ hào quang của quá khứ.

***

Phụ đính II

Lịch sử trong tiểu thuyết

Cách đây chưa lâu, giáo sư Nguyễn Văn Trung trên tạp chí Văn Học số 200, đặt vấn đề những cách tiếp cận lịch sử trong tiểu thuyết[1]. Bằng tất cả những cẩn trọng, tri thức và kinh nghiệm của một đời dạy học, cầm bút, đã hướng đạo biết bao thế hệ sinh viên miền Nam, giáo sư đã lần lượt điểm qua một số tác giả chuyên lôi lịch sử vào trong sáng tác[2], phê bình[3], chính trị[4], sử ký[5], tiểu luận[6], điểm sách[7]… Với thái độ thẳng thắn tranh luận, tôn trọng các tác giả dù không đồng ý, bằng giọng văn trầm tĩnh ông đã triển khai và đúc kết: Không nên sử dụng lịch sử một cách tùy tiện trong mọi lãnh vực.

Tôi hiểu như vậy, với riêng cá nhân mình, cũng chuyên lôi lịch sử vào trong sáng tác. Bài viết dưới đây, không phân tích một cách chính thức những luận điểm của giáo sư, nhưng xin được phép trình bầy một góc độ của sáng tác, cho riêng bộ môn tiểu thuyết. Một bộ môn của hư cấu.

***

Ở thời điểm tháng 12.2002, giáo sư Nguyễn Văn Trung khẳng định: “Người viết truyện về Nguyễn Ánh, Nguyễn Huệ cần phải dựa vào tài liệu sử như người viết sử và cần hơn người viết sử nữa. Vì tiểu thuyết lịch sử không những chỉ cần tài liệu sử liên quan trực tiếp đến các nhân vật lịch sử về đời công, hoạt động chính trị, quân sự, cầm quyền, bối cảnh chính trị, xã hội thời đại của họ, mà còn cần tài liệu liên quan đến đời tư (gia đình, tình cảm, giao tế, cách ăn mặc). Người viết truyện sẽ dựng lại cuộc sống cụ thể của họ trong hoàn cảnh và thời đại… Đặc biệt các đoạn văn tả các nhân vật đối thoại với nhau: lối xưng hô như thế nào thời đó[8]”. Ông đặïit câu hỏi: “Viết sử hay tiểu thuyết lịch sử về Nguyễn Ánh, Nguyễn Huệ, về thời kỳ nội chiến, có nên chỉ bằng lòng với những tài liệu như Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, Đại Nam Thực Lục Tiền Biên, Hoàng Triều Ngọc Phả, Hoàng Lê Nhất Thống Chí, Phủ Biên Tạp Lục,v.v.. hay không? hoặc một vài tài liệu ngoại quốc đăng trong tập san Sử Địa-Sàigòn trước 1975 (do cô Đặng Phương Nghi thực hiện)?[9]” Rồi ông trả lời, nên tham khảo thêm tài liệu của các dòng tu, hội truyền giáo, của những cố đạo ý, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hoà Lan thế kỷ 16, 17, “về đời sống hằng ngày của dân chúng, những điều mắt thấy tai nghe tại chỗ, ở nông thôn…được ghi lại trong thư từ của các giáo sĩ, loại thư riêng gửi về cho gia đình, bạn bè hay bề trên[10]”. Và kết luận: “Trong số những nhân vật có bộ mặt phải, mặt trái, có thể có Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh như những cá nhân cụ thể, có tên tuổi. Đó chỉ mới là nêu lên như giả thuyết, cần những tư liệu bằng cớ không thể chối cãi được xác minh rằng Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh quả thực có như thế. Nếu không làm việc này thì là vu khống, chụp mũ, xúc phạm[11]”.

Với tất cả lòng tôn kính giáo sư, tôi vẫn không đồng ý. Tại sao viết tiểu thuyết phải y chang như thật vậy? Và tại sao phải kiêng cữ như giáo sư nhắc nhở, đề nghị:"Người viết tiểu thuyết có thể không làm việc của người viết sử, mà vẫn nói lên được những điều muốn nói, một cách thật đơn giản là không nêu tên những nhân vật cụ thể, chỉ đặt cho họ một cái tên gì đó mà người đọc vẫn có thể hiểu là nói đến Nguyễn Ánh, Nguyễn Huệ. Đây là việc mà các nhà viết tiểu thuyết thường làm: tạo dựng những nhân vật tưởng tượng (hư cấu) mà người đọc không thể không liên tưởng đến những nhân vật có thật bất kể đã chết hay còn sống[12]".

Thay tên là một hình thức kỵ huý[13]. Đến hôm nay nền quân chủ phong kiến đã cáo chung nhưng nhà văn Việt vẫn cứ phải kỵ húy theo quán tính và kỵ húy luôn cả những gì chưa cáo chung, còn đang sống, chưa chết. Có phải vì dân tộc Việt Nam chưa bao giờ lôi hoàng thượng của mình ra chém đầu công khai giữa chợ nên mọi thứ liên quan đến mình Rồng vẫn còn thiêng liêng cần thờ phượng, cúng bái[14]? Dân tộc Pháp không vậy, họ lôi vua Louis XVI và hoàng hậu Marie-Antoinette ra giữa quảng trường Concorde, trước công chúng, chém một đường đao giông bão không chùn tay. Lúc đó, không ai cần biết vua Louis có bị vu khống hà hiếp nhân dân, chụp mũ phản quốc, và mình Rồng đang bị xúc phạm nặng nề? Tất cả chỉ muốn chấm dứt một sự thiêng liêng đã kéo quá dài mà không ai hài lòng và cách chấm dứt triệt để nhất là chém phăng đi thủ cấp nhà vua. Chắc chắn, cuộc cách mạng quyết liệt của Maximilien de Robespierre đã ảnh hưởng đến cách viết tiểu thuyết về sau trong giới sáng tác Tây Phương mà cho đến lúc đó, chỉ có thể hư cấu dịu dàng... "Máu thấm ướt áo đầm nhung của hoàng hậu, khi chết vẫn còn giữ nụ cười trinh nguyên công chúa của thời con gái sống trong cung điện lộng lẫy của hoàng đế Phổ François đệ nhất[15]". Tiểu thuyết gia Tây Phương khi chứng kiến hành quyết, trông thấy chiếc máy chém hậu cổ điển, có lẽ, đã nghĩ từ đây họ có thể hư cấu tự do, táo bạo hơn, không còn nỗi sợ hãi cung đình ám ảnh. Có thể sáng tác: "Máu thấm ướt áo đầm nhung của hoàng hậu, khi chết vẫn còn giữ nụ cười tinh quái trông thấy đầu của người đàn ông ngoại tình bội bạc rơi xuống trước, còn ngửi ra hơi thở thum thủm ở miệng đức vua không bao giờ còn quát tháo, động đậy. Marie-Antoinette thoả mãn cho chính những giọt máu của bà đang chảy ra, làm như hoàng hậu hãy còn muốn nhìn ngắm dòng máu đỏ thắm của mình lần đầu tiên trôi chảy tự do trên những phiến đá xanh mà chưa bao giờ bà được một lần thong dong thảnh thơi dạo bước. Marie-Antoinette chỉ nhắùm mắt khi biết chắc thủ cấp đã hoàn toàn rời khỏi xác, chấm dứt một kiếp sống mà bà chưa bao giờ mong muốn, lát nữa, hoàng hậu sẽ trở về Áo, nơi bà đã yêu say mê vĩnh viễn tiếng vĩ cầm trác tuyệt của một thanh niên kỳ tài Ludwig Van Beethoven…[16]".

Đoạn văn trên do tôi…tưởng tượng, theo cách hư cấu của tiểu thuyết bây giờ, giống như Christophe Bataille[17], khi hai mươi tuổi đã mô tả hoàng tử Cảnh bước chân lẫm chẫm trong cung điện Versailles vang tiếng ợ buồn bã ủ rũ của vua Louis XVI, tiếng ợ âm u qua những đại sảnh giát đầy kiếng vẫn còn soi y nguyên gương mặt bất động của hoàng hậu Marie-Antoinette…

Đó là tâm tình của dân tộc Pháp và nền tiểu thuyết Pháp. Christophe Bataille chỉ là một tác giả trẻ, sau chuyến du lịch Việt Nam đầu tiên, đã dám hư cấu ngay tức khắc câu chuyện hoàng tử Cảnh với giám mục Pigneau de Béhaine (tên cúng cơm Bá Đa Lộc) và hư cấu luôn cả vua chúa của chính đất nước anh. Năm 1993, Christophe Bataille đoạt giải thưởng tiểu thuyết đầu tay, An Nam[18] xây dựng hoàn toàn không dựa trên sự thật, và tôi tình cờ có truyện ngắn đăng chung với anh trên tập san Le Serpent à Plumes[19] hai năm sau đó. Nhưng hãy quay trở về với giáo sư Nguyễn Văn Trung và những cấm kỵ An Nam.

Dân tộc Việt cho đến ngày hoàng tử Tây học Nguyễn Vĩnh Thuỵ trên chuyến tàu về nước yêu say đắm thiếu nữ công giáo Henriette Nguyễn Thị Lan mà sắc đẹp vẫn chưa phai mờ hãy còn phảng phất trên những tấm ảnh đen trắng cũ xưa, dường như chưa ai biết mặt mũi vua chúa

của mình. Mỗi khi kiệu Rồng ngự đạo, thần dân quỳ rạp mình đầu chấm đất. Hội họa An Nam cũng không mấy phát triển, ngoài tranh dân gian làng Sình ngoài Huế, không thấy chân dung truyền thần. Ngày nay ai biết mặt tổng đốc Hoàng Diệu, Nguyễn Tri Phương? chưa nói đến Trần Thủ Độ, Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt… Đồ đạc bày biện trong nhà bài trí ra sao, tổ tiên ăn mặc thế nào, sau 4000 năm văn hiến, dân tộc cũng không biết nốt. Khác xa Trung Hoa và Nhật Bản, chỉ cần xem phim chưởng-Samourai của họ, thấy rõ đạo diễn Trung-Nhật không lúng túng chút nào khi trang trí Hồng Lâu Mộng, Shogun, Tần Thủy Hoàng, thoải mái thuê thợ đo may quần áo fashion cách đây nhiều ngàn năm cho Củng Lợi, Lăng Ba, Lạc Đế, Miêu Khả Tú, v.v.. Đạo diễn Việt, không đủ sức dựng một cuốn phim như vậy thời Lý, nếu không vay mượn trí tưởng tượng không biên giới bằng cách cầm nhầm trang trí nội thất, y phục cổ Trung Hoa[20]. Tuy thế, trong mỗi người Việt, vẫn có một hình ảnh về ông vua của mình tạo dựng bằng trí tưởng, qua kinh nghiệm, kiến thức, học vấn... Chính hình ảnh đó mới là hình ảnh thật, cho dù không đúng với hình ảnh của vị thiên tử quyền uy bao thế kỷ trước. Điều đó cũng đúng như hình ảnh kinh thành Ba Lê, Hán Thành hay Mạc Tư Khoa, Cựu Kim Sơn, Nhã Điển trong đầu những du khách chưa bao giờ bước chân ra khỏi nhà. Hình ảnh có thể thay đổi theo năm tháng, nhưng luôn luôn thật cho đến khi cá nhân đó đặt chân đến Hán Thành, hay kém may mắn xuống mồ.

Ở đây, sự thật cá nhân vượt lên trên sự thật tập thể và chức năng chính yếu của nhà văn nằm trong công việc khai quật sự thật cá nhân này. Điều mà văn học chính quy hay văn học tập thể không chấp nhận.

Vì sao sự thật tập thể xuống giá vậy? tựa giá khách sạn[21] Á Châu trước và sau dịch phổi cấp tính Hồng Kông? Vì tập thể là một đám đông ba phải, gió cuốn chiều nào xoay theo chiều ấy. Dân tộc Việt đã kiểm chứng biết bao lần, tung hô Nguyễn Huệ vào Phú Xuân, Bắc Hà rồi lại tung hô Nguyễn Ánh vào Gia Định, Phú Xuân…lượt đi lượt về không biết bao nhiêu bận. Giá trị tập thể, mặt khác, trong văn học không phải là một giá trị. Có thể kiểm nghiệm tức khắc qua tổng tập hồi ký của đại tướng Võ Nguyên Giáp, con hùm xám của tổng bộ Việt Minh, vị tướng của sình lầy như Tây Phương kính nể, nhưng 4 tập hồi ký[22] đã không đem đến thêm một chứng liệu lịch sử nào, thậm chí không một dòng phân tích quân sự. Đọc xong, chỉ có thể ngán, với tất cả dụng ý tuyên truyền cho các nghị quyết đảng, ở mỗi trận đánh, công thức Ta đã giải phóng bao nhiêu thôn, ấp, làng, diệt bao nhiêu lính Ngụy-Lê Dương, hạ bao nhiêu máy bay, xe tăng địch, đạt chỉ tiêu của quân ủy trung ương lập đi lập lại đến mệt mỏi. Tôi đã chờ đợi câu trả lời vì sao Vĩnh Yên, Mao Trạch, Mạo Khê, Ninh Bình, Gia Hội, Nghĩa Lộ, Nà Sản? Những trận đánh sống mái và cực kỳ quan trọng quyết định kéo dài thêm hay thu ngắn chiến tranh Đông Dương. Nhưng không một lời giải thích. Võ Nguyên Giáp không hề cho biết vì sao ông chọn tấn công Vĩnh Yên trong chiến dịch Trung-Du ‘‘Trần Hưng Đạo’’ thay vì có thể tiến đánh Hà Nội từ hướng Lạng Sơn-Dinh Lập hoặc những thành phố cửa ngõ khác? Võ Nguyên Giáp cũng lướt qua nguyên nhân chính đưa đến thất bại của 2 sư đoàn 308 của Vương Thừa Vũ và 312 của Lê Trọng Tấn, đã không chiếm ngay Vĩnh Yên đêm 14.01.1950 sau khi Vanuxem và liên đoàn 3 lưu động bị thiệt hại trầm trọng ở Bao Chúc[23]. De Lattre tổng chỉ huy, Salan phó tổng chỉ huy, De Linarès tư lệnh Bắc Phần và Edon, Rodon, Vanuxem, Galibert, tư lệnh chiến trường về sau đều công nhận nếu chiếm Vĩnh Yên ngay đêm đó, Võ Nguyên Giáp đã mở tung cánh cửa Hà Nội không còn gì chống giữ.[24] Đêm đó, De Lattre chưa kịp lập cầu không vận chuyển quân từ Sàigòn ra Hà Nội[25], các liên đoàn lưu động của De Castrie, Edon và Clément cũng chưa đến[26]. Võ Nguyên Giáp đã đánh mất cơ hội thực hiện lời hứa của Hồ Chí Minh trên đài phát thanh Việt Minh: vào ăn Tết thủ đô cùng đồng bào[27]. Sau đó các trung đoàn 88, 36, 209 bị đánh bom Napalm tan tác khúc Quật Lưu, nhưng không thấy ghi thiệt hại. Tương tự, thất bại Mao Trạch, Mạo Khê, Đông Triều, Sông Đáy, thảm bại trước con nhím Nà Sản, hay bất ngờ của chiến dịch biệt kích Ducournau ở Lạng Sơn,v.v.. được phớt qua nhẹ nhàng và không rõ rệt. Đọc xong tổng tập hồi ký, người đọc

không biết bộ đội chủ lực Việt Minh đã thiệt hại bao nhiêu chết, bị thương, mất tích và nghĩ quân đoàn viễn chinh Pháp quân số phải đông gấp 6, 7 lần thực tế. Những ai sống ở Pháp, đối chiếu với tài liệu Tây, các sách phân tích quân sự đều ngỡ ngàng, Pháp bại trận công bố thiệt hại[28], Việt chiến thắng che giấu. Vì sao chiến thắng liên tiếp như vậy, quét sạch đồn bót Tây hết trận này sang trận khác mà phải mất đến 9 năm chiến thắng? Tinh thần yêu nước quá nồng nàn, tình yêu tổ quốc là yêu CNXH quá thiêng liêng, khiến vị đại tướng đã vượt quá sự thật của thống kê, kiểm toán của lịch sử. Tất cả, do ông tường thuật theo yêu cầu của một tập thể có điều kiện. Các hồi ký của đại tướng Hoàng Văn Thái[29], Lê Trọng Tấn[30], thượng tướng Nguyễn Hữu An[31], Hoàng Cầm[32], Đặng Vũ Hiệp[33], trung tướng Đồng Sĩ Nguyên[34] cũng không khác, đều nằm trong khuôn mẫu hồi ký Le Domptage des Tigres của thống chế Liên Xô Joukov, tư lệnh đệ nhất mặt trận Bắùc Ukraine hay Tchouikov[35], Samsonov[36], Koniev[37], Jeremenko[38] trong chiến tranh Nga-Đức.

Sơ sài trên mặt quân sự so với các đồng nghiệp Đức Quốc Xã Guderian[39], Rommel[40], Von Manstein[41], không tầm vóc chính trị của hồi ức De Gaulle[42], cũng không giá trị nhân chứng của hồi ức Churchill[43], Võ Nguyên Giáp chiến thắng lẫy lừng các đế quốc nhưng thất bại khi ghi lại điểm hẹn lịch sử củûa những năm tháng không thể nào quên.

Hồi ký, một thể loại văn học đòi hỏi sự thật tuyệt đối, của các tướng lãnh miền Bắc như thế cũng không khác mấy hồi ký của các tướng lưu vong. Sự thật tập thể ở đây biến dạng và kém trung thực so với sự thật cá nhân trong hồi ký của những sĩ quan cấp úy vô danh Trương Duy Hy[44], Cao Xuân Huy[45], Hoàng Khởi Phong[46] hoặc Bảo Ninh[47] dưới dạng tiểu thuyết. Bạn đọc sẽ hỏi: Nhưng sự thật cá nhân một khi được tập thể chấp nhận sẽ trở thành sự thật tập thể? Không đúng. Sự thật trong Tháng Ba Gẫy Súng của Cao Xuân Huy nếu được đông đảo độc giả ngoài nước chấp nhận, vẫn là một sự thật tập thể khởi đi từ sự thật cá nhân của riêng Cao Xuân Huy. Trường hợp này đúng cho tất cả mọi bộ môn nghệ thuật, vẫn đúng khi tháp Eiffel tại Paris hôm nay, vẫn chỉ là cây cầu sắt Paul Doumer (Long Biên) bắc qua sông Hồng mà Auguste Eiffel đã thử nghiệm…khai phá ở Hà Nội trước khi dựng thẳng đứng lên ở quảng trường Trocadéro bây giờ. Dân tộc Pháp hôm nay hãnh diện vì tháp Eiffel mặc dù đã chê bai thậm tệ khi vừa xây cất. Cũng giống Nguyễn Huy Thiệp, những ngày đầu Vàng Lửa, Kiếm Sắc, Phẩm Tiết, Không Có Vua[48] đã bị công kích, tấn công dữ dội, nhưng đến ngày nay, mười ba năm sau Tướng Về Hưu, cả nước ôm lấy ông làm vật gia bảo so sánh với văn chương thế giới.

Thế giới? Jorge Luis Borges đã chiến đấu ròng rã suốt 30 năm[49] tìm một chỗ đứng giữa lòng tập thể Á Căn Đình cho một sự thật hoang tưởng của cái chết đồng nghĩa bất tử và tận cùng khởi đầu vô tận[50].

Trong thực tiễn sáng tác, có lần, một đồng nghiệp[51] băn khoăn khi viết Ký, muốn miêu tả trận tắm mưa thuở nhỏ, nhưng do dự vì chưa hề tắm truồng bao giờ và Ký là thể loại đòi hỏi sự thật. Sau cùng tác giả quyết định mô tả cảnh mình tắm truồng trên sân thượng, vì một lý do duy nhất: Trận mưa đó, ào ạt xối xả ký ức trần truồng thời bé, tuy đã không xảy ra trong thực tế nhưng đã ám ảnh một ước mơ kéo dài nhiều mươi năm mỗi khi những trận mưa réo về qua mái ngói, cho đến tận bây giờ, vẫn còn khắc khoải ham muốn một lần tắm truồng trong đời. Tác giả đã trở về, đã tắm mưa trong Ký. Cơn mưa tắm rửa thân xác trút đi vết tích những ngày lưu lạc, cơn mưa của đứa bé khát khao nhìn trận mưa bay ngoài hiên và tiếng cười nói ròøn rã của chúng bạn ồn ĩ. Tác giả tắm trong Ký trận mưa mình thèm khát, chỉ đến khi những giọt nướùc hắt thật sự từ hè đường ngoại ô An Phú Đông mới đem đến cảm giác thật sự trần truồng của một Việt kiều trước quê hương xa lạ, trước vỉa hè văn hoá quá khác biệt. Chính đây mới là sự thật, một sự thật tiểu thuyết không phải của tắm mưa, nhưng của khát vọng trần truồng và sợ hãi trần truồng đã hiện hữu, đã có thật, vẫn ở đó, vĩnh viễn. Một sự thật của một

con người.

Trong hình học không gian, đường cong khi cắt ra làm trăm triệu đoạn nhỏ, mỗi đoạn sẽ là một đường thẳng, và trên đường thẳng đó các giá trị không ứng nghiệm trên những mặt phẳng khác, sẽ có nghiệm số ở mặt phẳng tí teo này. Định lý toán học trên cũng có thể hỗ trợ cho các nhà văn đem nhân vật lịch sử ra cắt làm trăm triệu khúc và khảo sát phần nhỏ nhất. Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh như thế bắt buộc phải biến dạng, như Jésus đã biến dạng trong tiểu thuyết The Last Temptation of Christ của Nikos Kazantzakis[52], khi đến phút chót cuộc đời đấng Kitô trên thập tự giá nhớ quay quắt Madeleine, cô gái điếm bị ném đá đã đi theo bao ngày. Đấng Cứu Thế bỗng hoài nghi chọn lựa Thập Tự của chính mình, tại sao đã không yêu Madeleine và sống cuộc đời bình dị của một con người trong yêu thương của một con người? Jésus de Nazareth trước lúc trút hơi thở cuối cùng đã nghĩ đến những ân ái cháy bỏng đã hơn một lần mơ ước. Madeleine, Người Yêu Của Đấng Trời[53], như đề tựa tiểu thuyết sau cùng của Nguyễn Thị Hoàng, không là quỷ dữ cám dỗ, nhưng là một người đàn bà do chính Thiên Chúa tạo ra, biết sống, biết khổ đau, biết nhục nhã và biết yêu một người đàn ông. Jésus de Bethléem, là một người đàn ông, bắt buộc phải mang trên thân tất cả bản năng con người để hiểu và cứu chuộc con người.

Thế giới đã luôn có cấm kỵ và vượt cấm kỵ, đã lôi con thượng đế ra đóng đinh và chặt đầu vua giữa chợ, rồi lại đóng đinh những kẻ khi quân, phạm thánh. So với thế giới, những vượt thoát đi tìm sự thật con người của nhà văn Việt hôm nay vô cùng nhẹ nhàng, chưa có gì quá đáng, nhưng sẽ không bình thường nếu chỉ có tùng xẻo mà không có vượt thoát.

Vấn đề chính nằm ở nghiệm thu công trình sau khi đã băm vằm lịch sử. Nhà văn, anh tìm thấy gì? và có gì để trình bầy với nhân loại?

*

‘‘Khi Thiếu úy Vương Văn Đông bước chân vào quán Cựu Lã Vọng, nhiều năm sau Thánh Chiến giáo dân phố Chả Cá vẫn chưa quên hình ảnh dẫy xe kéo thay nhau lật ngửa mỗi khi anh đi qua, làm như viên thiếu úy mang trên thân những đảo điên của sự vật. Đó là lần đầu tiên viên sĩ quan trẻ thuộc tiểu đoàn 9 Bộ Binh An Nam từ Nam Định biệt phái lên Cao Bằng khám phá suốt dọc đường Thuộc Địa số 4, hễ anh lên chuyến quân xa nào, chiếc GMC đó lật hố.

Thời gian pháo đài chịu vây hãm, Vương Văn Đông nhận ra không chỉ đồ vật, nhưng cả con người cũng ngã bổ mỗi khi anh quan tâm. Từ binh sĩ phụ lực quân đại đội C.L.S.M[54] ở giao thông hào những khi anh thanh sát quát tháo, sợ hãi ngã chúi lên đống bao cát đến các phụ nữ đoan trang của phố doanh thương Tôn Thọ Tường cũng ngã bật lên giường chỉ cần anh chạm nhẹ bả vai sau những tối khiêu vũ ở câu lạc bộ sĩ quan La Grande Flotte. Hiện tượng huyền bí xảy ra nhiều đến nỗi Vương Văn Đông bắt đầu hoài nghi thứ tự sắp xếp trong vũ trụ và tin có một trật tự khác chỉ một mình anh hoán chuyển. Thời kỳ đó, viên thiếu úy bắt đầu trông thấy định mệnh, thứ định mệnh kỳ dị mà anh không sao giải thích. Phải đợi đến một thập niên sau, trong những ngày binh biến trước dinh Norodom, khi đảo chánh vị tổng thống Cộng Hoà An Nam đầu tiên, viên sĩ quan đầy tương lai hứa hẹn mới ý thức quyền lực siêu nhiên ở anh không ứng nghiệm quá sáu thước đường kính. Nhưng khi ấy, ở Cao Bằng, anh hoàn toàn cảm thấy sung sướng sảng khoái.

Buổi trưa bước chân vào quán Cựu Lã Vọng, Vương Văn Đông cùng đi với hôn thê Yvonne Carstensen Thục Hiền, một thiếu nữ xinh đẹp, trắng trẻo. Mối tình của họ đầy gây cấn. Thời tiền hôn nhân, mỗi lần kiểm tra chợ lồng thị xã, viên thiếu úy hay đùa giỡn làm lật tung những

thúng bắp cải, lật úp những rổ tôm khô, chổng bốn vó những con trâu chỉ cần anh trừng mắt, nhưng biết bao lần anh cố tình làm lật thiếu nữ để trông thấy cặp đùi trắng mát, cô gái vẫn điềm nhiên đứng đợi cân vịt bên cạnh hàng cháo huyết. Yvonne Carstensen Thục Hiền mang thân thể khác thường mà Vương Văn Đông không thể đoán Âu hay Á. Cô gái trắng tinh như lụa, sống mũi cao thẳng như cột cờ tam tài anh chào mỗi sáng. Rõ ràng thiếu nữ mang trên thân nỗi ham muốn nảy nở phương Tây ám ảnh đàn ông An Nam, nhưng cũng rõ ràng cô gái thở hơi thở Á Châu. Nhiều lần đứng gần sát, viên thiếu úy đã ngửi ra trong hơi thở cô gái hương vị bún bung Hà Nội, mùi bánh tôm Cổ Ngư, cả hơi chanh chua xon xót làm sủi bọt chén mắm tôm tím cà. Những ngày sau Vương Văn Đông càng sửng sốt khi thiếu nữ không hề ngã lật xuống giường dù anh cố tình trừng mắt rồi vuốt dọc bả vai tròn trĩnh. Sau nhiều đêm chứng kiến tận mắt quyền lực của mình vô hiệu, viên thiếu úy quyết định cầu hôn thiếu nữ, người đàn bà duy nhất mà anh tin có khả năng đối phó định mệnh, có thể giúp anh vượt thoát những trung đoàn Việt Minh ngày một xiết chặt pháo đài.

Đó là thời kỳ Đoàn Thị Điểm rán chả cá và Hồ Xuân Hương chạy bàn cho khách Tây ở quán Cựu Lã Vọng đối diện vương cung thánh đường Cao Bằng. Cũng là thời kỳ tướng Lê Quảng Bá quyết định mở màn chiến dịch Lê Hồng Phong trên đường biên giới.''

Đoạn văn trên, hoàn toàn phi hiện thực, vẫn do tôi... hư cấu. Cách đây một tuần, tôi gởi đến trung tá Vương Văn Đông cư ngụ ngoại ô Paris, thông báo sử dụng vợ chồng ông làm nhân vật tiểu thuyết. Trung tá hồi âm tức khắc, khuyên không nên, vì ông là một nhân vật chánh trị, có thể gây hiểu lầm. Trung tá Đông đề nghị thay tên tuổi, cho cả vợ ông, Yvonne Carstensen Thục-Hiền lai Pháp. Sau suy nghĩ, tôi quyết định từ chối, vì toàn bộ tiểu thuyết Giáo Sĩ[55] xây dựng trên những nhân vật có thật, với tên cúng cơm, không kỵ huý. Trong thư hồi âm, trung tá cũng cho biết thời gian 1950 ông tùng sự tại tiểu đoàn 9 Bộ Binh Việt Nam (9ème BVN) không phải tiểu đoàn 9 Bộ Binh An Nam, thuộc phân khu Nam Định–Thái Bình dưới quyền chỉ huy của đại tá Gambiez, và trong suốt binh nghiệp đã ở các đơn vị chủ lực chứ không hề chỉ huy những đại đội phụ lực quân bao giờ. Trung tá Đông cũng cho hay ông sẽ thích hơn nếu tôi viết về tâm trạng khắc khoải của một sĩ quan trẻ VNCH trong chiến tranh, trước tình huống đất nước Quốc-Cộng. Các chi tiết ông cung cấp vô cùng quý giá, nhưng chỉ có giá trị với loại tiểu thuyết tâm lý tả thực ngày xưa. Viên thiếu úy trẻ chưa bao giờ đặt chân lên Cao Bằng? Không quan trọng, Cao Bằng chỉ là một trong những mặt trận, như vô vàn các mặt trận trong chiến tranh, không xảy ra nơi này thì xảy ra nơi khác. Viên thiếu úy chưa hề nắm những trung đội phụ lực quân? Chi tiết hư cấu vẫn không sai, nhìn toàn cảnh, đặc biệt ở thời điểm 1950 khi quân đội quốc gia mới ra đời, các tiểu đoàn khinh quân VN chỉ giữ vai trò phụ trong chiến tranh, và danh từ An Nam, hoàn toàn đúng trong mắt các sĩ quan thực dân, và vẫn hãy còn đúng ở thời điểm hôm nay khi vận tốc đổi mới suy nghĩ trong đầu người Việt quá chậm.

Tôi hiểu, việc thiếu úy Vương Văn Đông trong tiểu thuyết làm lật ngửa các con bò, con trâu chổng bốn vó, lật hố các chuyến quân xa và các phụ nữ sau khiêu vũ khiến trung tá Vương Văn Đông đang sống ở Paris giờ đây đã ngỡ ngàng. Ông không chờ đợi bị hư cấu đến vậy. Nhưng Vương Văn Đông mang trên mình một định mệnh tiền định, chắc chắn đã có những dấu hiệu khiến ông đã tin có khả năng đảo chánh thành công cố tổng thống Ngô Đình Diệm. Chức năng của tiểu thuyết hiện thực thần kỳ là thể hiện những dấu hiệu xác tín này một cách huyền ảo từ lịch sử đã xảy ra, gần hay xưa cũ.

Tiểu thuyết không nhất thiết phải viết y chang như thật, có thể pha trộn nửa thật nửa ảo và có quyền phóng đại thực tế lên đến mức... tiểu thuyết. Kỹ thuật chính của bút pháp hiện thực huyền ảo nằm ngay trong phương thức phóng đại từng chi tiết nhỏ nhặt này.

Sau suy nghĩ, dù phân vân cho giao tình tốt đẹp đã có, tôi quyết định không di dời thiếu úy

Vương Văn Đông ra khỏi Phố Chả Cá, không vì việc ông biến mất sẽ gây khó khăn không ít làm xáo trộn cấu trúc sắp sẵn, nhưng vì vững tin, thêm Vương Văn Đông, sẽ thêm chất hiện đại sống thực, thêm nối kết giữa hiện tại với quá khứ.

Viết ra, công bố trích đoạn, rồi kể dông dài quá trình xử lý chất liệu hầu đáp lời giáo sư Nguyễn Văn Trung khi giáo sư phê phán gay gắt:‘‘Giả thử có một nhà văn nào đó viết truyện phơi bày bộ mặt thật của Nguyễn Huy Thiệp, pha trộn cái có thực và cái bịa đặt, khó chê trách về mặt văn chương, nêu đích danh Nguyễn Huy Thiệp như nhân vật chính của truyện, và nếu có ai phê phán tại sao nêu đích danh, nhà phê bình nào đó sẽ biện hộ cho tác giả rằng chỉ mượn Nguyễn Huy Thiệp làm cái cớ để tố cáo nhà văn nổi tiếng xây dựng sự nghiệp trên những bịp bợm hèn nhát. Nói như thế có nghe được không? Ngay cả trường hợp không bịa đặt, nói toàn sự thực có chứng cớ và không nêu đích danh Nguyễn Huy Thiệp, nhưng người đọc, nhất là những người quen biết quý mến Nguyễn Huy Thiệp không thể không nhận ra đó là Nguyễn Huy Thiệp. Liệu có nên dè dặt, đắn đo không nỡ nói, hay nói ra làm sao đây? Vì một ngày nào đó có thể gặp Nguyễn Huy Thiệp bằng xương thịt hay bạn bè, những người quý mến Nguyễn Huy Thiệp? Gabriel Marcel, nhà triết học đồng thời với Jean Paul Sartre, đã viết đâu đó về «Óc trừu tượng» (Esprit d’abtraction) là yếu tố gây đố kỵ, và chiến tranh. Trần Vũ, Nguyễn Huy Thiệp bịa đặt về cuộc đời Nguyễn Huệ, hẳn biết rõ Nguyễn Huệ đã chết, không còn ở trên đời để tự biện hộ, nhưng, những người đang sống vẫn quý trọng, tôn thờ Nguyễn Huệ, không thể không có cảm thức bị xúc phạm. Nếu Trần Vũ, Nguyễn Huy Thiệp thay vì ngồi ở Paris, Hà Nội đi thăm đền thờ Nguyễn Huệ và gặp những người tôn thờ Nguyễn Huệ, liệu có dám nói trước mặt họ những điều xúc phạm, lăng nhục, bịa đặt như đã viết ra không?’’

Trường hợp trung tá Vương Văn Đông nằm trong câu hỏi thứ nhất, nhân vật còn sống, tên thật. Trường hợp thứ hai, còn sống, tên giả hay tắt, tôi đã viết trong truyện Nhã Nam[56] sau khi đọc Mưa Nhã Nam của Nguyễn Huy Thiêïp mùa hè năm 1995 tại Sàigòn, khi chưa gặp nhà văn. Cả hai, hôm nay tôi đều đã gặp. Không phải lý do quen biết cho phép tùy tiêïn hư cấu. Người viết truyện phải ý thức và làm chủ tự do biến dạng lịch sử, con người, cũng như đời sống trong tác phẩm mình. Với Nguyễn Huy Thiệp, tương đối đơn giản, Nguyễn Huy Thiêïp miêu tả mọi nhân vật một cách cực thực, cay độc, tàn nhẫn, lạnh tanh, và đôi khi bí hiểm không giải thích như trường hợp Con Gái Thủy Thần. Tại sao tôi không có quyền miêu tả nhà văn, bằng chính giọng văn cộc lốc của nhà văn, qua đó, trông thấy toàn cảnh xã hội, đất nước nơi nhà văn đang sinh sống? Và tại sao không hư cấu cho Nguyễn Huy Thiệp mua lại căn nhà của Nguyễn Ứng Long dọn vào bán quán, khi hôm nay mua bán nhà đất đang là thời trang và Nguyễn Huy Thiệp đã mở nhà hàng Hoa Ban, trong một thời gian dài đã băn khoăn với Nguyễn Trãi, vườn vải Lệ Chi Viên, đã lùng kiếm những dấu hiệu lịch sử? Trường hợp Nguyễn Huy Thiệp không khó biện giải, giới sáng tác thường hay viết về nhau, một cách khắc họa chân dung thần thái của lẫn nhau, xưa ngâm vịnh, nay viết truyện. Xuân Sách lúc trước làm thơ tả Tố Hữu, máu ở chiến trường hoa ở đây, không ra ngoài truyền thống này. Nguyễn Khải bố đẻ Vinh Hoa cũng xuất hiện trong Phẩm Tiết, Vũ Hồng Khanh[57], đức hộ pháp Phạm Công Tắc[58], giám mục Lê Hữu Từ[59], rồi bác sĩ Trần Kim Tuyến[60] đi cải tạo trong tác phẩm Nguyễn Khải, lịch sử thường xuyên lập lại đầy nhân quả và ý thức.

Trường hợp Vương Văn Đông có khác.

Khác trước hết ở câu hỏi Binh biến 11 tháng 11.1960 là một biến cố lịch sử, nhưng Vương Văn Đông có là một nhân vật lịch sử hay không khi khoảng cách thời gian chưa đủ, khi cấp bực trung tá chưa cao? khi sử ký chưa xem biến cố tầm cỡ? Với tôi, ở vị trí người viết truyện, không thấy quan trọng.

Khi quyết định binh biến, Vương Văn Đông đã quyết định hiến thân cho lịch sử. Trung tá không

thành công, đó là vấn đề riêng của ông, nhưng khi đảo chánh, vô tình và hữu ý ông đã va chạm an nguy chung của người Việt, thay đổi tương lai của dân tộc, miền Nam cũng như miền Bắc. Ai biết? Nếu thành công ông sẽ sáng suốt tránh cho VNCH sụp đổ năm 75? Và ai biết, thất bại binh biến khiến các cuộc đảo chánh về sau tổ chức kỹ lưỡng hơn? Làm suy yếu nền đệ nhất Cộng Hoà nhiều hơn? Được làm vua, thua làm giặc, nhưng thành hay bại, Vương Văn Đông cũng đã đổi thay định mệnh của đất nước, ông bắt buộc phải để cho người Việt phán xét chính bản thân ông và cuộc đảo chánh. Tôi phán xét ông bằng thể loại tiểu thuyết. Thủ pháp hiện thực huyền ảo khiến ông bị biến dạng nhiều, nhưng Vương Văn Đông không thể đem danh dự sĩ quan quân lực VNCH ra phản đối. Danh dự đó biến mất, không còn nữa ngày trung tá quyết định truất phế tổng thống Ngô Đình Diệm, tổng tư lệnh tối cao quân lực. Ông chỉ có thể kiện ra toà vì tội thoá mạ danh dự cá nhân, bôi bẩn đời sống riêng tư của vợ chồng ông. Danh dự cá nhân hiểu trong nghĩa dân sự sau binh biến, trước đó, đời sống quân đội đã thuộc về lịch sử.

Đến đây, khác với quan niệm tiểu thuyết của giáo sư Nguyễn Văn Trung, khi giáo sư yêu cầu chỉ nên tưởng tượng phần đời tư của nhân vật, tôi nghĩ khác, cần tập trung hư cấu phần đời công hiến trao cho tổ quốc không còn quyền gìn giữ, phần liên quan trực tiếp đến lịch sử, mục đích tối thượng và tối hậu chính vì sao nhà văn đem họ vào trong tiểu thuyết. Dưới góc độ này, đêm hợp cẩn của Nguyễn Huệ với Ngọc Hân công chúa từ một dàn xếp chính trị giữa triều Lê với Tây Sơn, chỉ có thể là một đêm hợp cẩn...công cộng, có quyền hư cấu. Cũng từ dàn xếp tân hôn-vu quy này, người viết tiểu thuyết có quyền nghi ngờ tình yêu thắm thiết của Hân dành cho Huệ, nghi hoặc những ái ân mặn nồng từ thuở ban đầu cho đến phút cuối, ngay cả khi có trong tay văn bản bài phú Ai Tư Vãn của Lê Ngọc Hân. Trong lịch sử văn học đã không hiếm thi sĩ làm thơ khóc thương lãnh tụ cho dù trong lòng ráo hoảnh khô khan không một giọt nước mắt. Trường hợp Nguyễn Huệ hay Nguyễn Ánh như vậy không khác, chỉ khác ở thiên tài quân sự của Quang Trung và thành công vương quyền của Gia Long. Cả hai đều đã thay đổi tương lai và định mệnh của từng người Việt, và từng người Việt có quyền nghi ngờ, thể hiện nghi ngờ của mình về họ, dưới mọi hình thức. Người viết tiểu thuyết có quyền băn khoăn về tập thể và phô diễn băn khoăn đó trong tiểu thuyết, một thể loại mà chức năng nghi hoặc đã phủ trùm một cách tự nhiên. ‘‘Le Doute’’ hay ‘‘Nghi Hoặc’’, chiếc chìa khoá mở mọi cánh cửa đã đóng im ỉm suốt nhiều ngàn năm. Viết như vậy không có nghĩa phải viết tiểu thuyết hiện sinh mà đa số nhà văn Việt chỉ biết đến thương hiệu, không nắm vững ý nghĩa. Viết như trên chỉ để chứng minh, ‘‘nghi hoặc’’ là bản năng lý trí của con người trong vũ trụ, trên thế giới, dù cấm cản vẫn hiện hữu, dù che dấu vẫn tồn tại, dù giới hạn vẫn rộng lớn. Vậy hãy để người viết tiểu thuyết viết thẳng ra trang giấy những nghi hoặc của họ nếu muốn tôn trọng sự thật. Một Sự Thật của Con Người.

Quanh đi quẩn lại chúng ta lại trở về với sự thật. Và quanh đi quẩn lại chúng ta vẫn quẩn quanh trong vấn đề kỵ huý của tôn thờ, đền thờ và thần tượng khi giáo sư Nguyễn Văn Trung nhận xét truyện ngắn Linh Nghiệm của Trần Huy Quang:‘‘Ít ra có hai người hôm nay được biết là can đảm nói đến ông Hồ. Kim Hạnh, chủ trương biên tập báo Tuổi trẻ đã đăng một tin chính xác: «Bác có vợ» mặc dầu biết rõ nói lên điều đó là một vi phạm cấm kị. Trần Huy Quang viết truyện ngắn Linh Nghiệm đăng trên Văn Nghệ số 27 (4-7-1992), không nêu đích danh tên Bác, nhưng người đọc không thể nghĩ về ai khác ngoài Bác. Cả hai tác giả và những người trách nhiệm tờ báo đều phải trả giá. Trần Huy Quang mới bước vào cuộc đời viết văn, chưa rõ tài năng để được yêu chuộng, nhưng đã được kính trọng, cảm phục về lòng can đảm và lương tâm nhà văn.[61]’’

Đến đây, giáo sư có hay không mâu thuẫn với những gì ông đã viết[62]? khi Trần Huy Quang hay Kim Hạnh cũng đã gây bực tức cho những gia đình bảo hoàng vẫn còn bàn thờ nhang khói chủ tịch Hồ Chí Minh? Nếu Kim Hạnh đã can đảm chu toàn chức năng một ký giả công bố

tài liệu chứng từ do phòng Nhì Pháp lưu trữ, trường hợp Trần Huy Quang gây thắc mắc. Qua truyện ngắn Linh Nghiệm, giáo sư Nguyễn Văn Trung đặt thẳng vấn đề quan điểm lập trường với giới sáng tác: Nhà văn theo ai? phò Lê theo chúa Trịnh hay phò Lê theo chúa Mạc? Chúa Nguyễn hay Tây Sơn? và Tây Sơn nào? Nguyễn Nhạc hay Nguyễn Huệ? Đứng trước… binh biến, khi Huệ kéo quân về Quy Nhơn đảo chánh dưới chân thành chưởi mắng anh ruột Nguyễn Nhạc, nhà văn phải chọn lựa phe nào tốt, phe nào xấu? như Ngô Gia Văn Phái sau binh đao đã chọn Gia Long khi viết Hoàng Lê Nhất Thống Chí rồi sau chiến tranh Nam-Bắc 1975 Nguyễn Mộng Giác đã chọn Quang Trung khi viết Sông Côn Mùa Lũ[63]?

Tôi không tin bước sang thế kỷ 21, tiểu thuyết gia thiếu tự do tinh thần như vâïy, ít nhất với những tác giả may mắn thụ hưởng bộ luật Cộng Hoà của nền Cộng Hoà Pháp hay đạo luật Dân Chủ của Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ cho phép chế diễu các vị nguyên thủ quốc gia trong báo chí, trên truyền hình. Giới hạn hay thu hẹp tự do tinh thần đó, sẽ đưa đến triệt sản trong sáng tác, tương tự áp dụng cưỡng bách bộ luật Hồng Đức ‘‘Quân, Sư, Phụ’’ trên khắp các lục địa có nhà văn Việt sinh sống. Giáo sư Nguyễn Văn Trung quên mất, chọn lựa nào cũng mất mát và công pháp Hoa Kỳ, một công pháp cho phép thư ký Monica Lewinsky lôi hoàng thượng Bill Clinton ra toà xứng đáng áp dụng trong các toà án nhân dân Việt Nam.

*

Chắc chắn bài vị hay kỵ huý lẫn zâm zục[64] không phải là vấn đề lớn của tiểu thuyết. Tất cả những nhà văn đích thật đều đủ can đảm vượt qua cấm kỵ. Vấn đề quan yếu hơn hết: Quan niệm tiểu thuyết của một ngườøi viết văn? Ở đâu? Ra sao? Như thế nào? Nhà văn, anh muốn gì? tìm gì? và thể hiện cách nào điều anh nghĩ, điều anh muốn và điều anh đã tìm thấy?

Giáo sư Nguyễn Văn Trung đã rất quan tâm đến những câu hỏi này và ông đã giới hạn cho giới sáng tác, phần nào những khó khăn của nghề văn: ‘‘Nhà viết tiểu thuyết lịch sử chỉ được tưởng tượng phần đời tư của nhân vật, không được thay đổi những sự kiện lịch sử đã được nhìn nhận. Và dù viết sử hay tiểu thuyết lịch sử cũng đều phục vụ mục tiêu trình bày bài học lịch sử. Những phân biệt này đã không cho phép người viết tiểu thuyết lịch sử tùy tiện trình bày nhân vật lịch sử theo chủ quan của mình, trái lại phản ảnh quan điểm của người dân, quần chúng thường chỉ do sự khôn ngoan của lương tri soi sáng (?)[65]’’.

Quan niệm của giáo sư, như thế, rất gần với quan niệm tiểu thuyết của Tây phương thế kỷ 19. Victor Hugo, Honoré de Balzac, Alexandre Dumas và Emile Zola, những gương mặt rực rỡ của tiểu thuyết Pháp thế kỷ 19, đều đã xây dựng tác phẩm trong cách thức kể chuyện cổ điển với thời gian tuyến tính, tập trung quan sát tả thực và phân tích tâm lý. Xã hội bên ngoài ra sao, bên trong tiểu thuyết y như vậy. Con người ngoài xã hội trông thấy bằng mắt trần như thế nào, trên trang giấy đọc bằng mắt trần y như thế. Và lịch sử đồng nghĩa biến cố tập thể có kiểm chứng.

Dumas, Hugo viết tiểu thuyết cách nào? Có thể chép lại lần nữa, tóm lược của giáo sư Nguyễn Văn Trung đã dẫn: “Vì tiểu thuyết lịch sử không những chỉ cần tài liệu sử liên quan trực tiếp đến các nhân vật lịch sử về đời công, hoạt động chính trị, quân sự, cầm quyền, bối cảnh chính trị, xã hội thời đại của họ, mà còn cần tài liệu liên quan đến đời tư (gia đình, tình cảm, giao tế, cách ăn mặc). Người viết truyện sẽ dựng lại cuộc sống cụ thể của họ trong hoàn cảnh và thời đại… Đặc biệt các đoạn văn tả các nhân vật đối thoại với nhau: lối xưng hô như thế nào thời đó[66].’’ Vô cùng rõ ràng. Tiểu thuyết phải tái tạo sự việc một cách hiện thực, cụ thể, rõ mồn một. Nhà văn hư cấu trong chi tiết, không thay đổi bối cảnh, những biến cố lớn, thậm chí đến tâm tình, quần áo, lời ăn tiếng nói của nhân vật lịch sử. Tiểu thuyết mang chức năng của máy chụp hình lồng tiếng, có phụ đề, chỉ có thể thêm đôi ba người ảnh mà ống kính xưa không

thâu hết. Victor Hugo khi thao thức lương tâm trong Những Kẻ Khốn Cùng, Alexandre Dumas khi kể chuyện thập tự-đại bác của xã hội tôn giáo-quyền lực dưới thời hồng y Armand-Jean de Richelieu trong Ba Chàng Ngự Lâm Pháo Thủ đã không ra ngoài toát yếu cần ghi nhớ đó.

Thời điểm tháng 12.2002, khi giáo sư Nguyễn Văn Trung viết những dòng trên, ở Pháp xẩy ra hai sự kiện. Cuộc tranh luận trao giải Goncourt 2002 cho nhà văn Pascal Quignard với tác phẩm Les Ombres Errantes trong trường thiên Le Dernier Royaume[67] và nghi lễ long trọng cất linh cửu Dumas vào điện Panthéon, nơi an nghỉ của các vĩ nhân. Alexandre Dumas, gương mặt của văn chương cũ và Pascal Quignard, tác giả củahư cấu tùy tiện. Cuộc tranh luận phù du, giới sáng tác theo dõi chỉ giữ lại những hốt hoảng của phê bình hàn lâm: “Tiểu thuyết lịch sử ở Pháp đã chết, chôn vùi trong những văn bản kỷ xảo, mất hết khả năng chuyên chở thời đại![68]”.

Thật sự, hàn lâm không sai. Nhiều thập niên qua, ngoại trừ feuilletons, không có cuốn tiểu thuyết phẩm chất nào về chiến tranh Algérie, nỗi ám ảnh không rời của nền đệ ngũ Cộng Hoà hay cuộc nổi loạn trí thức tháng 5.1968 trên đường phố Paris. Tiểu thuyết Pháp đã không ghi lại những biến cố lịch sử lớn sau cùng này, hay đúng hơn đã không ghi lại dưới dạng roman historique. Guy Scarpetta, bình luận văn học cho báo Le Monde đặt câu hỏi: “Văn chương, chiếc gương soi của lịch sử?”[69]. Georges Luckas trước đó, tuyên bố:“Roman historique đã trở thành một thể loại phế tích không còn hợp thời nữa[70]”. Vì sao? Vì những dấu hiệu sự thật mà tiểu thuyết lịch sử truyền thống có thể trưng bầy đã bị các thể loại khác cướp mất. Diễn văn, hồi ký, tiểu luận, biên khảo, luận án, phóng sự, báo chí, v.v.. diễn đạt gấp trăm ngàn lần sự thật lịch sử này, trong chi tiết, với tư liệu chuẩn xác, với độ dày nghiên cứu công phu, hình ảnh đính kèm, mà tiểu thuyết không sao sánh bằng. Để đạt đến mức chuẩn xác khoa học đó, tiểu thuyết sẽ mất đi chất hư cấu, cốt lõi của sáng tạo sẽ đồng hoá với các thể loại đồng hành. Chính vì không muốn bán linh hồn cho quỷ mà các nhà văn phương Tây đã dần dần thôi viết tiểu thuyết lịch sử.

Thật ra, họ vẫn tiếp tục viết nhưng không dưới dạng thức của thế kỷ 19. Nghi lễ long trọng diễn ra tháng 12.2002 trước công chúng đông đảo chứng kiến tro tàn của Alexandre Dumas vào yên nghỉ nghìn thu trong điện Panthéon cách đây 6 tháng, mang một ý nghĩa đặc biệt: Cái chết vĩnh viễn của tiểu thuyết lịch sử truyền thống mãi mãi thuộc về quá khứ. Dạng tiểu thuyết mà giáo sư Nguyễn Văn Trung trong cùng thời điểm, bên kia Đại Tây Dương, vẫn kiên trì đòi hỏi nhà văn Việt thể hiện trong sáng tác. Giáo sư Nguyễn Văn Trung với tất cả tấm lòng yêu quý văn chương nghệ thuật trông đợi nhà văn Việt tra cứu chuyên cần, am tường và chuyên nghiệp hơn nữa mỗi khi va chạm lịch sử. Nhưng nếu sáng tác chấp nhận tức khắc yêu cầu lục lọi, sưu tập, tìm kiếm và tra cứu tư liệu của giáo sư, rất đông sẽ phủ nhận kết luận: Không nên tùy tiện. Giữa tra cứu và tùy tiện là hai vấn đề khác nhau. Am tường để tùy tiện hơn nữa, nghiên cứu kỹ lưỡng để phóng tay hơn nữa, luôn là nhu cầu của sáng tác.

Tại sao? Rất giản dị: tại sao phải chép lại gần như nguyên văn tài liệu? và người đọc tìm gì trong tiểu thuyết nếu có thể tìm thấy sự thật lịch sử trong thư viện? Chức năng của tiểu thuyết hiện đại không nhằm và không được quyền mô tả khái quát thực tế của thế giới đã ghi chép, phân tích, sao lục, mổ xẻ, chiếu X quang một cách tường tận trong những bộ môn không hư cấu. Tại sao vậy? Vẫn rất giản dị, vì có những điều chỉ có tiểu thuyết mới có thể trình bầy, như công thức lừng danh ce que seul le roman peut dire của Hermann Broch trong La Mort de Virgile. Tiểu thuyết, thể loại được khai sinh, để nói lên điều này, điều mà biên khảo, tiểu luận, sử ký, hồi ký, phóng sự, báo chí và cả phê bình không thể nói. Tiểu thuyết gia thế giới đã hiểu rất nhanh chức năng này. Chức năng tách rời những khung cửa sổ tràn ngập ánh sáng của chính sử luôn che đậy những vũng tối ẩm thấp ra khỏi ngôi nhà hoang vắng nhưng rất nhiều mồ mả để tìm hiểu phản ứng tâm lý của con người khi không còn nắng. Chức năng ghi nhận

những kinh nghiệm nhân loại mà sử gia không quan tâm hay không thấy giá trị. Chức năng làm ngã bổ những định kiến chắc chắn, chính thống, làm sụp đổ những khái niệm vĩnh hằng của thế giới vững tin đã định hình, yên trí đã bất biến và thám hiểm những mặt khác của vạn vật, v.v.. Có thể viết thành nhiều cuốn trường thiên không chứa hết những chức năng không quy ước vô tận này. Những chức năng sinh ra từ tự do tinh thần tuyệt đối của tiểu thuyết gia trong thế kỷ 20.

Để thực hiện các chức năng không quy ước đó, có nhiều thủ pháp, trường phái. Vẫn theo Guy Scarpetta[71], một trong những khuynh hướng chính hôm nay, và gần như con đường cho phép tất cả, nằm trong lối thoát phi hiện thực. Hôm nay? thật ra đã một thế kỷ. Tính từ khi Hermann Broch trong Les Somnambules và Robert Musil trong L'Homme Sans Qualité mô tả xã hội bên trong của đế quốc Áo-Hung, nêu bật lên hình ảnh thế giới sinh sống trên một lỗ thủng trống không những giá trị, và chính khoảng trốâng không đó đưa đến man rợ của thế chiến thứ nhất. Trong cùng mục đích, Aragon với những tiểu thuyết hiện thực Les Cloches de Bâle, Les Beaux Quartiers, Les Voyageurs de l'Impériale cố gắng tả thực một thế giới thực những năm 30-40, đã không mô tả được gì khác hơn xã hội đã được Balzac và Emile Zola mô tả. Frank Kafka kể chuyện người hoá bọ hoàn toàn không hiện thực, nhưng ghi lại toàn bộ sự thật tâm lý con người trong xã hội và William Faulkner ở Hoa Kỳ ghi nhận lịch sử hơn tất cả những đồ đệ của Dumas, Balzac. Gần hơn, trong chiều hướng chẩn đoán tâm thần nổi tiếng Le crime commis en commun, "tội ác tập thể" của Sigmund Freud, không phải những nhà văn hiện thực, nhưng Kenzanurô Oé, một nhà văn viết tự truyện giả tưởng, chuyên thám hiểm những vùng đất tạp kịch lộn xộn, đã soi chiếu cho nhân loại tâm thức tội phạm ẩn náu trong con người Nhật Bản gồng gánh và chịu đựng lịch sử Nhật Bản[72]. Sau Đông Âu, cũng không phải trào lưu hiện thực, nhưng những truyện giả tưởng phức tạp La Longue Vie des Marx, Etat de Siège, nhồi nhét hư hỏng của Juan Goytisolo vẽ cho người đọc vực thẳm phía sau cuộc chiến Nam Tư, phía sau bức tường Bá Linh. Juan Goytisolo thuộc trường phái huyễn tưởng của Jorge Luis Borges. Chưa hết, Milan Kundera, thần tượng đang lên của sáng tác Việt, chuyên gia khảo sát thế giới Cộng Sản cũng không hoàn toàn là một nhà văn hiện thực, và dĩ nhiên, thế giới biết đến những thần kỳ Nam Mỹ, những hợp âm phù du chồng chất qua Gabriel Garcia Marquez và Carlos Fuentès[73]. Vẫn chưa hết, đời sống di dân chìm đắm trong thời kỳ hậu thuộc địa, pha trộn văn hoá vẫn do một nhà văn không hiện thực trình bày, Salman Rushdie[74], trường phái fantastique.

Những nhà văn kể trên, đã tạo ra một loại tiểu thuyết mới, không truyền thống, và không bó buộc với những nhân vật lịch sử có thật nhưng vẫn ghi lại đầy đủ biến chuyển lịch sử của thế giới từ những biến cố nhỏ nhặt như thay đổi cá tính của dân làng hẻo lánh Macondo sau chứng bệnh mất ngủ trầm kha kinh niên, mà độc giả khi đọc Trăm Năm Cô Đơn của Marquez hiểu như nỗi băn khoăn thường trực trước nội chiến, trước xâu xé văn hoá bản địa-Tây Ban Nha của sắc dân Nam Mỹ vừa chấp nhận, vừa thù ghét, nhưng không lối thoát, khiến không thể chợp mắt cho đến lúc lú lẫn phản xạ máy móc - đến biến cố tầm cỡ như sự phân hoá của xã hội Roumanie, khi nhân vật Mina Bailar, một thiếu nữ trẻ đột nhiên tin tưởng mình sinh ra từ bắp đùi của Kafka, mang những tế bào của một con bọ, không thể nằm ngửa, chỉ có thể ngủ sấp. Maria Mailat, tác giả đang lên của tiểu thuyết ngoại quốc tại Pháp, không ngần ngại sử dụng ảo thuật lẫn hoang đường, khi cho một mụ phù thủy kiêm bói toán Tzigane truyền cho tất cả đàn ông Roumanie tội ác ngay khi sinh ra và thổi lên những cô gái chuẩn bị làm vợ bản năng khâu vá mọi thứ cùng sức mạnh trí tuệ với khả năng tiếp xúc các nhà văn lưu vong Eugène Ionesco, Emile-Michel Cioran đã chết nhưng hiện trở về và kể cho họ nghe lịch sử Roumanie sau khi chỉ ra con vi khuẩn gớm ghiếc truyền nhiễm lây lan gây bệnh của vùng Balkan-Transylvanie[75]. Một tác giả khác, Léo Pérutz bạn thiết của Kafka, ngay từ đầu thế kỷ đã ghi nhận tâm khảm sợ hãi của thanh niên Do Thái sinh sống ở Tiệp Khắc khi cho những họa sĩ trẻ, bất lực trước nghệ thuật tạo hình đi tìm Dracula cầu khẩn quyền lực của bóng tối

nhưng van nài xin tha cắn cổ. Bá tước Dracula, vị vương tửu của địa ngục, đã… nói huỵch toẹt bản chất bủn xỉn và yếu đuối của dân tộc Do Thái trước chủ nghĩa Phát Xít đang bùng nổ:“Ở tuổi các anh, mất chút máu cũng tiếc?”[76]

Tiểu thuyết, như thế, từ rất lâu đã rẽ sang nhánh không hiện thực này. Rất nhiều tiểu thuyết gia hàng đầu trên thế giới đã chọn con đường từ bỏ hiện thực để biểu trưng suy nghĩ của mình. Ảnh hưởng của hiện sinh gần như biến mất. Ảnh hưởng thiên anh hùng ca của André Malraux và Ernest Junger, cũng biến mất. Còn lại chủ nghĩa không anh hùng của Ernest Hemingway và Claude Simon.

*

Đến cuối bài viết, đọc lại, dường như do không am tường phương pháp luận khiến phần chứng minh đảo và phản chứng sự thật đã rất mong manh. Nhưng không lẽ, chỉ vì mình không nắm vững hiện tượng luận của Edmund Husserl mà sự thật trong lòng mỗi nhà văn không tồn tại? Chắc chắn trong mỗi tiểu thuyết gia đã có niềm tin thần thánh mỗi khi trước tác. Nếu triết học thường chứng minh sự hiện hữu cá nhân bằng hiện diện của kẻ khác, trong tiểu thuyết sự thật của nhà văn hiện hữu ngay khi có độc giả đầu tiên chia sẻ. Trường hợp độc giả không chia sẻ như giáo sư Nguyễn Văn Trung đã không chấp nhận, đưa đến vấn đề của sự thật. Và có vấn đề của sự thật.

Khi đòi hỏi sáng tác hư cấu trong giới hạn và trách nhiệm, giáo sư Nguyễn Văn Trung đã yêu cầu tái tạo trong tiểu thuyết một sự thật của chính sử, và nếu bước ra ngoài chính sử cần có bằng chứng, hoặc tập thể kiểm nhận. Sự thật đó, hoàn toàn vật chất và cố định, không sai nhưng không đủ, và cũng không tuyệt đối. Trong vật lý, Heisenberg đã từ lâu chứng minh con người chỉ có thể xác định chính xác hoặc vị trí hoặc vận tốc của một hạt điện tích hay hạt nguyên tử, nhưng không thể cả hai cùng một lúc. Một cách khác, mọi toan tính để tìm biết giá trị của một thông số đem đến hậu quả làm nhiễu loạn không thể dự kiến những thông số khác của hệ thống. Nguyên lý Bất Định[77] của Heisenberg minh chứng một chuyện khủng khiếp, sự thật này hủy hoại sự thật kia.

Trong triết học, Henri Bergson định nghĩa sự thật không do dự: “Sự Thật, là điều mà triết học chưa bao giờ thẳng thắn chấp nhận khả năng sáng tạo liên tục những mới lạ không thể dự báo”[78]. Với Bergson, sự mới lạ đưa đến đứt đoạn thời gian, và chính sự mới lạ chỉ có thêû kiểm nghiệm trong hiện tại đã chặt đứt quá khứ, qua đó, tìm thấy bản chất thật của vũ trụ, sức sáng tạo của thời gian. Triết học Bergson, hôm nay được công nhận, bảo chứng hùng hồn cho nhãn hiệu bảo hiên rồng vàng của các nhà văn trên thế giới đã không ngừng đổi mới sáng tác và khi thay đổi các dạng thức tiểu thuyết, họ đã thể hiện sự thật Bergson và săn lùng sự thật của chính họ. Không phải Bergson không gặp chống đối, và một chống đối tầm cỡ. Ngày 6 tháng 4 năm 1922, Einstein sang Pháp tham dự hội nghị triết học về thuyết Tương Đối đã bực bõ trước ghi nhận mang tính cách phủ định của Bergson phân chia thời gian của triết học và thời gian của vật lý[79]ù. Bực tức đến mức trong thư viết cho Solovine một năm sau, Einstein phê phán gay gắt:“Bergson, trong cuốn sách của hắn về thuyết Tương Đối, đã phạm những sai lầm quái vật, Chúa tha tội cho hắn”[80]. Ở đây, đã có hai sự thâït cá nhân dị biệt, được hai tập thể khác biệt Vật Lý và Triết Học công nhận. Trong cả hai trường hợp, sự thật của hai cá nhân thông thái xảy đến trước và ảnh hưởng lên sự thật của tập thể về sau.

Cũng giống Bergson, Heisenberg giải Nobel vật lý 1932 gặp chống đối dữ dội của Nobel vật lý 1929 Louis de Broglie không chấp nhận tính vô định thực sự[81]. Theo De Broglie, thuyết vô định của Heisenberg chỉ phản ảnh tình trạng thiếu kiến thức nhất thời của nhân loại, mà trong tương lai, có thể, khoa học sẽ tiến bộ, sẽ nắm bắt vấn đề dưới góc độ khác[82]. Như vậy,

trong vật lý, một khoa học chính xác, các nhà khoa học luôn luôn đặt lại vấn đề về những xác thực đã thiết lập vững vàng. Như thế, tại sao trong tiểu thuyết, một khoa học không chính xác, nhà văn không có quyền nghi hoặc đức độ của một minh quân, không có quyền hư cấu vô giới hạn và chiêm nghiệm hiện thực từ một góc độ khác, khi nhân loại hôm nay đã biết rõ và hiểu ra sự thật thay đổi trong thời gian và hoán chuyển tùy góc độ khảo sát. Trong toán học, đã từ rất lâu không còn một ai tin vào sự thật tuyệt đối, chỉ có sự thật cho những khung riêng biệt với những tiên đề sắp sẵn không chứng minh. Kinh thánh, một sự thật tập thể to lớn xây dựng trên khuôn mẫu này với tiên đề là đức tin đừng thắc mắc. Do đó, sự thật trong kinh thánh chỉ đúng cho tập thể Công Giáo, không ứng nghiệm với tập thể Hồi Giáo hay Phật Giáo. Sự thật của một cuốn tiểu thuyết, đúng cho cuốn tiểu thuyết đó và thuyết phục tập thể độc giả chia sẻ sự thật đó. Khác vật lý, tiểu thuyết khảo sát sự thật từ nhiều góc độ nhưng không cần chứng minh[83]. Giáo sư Nguyễn Văn Trung đã lầm lẫn khi đòi hỏi áp dụng công thức của thế kỷ 19 vào trong khung tiểu thuyết hôm nay xây dựng trên tiên đề axiome của thế kỷ 20-21. Không thể đòi hỏi ở ánh điện néon những tia lửa bập bùng của đèn cầy, đặc biệt khi con người vẫn chưa thể phân chất lửa, một sự thật cháy bỏng từ nhiều triệu năm.

Ponce Pilate, tổng lãnh binh La Mã của vùng Judée, sau khi giao Jésus Christ cho tập thể đóng đinh, đã nói với dân Do Thái: “Tôi vô tội trước cái chết của người này, các anh chịu trách nhiệm”. Ponce Pilate, gương mặt không thể thiếu của lịch sử Công Giáo, sau khi giao Đấng Trời cho đám đông hành quyết, đã trở vào cung điện kêu lên trong tuyệt vọng:“Đâu là sự thật?”

Sự thật trong kinh thánh. Cựu Ước và Tân Ước, những cuốn tiểu thuyết hiện thực huyền ảo.

Chú thích:
[1] Nguyễn Văn Trung, tiểu luận Vấn Đề Nhân Vật Lịch Sử: Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh và Những Cách Tiếp Cận, tạp chí Văn Học số 200 tháng 12.2002
[2] Gió Lửa của Nam Dao, Mùa Mưa Gai Sắéc của Trần Vũ, Sông Côn Mùa Lũ của Nguyễn Mộng Giác, Phẩm Tiết của Nguyễn Huy Thiệp, Tâm Sự Gia Long của Trần Nghi Hoàng, Gia Long Tẩu Quốc của Tân Dân Tử, Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử của Nguyễn Mạnh Côn, Mơ Thành Người Quang Trung của Duyên Anh
[3] Thụy Khuê phê bình Trường Hợp Trần Vũ và Sử Thạch Nguyễn Huy Thiệp
[4] Nguyễn Gia Kiểng tham luận chính trị Tổ Quốc Ăn Năn, Cao Văn Luận hồi ký Bên Dòng Lịch Sử
[5] Trương Vĩnh Ký biên khảo sử ký Cours d’Histoire Annamite, Tạ Chí Đại Trường Lịch Sử Nội Chiến Việt Nam, nhóm Tân Định – Sử Ký Đại Nam Việt Quốc Triều
[6] Tiểu luận văn học Gió Lửa Mô Hình Xã Hội Trong Tiểu Thuyết Lịch Sửû của Phạm Trọng Luật, Tại Sao Phải Là Nguyễn Huệ của Trương Vũ, Thời Điểm Của Câu Hỏi-Thời Điểm Của Con Người của Trần Đạo (Phan Huy Đường), tranh luận Vấn Đề Của Chúng Ta của Lam Sơn
[7] Nguyễn Mạnh Trinh Đọc Cái Chết Sau Quá Khứ của Trần Vũ, Văn Thanh Vài Suy Nghĩ Về Cuốn Sách Truyện Người Viết Sử
[8] Nguyễn Văn Trung, tiểu luận đã dẫn
[9] Nguyễn Văn Trung, tiểu luận đã dẫn
[10] Nguyễn Văn Trung, tiểu luận đã dẫn
[11] Nguyễn Văn Trung, tiểu luận đã dẫn
[12] Nguyễn Văn Trung, tiểu luận đã dẫn
[13] Trương Vũ, Tại Sao Phải Là Nguyễn Huệ, Hợp Lưu 5.1992, đề nghị tương tự thay tên nhân vật lịch sử
[14] Tuyệt đại đa số các thiên tử Việt Nam đều băng hà vì chiến tranh xâm lược-nội chiến, do gian thần hoàng thân quốc thích hãm hại trong bóng tối, hay chịu bức tử trong âm thầm lặng lẽ của những đổi ngôi bí mật, không do ý thức và hành động của quần chúng.
[15] hư cấu riêng của người viết, trên Marie-Antoinette 1755-1793

[16] hư cấu riêng của người viết, trên Ludwig Van Beethoven 1770-1827
[17] Christophe Bataille, Annam, Le Seuil 1993, có thể xem thêm tiểu thuyết Absinthe, Arléa
[18] Christophe Bataille, sách đã dẫn
[19] Le Serpent à Plumes, n° 27, Printemps 1995
[20] Một số biên khảo Vũ Trung Tùy Bút của Phạm Đình Hổ, Việt Nam Văn Hoá Sử Cương của Đào Duy Anh, Phủ Biên Tạp Lục của Lê Quý Đôn và đặc biệt Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí của Phan Huy Chú ghi chép kỹ lưỡng phong tục, nghi lễ, nghi thức, tế giao của triều đình và dân gian Việt Nam, trên lý thuyết cho phép tạo mẫu hàng mã hiện vật quá khứ. Nhưng trong thực tế, không tài chánh, không phương tiện kỹ thuật, thiếu trách nhiệm và tâm huyết khiến khoảng cách giữa văn bản và hình ảnh vẫn tồn tại.
[21] Giám đốc John Burger, trả lời phỏng vấn Thời Báo Kinh Tế Sàigòn: sau SARS số phòng có khách đăng ký trong khu vực giảm từ 80% xuống 20%, Hilton Hà Nội quyết định khuyến mãi trong tháng 4 chương trình «trả bao nhiêu tùy ý với giá khởi điểm 1 USD», dành riêng khách nội địa và khách nước ngoài lưu trú dài hạn. Tin Việt Nam Net.
[22] Võ Nguyên Giáp, Những Năm tháng Không Thể Nào Quên, nxb Quân Đội Nhân Dân 2001
Võ Nguyên Giáp, Chiến Đấu Trong Vòng Vây, nxb Quân Đội Nhân Dân 2001
Võ Nguyên Giáp, Đường Tới Điện Biện Phủ, nxb Quân Đội Nhân Dân 2001
Võ Nguyên Giáp, Điện Biên Phủ-Điểm Hẹn Lịch Sử, nxb Quân Đội Nhân Dân 2001
[23] Lực lượng phòng vệ Vĩnh Yên cách Hà Nội 40 kms về hướng Tam Đảo, bao gồm trung đoàn 8 Spahis Algérie, tiểu đoàn Mường với các đơn vị nhẹ tiểu khu dưới quyền Galibert và liên đoàn 3 lưu động của trung tá Vanuxem. Đại tá Rodon chỉ huy toàn mặt trận.
[24] Quân chủ lực Pháp nằm ở Lục Nam-Cẩm Lý (đại tá Erulin) và phía Bắc (đại tá Beaufre)
[25] Quân viện do tướng Chanson tư lệnh Nam Phần và Lorillot tư lệnh Trung Phần trưng dụng Air France gởi ra Hà Nội gồm 1 tiểu đoàn Lê Dương, 3 tiểu đoàn Bắc Phi và 1 tiểu đoàn Dù ngay trưa 15.01.1950.
[26] Trong hai ngày 16 và 17.01.1950, De Lattre kịp huy động tiểu đoàn 2 Nhảy Dù Thuộc Địa (2ème B.P.C) ném xuống Vĩnh Yên tăng cường cho Vanuxem. Rút liên đoàn 1 lưu động của De Castrie từ Lục Nam về Vĩnh Yên. Phản công với liên đoàn 2 lưu động của Edon tăng phái tiểu đoàn 10 Săn Giặc Nhảy Dù (10ème G.C.P.C) và chi đoàn chiến xa M-24 từ Phúc Yên vượt Hương Canh theo đường thuộc địa số 2 bọc sườn phía đông của Vĩnh Yên. Sau đó tung liên đoàn lưu động Clément và tiểu đoàn 1 Dù (1er B.P.C) quét mặt trận.
[27] Phân tích của Raoul Salan trong hồi ức Fin d'un Empire, Presses de la Cité 1971: «Giáp quá tự tin sau chiến thắng Biên Giới, đã tin có thể tràn ngập bằng biển người cánh quân tăng viện, đã chấp nhận đánh giàn trận. Giáp điều binh quá chậm, đã không khai thác thuận lợi của hỗn loạn xảy ra sau triệt thoái Bao Chúc. Đêm 14.01.1950, thay vì tập trung nỗ lực chính lên liên đoàn 3 lưu động đã mất tinh thần, Giáp đã chờ đợi, cho phép chúng ta tăng cường Vanuxem và gởi viện binh, khiến những đợt xung phong can đảm về sau của Việt Minh trong hai ngày 16 và 17 hoàn toàn thất bại ».
[28] Theo trung tướng Salan, sách đã dẫn, 24 tiểu đoàn quân chính quy Việt Minh (kiểm chứng chính xác 14 số hiệu tiểu đoàn) bỏ lại chung quanh Vĩnh Yên 1280 xác chết, 450 tù binh, ước tính tối thiểu 3000 thương binh. Pháp bắn 50.000 đạn pháo binh 105 ly, 200.000 quả đạn 75 ly, 250 phi vụ oanh kích để yểm trợ cho 13 tiểu đoàn tham chiến. Thiệt hại Pháp: 56 chết, 190 bị thương, 390 mất tích.
[29] Hoàng Văn Thái, Những Năm Tháng Quyết Định, Điện Biên Phủ-Chiến Dịch Lịch Sử
[30] Lê Trọng Tấn, Từ Đồng Quan đến Điện Biên, nxb Quân Đội Nhân Dân
[31] Nguyễn Hữu An, Chiến Trường Mới, nxb Quân Đội Nhân Dân
[32] Hoàng Cầm, Chặng Đường Mười Nghìn Ngày, nxb Quân Đội Nhân Dân
[33] Đặng Vũ Hiệp, Ký Ức Tây Nguyên, nxb Quân Đội Nhân Dân
[34] Đồng Sĩ Nguyên, Đường Xuyên Trường Sơn, nxb Quân Đội Nhân Dân
[35] V.I Tchouikov, Au Début de La Route, Berlin 1961
[36] A.M Samsonov, De la Volga à la Baltique, Académie des Sciences de l'URSS, Moscou

[37] I. Koniev, La Libération de l'Ukraine et l'Arrivée sur La Vistule, Moscou 1964
[38] A. I. Jeremenko, Stalingrad Notes d'un Commandant de Front, Moscou 1961, Berlin 1964
[39] Heinz Guderian, Mémoires d'un Soldat, Heidelberg 1951
[40] Erwin Rommel, La Guerre Sans Haine, carnets présentés par Liđell-Hart,Presses de la Cité 1962
[41] Eric Von Manstein, Les Victoires Perdues, Bonn 1955
[42] Charles de Gaulle, Mémoires de Guerre, Plon 1954
[43] Winston Churchill, Mémoires sur la Seconde Guerre Mondiale, L'heure Tragique, L'Orage Approche, D'une Guerre à L'Autre, La Drôle de Guerre, Plon
[44] Trương Duy Hy, Tử Thủ Căn Cứ Hoả Lực 30 Hạ Lào, Xuân Thu tái bản
[45] Cao Xuân Huy, Tháng Ba Gẫy Súng, không nhớ nxb
[46] Hoàng Khởi Phong, Ngày N+,Văn Nghệ 1988
[47] Bảo Ninh, Nỗi Buồn Chiến Tranh, 1991
[48] Nguyễn Huy Thiệp, Những Ngọn Gió Hua Tát, nxb Văn Hoá-Hà Nội 1989
[49] Thập niên 20, khi khởi nghiệp văn Borges sớm bị đồng nghiệp rẻ rúng. Enrique Anderson Imbert, bình luận văn học cho tuần san cánh tả La Vanguardia đã nghi ngờ tài năng và trách cứ Borges quay lưng trước thực tế đói kém của xã hội. Ramón Doll, lý thuyết gia cực hữu chưởi mắng tác phẩm Borges mang mùi xú khí hôi thối. Tạp san Mégafono phải tổ chức tranh luận về giá trị Borges. Imbert sẽ trở thành một giáo sư đại học tiếng tăm ở Hoa Kỳ và Doll, sẽ tham chánh. Thập niên 50, Á Căn Đình chịu chi phối bởi hai luồng tư tưởng Marx và hiện sinh, khắc tinh của thể loại hoang tưởng, đưa đến những phản ứng gay gắt của quần chúng và đàn áp của chính quyền Péron. Nếu tính từ thi tập đầu tay Fervor de Buenos Aires xuất bản 1923, cho đến La Nueva Generacion Thế Hệ Mới, cuốn sách vinh danh Borges đầu tiên do Adolfo Prieto biên khảo năm 1954, phải mất 3 thập niên nhà văn mới được công nhận chánh thức trên chính quê hương của ông.
[50] Các tác phẩm chính: La Bibliothèque de Babel xuất hiện lần đầu năm 1941 trong tập 1 Le Jardin aux Sentiers qui bifurquent, tái bản 1944 cùng với tập 2 Artifices, khởi đầu dòng truyện huyễn tưởng của Borges (dịch sang Pháp văn trong tập truyện ngắn Fictions, nxb Gallimard 1957). Tiếp đó L'Aleph, Edition Losada xuất bản năm 1949 trong bộ sưu tập Les Prostateurs d'Espagne et d'Amérique với các truyện ngắn L'Immortel, Les Théologiens, L'Homme Sur Le Seuil,v.v.. tiếp nối mạch truyện hoang đường này. Trước đó Histoire Universelle de L'Infamie và Histoire de l'Eternité tập đôi xuất bản năm 1935 chỉ bán được 37 cuốn (dịch sang Pháp văn năm 1951, nxb Rocher, Pléiade tái bản). Ngoài ra Otras Inquisiciones, xuất bản 1952 tại Á Căn Đình, bao gồm các tiểu luận về bất tử và vô tận của Borges viết từ 1937 đến 1952 (dịch trong tập Enquêtes, nxb Gallimard 1957, Pléiades tái bản dưới tựa gốc Autres Inquisitions).
[51] Mai Ninh, Mưa Mùa Xa, Văn Xuân Quý Mùi chủ đề Ký tháng 02.2003
[52] The Last Temptation of Christ, do đạo diễn Martin Scorsese thực hiện năm 1988, phỏng theo tiểu thuyết của Nikos Kazantzakis viết về cuộc đời của Jésus (Willem Dafoe), một thợ mộc sinh sống bằng nghề đóng thập tự gỗ bán cho quân La Mã dùng đóng đinh các tử tội. Một ngày Jésus gặp Judas (Harvey Keitel) rồi gái điếm Marie-Madeleine (Barbara Hershey) sẽ đi theo anh lên đồi Golgotha. Khác với diễn dịch chính thống trong phim truyện của Franco Ziffirelli (version chánh thức được Vatican cho phép), Jésus không sắm vai tiên tri, nhưng trình diện như một nạn nhân của định mệnh, ngay cả Judas không phản bội, nhưng yêu thương che chở Jésus hết mực và Marie-Madeleine, là người duy nhất hiểu đấng Christ. Tiểu thuyết Kazantzakis đảo ngược cách tiếp nhận kinh thánh quen thuộc.
[53] Nguyễn Thị Hoàng, trích đoạn tiểu thuyết Người Yêu Của Đấng Trời, Hợp Lưu 71 2003
[54] C.L.S.M compagnie légère de supplétifs militaires, đại đội nhẹ phụ lực quân
[55] Giáo Sĩ, trích đoạn tiểu thuyết đăng trên Hợp Lưu 68, tháng 12.2002
[56] Truyện ngắn Nhã Nam, tạp chí Văn Học số 114 tháng 10.1995
[57]Nguyễn Khải, Một Cõi Nhân Gian Bé Tí, nxb Văn Nghệ TP HCM, 1989
[58] Nguyễn Khải, Điều Tra Về Một Cái Chết, không nhớ nxb

[59] Nguyễn Khải, Thời Gian Của Người, nxb Tác Phẩm Mới 1986
[60] Nguyễn Khải, Thời Gian Của Người, nxb Tác Phẩm Mới 1986
[61] Nguyễn Văn Trung, tiểu luận đã dẫn
[62] Giáo sư Nguyễn Văn Trung đưa ra 2 luận điểm: dùng tên giả có quyền hư cấu, nếu dùng tên thật phải có bằng chứng sự kiện đã diễn ra như vậy, nếu không sẽ là phỉ báng. Trong trường hợp Linh Nghiệm, Trần Huy Quang không dùng tên thật Hồ Chí Minh, giáo sư không mâu thuẫn với luận điểm 1, nhưng đã không áp dụng luận điểm 2, khi Trần Huy Quang không dựa trên chứng liệu lịch sử nào cụ thể. Mâu thuẫn khác, giáo sư đã không hỏi Trần Huy Quang "đi thăm đền thờ Hồ Chí Minh và gặp những người tôn thờ Hồ Chí Minh, liệu có dám nói trước mặt họ những điều xúc phạm, lăng nhục, bịa đặt như đã viết ra không?''
[63] Nguyễn Mộng Giác, Sông Côn Mùa Lũ, nxb An Tiêm 1991
[64] trong cùng tiểu luận đã dẫn, giáo sư Nguyễn Văn Trung đặt vấn đề Dâm Tính dưới hình thức Tây Phương trong sáng tác Việt Nam mà phạm vi khoanh vùng lịch sử của bài viết này không cho phép triển khai, xin đề cập đến ở một dịp khác.
[65] Nguyễn Văn Trung, tiểu luận đã dẫn
[66] Nguyễn Văn Trung, tiểu luận đã dẫn
[67] Pascal Quignard, Dernier Royaume, 3 tập: Les Ombres Errantes, Sur le Jadis, Abimes, nxb Grasset 2002
[68] Guy Scarpetta, La Littérature, Miroir de l'Histoire? Le Monde Diplomatique, Mars 2003
[69] Guy Scarpetta, báo Le Monde đã dẫn
[70] Guy Scarpetta, báo Le Monde đã dẫn
[71] Guy Scarpetta, báo Le Monde đã dẫn
[72] Kenzanurô Ôé, Le Jeu de Siècle, Gallimard.
[73] Carlos Fuentès, các tiểu thuyết La Plus Limpide Région, La Mort d'Artémio Cruz, Christophe et Son Oeuf, La Frontière de Verre, Gallimard, Edition Livre de Poche
[74] Salman Rushdie, các tiểu thuyết Les Versets Sataniques, Le Dernier Soupir du Maure, Est-Ouest, Plon.
[75] Maria Mailat, La Cuisse de Kafka, Fayard 2003
[76] Léo Pérutz, Le Maitre du Jugement Dernier, Fayard 1989, collection Livre de Poche
[77] Nguyên lý Bất Định (principe d'incertitude) ra đời năm 1927, do Heisenberg chủ thuyết, khởi nguồn cho hệ thống dùng lý thuyết xác suất của ngành cơ học sóng (mécanique ondulatoire), đã đóng vai trò quan trọng trong sự tiến hoá của ngành cơ học nguyên lượng (mécanique quantique) và trong lối suy nghĩ mới của triết học hiện đại. Đây là định luật căn bản khiến vật lý nguyên lượng khác biệt vật lý cổ điển vốn mang tính chất chính xác.
[78] Henri Bergson, Le Possible et le Réel trong La Pensée et le Mouvant, trg 115
[79] Henri Bergson cho xuất bản La Durée et Simultanéité năm 1922, với tiểu tựa A propos de la théorie d'Einstein, phê bình Thời Gian đa chiều và co giản trong thuyết Tương Đối.
[80] Albert Einstein, Correspondances françaises trong Oeuvres Choisies, Seuil /CNRS
[81] Louis de Broglie, Nouvelles Perspectives en Microphysique
[82] J Michel Counet, Centre de Philosophie des Sciences, Université Catholique de Louvain
[83] Milan Kundera, trích dẫn từ La Vie est ailleurs: «Thi ca là một vùng đất mà mọi xác quyết trở thành sự thật. Thi sĩ đã nói hôm qua: Đời sống trống rỗng như một giọt nước mắt, thi sĩ nói hôm nay: Đời sống tươi như một nụ cười, và ở mỗi lần thi sĩ đều có lý. Hắn nói hôm nay: Tất cả chấm dứt và tàn lụi trong im lặng, hắn nói ngày mai: Mọi thứ chưa chấm dứt, tất cả hãy còn kêu vang vĩnh cửu và cả hai đều thật. Thi sĩ không cần chứng minh; bằng chứng duy nhất tồn tại trong cường độ của rung cảm. » .

Mưa trong truyện ngắn của Trần Vũ

Nguyễn Hạnh Nguyên

**Viết tặng nhà văn Trần Vũ*

Tìm hiểu bút pháp của một nhà văn, là tìm hiểu những gì ám ảnh hay ít nhất đã gây ấn tượng trong tâm trí nhà văn để làm nên bút pháp ấy. Trần Vũ đã mở đầu bài ký *Di vật* [1] bằng những dòng bộc bạch: ‘‘*Mỗi con người ngày nay mang trong mình một di vật. Với tôi là chiến tranh và tiểu thuyết. Chiến tranh của suốt tuổi hoa niên không bao giờ chấm dứt và tiểu thuyết của một thời đại đã biến mất...*” Chỉ mấy câu văn ngắn ngủi nhưng đã cho tôi hiểu về anh nhiều hơn những gì mà câu chữ truyền tải.

Theo tôi, “di vật” của Trần Vũ không chỉ có chiến tranh và tiểu thuyết mà còn là*những cơn mưa*. Không ngẫu nhiên mà trong truyện ngắn của anh, mưa được miêu tả trở đi trở lại nhiều lần, rất đẹp và đầy biến ảo. Trong một lần trò chuyện, anh chia sẻ rằng: ‘‘*Tôi ưa mưa. Tôi không thấy ở đâu mưa đẹp bằng ở xứ nhiệt đới. Mưa làm cảnh vật xanh um lá và làm dịu không gian. Mưa đem đến sự reo vui của âm thanh và sự trong trẻo của nước. Mưa ở Á châu cuồng mạnh và ầm ĩ. Mưa như xối nước, mưa vang tiếng cười trẻ thơ và sự giao hòa trời đất lồng lộng... Sống xa quê, tôi rất nhớ những cơn mưa quê nhà*”.

Khảo sát trên những văn bản tác phẩm của Trần Vũ, tôi thu được một kết quả khá thú vị: có tổng số 13 trên 27 truyện ngắn mà trong đó có sự hiện diện hình ảnh của những cơn mưa. Điều này đủ để nói lên rằng mưa chiếm một vị trí nhất định trong ký ức của anh — có thể nói gần như một nỗi ám ảnh.

Cắt nghĩa hình ảnh mưa trong truyện ngắn của Trần Vũ, bài viết của tôi chú ý hai phương diện sau: Mưa — cảnh sắc thiên nhiên huyền ảo, dữ dội và say đắm; Mưa — biểu tượng mang tính ẩn dụ đa nghĩa.

1. Mưa — cảnh sắc thiên nhiên huyền ảo, dữ dội và say đắm.

Đem theo ký ức vào những trang văn, mưa trong truyện ngắn của Trần Vũ trước hết được miêu tả với vẻ đẹp huyền ảo, nên thơ gợi sự say đắm, trong trẻo. Đó là hình ảnh của cơn mưa chiều được ví như một dải lụa dài mềm mại, thướt tha vắt ngang qua không gian bao la của núi đồi trong truyện ngắn *Nhã Nam* [2]: ‘‘*Nhã Nam buổi chiều mưa căng qua rừng vải giống lụa ướt máng dài tới núi..*”. Nhìn từ trên cao, dải lụa mưa ấy sáng lên vẻ lung linh và thanh khiết làm lay động hồn người không thôi: “*mưa Nhã Nam trong, đẹp như hạt ngọc*”. Nếu mưa Nhã Nam mang vẻ đẹp mềm mại, duyên dáng thì những cơn mưa ở Thuận Hóa trong *Cái chết sau quá khứ* [3] lại mang vẻ đẹp vừa huyền ảo vừa cuồng nhiệt, đam mê, chan chứa. Đó là những trận mưa đầu thu với những hột mưa nhỏ mà tròn mọng: ‘‘*mưa ở phá đẹp kì ảo*. *Cả một vùng trắng ngần trắng lịm, những tảng nước trắng xóa lồng lộn sa sầm xuống mặt đầm rồi tung bắn lên quẩy với hơi sương, giăng giăng mờ mờ, chạy chạy đường võng trên không. Mưa ở phá rầm rập ào ạt mạnh mẽ. Bầu trời trắng lòa lòa những nước là nước*”. Còn là làn ‘‘*mưa xuân trắng mờ mịt cánh đồng”* khiến cho “*cả một mặt ruộng như điểm sương, trổ mai trắng, mọc rưng rức đến ngút ngàn..*”.

Như một đối tượng khách thể, mưa trong truyện ngắn của Trần Vũ không chỉ mang vẻ đẹp huyền ảo, nên thơ, trong trắng mà còn chứa đựng cả những gì dữ dội, bí ẩn và đầy khắc nghiệt của thiên nhiên. Những tính cách tưởng như rất mâu thuẫn ấy lại là đặc trưng của mưa nhiệt đới — những cơn mưa vốn đẫm ướt trong kí ức của nhà văn. Ai đã từng đọc truyện ngắn Trần Vũ, hẳn còn nhớ trận mưa kinh hoàng của một cơn bão trên đại dương trong *Biển san hô* [4]: ‘‘*Cơn bão đổ ập bất ngờ không báo trước… mưa rơi ngay sau đó, mạnh bạo bắn đâm lớp lớp xuống mặt biển cũng dậy sóng theo […]. Cả đại dương tối sầm, xám xịt không trông rõ quá ba thước. Hạt mưa nặng như mũi dao đâm lún vào da mặt mọi người. Tiếng sóng reo dậy*

lên ở tứ phía…".Không phải ngẫu nhiên mà trận mưa trong *Biển san hô* được nhà văn đặc tả đầy dữ dội, hung hãn tựa như cơn cuồng nộ của đất trời. Theo lời kể của Trần Vũ, đó là một trải nghiệm mà anh không thể nào quên trong quãng đời thuyền nhân của mình: "*chúng tôi đang đóng bè bơi lóp ngóp trên biển, bỗng một trận mưa sa xuống làm mặt biển Thái Bình Dương đang bằng phẳng dậy lên những cột gai mưa như bàn chông*".Trong truyện ngắn *Vĩ Diên* [5], sự cuồng nộ của mưa một lần nữa lại được tái hiện trên trang văn: ''*Trận mưa đầu của tuần lễ Tro trút lên mái tất cả giông tố của núi rừng*". Và hẳn độc giả cũng không quên "*những cơn mưa Miên nóng và độc* " được Trần Vũ nhắc tới trong *Đồng cỏ Miên* [6]: "*Những giọt mưa nóng và nặng hạt*" của một vùng đất lam sơn chướng khí không làm mát mà chỉ gây khó chịu. Chưa hết, nó còn làm cầu nối tới cõi chết khi gieo rắc bệnh tật cho con người. Theo lời kể của Trần Vũ, đó là một trải nghiệm mà anh không thể nào quên trong quãng đời thuyền nhân của mình:"Bên cạnh đó, mưa trong truyện ngắn của Trần Vũ còn toát lên vẻ u ám, hiu hắt như cơn mưa của một ngày ám trời trên đầm Thị Nại trong *Mùa mưa gai sắc* [7]: "*cả một mặt đầm gợn sắc mây, mưa lướt thướt mỏng như những cánh chuồn rù rì vẩn vơ trên mặt nước*". Hay mưa khô cằn ở Quy Nhơn: ''Tôi biết Huệ đã lâu. Từ lúc Huệ còn niên thiếu, những trận mưa rào còn bất chợt đổ về qua qua ấp Tây Sơn, thứ mưa nóng và ẩm của vùng Qui Nhơn sỏi đá…" hoặc mang vẻ ảm đạm, đìu hiu, lạnh lẽo bao phủ không gian nghĩa trang trong *Buổi sáng sinh phần* [8]: ''*Mưa vẫn còn rơi lai rai khi Điềm vào tới nghĩa trang. Hai ven đường mồ mả mọc đìu hiu nằm men sau dãy tường thấp. Gió thổi bời rời, phe phẩy dăm ba hột mưa ảm đạm. […] Trời mưa ri rỉ suốt cả một buổi làm bầu trời xám ngắt như đã ngã về chiều dù chỉ mới quá trưa*".

Tóm lại, với tư cách là một khách thể của thiên nhiên — mưa trong truyện ngắn của Trần Vũ được miêu tả với dáng vẻ khá đa dạng: vừa huyền ảo, trong trẻo, say đắm vừa dữ dội, cuồng nhiệt và bí ẩn. Những giọt mưa, những cơn mưa trở đi trở lại, không còn thuần túy là những cơn mưa của tự nhiên mà đã đan dệt thành nhiều biểu tượng ẩn dụ đặc sắc.

2. Mưa — biểu tượng mang tính ẩn dụ đa nghĩa.

Trong văn hóa nhân loại, mưa được coi là biểu tượng của những tác động của trời mà mặt đất tiếp nhận được. Mưa là tác nhân làm cho đất sinh sản, nhờ mưa mà đất được phì nhiêu, màu mỡ. Mưa là ân trời, cũng là đức hiền minh. Mưa đem đến sự phong nhiêu tinh thần và vật chất. Bên cạnh đó, mưa còn được nhìn nhận như là biểu tượng của tính dục: nước mưa được coi như tinh dịch. Trong biểu tượng giao phối giữa Trời và Đất, mưa là tinh khí làm thụ thai. Có khi mưa còn được đồng nhất với máu.

Với tần số xuất hiện không nhỏ, mưa trong truyện ngắn của Trần Vũ còn xuất hiện với tư cách là một biểu tượng nghệ thuật đa nghĩa. Biểu tượng mưa trong truyện ngắn Trần Vũ không chỉ là sự tiếp nhận những ý nghĩa vốn có trong mẫu gốc mà thiên về sự sáng tạo, bổ sung các hướng nghĩa mới cho mẫu gốc. Tựu trung lại có một số hướng nghĩa chủ yếu sau đây:

2.1. Mưa — sức mạnh thanh tẩy, hồi sinh và tái sinh.

Mưa với tư cách là sức mạnh thanh tẩy, hồi sinh và tái sinh hiện diện trong một loạt truyện ngắn của Trần Vũ. Đó là những trận mưa được xem như nguồn ân sủng đặc biệt đối với những nữ giao liên trong *Bên trong pháo đài* [10]. Ngoài sự ngột ngạt, thiếu thốn, hiểm nguy của cuộc sống nơi những căn hầm nằm sâu trong lòng đất, họ còn có một nỗi khổ khó nói: ''*trong thâm tâm, lũ con gái mong mưa như đất hạn mong nước*". Mỗi khi trời mưa, họ ''*túa đi, thi nhau hứng những giọt nước trong suốt, rỉ nhiễu từ những rễ cây mọc len lỏi trong đất* ". Mưa đánh thức những kỉ niệm êm đềm và những tinh nghịch hồn nhiên trong họ: ''*Bốn đứa con gái vụt trở nên trẻ thơ, đùa giỡn tạt nước vào nhau…*". Sau những buổi tắm mưa như thế, cả thể

xác và tinh thần của họ đều như được hồi sinh, tràn trề sức sống: "*tóc Nhu óng ả mượt mà hẳn lên, thôi dính bệt từng mảng bùn đỏ ké… Da thịt Huệ cũng hồi sinh nuột nà, bay mất mùi bếp và tro than*". Họ cùng quây quần, thủ thỉ kể cho nhau nghe những mẩu chuyện góp nhặt được. Sự khốc liệt và gian khổ của chiến tranh như biến mất, chỉ còn lại tiếng cười khúc khích và sự thư thái trong tâm hồn của bốn nữ giao liên.

Tương tự như vậy, trận mưa lớn trong *Giấc mơ thổ* [11] cũng được nhà văn miêu tả như một tác nhân làm hồi sinh mạnh mẽ từ cỏ cây đến vách đá vô tri: ''*Trận mưa mạnh, những hột mưa to, nặng, chậm, sâu… Mưa xắn xuống bao lơn tưới ướt chậu quất. Hơi mưa man mát lẻn vào buồng kêu tí tách. Vách tường ẩm rêu chảy nhờn nước. Khối đá xù xì sát cửa sổ bắt đầu hồi sinh*". Không chỉ làm hồi sinh mạnh mẽ thiên nhiên, cơn mưa ấy còn đánh thức những nhạy cảm bất ngờ trong tâm hồn nhân vật Vĩnh. Anh có thể nghe thấy vạn vật ngoài kia đang "*cựa mình tắm mưa*". Hơn cả việc đánh thức sự nhạy cảm của giác quan, cơn mưa ấy đã giúp Vĩnh thanh tẩy "*những ám ảnh còn sót từ giấc mơ..*", đem lại sự ''*khoáng đạt nội tâm bất chợt*". Nếu chén trà thổ như một liều thuốc đặc biệt ru Vĩnh ngược dòng thời gian, sống với những nỗi ám ảnh của quá khứ thì cơn mưa là tác nhân "làm loãng" ảnh hưởng của nó, đưa anh trở về với hiện tại — để cảm nhận những gì đang xảy ra xung quanh mình.

Không chỉ là nguồn sức mạnh rửa trôi đi những bụi bặm cuộc đời, mưa còn như chiếc cầu nối giúp đôi bạn trẻ trong *Đầm lầy hạnh phúc* [12] nhận ra và thấu hiểu tình yêu của chính mình. Cơn mưa cuốn trôi đi những giận hờn, lầm lỗi, muộn phiền. Họ đứng trong mưa — những giọt mưa và nước mắt của họ hòa chung với nhau. Thượng đế đang chia vui hay cảm thương cho tình yêu và hạnh phúc tội nghiệp của họ? Thật khó mà biết được. Chỉ biết rằng dưới cơn mưa ướt đẫm, họ hiểu rằng không thể sống thiếu nhau: ''*Mùa hạ còn hay hết? Không còn là vấn đề. Mùa hạ chấm dứt với mọi người dưới kia, dưới cơn mưa đầu thu tầm tã.''* Nhưng Hạ là tên thiếu nữ, sẽ ở mãi với người thanh niên thuyền nhân từ đây.

2.2. Mưa — tiếng gọi quyến rũ và đam mê của dục tính.

Dường như "*hấp lực âm dương bẩm sinh thuộc bản tính khởi thủy hằng tồn trong bản thể con người''* có một sức quyến rũ vô cùng kỳ lạ với tất cả những người cầm bút mà Trần Vũ không phải là một trường hợp ngoại lệ. Trong các truyện ngắn của mình, nhà văn không những khám phá con người từ chiều kích của dục tính mà đôi khi cũng tiếp cận thiên nhiên bằng chính lăng kính này. Điều đó lý giải tại sao không ít những cơn mưa trong tác phẩm của Trần Vũ vang vọng một thứ tiếng gọi của dục tính đầy đam mê, cuồng nhiệt và nồng nàn đến như vậy.

Đó là những váng mưa đài các, kiêu sa của Phú Xuân trong *Mùa mưa gại sắc*: "*Mưa ở Phú Xuân là những váng mưa ngà ngọc, buông như buông trướng, kiêu sa đổ đều trên mái tường thành cung điện của Nguyễn Vương* ". Mưa được nhân hóa, gợi liên tưởng đến mái tóc của một người đàn bà đẹp đang làm duyên. Mưa như gọi mời chiêm ngưỡng vẻ đẹp lẳng lơ "da thịt" của Phú Xuân. Mưa còn như cất giấu trong mình nhung lụa, phú quý và quyền uy của nghiệp đế vương từ bao đời. Lần đầu tiên ra Phú Xuân, tắm mình trong những hột mưa đài các và lạnh lẽo ấy là "*lần quan trọng nhất*" trong đời Nguyễn Huệ. Từ đây ngọn lửa tham vọng trong mắt Huệ như cháy bùng lên mạnh mẽ và càng mạnh mẽ hơn bao giờ hết — như không bao giờ có thể dập tắt được. Rõ ràng, mưa ở Phú Xuân không chỉ là cơn mưa tự nhiên của đất trời mà là cơn mưa gợi những ham muốn quyền lực và khát vọng chiếm đoạt nơi Huệ. Sau này, Huệ thu phục Thăng Long bằng cách thức không khác gì hành động cưỡng bức chiếm đoạt thân xác của Ngọc Hân.

Tương tự như vậy, trong *Cái chết sau quá khứ*, mưa được miêu tả vô cùng quyến rũ. Mưa gợi lên những đam mê thầm kín nhưng cũng rất đỗi tự nhiên của con người. Mưa làm tỏa sáng vẻ

đẹp quyến rũ của thân thể Ngự — thân thể thiếu nữ tràn đầy sức sống và gợi tình: ‘‘*Vải áo mớ ba chảy dán, bó rịt người, thân thể Ngự nổi lửng lên như một nhành lúa trổ vươn trên mặt ruộng lụt nước. Ngự xõa tóc xổ tung rã rượi, chân dầm trong nước, mắt dầm trong mưa. Ngự xòe hai cánh tay mở lòng đón mưa. Những hột mưa nhỏ và tròn mọng, Ngự bảo là đốt tay Phật, vỡ vào đâu, phúc đến đấy. Phật tắm phúc lên người Ngự. Tôi đứng ngẩn ngơ nhìn phúc của Thượng đế vỡ hoa trên da thịt Ngự*”. Không chỉ là tác nhân làm bùng lên khát khao nhục dục, ở đây mưa còn là hiện thân của ước vọng thoát tục khi hóa thành những “giọt phúc” — là ân sủng của đáng tối cao ban xuống. Tắm mình trong những “giọt phúc” ấy, vẻ đẹp của Ngự vừa gọi mời ái ân vừa rạng ngời sự thánh thiện tinh khôi.

Bên cạnh đó, mưa còn là chứng nhân cho cuộc tình vụng trộm ngang trái nhưng cũng vô cùng mãnh liệt của “tôi” và Ngự: ‘‘*Mưa đêm nhỏ hột tâm tích, nước nhiễu tong tong […], hơi thở Ngự ấm rát. […] Ngự nhắm nghiền mắt, để yên cho da thịt nở dưới tay tôi. Bao nhiêu lửa ở đống củi, như chảy tuôn hết vào trong người Ngự, căng chín, nóng bỏng… tôi đang uống môi Ngự ngọt lịm nước mưa. Ngự là cuộc đời của lão Chu, là giọt nước tinh chất trong suốt vỡ trên cánh đồng tuổi trẻ bạt ngàn gió chướng trong tôi*”. “Tôi” ân ái với Ngự hay ân ái với mưa? Bởi mỗi giọt mưa “tôi” uống từ môi Ngự là một giọt tình chảy lai láng vào trong mình “tôi”. Một bên muốn uống cho đầy nhưng vẫn không thỏa được cơn khát của tâm hồn khô cằn như cánh đồng hoang vu và cô độc. Còn một bên muốn bù đắp, gửi trao và giúp bên kia tìm lại những gì đã mất — tuổi trẻ, mơ ước, khát vọng. Một cho đi và một nhận về.

Mặt khác, cũng trong truyện ngắn này, tác giả còn dành khá nhiều dòng văn để nói về mưa — như một ẩn dụ khác của hành động tính dục nơi con người. ‘‘… *Mà thịt da Ngự thẩm thấu lạ. Mỗi bận mưa giông cả một láng mưa, nhọn hoắt, buốt như kim quất qua mái chùa trước khi đâm xuống mặt hồ xanh ngọc, vậy mà khi gieo xuống mình Ngự, những kim mưa tan biến không để lại dấu vết*”. Những câu văn không đơn thuần là tả thực mà còn khơi gợi một tầng ý nghĩa khác nữa. Phải chăng những giọt mưa từ trời rơi xuống cũng tựa như những giọt tinh dịch từ cơ thể người đàn ông trút sang cơ thể người đàn bà trong cơn cực cảm giao hoan. Tất cả đều biến mất, không để lại dấu vết bên ngoài.

Có thể nói, việc lồng ghép và miêu tả mưa qua lăng kính của dục tính là một trong những nét riêng của Trần Vũ. Cách tiếp cận này vừa quen vừa lạ. Quen vì đã phản ánh được điều mà tri thức văn hóa nhân loại đã ghi nhận: mưa là biểu tượng hôn phối của trời đất — nước mưa rơi xuống làm vạn vật sinh sôi nảy nở, tốt tươi. Lạ, vì ngòi bút Trần Vũ táo bạo đồng nhất mưa với thân thể đầy quyến rũ gợi tình, gọi mời ái ân của phái nữ. Kiến tạo ý nghĩa cho biểu tượng mưa là một minh chứng cho thấy sự kế thừa và biến hóa trong sáng tác của Trần Vũ.

2.3. Mưa — nỗi thống khổ của kiếp người.

Bên cạnh những nét nghĩa nói trên, mưa trong truyện ngắn của Trần Vũ còn là chứng nhân cho nỗi thống khổ của kiếp người. Đây là điểm ít thấy trong văn hóa phương Tây nhưng lại bắt rễ sâu xa trong văn hóa của người Việt. Nó kết đọng trong cách giải thích về nguồn gốc của mưa ngâu tháng 7 (truyền thuyết Ngưu Lang - Chức Nữ) và trong quan niệm coi mưa như nước mắt của trời khóc cho những mất mát của cõi người. Hướng nghĩa này có thể tìm thấy trong các truyện:*Mưa bên chồng* [13], *Pháo thuyền trên dòng Yang–Tsé* [14], *Mùa mưa gai sắc, Cái chết sau quá khứ.* Cả bốn tác phẩm đều phản ánh những bi kịch đau đớn của con người ở các hướng tiếp cận khác nhau. Trong mỗi tấn bi kịch ấy, đều có sự hiện diện của những cơn mưa — vừa như nỗi oán hận, đau đớn, mất mát của chính những người trong cuộc, vừa tựa như là nước mắt của Trời nhỏ xuống khóc thương cho những kiếp người tội nghiệp.

Câu ca dao của người xưa: ‘*Thân em như hạt mưa sa. Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày* thật đúng với số phận của nhân vật Chuyên trong truyện ngắn *Mưa bên chồng*. Cuộc đời làm dâu của cô buồn nhiều hơn vui, cô đơn sầu tủi nhiều hơn là những phút giây êm đềm hạnh phúc. Chuyên đã sống trong mâu thuẫn giằng xé giữa một bên là bổn phận chung thủy của người vợ với một bên là khát vọng tình yêu nảy nở thầm kín nhưng mãnh liệt. Và cô đã đem nỗi lòng của mình bộc bạch với anh chồng — người duy nhất có năng cảm thấu cô. Hành động vô tình này đã đẩy Chuyên đến bi kịch oan ức “tình ngay lý gian” khi bị chồng bắt gặp đang ngồi trong lòng anh chồng. Khoảnh khắc bi kịch đó, ngoài sự hiện diện của những người trong cuộc, mưa là một chứng nhân quan trọng. Ban đầu ‘‘*mưa rơi nặng nề trên mái”* như đồng điệu với tâm trạng của Chuyên rồi vụt chuyển biến thành cơn giận dữ — mưa được ví như cơn thịnh lộ của lòng người bùng cháy lên: ‘‘*Ngoài trời mưa đổ mỗi lúc một lớn. Mưa sắc như tiếng Bắc chanh chua của bố mẹ và em chồng. Mưa giận dữ như tiếng cãi vã to tiếng của anh cả và Trường trên lầu. Mưa vỗ thùm thụp trên mái tôn. Mưa vần vũ ngoài trời…*”. Mỗi chi tiết tả mưa được đặt trong sự đối xứng song hành đã giúp lột tả rõ hơn tâm trạng bi kịch của nhân vật. ‘‘*Mưa sắc*”, ‘‘*mưa giận dữ*”, ‘‘*mưa vần vũ”* hay chính là ẩn dụ khác về sự hà khắc của nề thói đạo đức, của những cay độc từ miệng lưỡi người đời trút xuống đôi vai của Chuyên. Nước mưa hay cũng chính là nước mắt của cô tự khóc thương cho chính mình: ‘‘*mưa khóc ngất trong lòng nàng*”. Ở đây mưa không còn đơn thuần là cơn mưa tự nhiên của trời đất mà là mưa của tâm tưởng — mưa của một cõi lòng đau đớn, tan nát, sợ hãi và hoang mang.

Cùng hiện diện với những thời khắc đầy bi kịch của con người, mưa trong truyện ngắn *Pháo thuyền trên dòng Yang–Tsé* bao phủ mối tình loạn luân của hai chị em ruột: Chi và Toàn. Tình yêu, tình thương, sự hy sinh là động lực để họ dám vượt qua rào cản của đạo đức để sống và yêu nhau. Tự thân hành động của họ mang ý nghĩa nổi loạn: nổi loạn với đạo đức xã hội và nổi loạn với chính mình. Trong khoảnh khắc họ trao thân cho nhau, làn mưa “*rơi rả rích*” ngập tràn không gian như là tấm màn che giấu, bao bọc cho tội lỗi của họ. Mưa kết hợp với ánh sáng làm họ trở nên đẹp hơn dưới cái nhìn của nhau: ‘‘*Hai chúng tôi đứng gần nhau trong bóng tối, chỉ có ánh sáng của những hạt mưa, phản chiếu từ trụ đèn đường, hắt dội vào buồng điểm lăn tăn lấm tấm những hột nhỏ lóng lánh trên thân thể Toàn*”. Mưa đồng lõa với họ nhưng đồng thời cũng cảnh báo họ. Đó là khi ánh chớp lóe lên, soi tỏ, đánh thức họ nhớ lại một biến cố kinh hoàng đã làm cho cuộc đời của họ bị biến dạng méo mó. Quá khứ vụt đồng hiện và sống động lạ lùng. Tưởng như những thanh mã tấu đang *“bầm* xuống *xối xả, … từng nhát, từng nhát man rợ trên mặt mũi Toàn”*và “*sự đau đớn điên dại*” của thân xác Chi đang hiện hữu trong tuyệt vọng. Chỉ một vài chi tiết nhưng cũng đủ nói lên rằng sự ám ảnh của vết thương quá khứ đến từ thảm họa vượt biển đối với họ là quá lớn. Sự ám ảnh không chỉ hiện hữu hằng ngày mà còn có mặt ngay cả những phút giây họ muốn quên đi nó nhất. Sau niềm hạnh phúc của những yêu thương máu mủ được gửi trao, họ bên nhau cảm nhận sự tĩnh lặng của đêm. Lúc này cơn mưa đã tạnh và trăng lên. Khung cảnh yên bình như đồng điệu với tâm trạng của họ: “*Đêm thanh vắng che chở cho chúng tôi, không có con mắt của người ngoài, không có luân lý của cuộc đời, không có chi hết, chỉ có chị em chúng tôi yêu nhau*”. Theo tôi, không phải ngẫu nhiên mà cuộc tình loạn luân của Chi và Toàn lại bắt đầu vào một đêm mưa. Mưa đấy — là nước mắt của trời hòa cùng với nước mắt của người trong cuộc vừa cảm thương cho niềm hạnh phúc không trọn vẹn của họ: thứ hạnh phúc chắp vá lại sau những giông bão tàn khốc của quá khứ đã quét qua cuộc đời họ. Mưa đấy — như lời nhắc nhủ họ rằng: bắt người thân phải hy sinh thân xác vì mình là ích kỷ và sự hy sinh thiếu lý trí sẽ dung túng tội ác. Có thể nói nhờ có sự hiện diện của mưa mà nỗi ám ảnh của mối tình “cật ruột” càng thêm đau đớn day dứt trong lòng những người trong cuộc cũng đồng thời là những nạn nhân tội nghiệp — mối tình khởi đầu bằng một bi kịch và kết thúc là sự thắt lại của một bi kịch khác, không có lối thoát và chìm vào vô vọng.

Nếu *Pháo thuyền trên dòng Yang–Tsé* phản ánh bi kịch tình yêu loạn luân thì *Mùa mưa gai sắc* lại đào sâu vào một trong những bi kịch muôn thuở của người Việt: ‘‘*hôn nhân, điền thổ, vạn cố chi thù*”. Đằng sau mối tình của Nguyễn Huệ và Lê Ngọc Hân — “người quốc sắc, kẻ thiên tài” vốn được lịch sử ngợi ca thực chất là gì? Thông qua lăng kính “siêu hư cấu”, Trần Vũ đã đem đến cho độc giả một cách tiếp cận mới. Thực chất cuộc hôn nhân của họ là sự phức hợp của những toan tính cá nhân đầy quyết liệt mà không hề được xây dựng trên nền tảng của tình yêu tự nguyện. Lê Ngọc Hân chấp nhận “bán thân xác” để thực hiện âm mưu trả thù và khát vọng trung hưng nhà Lê. Nguyễn Huệ chiếm đoạt, sở hữu thân xác Lê Ngọc Hân một mặt để thỏa mãn tham vọng quyền lực. Mặt khác, đó cũng là cách để lấp đi khoảng trống cô đơn trong tâm hồn. Có phải vì thế mà đêm hợp cẩn của họ thật bất thường: ‘‘*Đêm hợp cẩn của Ngọc Hân, mưa xé qua rèm trướng phủ Chúa. Tất cả hầm bức của ban ngày nổ tung xuống góc lầu Tử Các. […] Tiếng sấm dậy vạch chớp những đường dài lóe rực nơi ô cửa* ”. Không khí, ánh sáng rực rỡ sắc màu và sự rộn ràng hạnh phúc trong lòng những người trong cuộc hoàn toàn vắng bóng. Chỉ có duy nhất sự dữ dội, cuồng phong của đất trời xuyên qua màn mưa giông như tâm trạng “*sắp thành đàn bà*” của Lê Ngọc Hân: ‘‘*tâm thần Ngọc Hân dao động theo giông bão trộn lẫn những bối rối lo lắng tìm cách khuất phục Huệ*”. Suốt đêm hợp cẩn, Ngọc Hân bị hành xác bằng những trận mưa roi “vun vút cuồng nộ” và sự cưỡng bức thô bạo của Nguyễn Huệ. Mưa giông cũng vần vũ ngoài trời không ngớt: “*những hột mưa gai sắc như muốn trổ mái bắn xuống mình Ngọc Hân ẩm ướt, tủi hổ*”. Không phải là những giọt mưa bình thường mà là “những hột mưa gai sắc” — những giọt nước như mang trong lòng nó sự cứng sắc, xù xì gai góc, nhọn hoắc mà chức năng duy nhất là làm đau đớn. Những hột mưa như những chiếc gai nhọn đâm vào, khoét sâu thêm mãi cõi lòng nhục nhã tan nát của Lê Ngọc Hân, nhân lên nỗi tủi hổ vô cùng.

Cuối cùng, *Cái chết sau quá khứ* là một sự trùng phức hai bi kịch tình yêu: tình yêu đồng tính và tình yêu loạn luân. Tác giả đã khéo léo lồng ghép những bi kịch này trong mối tình của tôi và Ngự — thực ra là mối tình giữa người mẹ và con gái. Mối tình này phản ánh một điều có thật của người Việt: đó là sự khăng khít, tình cảm quyến luyến gắn bó giữa mẹ và con gái đến mức sinh con ra rồi yêu con gái của chính mình như say người yêu — yêu nhiều đến mức thành ra loạn luân. Và mối tình ngang trái này không thể thiếu mưa như là một nhân chứng quan trọng. Mưa có mặt trong giây phút yêu đương chan hòa hạnh phúc của họ, khi tôi “*uống môi Ngự ngọt lịm nước mưa*”. Rồi biến cố ập tới chia cắt họ thì mưa cũng mang nỗi đau của sự chia ly. Những giọt mưa không còn là những hạt nước trong ngần ấm áp mà mang trong mình tất cả sự lạnh lẽo và đau đớn của lòng người: ‘‘*Những cơn mưa tầm thu trở về qua đất Thuận Hóa lạnh tăm tăm từ sau khi Ngự đi ở Nội. Váng mưa không còn trong mà đục. Hột mưa nặng như có huyết, nhễu xuống da buốt thấu xương tủy.[…] Mỗi giọt nước là một khối chờ đợi, thai nghén, thành hình, dâng tròn rồi căng cứng mạch máu đầu óc đến lúc vỡ tung vào hư không vắng lặng. Tất cả tẻ nhạt, trầm buồn, u uất*”. Bằng phép so sánh lạ hóa, hình ảnh mưa nhân lên những xúc cảm và đem đến cho người đọc nhiều liên tưởng. ‘‘Hột mưa nặng như có huyết” — mưa được đồng nhất với máu — của xót xa khi Ngự bị đem tiến cung để đổi lấy vinh hoa phú quý. Mưa thoát thai từ những mong ước ấp ủ là ‘‘khối chờ đợi, thai nghén, thành hình …” của niềm yêu thương bị đánh mất, chỉ còn lại nỗi u uất.

Như những chứng nhân từ nỗi đau khổ của kiếp người, mưa trong truyện ngắn của Trần Vũ được nhìn từ khoảng cách rất gần với con người. Đôi khi, mưa không còn là hiện tượng tự nhiên khách quan mà nhập vào cõi lòng, hòa cùng tâm trạng của nhân vật. Lý giải điều này, có thể bắt nguồn từ cảm thức chủ quan và dụng ý sáng tạo của nhà văn.

*

Nói đến thành công về mặt bút pháp nghệ thuật trong truyện ngắn Trần Vũ, có thể kể ra một số phương diện tiêu biểu. Tuy nhiên, sẽ là thiếu sót nếu bỏ qua hệ thống các biểu tượng trong

tác phẩm của anh. Nhìn chung hệ thống biểu tượng trong truyện ngắn của Trần Vũ tương đối đa dạng, độc đáo và sinh động. Ngoài biểu tượng mưa, có thể kể đến hệ thống biểu tượng không gian và biểu tượng đồ vật: như đàn dương cầm trong truyện *Dương Cầm* [15], căn hầm trong *Bên Trong Pháo Đài*, bức tranh trong *Vườn Thượng Uyển Bỏ Hoang* [16], căn nhà trong*Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu* [17], bức tường trong *Gia Phả* [18], mồ mả trong*Buổi Sáng Sinh Phần*, v.v.. Giữa những biểu tượng này, mưa xuất hiện với tần số cao nhất và chứa đựng nhiều tầng ý nghĩa biến hóa.

Còn không gian? Đọc lại nhập đề của *Cái Chết Sau Quá Khứ* một lần nữa để thấy hết chất dữ dội của thiên nhiên ập vào con người:

‘‘Ngày xưa, những cơn mưa đầu thu về qua đất Thuận Hoá tuyệt dữ dội. Lão Chu là người thường rủ tôi đi ngắm mưa. Lão đứng hàng giờ ở phá, ngẩng cổ, ngửa mặt thách thức cơn giận dỗi của trời đất. Mưa chúi xuống đất, mưa tắm lên đầu, mưa cắm đầy miệng lão, song lão Chu vẫn trơ trẽn cướp giật thức uống với thượng đế. Lão phá ra cười; tiếng cười sằng sặc lăn lộn trên sóng. Lão Chu nuôi tôi bằng tiếng cười khật khùng điên dại của lão. Nhưng dạo đó tôi còn trẻ, chưa khùng, cũng chưa dại. Tôi chỉ mới bắt đầu biết say mưa. Mà mưa ở phá đẹp kỳ ảo. Cả một vùng trắng ngần, trắng lịm, những tảng nước trắng xóa lồng lộn sa sầm xuống mặt đầm rồi tung bắn lên quẫy với hơi sương, giăng giăng mờ mờ, chạy chạy đường võng trên không. Mưa ở phá rầm rập, ào ạt mạnh mẽ. Bầu trời trắng lòa lòa những nước là nước.
Từ khi biết say mưa, tôi đâm biết say Ngự. Những lần theo lão Chu ra phá, Ngự đẹp man dã. Vải áo mớ ba chảy dán, bó rịt người, thân thể Ngự nổi lửng như một nhành lúa trổ vươn trên mặt ruộng lụt nước. Ngự xõa tóc xổ tung rã rượi, chân dầm trong nước, mắt dầm trong mưa. Ngự xòe hai cánh tay mở lòng đón mưa. Những hột mưa nhỏ mà tròn mọng. Ngự bảo là đốt tay Phật, vỡ vào đâu, phúc đến ấy. Phật tắm phúc lên người Ngự. Tôi đứng ngẩn ngơ nhìn phúc của Thượng Đế vỡ hoa trên da thịt Ngự. Lão Chu lại rống tiếng cười sang sảng, thỏa mãn đã uống hết cơn bão mùa vào bụng. Lão trỏ ngón tay lóng nhọn chỉ lên trời, rồi chỉ vào bụng hỏi: Cuộc đời muốn cái chi? Lần nào cũng như lần ấy, trăm lần như một, lão Chu tự giải đáp một mình. Lão gọi Ngự, vít lấy đầu cổ ướt nhẹp của Ngự, cắn vào rái tai Ngự, rồi run run trả lời: Ngự là cuộc đời! Ngự là cuộc đời! Lão Chu lại ré lên cười the thé sung sướng. Mỗi lần lão Chu làm những cử chỉ khật khùng đáng ghét đó, thay vì bực tức, Ngự lại phát tiếng cười con gái đương thì ròn tan. Giọng cười của Ngự cũng như của lão Chu bắn theo mưa, châm chích, rả rích, làm tay chân tôi bủn rủn. Vì không hẳn chỉ đơn thuần là giọng cười mà là tiếng kêu khát vọng của một loài sinh vật thèm khát thiên nhiên lẫn hạnh phúc của sự sống. Lão Chu ngắm Ngự, rồi nhìn tôi kiêu hãnh. Bão đã đong đầy bụng lão, bão ngập trong ruột, bão làm căng lòng dạ khác thường của lão Chu. Lão tiến lại gần hỏi: Mi hiểu không? Tôi trả lời: Tôi hiểu, tôi hiểu... Mưa ở Thuận Hóa cực kỳ huyền ảo.’’

Và một đoạn khác nữa, đầy tương phản trong tính chất thơ mộng:

“…Những cuống sen xanh mát rượi, những lá sen mượt mà trải rộng như những lát chiếu hoa điều đỏ nắng, che chở cho tôi với Ngọc Trản trốn Phật Thích Ca. Nước hồ lạnh mát. Trong vắt. Ngọc Trản lặn thât sâu, tóc bềnh bồng như vi cá. Lúc tôi với Ngọc Trản trồi lên giữa những đài sen nhụy vàng óng ánh, sư ông và các sãi đã về chùa, chỉ còn âm vang tiếng hét lão Chu váng âm rơi vỡ rợp trên những tàu sen chật mặt nước. Cả một đầm sen xanh ngắt run rẩy lay động. Các cuống sen cong búp, như thể tiếng kêu của lão Chu làm chúng sợ hãi. Từng hột nước, từng hột nước chảy lăn trên mình Ngọc Trản. Tôi cúi xuống vết thương giữa bụng Ngọc Trản còn nở ngát.”

Có còn là văn hay đã là họa phẩm? Tôi từng tự hỏi câu này, như nhà thơ Phan Tấn Hải từng nhận xét: *Trần Vũ vẽ tranh dã thú, thuộc trường phái dã thú…* Nếu đem vào những màn mưa

giăng mắc để tạo không khí riêng cho mỗi câu truyện — cho từng câu truyện thấm đẫm cảm giác hư ảo và mênh mang — thì Trần Vũ đạt đến điều anh muốn. Dưới màn mưa không rõ tiếng, không rõ hình, ngòi bút của nhà văn lay động nhân vật biến chúng từ người thành thú, từ thú hóa người cực hung hãn, giao hoan giữa thú với thú, hay giữa thú với người hoặc ăn tươi nuốt sống nhau không còn là nghi vấn, vì người đọc thẩm thấu nét họa vô tình bước vào một thế giới tuy giả định đã đầy mê hoặc.

Văn chương, nói như Kundera, là cường độ của sự rung cảm. Sự rung cảm của một ngòi bút diễn ra qua suy nghĩ mà trong suy nghĩ có hình ảnh, rồi bên trong là tính tượng trưng của biểu tượng. Với Trần Vũ, là *Mưa*.

Hạ Long, tháng 2-2011.

[1] ký Di Vật, tập san Hợp Lưu in lần đầu năm 2008
[2] truyện ngắn Nhã Nam, nguyệt san Văn Học in lần đầu năm 1996
[3] trung thiên truyện Cái Chết Sau Quá Khứ , nguyệt san Thế kỷ 21 in lần đầu năm 90,
[4] trung thiên truyện Biển San Hô đăng lần đầu trên nguyệt san Làng Văn năm 1988
[5] truyện ngắn Vĩ Diên, tập san Hợp Lưu in lần đầu năm 2000,
[6] truyện ngắn Đồng Cỏ Miên đăng lần đầu trên nguyệt san Làng Văn năm 1988
[7] truyện ngắn Mùa Mưa Gai Sắc, tập san Hợp Lưu in lần đầu năm 1992
[8]] truyện ngắn Buổi Sáng Sinh Phần, nguyệt san Văn in lần đầu năm 1991,
[10] truyện ngắn Bên Trong Pháo Đài, nguyện san Văn Học in lần đầu năm 1989
[11] trung thiên truyện Giấc Mơ Thổ, tập san Hợp Lưu in lần đầu năm 1994
[12] truyện ngắn Đầm Lầy Hạnh Phúc, nguyệt san Văn in lần đầu năm 1989, in lại trong tập Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu, nxb Thời Văn 1991
[13] truyện ngắn Mưa Bên Chồng, nguyệt san Thế kỷ 21 in lần đầu năm 90, in lại trong tập Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu, nxb Thời Văn 1991
[14] truyện ngắn Pháo Thuyền Trên Dòng Yang-Tsé, Văn Học in lần đầu năm 1991
[15] truyện ngắn Đàn Dương Cầm, nguyện san Văn Học in lần đầu năm 1989
[16] truyện ngắn Vườn Thượng Uyển Bỏ Hoang đăng lần đầu trên nguyệt san Làng Văn năm 1988
[17] truyện ngắn Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu, Văn Học in lần đầu năm 1989
[18] truyện ngắn Gia Phả, tập san Hợp Lưu in lần đầu năm 1992

Sàigòn, ngày lạ mặt

Tôi trở lại đường Trương Minh Giảng bây giờ mang tên Lê Văn Sỹ. Thận Nhiên chạy xe Dawoo phía trước, tôi lái chiếc Cub phía sau. Nắng loang loáng trên mái tóc Nhiên nhẫn thín. Nắng loá con đường giữa trưa sáng bóng các biển hiệu. Nhà may Thủy Tiên, hiệu sơn Tất Thành, Karaoké Thời Mới... Một giờ trưa, nắng toé lửa. Chúng tôi hứng trận nắng như hứng những mảnh mặt trời nguyên vẹn rớt ụp xuống mặt. Tôi muốn dừng xe uống nước, nhưng Nhiên vẫn lầm lũi chạy tiếp, thỉnh thoảng quay lại kêu: ‘‘Nhà anh Mậu khó kiếm lắm’’. Tôi nghĩ Nhiên lạc, vì chúng tôi quần tới quần lui khúc giữa Sư Vạn Hạnh và nhà thờ Ba Chuông. Trận nắng nhảy múa trước giỏ xe cub như một ảo ảnh. Tôi trông thấy lại cảnh gia đình hốt hoảng chạy ra phi trường Tân Sơn Nhất. Tôi trông thấy lại cảnh chen lấn giữa tiếng súng Quân Cảnh cố vãn hồi trật tự. Thầy căng thẳng cực độ lái xe Toyota chở chúng tôi im thin thít tìm cách rời khỏi Sàigòn hỗn loạn. Cũng con đường này, qua khỏi đường rày xe lửa, nhà thờ Ba Chuông đâm lên Lăng Cha Cả, tôi bó gối sợ hãi trông thấy một thanh niên bê bết máu phóng xe Honda lao ngược chiều la lớn ‘‘tụi nó chiếm Tân Sơn Nhất rồi’’ và gương mặt Thầy nhăn nhúm tuyệt

vọng. Thầy quành xe lao về hướng Khánh Hội tìm một đường sống khác. Vô ích, Thầy không biết Thầy sẽ chết 13 ngày sau đó khi lá cờ Quyết Chiến Quyết Thắng bay trên nóc hầm De Castrie tại Điện Biên Phủ một lần nữa phất lên ngạo nghễ ‘‘hãnh tiến’’ trên đường phố Sàigòn của tháng 5 im lặng. Thầy không biết, Thầy sẽ vĩnh viễn yên nghỉ tại đây, trên mảnh đất này, nơi Thầy di cư tìm đường sống tháng 9-1954.
Bà gởi tôi đi vượt biên thực hiện một hoài bão đã có từ những ngày Hà Nội sau tản cư. Bà gởi tôi đi, nhưng tôi trở về để chứng kiến lại một lần nữa, nỗi tuyệt vọng của gia đình buổi sáng 30 tháng 4 trên con đường này. Những tuyệt vọng hãy còn loang loáng ẩn hiện trên các mặt tiền những ngôi nhà đường Trương Minh Giảng. Những lớp cửa sắt im phắc. Những cánh cổng của những ngôi nhà ban trưa đóng kín, im ỉm. Tất cả giống câm điếc, giống những mặt người không thốt thành lời, chỉ có những dấu hỏi ngầm giữa tròng mắt: ‘‘Tìm gì? muộn rồi.’’
Tôi nhìn mặt đường. Tôi nhìn hai hàng cây. Tôi nhớ rõ, chỗ này bánh bao Ông Cả Cần, chỗ kia bò nhúng dấm, Thầy vẫn đưa gia đình đến ăn những tối thứ bảy. Tôi còn nhận ra hàng hiên lớp hội họa truyền thần bà ghi tên cho tôi học vẽ bây giờ là tiệm mát xa chân với đèn ông sao xanh đỏ. Vẫn con đường này, như không thể có con đường nào khác, vẫn là những thước nhựa tôi đã dẫm lên thời bé, nhưng đã là lớp nhựa tráng tên người khác.
Lê Văn Sỹ, tôi không biết là ai, nhưng tôi biết Trương Minh Giảng đánh Trấn Tây Thành, chiếm Kampuchea. Sao Trương Minh Giảng cũng thi hành nghĩa vụ quân sự quốc tế, giải phóng nhân dân Khmer mà tên ông bị bại đi trên các cột đèn này? Còn sống chắc ông nổi cơn thịnh nộ. Còn sống, tôi với Nhiên không dám nổi cơn thịnh nộ. Thế hệ tôi thiếu dũng, kiên, cường. Thế hệ tôi sợ hãi ở mỗi ngã tư đèn xanh đèn đỏ bị công an kêu lại xử lý.
Nhiên đỗ xe. Chúng tôi đi tìm một nhà văn miền Nam.
Miền Nam? Một quốc gia biến mất. Văn chương miền Nam? cũng biến mất. Còn Dương Nghiễm Mậu? một gương mặt bí hiểm. Thế hệ tôi chưa kịp đọc ông. Chúng tôi hãy còn quá nhỏ, dù miền Nam tràn ngập sách báo, dù chúng tôi đi thuê truyện mỗi chiều, ngốn ngấu Duyên Anh, Nguyễn Thanh Trịnh, Đinh Tiến Luyện, Từ Kế Tường, Nguyễn Đình Toàn... Chúng tôi chưa ai đọc Gào Thét, Buồn Vàng, Ngày Lạ Mặt, Cũng Đành,... Dương Nghiễm Mậu ở một thế giới nào đó vô cùng xa xôi mà chúng tôi không thể mường tượng. Tháng 4-75 đến quá sớm để tuổi trẻ kịp tận hưởng.
Dương Nghiễm Mậu tiếp tôi với Nhiên trong ngôi nhà lát đá mát lạnh. Không khác mấy khí hậu trong truyện ông, khô, lạnh lẽo. Mỗi tiếng động đều hàm chứa một nội dung rõ rệt, tựa như những điều muốn nói phải qua một phiến lọc khác dành riêng cho những ai có khả năng hiểu ra. Dăm bức sơn mài Dương Nghiễm Mậu làm lấy treo trên vách. Một gói thuốc Con Mèo gần cạn. Tủ sách để tượng trưng trống rỗng.
Tủ sách của một nhà văn miền Nam sau ngày “giải phóng” trống rỗng. Tôi nhìn tủ sách kỳ lạ. Thầy cũng có một tủ sách và tủ sách ấy ăn vào tuổi thơ tôi không hề biến mất. Tôi không thể nhớ tủ sách đem về khi nào, chỉ biết, từ lúc có trí khôn, tủ sách đã ở đó, chễm chệ và sừng sững. Thầy buôn bán theo truyền thống Trung Hoa, nhưng tủ sách chiếm nửa bức tường. Chiếc bóng của chúng tôi, của kẻ ăn người ở trong nhà luôn chao lượn lên khung kính phản chiếu những hình ảnh lặng lờ. Những khi tôi ngủ quên trên ghế đệm, tủ sách ngả chiếc bóng đen đè lên mình. Khi tôi thức giấc, chiếc bóng hoá trở lại thành tên khổng lồ mặt gỗ chứa thật nhiều sách rình rập canh chừng. Nhưng tôi lớn lên và nỗi sợ hãi biến mất, chỉ còn những tò mò thấp thoáng trên các tựa sách ở tầng cao khóa kín. Chính trong những năm đầu trung học đệ nhất cấp, khi chiều cao cho phép với lên phần có ổ khoá, tôi khám phá Dương Nghiễm Mậu. Sách của ông xếp cạnh sách Mai Thảo, Nguyễn Thị Hoàng. Tuổi Nước Độc, Con Sâu, Trong Hoang Vu, Ngày Lạ Mặt, Ngã Đạn xếp cạnh Mười Đêm Ngà Ngọc, Sống Chỉ Một Lần, Viên Đạn Đồng Chữ Nổi, Hạnh Phúc Đến Về Đêm, Vòng Tay Học Trò, Dưới Vừng Hoa Trắng, Tiếng Chuông Gọi Người Tình Trở Về...
Tôi không bao giờ được phép xem. Với tôi là một khiêu khích. Tôi vẫn đi thuê truyện, say mê với Hitler và Những Tên Ác Qủy Y Khoa, Hitler và Mặt Trận Miền Đông, Moshe Dayan Bức Tường Thành Do Thái, Tora Tora Tora Bay Về Trân Châu Cảng, Kamikaze Những Trận

Không Chiến Dữ Dội Nhất Lịch Sử Thái Bình Dương, Về Miền Đất Hứa ...nhưng Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Thị Hoàng, Mai Thảo vẫn là một kích thích. Cho đến bây giờ tôi vẫn không hiểu vì sao mình đã ngoan ngoãn nghe lời Thầy đến như vậy, tôi thuê truyện, nhưng chỉ thuê những cuốn sách Thầy cho phép đọc. Những cuốn sách nhà cấm, tôi nhìn tò mò, nhưng không cầm đến. Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Thị Hoàng, Mai Thảo, Túy Hồng, Trùng Dương, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Thế Uyên, Mặc Đỗ, Thế Phong, Nguyễn Thụy Long,... xếp ngay ngắn sau lớp kính có ổ khoá.
Buổi trưa ngồi với Thận Nhiên, Dương Nghiễm Mậu không nói điều gì. Ông chỉ lẳng lặng pha trà cười nhẹ nhàng, nghe Nhiên nói, nghe Nhiên kể về nỗi sôi sục huyết quản của một thi sĩ, của Nhiên và bạn bè Nhiên. Tôi khác Nhiên, tôi chỉ muốn hiểu thế giới bí mật của văn xuôi. Dương Nghiễm Mậu cười nhẹ như tàu dừa lay, gần như ông không động đậy. Ở Dương Nghiễm Mậu nụ cười diễn ra ở chuôi mắt, ở ngón tay đập cán thuốc mà nhịp nhanh chậm thay cho tiếng cười luôn luôn kín đáo. Dương Nghiễm Mậu rót trà. Ông hiểu thế hệ tôi và Nhiên không còn ai uống trà nữa, nhưng ông vẫn rót. Váng nước vàng màu mỡ gà, giữa buổi trưa nóng hực sủi tăm như số lượng dấu hỏi chất chứa trong đầu tôi từ buổi trưa tháng 5-75 Bà mở khoá cho chúng tôi đọc tất cả sách người lớn của tủ sách đồ sộ, trong vòng 48 giờ rồi Bà đem bán ký vì Công an phường đã ra lệnh tịch thu văn hoá phẩm *đồi trụy* của *Ngụy*. Tôi còn nhớ Bà bán cân ký 15 đồng ông Thiệu mỗi ký. Bà bán sạch tủ sách, kể cả sách thiếu nhi Lữ Hân-Phi Lục, Phan Tân-Sĩ Phú, Tin Tin, Lucky Luke, Astérix-Obélix, chở đi mấy xe ba gác. Bà bán sạch tuổi thơ tôi trong chớp mắt. Làm sao tôi đọc hết hai mươi năm văn học miền Nam trong 48 giờ? Làm sao tôi trưởng thành kịp trong 48 tiếng để hiểu những chiếu bài mạt chược, trong phòng khách sạn rì rầm, hai người đàn ông đàn bà làm gì trên mặt nệm trong tiểu thuyết Mai Thảo. Tôi chưa đến 13 tuổi nhai ngốn ngấu Vòng Tay Học Trò của Nguyễn Thị Hoàng trên sân thượng giữa trưa nắng ngun ngút, cố mường tượng ra cô giáo Hoàng với đồi thông Đà Lạt trong ngôi nhà gỗ thông thơm phức với tên nam sinh tên Minh sớm biết hút thuốc, có bật lửa zippo và gan dạ tán tỉnh cô giáo. Tôi ngốn ngấu Tháng Giêng Đưa Đám của Nhã Ca, kinh ngạc khám phá tiểu thuyết có sức chở mang gấp mười lần tivi số lượng hình ảnh Tết Mậu Thân ngoài Huế. Trưa nắng thiêu đốt. Tiếng động chiến xa T-54 ầm ĩ từ Gò Vấp đổ xuống Phú Nhuận băng lên đại lộ Hai Bà Trưng không át nổi âm thanh của 16 vỏ chai bia mỗi ngày Túy Hồng quắp rổ đi đổi cho Thanh Nam lúc còn sống trong building Cửu Long và diễn ra trong tiểu thuyết Tôi Nhìn Tôi Trên Vách. Không át nổi tiếng nhạc xập xình mỗi buổi tối cô ca ve đi làm luôn có một người đàn ông chờ sẵn, đem đến một gói Salem xanh biếc trong Thủy và T6 của Thế Phong... Tôi khám phá xã hội miền Nam ngay trong ngày xã hội đó bị xích sắt T-54 nghiến nát dưới lòng đường. Tôi chưa kịp đọc Dương Nghiễm Mậu. Tôi chỉ kịp trông thấy ông bị vất lên xe ba gác chở ra lề đường. Nhưng cũng chỉ một hai tháng sau lề đường bị *truy quét tàn dư Mỹ Ngụy* và ông biến mất.
Dương Nghiễm Mậu hiện ra trở lại buổi trưa Lê Văn Sỹ. Ông yên lặng quan sát tôi với Nhiên. Chúng tôi, những độc giả thiếu nhi của miền Nam cũ, cũng đột ngột hiện ra trước mắt ông. *Cũng đành*... dường như ông muốn nói vậy. Tôi cũng quan sát ông, quan sát cái tủ sách trống trơn của một nhà văn miền Nam. Tôi ngắm ông với cảm giác kỳ quặc là ông hãy còn trong tủ kính bị khóa, giống như ông đang là cuốn sách câm chưa được phép mở ra cho tôi xem. Nhưng Dương Nghiễm Mậu vẫn ở đó, trong sâu thẳm của một miền Nam *ngã đạn.*

Phỏng vấn Phạm Thị Hòai – xuân Mậu Tuất

Chậm nhất từ ba mươi trở ra, người ta – nhất là đàn ông – phải chịu trách nhiệm cho dung mạo của mình. - [Phạm Thị Hoài]

Nina McPherson, dịch giả chính thức của Dương Thu Hương kể lại kỷ niệm của mình khi tiếp xúc văn chương Việt: Năm 87, bao sân những vụ nổi dậy chống Bắc Kinh ở Tây Tạng cho

Thông Tấn Xã AFP. Năm 89 bao sân biến động Thiên An Môn, bị thẩm cung và bị trục xuất. Chứng kiến những Lạt-ma bị đạn của công an Trung quốc rồi chứng kiến các sinh viên của mình bị bắt, phải thú tội trên truyền hình, đến phiên chính bản thân bị phát vãng, McPherson trở về Pháp với ám ảnh ray rứt của một Á châu bị đàn áp. Buổi sáng tháng Giêng 1991, lướt ngang qua một hiệu sách, McPherson vô tình trông thấy sau phiến kính bản dịch Pháp ngữ *Thiên Sứ* của Phạm Thị Hoài. Còn một Á châu khác với những thân phận muốn vượt thoát? Đẩy cửa bước vào. Và từ bấy, là cuộc phiêu lưu với những bản dịch.
Cá nhân tôi có kỷ niệm tương tự: Tôi cũng tình cờ đi qua một hiệu sách khu Maubert-Mutualité, nơi McPherson sinh sống, và, có thể đã nhìn thấy cùng tấm chân dung Phạm Thị Hoài bên cạnh quảng cáo *La Messagère de Cristal* sau tấm kính. Tôi cũng đã đẩy cửa bước vào, và mua, rồi giống McPherson, là một khám phá. Khi ấy, tuần lễ 24 tháng 1-1991 lúc bản dịch *Thiên Sứ* bày bán, Phạm Thị Hoài hãy còn xa lạ với độc giả bên ngoài. Editions des Femmes là một nhà xuất bản uy tín, việc quảng cáo rầm rộ *Thiên Sứ* và cho in dưới chân dung Phạm Thị Hoài câu văn của tác giả: "Je refuse tout uniforme. Ils sont toujours trop étroits ou trop larges pour moi. Qu'on me laisse nue, avec ce corps flétri qui, très tôt, s'est arrêté de grandir." (Tôi từ chối mọi đồng phục. Chúng luôn quá chật hay quá rộng đối với tôi. Hãy để tôi trần truồng với tấm thân chết khô mà đã từ rất sớm, ngừng lớn lên.) — là một hiện tượng. Trước *Những Thiên Đương Mù* của Dương Thu Hương, trước *Nỗi Buồn Chiến Tranh* của Bảo Ninh và trước *Trái Tim Hổ* của Nguyễn Huy Thiệp, *Thiên Sứ* là tiểu thuyết đầu tiên dịch sang Pháp ngữ của cao trào Văn học Phản Kháng. Các bản dịch khác, đều phát xuất từ bản dịch của Phan Huy Đường. Ít lâu sau, tôi đọc bản Việt ngữ *Thiên Sứ* in trong tạp chí *Tác Phẩm Mới* vào năm 86 khi Nguyễn Đình Thi còn làm tổng biên tập. Bản gốc này, với tôi, mới thật sự là một kinh ngạc. Tác giả hành văn như một kiếm thủ, am tường đao pháp và múa đao trên sân Tinh Võ. Không phải trước tác bằng cách viết lên trang giấy, nhưng là đâm, cứa và cắt bằng chữ trong một không gian được cân, đo, đong, đếm từng hạt bụi. Là Phạm Thị Hoài. Áp Tết Mậu Tuất, là dịp hiểu thêm nhà văn có cú pháp lưỡi lam này.

***
Trần Vũ: Từ giữa thế kỷ 16 ở Âu châu nổ ra một tranh luận mà mãi đến giờ chưa phân giải. Phái Thực hành tin như dân Việt từng tin: Đi một đàng, học một sàng khôn. Tức phải chứng kiến tận mắt, nhìn, nghe thấy và trải nghiệm mới có thể biết thế giới. Như Michel de Montaigne, triết gia của phái này, yêu sách: "Cần du hành để cọ sát và mài dũa trí não của chúng ta với trí óc của đồng loại." Hoặc St Augustin: "Thế giới là một quyển sách mà những ai không vi hành, chỉ mới đọc một trang duy nhất." Phái Lý thuyết lập luận cách khác: Kiến thức của nhân loại nằm trong các pho sách. Chỉ cần đọc, sẽ hiểu hết vũ trụ. Vì một cá nhân đi bao xa, gặp bao gương mặt và làm sao trải nghiệm hết thấy? Có những điều trừu tượng chỉ có thể giảng giải qua sách. Sự thật nằm trong chữ.
Một tranh luận không chấm dứt, vì bên Thực hành vẫn vững tin: Không thể cảm mùi hương của một bông hoa lạ nếu chưa thật sự ngửi thấy. Sách không cho hương.

Trên *Talawas*, Phạm Thị Hoài từng tin ngôn ngữ cần cọ sát cho vỡ ra các vấn đề. "Dẫn nhập" trên, chính là vì sau này Hoài ít viết hư cấu mà tập trung vào thể tiểu luận với những đề tài gai góc chính trị, giáo dục, văn hóa, y tế… Một Phạm Thị Hoài đã không cần "đi thực tế", không cần "nghiệm thu trên thực địa" mà vẫn có thể phân tích các vấn đề của quê hương sau hai thập niên vắng mặt, với cảm quan và bằng mỹ quan của một nơi khác. Thang điểm giá trị của "nơi khác", có luôn luôn toàn bích?
Phạm Thị Hoài: Phan Bội Châu ngồi ở Nhật viết *Việt Nam vong quốc sử*. Hồ Thích ngồi ở Mỹ viết những bài báo gây tiếng vang lớn trong phong trào Tân Văn hóa ở Trung Hoa. Thomas Mann ngồi ở California viết bài cho đài BBC về tình hình Đức Quốc xã. Huống hồ ở thời đại này, con ếch ngồi ở đáy giếng cũng có thể nhìn thấy những khoảng trời to hơn cái vung miễn là *smartphone* của nó có mạng. Ngồi trước màn hình ở Berlin, tôi dễ dàng sục vào từng ngõ

hẻm ở Hà Nội. "Nơi khác" ở thời đại này không còn phụ thuộc vào tọa độ địa lý. Khoảng cách không gian biến mất, nhưng khoảng cách giữa những *filter bubble*, những bong bóng lọc cuộc đời chúng ta thì ngày càng tăng lên. Cái bong bóng của tôi chẳng có gì chung với cái bong bóng của những người Việt cũng sống ở Berlin nhưng cứ sểnh ra là vỗ tay hát "Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng".

Tuy vậy, hầu hết các tác gia quan trọng của nhân loại đều là dân du mục. Từ thời Cổ đại đã thế, từ Khổng Tử ở châu Á đến Aristotle ở châu Âu. Tôi rất thích những nhà văn không có quê hương tự động mà chỉ có quê hương tự chọn, và nếu thấy chưa đủ thì phát minh thêm những quê hương khác của riêng mình. James Joyce tự nguyện lưu vong từ năm 22 tuổi và chỉ về thăm cố hương lúc 30 tuổi, một lần duy nhất ngắn ngủi, Dublin trong tác phẩm của ông thực ra là biến tấu của Trieste. Nabokov buộc phải lưu vong từ năm 20 tuổi và không một lần nào trong đời trở lại Nga. Cả hai là những nhà văn ngoại hạng. Song cũng có những trường hợp khác. Shakespeare cả đời cố thủ trên hòn đảo nước Anh. Tuy nhiên, đó cũng là một trong nhiều chỉ dẫn rằng tác giả thực của các vở kịch mang tên ông ấy là một hoặc nhiều người khác. Ở Đức cuối thế kỷ 19 có một nhà văn tên là Karl May, sống ở vùng quê hẻo lánh, chỉ xê dịch trong phạm vi đường kính 300 km thuộc địa phận bang Saxony ngày nay. Ông ấy chỉ biết tiếng Đức, một thứ tiếng Đức tầm thường, và cũng không học hành, nghiên cứu gì nhiều. Cứ ngồi nhà viết hàng ngàn trang tiểu thuyết du ký, đầu tiên chỉ ngập ngừng qua Sa mạc Sahara, Xích Hải, Thổ Nhĩ Kỳ, Kurdistan, Iran, Iraq, các nước vùng Balkan, sau trót lọt vọt sang tận Bắc Mỹ, và trở thành một trong những nhà văn Đức được đọc và dịch nhiều nhất trên thế giới, tác phẩm phát hành đến hàng trăm triệu bản. Thanh thiếu niên Đức bây giờ đa số không biết Karl Marx là ai, nhưng Karl May thì chắc chắn biết. Tôi chưa bao giờ đọc nổi một trang của ông ấy, nhưng một trong những tác gia Đức mà tôi quan tâm là Arno Schmidt lại nghiên cứu nhà du hành tại chỗ này rất kỹ, tuy không phải để khen ngợi. Thế giới da đỏ *made in Saxony* rất *Kitsch* đó cho thấy là tác giả của nó không cần phải đầu cài lông mông quấn khố gì cả. Mà đó là thời bản đồ còn vẽ tay.

***

“Sống ngay tại trụ sở 38 Hàng Chuối của Viện, tôi lại được cái thú là chiều tối thỉnh thoảng ngồi hàng nước góc phố Phạm Đình Hổ xem ông Đỗ Mười mặc *pyjama* kẻ sọc như quần áo tù ra trước cửa hóng mát và chuyện gẫu với lính gác, lời lẽ thô sơ hơn cả mặt mũi, tăm ngậm miệng, tác phong rất là nhân dân.” [Phạm Thị Hoài]

Trần Vũ: Đọc các tiểu luận *Lời thề*, *Vĩnh biệt một thời đại, Tiễn chú Kiến Giang*, *Bóng tối*, *Ném đá và ân xá*, *Sự lạc quan vô tận*, *Ngoại giao Tháp Rùa*, *Đọ sức*… tôi luôn cảm giác nhiều bản đàn đang trình tấu trong đầu mình. Chúng vang dậy âm thanh. Vì Hoài chú trọng nhịp, phách, tiết điệu, âm tấu của câu văn. Như thế, văn chương là một tập hợp cú pháp trong một ngữ điệu riêng với những ý tưởng cá nhân? Hay còn là một gì khác?
Viết văn, có giống như Marguerite Duras định nghĩa trong tiểu thuyết *Entire Days in the Trees*: "Viết, để tránh nói chuyện. Là im lặng. Nhưng là gào la không tiếng động"? Rộng ra, ý thức phải hoàn chỉnh cú pháp, chặt chẽ hóa ngữ pháp rồi dụng văn phải có đao pháp, để "đường đao đẹp như ánh lửa" đến từ đâu? Ai là bậc thầy tham chiếu?
Phạm Thị Hoài: Trong 7 tỉ người trên thế giới, tôi đoán 1 tỉ là nhà văn. Trong số đó, hàng trăm triệu đã sạch nước cản, hàng chục triệu có năng khiếu, hàng triệu có nghề, hàng trăm nghìn có tài, hàng chục nghìn có đẳng cấp, hàng nghìn xuất sắc, hàng trăm kiệt xuất và hàng chục thiên tài. Nếu chỉ tham chiếu Kafka là thành Kafka thì khỏe quá, tôi xin làm thế ngay. Hồi trẻ, tôi vừa đọc *1984* của George Orwell và *Brave New World* của Aldous Huxley vừa ngáp. Đọc xong chỉ mệt nhoài chứ không sướng đến từng chân tóc. Đó là loại văn chương trình bày viễn kiến và ý tưởng, nghệ thuật chỉ đóng vai trò phương tiện, đúng như tinh thần "văn dĩ tải đạo". Bây giờ tôi rất mừng là đã đọc chúng. Nước Mỹ đang là một số mảnh ghép từ *Brave New*

World, nhưng Trung Quốc sẽ là kết hợp hoàn hảo của cả hai thế giới phản không tưởng đó. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, về nội dung không có gì đáng để ý, chưa kể bối cảnh và các nhân vật xa lạ với xã hội Việt. Chỉ cần có một chút đầu óc độc lập là bạn sẽ phải phì cười về những thứ đạo mà người ta bắt nó oằn lưng tải. Chữ Tâm và chủ nghĩa nhân văn chẳng hạn. Giống như tư tưởng nổi bật của người Việt là chủ nghĩa yêu nước. Hay tư tưởng nổi bật của loài ong là siêng năng làm mật cho đời. Nhảm đến thế là hết. Nhưng *Truyện Kiều* thực sự đặc sắc về ngôn từ, nó tôn vinh một thứ tiếng Việt hàm súc, tinh tế, đầy âm điệu và màu sắc, gợi nhiều hơn diễn, một pha trộn thiên tài của ngôn ngữ bình dân và ngôn ngữ hàn lâm. *Truyện Kiều* là loại nghệ thuật vị nghệ thuật tuyệt vời nhất. Song đôi khi ta sôi máu muốn ngồi ngay vào bàn viết không phải do cảm hứng từ những tác phẩm kiệt xuất, mà vì quá bực bội trước những tác phẩm rẻ rách của người khác, cho đến khi ta nhận ra rằng mình cũng chỉ làm môi trường thêm ô nhiễm bằng những trang tầm phào.
Trần Vũ: Orhan Pamuk xác quyết: "Một tác phẩm hay phải làm lộ ra những gì ẩn chứa phía sau ánh mắt bình thường." Các nhà văn lùng kiếm điều này, nhưng đã bắt đầu từ đâu? Vì sao *Thiên Sứ*? Vì Günter Grass tuyên ngôn: "Sau khi mọi thứ tàn lụi, duy nhất chữ chiếu sáng" hay vì Heinrich Boll tiên tri: "Với thời gian, văn chương sẽ giải thoát con người bằng chính sức mạnh của văn phong"?

Phạm Thị Hoài: Ngôn ngữ có một sức mạnh nhất định và văn phong có sức mê hoặc của nó, nhưng tôi chỉ dám hy vọng rằng văn phong là thứ duy nhất phân biệt một nhà văn bằng xương thịt với một *robot* viết văn, vì nó không đơn thuần là việc đặt chữ này cạnh chữ kia, dù là đặt một cách tối ưu. Ở kỷ nguyên của trí thông minh nhân tạo sắp đến, những thứ không số hóa, không dữ liệu hóa được, chẳng hạn văn phong, sẽ chỉ đóng vai trò rất phụ. Tôi biết về văn chương đủ để không thần tượng nó. Pushkin cho rằng viết là để cho mình, xuất bản là để kiếm sống. Chúng ta đang bán văn kiếm sống thì tất nhiên phải rao cho thật rền vang, phải làm cho người mua tin rằng món hàng khá rẻ mà mình vừa tậu có những tác dụng siêu khủng. Bỏ ra trên dưới chục bạc cho một tập thơ, một cuốn tiểu thuyết là được giải thoát, được cứu rỗi, được gánh bớt nỗi đau, được thắp sáng và chắp cánh ước mơ, được hướng thiện và nâng đỡ tâm hồn. Tôi đang chờ thêm công bố rằng văn chương chữa lành cả ung thư, Alzheimer, Parkinson, HIV… Nhưng cuối cùng chỉ có các nhà văn là cần văn chương, còn lại người ta hoàn toàn có thể sống một cuộc đời đầy cống hiến và niềm vui mà không bắt buộc phải biết đến văn học. Văn chương không làm bất kỳ ai thông minh, nhân hậu, giàu có hay đẹp đẽ hơn. Đa số các nhà văn là những người hèn nhát, ích kỉ, hiếu thắng, háo danh, vô dụng và ham hố đủ thứ vớ vẩn.

Trần Vũ: Pamuk còn đưa ra một giả thuyết bí mật: "Nhà văn, là kẻ dành nhiều năm dài để thử khám phá con người thứ nhì sinh sống trong mình hắn." Khi rời Viện Sử học, Phạm Thị Hoài bắt đầu đi tìm "con người thứ nhì" này trong cơ thể mình? Đến truyện ngắn *Người Đoán mộng Giỏi nhất Thế gian* thì tìm thấy và khi chuyển sang thể tiểu luận, tìm ra một phụ nữ khác đang ẩn nấp? Phạm Thị Hoài là ai?

Phạm Thị Hoài: Tôi là một phụ nữ cao 152 cm, nặng 47 kg, mặc cỡ S, đi giày số 34, huyết áp 110/70, đeo kính, tóc cắt ngắn, không sơn móng tay, có cấu trúc mạch lạc, làm từ một số vật liệu bền chắc, chịu được nhiều cọ sát và áp lực. Nếu không viết văn, tôi có thể làm rất nhiều nghề, trừ làm người mẫu, ca sĩ, vận động viên, diễn viên và giáo viên. Nhưng tôi đã chọn văn chương làm cách sống, từ năm 11 tuổi. Đơn giản là một trong những lựa chọn có thể. Không có gì huyền bí cả. Không có thiên chức, sứ mệnh gì. Tôi vẫn đang hài lòng với lựa chọn đó. Ngay cả khi không viết gì hết, văn chương với tôi vẫn là cách sống quy định mọi mặt khác của cuộc đời.

Trần Vũ: Vẫn Orhan Pamuk, đã kể một kinh nghiệm cá nhân: Sinh ra ở Istanbul nằm vắt lên hai miền Âu-Á, Pamuk bị dằn xé giữa Đông và Tây, giữa truyền thống và hiện đại, giữa bảo thủ và cấp tiến, giữa thế tục và phạm thánh. Trong mình Pamuk thường xuyên phát vang những đồng cảm với dân tộc bị thất lạc phải quay về cội nguồn tìm cứu rỗi, cùng lúc là những trỗi dậy của lý trí giận dữ tệ u mê sùng bái. Xâu xé tinh thần của Pamuk dữ dội, vì càng đến gần các giá trị nhân bản bác ái của Tây phương, Pamuk càng đến gần Thiên Chúa giáo, trong lúc bản thân là một tín đồ Hồi giáo. Tuy nhiên, Pamuk đã tranh đấu duy trì một nhà nước thế tục và là nhà văn chống tử lệnh Fatwa của Ayatollah Khomeini xử tử khiếm diện Salman Rushdie. Pamuk còn công nhận thảm sát dân Kurdes dưới đế chế Ottoman, khiến bị kết án "sỉ nhục căn cước Thổ", phải lưu vong sang Hoa Kỳ. Pamuk, cũng là nhà văn thú nhận: "Những quyển sách của tôi là những ý tưởng ăn cắp không xấu hổ từ thử nghiệm tiểu thuyết của Tây phương, rồi pha với cổ tích và truyền thống Hồi giáo. Sự trộn lẫn nguy hiểm của hai khuynh hướng tương khắc, làm nên ánh lửa mạnh mẽ." Còn Phạm Thị Hoài? Sống lâu ở Đức, nhà văn có bị "hội chứng Pamuk"? Những khi nhìn đồng hương bị lôi ra tòa Bá Linh vì phạm pháp, làm thông ngôn, Phạm Thị Hoài có trắc ẩn?

Phạm Thị Hoài: Giữa Việt Nam và Đức không chỉ là một khoảng cách về không gian mà trước hết về thời gian. Đa số người Đức đang sống ở thế kỷ 21, trong khi đa số người Việt còn ở thế kỷ 20, thậm chí thế kỷ 19, riêng Bộ Chính trị là đã vọt lên trước, ở thế kỷ 29, là thời đại thiên đường cộng sản. Hai xã hội đó vận hành khác nhau căn bản. Ở Việt Nam, đó là một đám đông vừa tán loạn vừa dính chặt vào nhau, vừa bịt mồm nhau vừa chửi nhau, vừa mất tiền vừa làm tiền nhau, vừa giành nhau từng centimet vừa nhích từng centimet về phía trước, trên những phương tiện lạc hậu nguy hiểm và bóp còi inh ỏi. Ở Đức, đó là một tập hợp lỏng lẻo của những cá nhân tự do nhưng có hình khối kết nối rõ ràng, rất kềnh càng tốn chỗ, nhưng trật tự di chuyển trên những phương tiện hiện đại an toàn và khá yên tĩnh. Tôi thấy mình rất may mắn được quan sát cùng một lúc cả hai thế giới đó, cộng đồng Việt ở Đông Berlin là một xã hội Việt Nam thu nhỏ. Nhưng người Việt phạm pháp ở Đức không thấm vào đâu so với ở chính trong nước. Tôi không hiểu vì sao người ta thấy nhục cho quốc thể khi đồng bào mình lừa đảo, ăn cắp hay buôn lậu ở nước ngoài bị phát hiện. Việt Nam đang là đất nước của lừa đảo, ăn cắp và buôn lậu. Nếu người Việt ra nước ngoài cũng lừa đảo, ăn cắp và buôn lậu thì đó chỉ là thể hiện đúng diện mạo dân tộc, không hơn không kém, họ chỉ trung thành với bản sắc và căn cước Việt Nam hiện tại.

Trần Vũ: Tiểu thuyết *Marie Sến* đã bị khá đông "đồng môn cũ" của Hội Nhà văn khiển trách là đã viết bằng đôi mắt của Việt kiều thiếu thông cảm. Khám xét và kiểm tục, tuy tác giả biết rõ các đồng nghiệp phải sống sót bằng cách "tuân thủ quy trình". Phạm Thị Hoài trả lời những tấn công này, thế nào?

Phạm Thị Hoài: Tôi đã rất thích thú chép và ghép nguyên si ý kiến của một số nhà phê bình và đồng nghiệp thành một "Chân dung Phạm Thị Hoài". Mời bạn thưởng thức một đoạn:
"Qua mỗi trang viết của những tác phẩm sau này như *Man Nương*, *Marie Sến*, gần đây nhất là *Ám Thị*, Phạm Thị Hoài càng đưa người đọc đến sự chán ghét văn chương hiện đại, xô người đọc vào vũng lầy bế tắc của xã hội bằng một thứ ngôn ngữ kinh tởm khó chịu, khiến người đọc thấy mình thấp kém y như những nhân vật trong truyện, vì thế quá oan ức cho văn chương và quá tội cho độc giả. Vì sao họ lại phải đọc những tác phẩm sa đọa, thô lỗ, sống sượng như vậy? Con người dưới mắt Phạm Thị Hoài là một loài vật vô ý thức, thô tục, bẩn thỉu và man rợ. Sở trường của Phạm Thị Hoài là dựng nên một thế giới bỉ ổi, lưu manh, dâm đãng, đểu cáng và hèn hạ, nhằm khinh rẻ, tởm lợm con người, sỉ nhục và thô bỉ hoá giấc mơ của con người. Ả hoàn toàn đánh mất khả năng khám phá ra cái tốt đẹp của thế giới, nghĩa là đánh mất thuộc tính quan trọng nhất của văn học, vậy mà ả còn cả gan bày tỏ thái độ bỡn cợt, khinh thị, nhạo báng nền văn học của chúng ta, và công khai biến trang văn thành câu lạc bộ

bệnh hoạn của chứng động kinh phi nhân tính, khinh rẻ và căm ghét con người, tìm mọi cách thối rữa hoá linh hồn và thể xác đồng loại trong cái nhìn bệnh hoạn nhẫn tâm. Bị ám ảnh bởi văn hoá giường chiếu, hành hạ bởi những ẩn ức tình dục của cuộc sống ăn chơi trụy lạc trước đây và phận làm dâu văn hoá đầy mặc cảm dồn nén sau này, lại chịu ảnh hưởng không tiêu hoá kỹ của phương Tây như phân tâm học, và bắt chước một số nhà văn Nhật Bản (Phạm Thị Hoài từng lợi dụng danh tiếng để dịch cuốn tiểu thuyết Nhật cực kỳ vô luân và thối nát nhan đề *Chiếc Chìa Khoá*, khiến nhà xuất bản phải khốn đốn, cũng như ả từng gây tai hoạ cho nhà xuất bản đã quá cả tin mà cho ra mắt cuốn *Man Nương*, khiến giám đốc nhà xuất bản đó phải từ chức), ả không có cách nào khác là thực hành một lối văn khiêu dâm nhớp nhúa, lập hội quán libido, núp dưới tên tuổi của Sartre và Camus, Kafka và García Márquez, Proust và Joyce để triết lý ba lăng nhăng dung tục nhằm câu khách rẻ tiền, đua đòi bắt chước những phương pháp sáng tác chợ chiều như Chủ nghĩa Phi lý, Tiểu thuyết Mới và Dã thú Mạt kỳ, tiếp tục thói làm dáng trí thức bằng khả năng nổi loạn dung tục."
Tôi thật sự không thể viết hay hơn.

***

"Ông là đại diện cuối cùng của một thế hệ mà chúng ta chỉ còn gặp lại trên những trang hồi kí, Thế hệ Vàng của cuộc Cách mạng Giải phóng Dân tộc, trong sáng, lãng mạn, tràn đầy lý tưởng. Qua mỗi thế hệ đến sau, vàng dần biến thành đồng thau và thế hệ hiện đang lãnh đạo đất nước này trông không khác gì đất sét. Người ta thương tiếc ông như rỏ nước mắt cho những phẩm chất đẹp đẽ cũng theo ông về bên kia, để lại bên này một thế giới chân không về giá trị." [Phạm Thị Hoài]

Trần Vũ: Cùng thế hệ và ngang ngang tuổi, tuy Hoài sinh ở Thanh Hóa – quê hương của Chúa Trịnh – còn tôi trong Nam. Điểm chung là Hoài tốt nghiệp khoa Sử và tôi say mê Lịch sử. Còn lại là khác biệt giữa chiến xa và tiềm thủy đĩnh. Nhưng vì sao cư ngụ Bá Linh, kho sách chiến tranh và nơi thống chế Gerhard von Scharnhorstxây cất Học viện Quân sự lừng danh với chính Clausewitz giảng dạy tại số 74 Unter den Linden mà Hoài thờ ơ với chiến tranh? Đúng hơn, là thờ ơ với các học thuyết chiến tranh và những trận chiến.
Hoài không duy nhất, tôi kiểm nghiệm hầu hết các nhà văn Việt không quan tâm đến chiến tranh. Nhưng *vì sao Hoài đã không dịch Clausewitz mà mất công sức tái lập bản dịch trọn vẹn của Thomas A. Bass về Phạm Xuân Ẩn? Một bản dịch chính xác với bản gốc của Clausewitz sẽ giúp ích cho dân tộc nhiều hơn là cuộc đời của một "điệp viên hoàn hảo", ngay cả khi mục đích nhằm phơi bày cắt cúp và biên tập của chính sách kiểm duyệt.*
Nhưng Hoài say mê góc độ chính trị của chiến tranh, như hầu hết… Đọc Mâm xôi cúng cụ, *Tên "Bác" trên môi*, *Văn minh Sicagô*, *Hồ Chí Minh: Tôi hạ lệnh cho nhân dân* và nhiều tiểu luận khác, tôi nhận ra tác giả của *Thiên Sứ* theo dõi sát sao hành trình, sự nghiệp và từng chữ viết của "Chủ tịch". Ngay cả khi trưng bày khía cạnh négatif, vẫn gần như là một mê mẩn. Có thật vậy?

Phạm Thị Hoài: Trừ cuốn *Lò Mổ Số 5* của Kurt Vonnegut, tôi hầu như không đọc văn học chiến tranh, vì loại ngợi ca một cuộc chiến hào hùng thì không đáng đọc, còn loại phản chiến thì rất dễ rơi vào cái bẫy đau đớn, cảm thán, rồi lại còn kêu gọi, dạy dỗ, lên án, cảnh tỉnh, toàn những chất diệt trắng nghệ thuật. Tất cả những đoạn chiến trận trong *Chiến Tranh và Hòa Bình* tôi đều phòng xa mà bỏ qua hết, để giữ nguyên lòng yêu mến với Tolstoi. Còn các học thuyết quân sự ư? Bây giờ chiến tranh vẫn còn là con người bấm nút, song sắp tới những người máy sẽ bấm nút, thuật toán hoàn toàn thay thế thuật dùng binh. Nhưng tôi biết một số doanh nhân và chuyên gia dạy bí quyết thành đạt ở Việt Nam rất thích trích dẫn binh pháp Tôn Tử, với tinh thần chiến trường thời nay là thương trường. Có lẽ Tôn Tử chịu trách nhiệm không nhỏ cho tình trạng phát triển của Việt Nam. Hồ Chủ tịch lại là một câu chuyện khác. Đó là người đã kéo được lịch sử đi theo ý mình trong một thời gian dài, đã mê hoặc được cả một

dân tộc từ giới tinh hoa đến dân mạt hạng, đã đặt được cả một quốc gia vào một số phận trở thành định mệnh, đã đóng dấu ấn toàn diện lên bản sắc của cả một xã hội. Chỉ chừng ấy đã đủ để ám ảnh tôi rồi, huống hồ đó lại là một nhân vật như thể được hiện thực hư cấu, với một tiểu sử đầy những lỗ hổng được trét bằng huyền thoại, lồng giữa một bối cảnh khốc liệt của chiến tranh, hận thù, chia ly, phản trắc, bạo lực. Không tiểu thuyết gia nào có thể dựng nên được một nhân vật như vậy. Tôi đang đọc và so sánh hàng loạt bài diễn thuyết của ông Hồ ở nhiều thời kỳ khác nhau trước nhiều tầng lớp dân chúng khác nhau. Kết luận sơ bộ của tôi là: Hồ Chí Minh là chủ biên của chế độ, trái với niềm tin của những người tiếp tục tiếc nuối rằng nếu chế độ này thực sự làm đúng những điều "Bác Hồ" mong muốn thì nó đã ít nhiều nhân bản hơn, ít nhiều dân chủ hơn. Còn "nếu" gì ở đây? Ông ấy thậm chí là người đã tôi luyện cái ngôn ngữ tuyên huấn khủng khiếp chúng ta vẫn đang nghe hôm nay.

***

“Sau mười ba năm đầu viết văn, 1988-2001, tôi đã ngừng hẳn sáng tác văn chương để chuyển sang báo chí. Bây giờ, sau mười ba năm tiếp theo, 2001-2014, giai đoạn làm báo của tôi với *talawas* và *pro&contra* cũng khép lại. Nó để lại trong cuộc đời tôi dấu ấn quá sâu đậm, khiến một lời kết như thế nào cũng thành bất lực.” [Phạm Thị Hoài]

Trần Vũ: Không duy nhất là một nhà văn, Phạm Thị Hoài còn là người sáng lập và điều hành trang web nổi tiếng *Talawas* rồi *Pro&Contra*. Tuy đình bản đã lâu nhưng đến này vẫn còn nhiều người băn khoăn về ý nghĩa của hai "thương hiệu" đó. Tôi trong số đám đông này và từng tự diễn dịch: "Ta" là chúng ta, "La" là la mắng và "Was" là phân thì quá khứ của động từ to Be. Có nghĩa "Ta mắng quá khứ", tức chối từ quá khứ thụ động, phân rẽ và hiềm khích của dân tộc, hoặc "Ta là quá khứ", vì tri thức thụt lùi so với thời đại. Với tôi, *Talawas* mang nghĩa này. Còn *Pro&Contra*, "Pro" là Professionnalisme tức chuyên nghiệp và "Contra" là chữ tắt của Contraste (tương khắc), tức "Khác biệt một cách chuyên nghiệp". Đa phần là tôi hiểu sai?

Phạm Thị Hoài: Trong tất cả các khía cạnh thực tế của một công việc, phương châm của tôi là đơn giản tới mức tối đa và tránh mọi phiền toái không cần thiết. Sẽ rất phiền, nếu tờ báo của bạn mang tên là *Khai Trí* hay *Khai Sáng* hay *Tiến Bộ* hay *Nhân Văn* hay *Hành Tinh Lang Thang* chẳng hạn. Hàm lượng của nhân dân trong tờ *Nhân Dân* và sự thật trong tờ *Pravda* cho thấy là *understatement*, tiết chế, tốt hơn là ra sức bày tỏ. *Apple* không bán táo mà bán iPhone. *Google* thì hoàn toàn vô nghĩa, do một lỗi đánh máy. Tuyệt đại đa số người dùng *Uber* không cần biết nó có nghĩa gì. *Talawas* là gì, điều đó không quan trọng. Trong các trường phái nghệ thuật, chỉ có *Dada*và *Punk* là đem lại cho tôi cảm hứng lâu dài. Tôi tin rằng những người đồng sáng lập *Talawas* sẽ không phản đối nếu tôi đặt nó vào luồng cảm hứng đó. *Pro&Contra* thì không thể đơn giản hơn, dịch nôm na là *Bênh&Chống*.
Trần Vũ: *Talawas* thành công rực rỡ, từng là diễn đàn của trí thức và các nhà văn trong-ngoài nước. Tuy nhiên cũng chính trong thời gian này không ít học giả đã xem *Talawas* là một chợ trời xào xáo. Khi chuyển sang *Talawas blog*, hiện tượng "phản hồi du đãng" thêm gia tăng. Trước đây Mai Thảo, Võ Phiến, Nguyễn Mộng Giác không cho phép thị phi trên các diễn đàn của họ. Chính Phạm Thị Hoài là người đưa tiếng nói của bạn đọc lên sân khấu. Một cách công bằng, đã có những ý kiến xác đáng nhưng bên cạnh, khá nhiều sàm báng. Trên các trang *Magazine Littéraire, Lire* hay *Granta The Magazine of New Writing*, không có hiện tượng ấy. Các tạp chí quân sử *Guerres & Histoire* hay *Ligne de Front*, *Les Grandes Batailles* tuy có thư bạn đọc nhưng không cho phép nặc danh, họ đặt dấu nhấn lên authentification: Anh là ai, căn cước, nghề nghiệp, địa chỉ phải chứng minh xác thực trước khi có quyền phản biện. Tây phương không chấp nhận nặc danh nhưng trên *Talawas* tràn ngập. Có phải đây là dark side của Internet tiếng Việt mà chính Phạm Thị Hoài cũng nhận ra đang tạo môi trường cho "tiêu cực" phát triển, nên đã hủy phần phản hồi perverse này khi làm *Pro&Contra*?

Phạm Thị Hoài: Đó thực ra là câu chuyện của nền dân chủ và những xã hội mở. Dân chủ là thể chế duy nhất có thể tự kết liễu hợp pháp bằng những phương tiện của chính nó. Chưa có nhà độc tài nào hạ lệnh đánh rụp là từ mai ta sẽ chuyển sang dân chủ, ai không theo sẽ bị cắt cổ. Nhưng đã có một số nền dân chủ tự nguyện bỏ phiếu cho một kẻ độc tài. Những nhân vật sáng láng như Alexis de Tocqueville, Winston Churchill, Albert Einstein đều đau dạ dày vì những nguy cơ đến từ đám đông, từ đa số, nhưng họ vẫn suốt đời cổ vũ và cống hiến cho dân chủ. *Talawas* đã thực hành dân chủ bằng một diễn đàn mở. Tôi chưa bao giờ thấy cần phải xét lại quyết định đó. Vấn đề của chúng tôi là đã không đủ phương tiện về thời gian, về nhân lực, về kỹ thuật, về tài chính để lập và duy trì những thiết chế yểm trợ cho diễn đàn mở đó. Dân chủ rất tốn kém và đòi hỏi rất nhiều kỹ năng. *Pro&Contra* chỉ là một blog cá nhân, ở đó tôi càng không có phương tiện gì, dù chỉ để bảo vệ nó về mặt an ninh. Nhưng nó được kết nối với Facebook, ở đó ai cũng có thể tham gia phản biện, vì vậy chức năng nhận phản hồi trên blog không cần thiết nữa.
Trước đây tôi tưởng rằng cư dân mạng ở các nước văn minh phương Tây cũng văn minh hơn, và những hiện tượng kinh hoàng như *Quan Làm Báo* hay *Chân Dung Quyền Lực* chỉ là đặc sản của người Việt. Nhưng tôi nhầm. *Fake news* và *hate speech* là của chung nhân loại. Tôi tin rằng chỉ trong vòng 20 năm tới chúng ta sẽ chứng kiến những khả năng và chiều kích của truyền thông và mạng xã hội mà so với chúng thì một website hoạt động như *Talawas* giống như thẻ trúc khắc chữ trước khi công nghệ in trên giấy ra đời. Khi ấy, có lẽ nặc danh không còn là tiêu cực, mà là một quyền thiêng liêng phải bảo vệ và sẽ được tính vào hàng nhân quyền.

***

“Nếu có thể đơn giản chia các nhà văn thành hai trường phái, một bên dùng ngôn ngữ để miêu tả thế giới, một bên dùng ngôn ngữ để dựng nên thế giới, thì Alice Munro, chủ nhân giải Nobel năm nay, thuộc trường phái thứ nhất. Tôi nghiêng về trường phái thứ hai. Bà không biết phải làm gì với William Faulkner, một trong những tác giả tôi ngưỡng mộ. Tôi không biết phải làm gì với Carson McCullers, một trong những tác giả bà cảm phục. Tôi sẽ không chọn Alice Munro nếu bị lưu đày ra một hòn đảo vắng mà chỉ được đem theo một cuốn sách. Nhưng tôi mừng và biết ơn là đã đọc bà. […]
Văn chương, theo Paul Valéry, là nghệ thuật đùa với tâm hồn người khác. Có người đùa bằng sức mạnh của ngôn ngữ. Có người đùa bằng trí tuệ siêu phàm. Bằng kiến văn bao la. Bằng trí tưởng tượng rực rỡ. Bằng năng lực đi trước hoặc năng khiếu đi cùng thời đại. Bằng cảm xúc và cảm hứng. Bằng thủ pháp hay thủ đoạn. Bằng thử nghiệm hay những mớ thần kinh cách điệu… Tất cả những thứ ấy không có chỗ trên những trang viết nhỏ của Alice Munro.” [Phạm Thị Hoài]

Trần Vũ: Trước đây khi viết về Nguyễn Tuân, Hoài từng mô tả: "Ông là ngọn đồi thấp trên địa hình bằng phẳng của văn học." Về tổng bí thư Đỗ Mười: "Lời lẽ thô sơ hơn cả mặt mũi." Còn Alice Munro: "Bà viết nhỏ", tức không có tác phẩm lớn. Và Hoài "sẽ không chọn Alice Munro nếu bị lưu đày ra một hòn đảo vắng mà chỉ được đem theo một cuốn sách." Vô cùng mềm mại nhưng vẫn là một phi tiêu với một nhát chùy trong một chiêu pháp tuyệt mỹ. Nhưng điều tôi muốn biết: Nếu phải ra hoang đảo ngay bây giờ, và chỉ được đem theo một quyển sách, thì Phạm Thị Hoài đem gì?

Phạm Thị Hoài: Hoang đảo thực ra không phải là môi trường lý tưởng để đọc sách. Đọc ngược hẳn với tập yoga. Một đằng là rút ra, một đằng là cho vào. Ra đảo, chỉ tập yoga là hợp lý. Nhưng đọc khá gần với yêu. Có những cuốn sách bao nhiêu người thèm muốn và ta cũng khao khát, tay chỉ rờ vào gáy nó, mũi chỉ chạm nhẹ hít hà mùi giấy mực là ngực đã đánh trống, nhưng càng đọc lòng càng nguội lạnh, càng đọc càng thấy nó với mình chẳng liên quan gì, cố ép chẳng qua là tự lừa dối. Có những cuốn khiến ta bối rối, chẳng biết thế là yêu hay là không

yêu. Có những cuốn ta phải lòng ngay từ dấu phẩy đầu tiên, vừa đọc vừa cầu xin nó đừng kết thúc. Có những cuốn ta từng gắn bó tha thiết, tưởng số phận là đây, định mệnh là đây, một thời gian sau gặp lại chỉ thấy nhạt phèo, thậm chí muốn độn thổ vì tự ngượng với mình. Có những khi ta lên cơn thèm, sách nào cũng được, cốt là thỏa ham muốn. Có những khi trái tim ta đóng cứng, tưởng chẳng còn rung động nổi trước trang sách nào. Cũng như những cuộc tình phần lớn là dang dở, đa số các cuộc đọc trong đời ta là dở dang. Cũng như không một mối tình duy nhất nào đi suốt được một đời người, không một cuốn sách hay bộ sách duy nhất nào có thể theo trọn một đời đọc. Tôi dự định trước khi chết sẽ đọc hết *Ulysses* mà tôi bỏ dở đều đặn, bắt đầu từ đúng 40 năm trước, rồi 30 năm, 20 năm, 10 năm trước, năm nay cũng thế, như một nghi lễ lẩn thẩn. Nhưng không có gì đảm bảo dự định đó sẽ thành công và nếu thành thì tôi có hạnh phúc không. Cũng như trong tình yêu, hạnh phúc trong đọc sách chỉ là một lời hứa.

Trần Vũ: Trong Lời Tạm biệt bạn đọc Pro&Contra, Hoài viết: "Nếu được lùi trở lại, tôi không do dự chọn mười ba năm vừa rồi để làm đúng những việc đã làm. Song từ ngày mai, mở đầu một năm mới, tôi đã bồn chồn cho một giai đoạn mới." Trước khi chấm dứt, Phạm Thị Hoài cho biết giai đoạn hậu Pro&Contra trong đời sống của mình.

Phạm Thị Hoài: Tôi đang chuẩn bị một bộ sách. Khi nào xuất bản, tôi sẽ quảng cáo rằng bạn hãy quên nhân sâm, mắm nhum, mật gấu, sừng tê giác, vi cá mập đi nhé. Sách của tôi ngâm với rượu quốc lủi chữa bách bệnh. Đó mới là văn học vị nhân sinh đích thực. Người Việt rất mê thần dược. Chỉ cần một phần trăm người Việt toàn thế giới chịu mua là tôi thành triệu phú. Tôi sẽ dùng số tiền đó để ủng hộ những trang mạng độc lập như *Luật Khoa* của các nhà báo và trí thức trẻ với hai đại diện xuất sắc là Phạm Đoan Trang và Trịnh Hữu Long. Không có thực lực tài chính, báo chí và truyền thông độc lập của chúng ta rất sớm đi hết giới hạn của nó, trong khi chủ nghĩa toàn trị và chủ nghĩa xã hội giáo điều đang trở lại, mạnh hơn bao giờ hết với một Trung Hoa đang chuẩn bị thay chân Mỹ đứng đầu thế giới. Cơ may để Việt Nam thoát khỏi quỹ đạo Đại Hán là một phần nghìn. Trong thập niên tới, những người đang tranh đấu cho một nước Việt Nam dân chủ sẽ gặp khó khăn gấp bội.

Trần Vũ thực hiện qua điện thư